Ký bởi: Sở Y tế
Email: vanthu_soyt@hanoi.gov.vn
Ngày ký: 2020-03-10 17:44:35 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 271/QĐ-SYT

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Điều chỉnh lại danh sách thí sinh đủ điều kiện và không đủ điều kiện tham dự kỳ thi tuyển viên chức y tế năm 2019

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2017 của UBND Thành phố ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức tổ máy, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch Thi tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế năm 2019 và Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch Xét tuyển viên chức làm việc tại các Trạm y tế xã, phường, thị trấn thuộc các Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã và Bác sỹ nội trú Bệnh viện, Thủ khoa xuất sắc làm việc tại các Bệnh viện tuyến Thành phố trực thuộc Sở Y tế Hà Nội năm 2019;

Căn cứ Kế hoạch số 4595/KH-SYT ngày 18/10/2019 của Sở Y tế về việc Tổ chức triển khai Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch Thi tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế năm 2019 và Kế hoạch số 4594/KH-SYT ngày 18/10/2019 của Sở Y tế về việc Tổ chức triển khai Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch Xét tuyển viên chức làm việc tại các Trạm y tế xã, phường, thị trấn thuộc các Trung tâm y

tế quận, huyện, thị xã và Bác sỹ nội trú Bệnh viện, Thủ khoa xuất sắc làm việc tại các Bệnh viện tuyến Thành phố trực thuộc Sở Y tế Hà Nội năm 2019;

Căn cứ Công văn số 492/SNV-CCVC ngày 03/03/2020 của Sở Nội vụ Hà Nội về việc phúc đáp Công văn số 905/SYT-TCCB ngày 03/03/2020 của Sở Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh lại danh sách thí sinh đủ điều kiện và không đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế năm 2019 tại Quyết định số 205/QĐ-TCCB ngày 24/02/2020 của Sở Y tế Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Về xét tuyển:

- Số thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển là 424 thí sinh.
- Số thí sinh không đủ điều kiện dự xét tuyển là 02 thí sinh.

(Có danh sách kèm theo).

2. Về thi tuyển:

- Số thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển là 5.638 thí sinh
- Số thí sinh không đủ điều kiện dự thi tuyển là 97 thí sinh

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2019 và Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2019 của Sở Y tế triển khai tổ chức kỳ thi tuyển và xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế năm 2019 theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 205/QĐ-TCCB ngày 24/02/2020 của Sở Y tế Hà Nội.

Các ông (bà): Chánh văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng các phòng ban thuộc Sở Y tế, Giám đốc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế và các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Ban giám đốc Sở (để chỉ đạo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- TT Kiểm soát bệnh tật TP Hà Nội (để đăng tải trên Website của Sở Y tế);
- Lưu VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hiền

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 241 QĐ-SYT ngày 09 / 05/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
										Tên CDNN	Mã số				
1	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA THÍ SINH TRONG PHIẾU DỰ TUYỂN KHÔNG PHÙ HỢP VỚI CHUYÊN NGÀNH CẦN TUYỂN THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM														
1	Vũ Thị Hoàng	Lan	17/10/1971	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	ĐH	TC	Bác sỹ tuyến cơ sở (CKI Bác sỹ gia đình)	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Gia Lâm	TYT Cổ Bi, TTYT Gia Lâm		
2	Nguyễn Thị	Hà	25/09/1973	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ sản nhi	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Liệp Tuyết, TTYT Quốc Oai		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*
	I	**THÍ SINH KHÔNG KHAI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TRONG PHIẾU DỰ TUYỂN:**														
1	1	Nguyễn Thu	Hà	13/10/1995	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoàng Mai	Anh		
2	2	Phạm Thị Vinh	Hằng	27/02/1996	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	LTV LVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh		
	II	**THÍ SINH KHÔNG KHAI CHỨNG CHỈ TIN HỌC TRONG PHIẾU DỰ TUYỂN:**														
3	1	Hoàng Thị	Hòa	23/06/1994	Nữ	Thượng Bằng La, Văn Chấn, Yên Bái	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
4	2	Lê Thị Thùy	Dương	20/10/1996	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh		
	III	**THÍ SINH KHÔNG KHAI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC TRONG PHIẾU DỰ TUYỂN:**														
5	1	Phùng Thị Anh	Thư	21/08/1997	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh		
6	2	Nguyễn Thị Thùy	Trang	12/11/1991	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thường Tín	Anh		
	IV	**KHÔNG KHAI TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TRONG PHIẾU DỰ TUYỂN**														
7	1	Nguyễn Thị	Hiền	27/05/1988	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đan Phượng	Anh		
8	2	Nguyễn Thanh	Uyên	18/07/1992	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Phú Xuyên	Anh		

TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
9	3	Nguyễn Thị My	My	06/11/1991	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Quốc Oai	Anh		
10	4	Mai Thị	Hằng	18/06/1985	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Hoàng Mai	Anh		
11	5	Trần Thanh	Thúy	29/07/1995	Nữ	Hà Thạch, Phú Thọ, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Sóc Sơn	Anh		
	V	**CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA THÍ SINH TRONG PHIẾU DỰ TUYỂN KHÔNG PHÙ HỢP VỚI CHUYÊN NGÀNH CẦN TUYỂN THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM**														
		Chức danh Bác sĩ (hạng III)														
12	1	Trần Đăng	Quang	30/07/1986	Nam	Trường Thi, Nam Định, Nam Định	ĐH	LT	Bác sỹ đa khoa (chứng chỉ định hướng chuyên khoa Vi sinh vật)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Da liễu Hà Nội	Anh		
13	2	Nguyễn Kỳ	Anh	11/01/1988	Nam	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ răng hàm mặt (Chứng chỉ định hướng chuyên khoa Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh		
14	3	Phan Thị Thu	Hiền	12/04/1991	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học cổ truyền (chứng chỉ định hướng chuyên khoa tâm thần)	**Bác sỹ tâm thần**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh		
15	4	Nguyễn Hồng	Phong	07/01/1984	Nam	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học cổ truyền (chứng chỉ định hướng chuyên khoa tâm thần)	**Bác sỹ tâm thần**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh		
16	5	Đồng Thanh	Thiện	26/09/1987	Nam	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ răng hàm mặt (chứng chỉ định hướng Phẫu thuật tạo hình)	**Bác sỹ phẫu thuật tạo hình**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Pháp		

TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
17	6	Phí Mai	Hồng	28/11/1994	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ sản**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh		
18	7	Trần Thị Hồng	Ngọc	19/07/1993	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (chứng chỉ định hướng kỹ thuật y học chuyên ngành xét nghiệm)	**Bác sỹ sinh hóa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn			**MNN**
19	8	Nguyễn Đăng	Bằng	21/12/1994	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (chứng chỉ chấn thương chỉnh hình)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
20	9	Phan Trọng	Hoàng	23/05/1994	Nam	Hưng Bình, Vinh, Nghệ Anh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (chứng chỉ cấp cứu chấn thương chỉnh hình)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
21	10	Lê Thùy	Linh	11/11/1991	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học cổ truyền (chứng chỉ định hướng phục hồi chức năng)	**Bác sỹ phục hồi chức năng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
22	11	Nguyễn Thị	Ngọc	24/01/1993	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (chứng chỉ định hướng chuyên khoa huyết học truyền máu)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK H Quốc Oai	Anh		
		Chức danh Công tác xã hội viên (hạng III)														
23	1	Nguyễn Thị	Hiền	10/07/1987	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	VLVH	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Thanh Oai	Anh		Thí sinh không có chứng chỉ công tác xã hội viên
		Chức danh Điều dưỡng hạng III														
24	1	Nguyễn Thị Mai	Hương	20/10/1981	Nữ	TT Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
		Chức danh Điều dưỡng hạng IV														

TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
25	1	Đào Thị Kim	Anh	20/04/1991	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ chuyển đổi Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Trì	Anh		
26	2	Phùng Thị	Hồng	07/05/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền chuyển đổi điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh		
27	3	Nguyễn Tùng	Lâm	30/06/1996	Nam	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sĩ đa khoa chuyển đổi điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh		
28	4	Ngô Thị	Lợi	16/08/1983	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng Nha khoa	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh		
29	5	Nguyễn Thị Thu	Hương	16/09/1990	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng Nha	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh		
		Chức danh Hộ sinh hạng IV														
30	1	Trịnh Thị	Tuyến	16/11/1990	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng Sản phụ khoa	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh		
		Chức danh Kỹ thuật y hạng III														
31	1	Lục Đức	Khương	04/07/1979	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	VHVL	Sinh học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Tâm thần HN	Anh	DTTS	
32	2	Đàm Huy	Hoàng	18/03/1996	Nam	Xuân Quan, Văn Giang, Hưng Yên	ĐH	CQ	Công nghệ sinh học (Chứng chỉ Kỹ thuật xét nghiệm)	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh		
33	3	Đặng Thị	Nhâm	08/02/1985	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	Ths		Sư phạm Sinh học (thạc sỹ sinh học thực nghiệm- Chứng chỉ Kỹ thuật viên xét nghiệm)	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh		
34	4	Hoàng	Anh	20/8/1986	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	VHVL	Sinh học (chứng chỉ xét nghiệm)	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	TTYT Thanh Trì	Anh		

TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
		Chức danh Kỹ thuật y hạng IV														
35	1	Nguyễn Thị Thu	Hà	16/06/1991	Nữ	Yên Phụ, Yên Phong, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học dự phòng (chứng chỉ xét nghiệm đa khoa)	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Bắc Thăng Long	Anh		
36	2	Lê Thị Minh	Tâm	13/01/1993	Nữ	Nghi Phú, Thành phố Vinh, Nghệ An	ĐH	VHVL	Điều dưỡng (Chứng chỉ kỹ thuật viên Huyết học-Truyền máu)	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thận HN	Anh		
37	3	Đặng Phạm Kim	Chung	22/06/1992	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm (chứng chỉ kỹ thuật viên Giải phẫu bệnh)	**Giải phẫu bệnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh		
38	4	Đỗ Hải	Tùng	13/07/1995	Nam	Hưng Nhân, Hưng Hà, Thái Bình	CĐ	CQ	Xét nghiệm (chứng chỉ kỹ thuật viên Giải phẫu bệnh)	**Giải phẫu bệnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh		
39	5	Nguyễn Ban	Mai	30/06/1988	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng đa khoa (giấy chứng nhận xét nghiệm)	**Kỹ thuật xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đống Đa	Anh		
		Chức danh Dân số viên hạng III														
40	1	Đặng Thị Thu	Trang	14/05/1983	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật thực phẩm (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Công nghệ sinh học và thực phẩm (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Hai Bà Trưng	Anh		

TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
		Chức danh Dân số viên hạng IV														
41	1	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	28/05/1977	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Hạch toán kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hoàn Kiếm	Anh	**CBB**	
42	2	Trần Thị Hải	Yến	07/09/1990	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Việt Nam học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Nghệ thuật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hoàng Mai	Anh	**CTB**	
43	3	Nguyễn Lê	Minh	30/12/1995	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân Hà Nội	ĐH	CQ	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Tin học văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Đông Anh	Anh		
44	4	Sái Thị	Thúy	14/10/1983	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	TX	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Mê Linh	Anh		
45	5	Trịnh Thị	Phương	19/02/1970	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	TX	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hoàng Mai	Anh		

TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
		Chức danh Kỹ sư (hạng III)														
46	1	Nguyễn Thị Phương	Trinh	05/09/1996	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật điện, điện tử	**Kỹ thuật y sinh**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
47	2	Trần Thị Hồng	Hiệp	09/01/1997	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	**Kỹ thuật điện**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
		Chức danh Kỹ thuật viên (hạng IV)														
48	1	Nguyễn Đức	Tú	13/02/1996	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế	**Thiết bị y tế**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Đan Phượng	Anh		
49	2	Nguyễn Tuấn	Anh	19/05/1993	Nam	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật thiết bị điện tử Y tế	**Trang thiết bị Y tế**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Hoài Đức	Anh		
50	3	Đàm Bá	Sang	10/03/1995	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật thiết bị hình ảnh Y tế	**Trang thiết bị Y tế**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Hoài Đức	Anh		
51	4	Trần Đức	Thắng	22/06/1997	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế	**Trang thiết bị y tế**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Thường Tín	Anh		
		Chức danh Lưu trữ viên (hạng III)														
52	1	Khúc Thùy	Dương	03/06/1993	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị văn phòng	**Lưu trữ học và Quản trị văn phòng**	Lưu trữ viên (hạng III)	V.01.02.02	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
53	2	Trần Thị	Ngọc	18/11/1996	Nữ	Hương Gián, Yên Dũng, Bắc Giang	ĐH	CQ	Lưu trữ học	**Lưu trữ học và Quản trị văn phòng**	Lưu trữ viên (hạng III)	V.01.02.02	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
54	3	Nguyễn Thị	Tơ	25/09/1992	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQL T	Lưu trữ học	**Lưu trữ học và Quản trị văn phòng**	Lưu trữ viên (hạng III)	V.01.02.02	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
		Chức danh áp dụng ngạch Chuyên viên														
55	1	Vũ Thị Thanh	Huyền	02/08/1981	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**CTB**	

TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
56	2	Phạm Thị Hồng	Lý	18/08/1977	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	TC	Kinh tế	**Quản trị kinh doanh/ quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh		
57	3	Nguyễn Minh	Khoa	29/10/1987	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính doanh nghiệp**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Ba Vì	Anh		
58	4	Tạ Thị Thanh	Xuân	28/10/1987	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán (chuyên ngành quản trị tài chính kế toán)	**Tài chính Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Ba Vì	Anh		
59	5	Đỗ	Tuân	09/07/1986	Nam	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	VHVL	Luật	**Luật kinh tế**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Gia Lâm	Anh		
60	6	Nguyễn Thị Yến	Tuyết	17/07/1990	Nữ	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	Ths	TC	Kinh tế	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Thanh Trì	Anh		
61	7	Nguyễn Hữu	Đạt	24/11/1993	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BVTT Mỹ Đức	Anh		
62	8	Nguyễn Hữu	Chính	25/11/1991	Nam	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	TX	Luật kinh tế	**Luật**	Chuyên viên	01.003	TTYT Cầu Giấy	Anh		
63	9	Nguyễn Thị	Tú	26/03/1989	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật	**Nghiệp vụ tổ chức cán bộ**	Chuyên viên	01.003	TTYT Gia Lâm	Anh		
64	10	Nguyễn Hồng	Quân	22/12/1991	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	TX	Luật Kinh tế	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BV Bắc Thăng Long	Anh		
		Chức danh áp dụng ngạch Văn thư trung cấp														
65	1	Nguyễn Văn	Nam	20/04/1999	Nam	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Văn thư	**Văn thư - Lưu trữ**	Văn thư trung cấp	02.008	BVĐK Đống Đa	Anh		
		Chức danh áp dụng ngạch Kế toán viên														
66	1	Nguyễn Mạnh	Cường	05/10/1989	Nam	Nghĩa Hưng, Lạng Giang, Bắc Giang	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Mắt Hà Đông	Anh		
67	2	Nguyễn Thị	Trang	07/06/1991	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Mắt Hà Đông	Anh		

TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
68	3	Đỗ Thị	An	08/09/1992	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính**	Kế toán viên	06.031	BV Thận HN	Anh		
69	4	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	14/12/1977	Nữ	Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	VH VL	Tài chính	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Trì	Anh		
70	5	Vũ Ngọc	Anh	09/08/1990	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
71	6	Lê Thị Minh	Anh	13/12/1991	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	Ths	CQ	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ tài chính ngân hàng)	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
72	7	Hoàng Mỹ	Linh	01/06/1984	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh		
73	8	Nguyễn Thế	Lực	02/02/1993	Nam	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán)	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Long Biên	Anh		
74	9	Nguyễn Văn	Linh	22/06/1991	Nam	Thị Trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán doanh nghiệp	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Đông Anh	Anh		
75	10	Phạm Sơn	Ngọc	13/12/1988	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Phú Xuyên	Anh		
		Chức danh áp dụng ngạch Kế toán viên cao đẳng														
76	1	Nguyễn Thị	Phượng	02/01/1990	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán doanh nghiệp	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Ba Vì	Anh		
		Chức danh áp dụng ngạch Kế toán viên trung cấp														
77	1	Trương Thị	Nhung	19/12/1992	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Tài chính - Ngân hàng	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Vân Đình	Anh		
78	2	Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/1980	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Hạch toán kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BV Bắc Thăng Long	Anh		

TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
79	3	Nguyễn Thị	Huyền	20/09/1983	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TC	TC	Hạch toán kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh		
80	4	Vũ Thị Kiều	Hương	25/12/1991	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Tài chính ngân hàng	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh		
	VI	**THÍ SINH ĐĂNG KÝ THI TẠI NHIỀU NƠI**														
81	1	Vũ Đức	Minh	26/10/1995	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín	Anh		
82	2	Vũ Đức	Minh	26/10/1995	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh		
83	3	Phí Thị Tuyết	Chinh	01/05/1995	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh		
84	4	Phí Thị Tuyết	Chinh	01/05/1995	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
85	5	Quách Thị Quỳnh	Trang	25/05/1991	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh	**CTB**	
86	6	Quách Thị Quỳnh	Trang	25/05/1991	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đan Phượng	Anh	**CTB**	
87	7	Quách Thị Quỳnh	Trang	25/05/1991	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hoài Đức	Anh	**CTB**	
88	8	Nguyễn Thị Thu	Phương	08/09/1989	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh		
89	9	Nguyễn Thị Thu	Phương	08/09/1989	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
	VII	**THÍ SINH CÓ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO KHÔNG PHÙ HỢP VỚI YÊU CẦU CỦA CDNN CÁN SỰ (MÃ SỐ: 01.004) QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 05/2017/TT-BNV CỦA BỘ NỘI VỤ**														
90	1	Phạm Thị	Ngọc	01/12/1982	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Văn thư lưu trữ	**Văn thư - Lưu trữ**	Cán sự	01.004	Bệnh viện Mắt Hà Nội	Anh		
91	2	Phạm Thị Minh	Châu	17/02/1968	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TC	TC	Văn thư lưu trữ	**Văn thư lưu trữ**	Cán sự	01.004	BV Thanh Nhàn	Anh		

TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
92	3	Vũ Thị	Oanh	27/02/1986	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Cán sự	01.004	BVĐK Vân Đình	Anh		
93	4	Phạm Thị Huyền	Trang	01/12/1986	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Cán sự	01.004	BVĐK Vân Đình	Anh		
94	5	Đặng Huyền	Thanh	04/04/1992	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Văn thư lưu trữ	**Văn thư lưu trữ**	Cán sự	01.004	TT Giám định y khoa Hà Nội	Anh		
95	6	Nguyễn Bích	Thủy	09/05/1982	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TC	TT	Nghiên cứu máy tính	**Nghiên cứu máy tính**	Cán sự	01.004	TTYT Hoàn Kiếm	Anh		
96	7	Nguyễn Thị Phương	Loan	25/07/1984	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Thương mại và du lịch	**Thương mại và du lịch**	Cán sự	01.004	TTYT Đông Anh	Anh		
97	8	Đỗ Bảo	Ngọc	27/08/1991	Nữ	Thị Trấn Đông Anh, Đông Anh , Hà Nội	TC	CQ	Văn thư lưu trữ	**Văn thư lưu trữ**	Cán sự	01.004	TTYT Đông Anh	Anh		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Mẫu 1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 341 /QĐ-SYT ngày 19 / 3 /2020 của Sở Y tế Hà Nội)

Chức danh nghề nghiệp Bác sỹ (hạng III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
		BVĐK XANH PÔN														
1	1	Nguyễn Thùy	Linh	15/02/1988	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Tai mũi họng	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn			
2	2	Dương Văn	Mai	06/11/1989	Nam	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Ngoại khoa	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn		DTTS	
3	3	Nguyễn Thị	Hương	10/06/1990	Nữ	Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn			
4	4	Triệu Thị Thùy	Linh	20/11/1987	Nữ	Ngô Thì Nhậm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn		DTTS	
		BV THANH NHÀN														
5	1	Bùi Văn	Bình	25/12/1991	Nam	Cẩm Định, Cẩm Giàng, Hải Dương	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Ngoại khoa	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn			
6	2	Kiều Tiến	Quyết	01/11/1991	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Sản phụ khoa	**Bác sỹ Sản khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn			
		BVĐK ĐỨC GIANG														
7	1	Đào Thị	Huế	16/06/1989	Nữ	Thiện Phiến, Tiên Lữ, Hưng Yên	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Sản Phụ khoa	**Bác sỹ Sản khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang			
8	2	Đinh Thế	Tiến	31/08/1991	Nam	Thị trấn Bút Sơn, Hoằng Hóa,Thanh Hóa	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Dị ứng miễn dịch lâm sàng	**Bác sỹ Dị ứng miễn dịch lâm sàng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang			
9	3	Nguyễn Văn	Tiến	20/12/1989	Nam	Hoằng Quý, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Sản Phụ khoa	**Bác sỹ Sản khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang			
10	4	Dương Thị Hải	Vân	01/09/1990	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Y sinh học di truyền	**Bác sỹ Y sinh học di truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang			
		BVĐK HÀ ĐÔNG														
11	1	Vũ Xuân	Diệu	12/04/1992	Nam	Yên Bằng, Ý Yên, Nam Định	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Nội khoa	**Bác sỹ Nội khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
12	2	Nguyễn Đức	Anh	02/11/1992	Nam	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Sản phụ khoa	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông			
		BV UNG BƯỚU														
13	1	Phạm Anh	Đức	23/12/1990	Nam	Châu Giang, Duy Tiên, Hà Nam	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Ung thư	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN			
		BVĐK HÒE NHAI														
14	1	Nguyễn Thị Hồng	Lê	15/06/1990	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	BSNT	TT	Bác sỹ nội trú Gây mê hồi sức	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hòe Nhai			
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI														
15	1	Trần Anh	Đức	29/07/1989	Nam	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	BSNT	TT	Bác sỹ nội trú Sản phụ khoa	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội			
16	2	Nguyễn Khắc	Hưng	06/07/1985	Nam	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	BSNT	TT	Bác sỹ nội trú Chẩn đoán hình ảnh	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội			
17	3	Vũ Minh	Phương	30/12/1990	Nữ	Khánh Hải, Yên Khánh, Ninh Bình	BSNT	TT	Bác sỹ nội trú Giải phẫu bệnh	**Bác sỹ Giải phẫu bệnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội			
18	4	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26/08/1990	Nữ	Ngũ Thái, Thuận Thành, Bắc Ninh	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Mô phôi	**Bác sỹ Mô phôi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI														
19	1	Mai Ánh	Điệp	30/05/1989	Nữ	Thuỵ Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội			
20	2	Nguyễn Thị	Phượng	30/12/1987	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội			
		BV HỮU NGHỊ VIỆT NAM - CU BA														
21	1	Ngô Thu	Trang	29/07/1988	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Tai Mũi Họng	**Bác sỹ Tai Mũi Họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba			
22	2	Đinh Văn	Trường	02/05/1990	Nam	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Răng Hàm Mặt	**Bác sỹ Răng Hàm Mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba			
		BVĐK ĐỐNG ĐA														

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
23	1	Nguyễn Thanh	Nga	24/10/1989	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BSNT	CQ	Bác sỹ nội trú Răng hàm mặt	**Bác sỹ Nội trú Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa			
		TTYT LONG BIÊN														
24	1	Dương Thị Hồng	Nhung	14/08/1986	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Long Biên	TYT Gia Thụy, TTYT Long Biên		
		TTYT ĐÔNG ANH														
25	1	Nguyễn Văn	Xuân	30/04/1964	Nam	Uy Nỗ, Đông Anh,Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đông Anh	TYT Xuân Nộn, TTYT Đông Anh		
		TTYT SÓC SƠN														
26	1	Nguyễn Văn	Hòa	28/02/1983	Nam	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	TYT Phú Minh, TTYT Sóc Sơn		
		TTYT QUỐC OAI														
27	1	Nguyễn Xuân	Thát	04/10/1972	Nam	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CT	Bác sỹ y khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Quốc Oai	TYT Tuyết Nghĩa, TTYT Quốc Oai		
28	2	Đỗ Duy	Toàn	27/09/1966	Nam	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CT	Bác sỹ y khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Quốc Oai	TYT Đông Yên, TTYT Quốc Oai	CLS	
		TTYT ĐAN PHƯỢNG														
29	1	Nguyễn Xuân	Hảo	06/09/1984	Nam	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đan Phượng	TYT Liên Trung, TTYT Đan Phượng		
		TTYT HOÀI ĐỨC														
30	1	Lê Hoàng	Đức	15/10/1982	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoài Đức	TYT An Thượng, TTYT Hoài Đức		
		TTYT MỸ ĐỨC														
31	1	Nguyễn Hữu	Vui	06/01/1962	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Mỹ Đức	TYT Mỹ Thành, TTYT Mỹ Đức		
		TTYT THƯỜNG TÍN														

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
32	1	Bùi Mạnh	Kiên	20/12/1971	Nam	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CT	Bác sỹ tuyến cơ sở	**Bác sỹ tuyến cơ sở**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Thường Tín	TYT Tân Minh, TTYT Thường Tín		
		TTYT SƠN TÂY														
33	1	Lương Thị	Ngọc	17/09/1967	Nữ	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CT	Bác sỹ tuyến y tế cơ sở	**Bác sỹ tuyến cơ sở**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sơn Tây	TYT Xuân Sơn, TTYT Sơn Tây		
34	2	Lê Thị	Thắm	14/04/1966	Nữ	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CT	Bác sỹ tuyến cơ sở	**Bác sỹ tuyến cơ sở**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sơn Tây	TYT Thanh Mỹ, TTYT Sơn Tây		
		TTYT ỨNG HÒA														
35	1	Trần Ngọc	Bảo	15/05/1963	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ứng Hòa	TYT Thị trấn Vân Đình, TTYT Ứng Hòa	SQQN	

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Mẫu 1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 271 /QĐ-SYT ngày 09 /05/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

Chức danh nghề nghiệp Ysỹ hạng IV, V.08.03.07

Số TT	TT DV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
		TTYT HOÀNG MAI														
36	1	Lê Thị Ngọc	Bích	20/05/1988	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàng Mai	TYT Tân Mai,TTYT Hoàng Mai		
37	2	Đỗ Ngọc Hà	Ly	26/12/1991	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàng Mai	TYT Hoàng Văn Thụ, TTYT Hoàng Mai		
38	3	Nguyễn Ngọc	Vân	09/09/1992	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàng Mai	TYT Tương Mai, TTYT Hoàng Mai		
		TTYT LONG BIÊN														
39	1	Hoàng Văn	Bằng	10/06/1985	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	TYT Gia Thụy, TTYT Long Biên		
40	2	Trần Bích	Diệp	06/09/1991	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	TYT Phúc Lợi, TTYT Long Biên		
41	3	Nguyễn Văn	Hùng	08/06/1993	Nam	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	TYT Sài Đồng, TTYT Long Biên		
42	4	Phạm Thị Hà	Lan	08/02/1991	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	TYT Đức Giang, TTYT Long Biên		
43	5	Nguyễn Thị Linh	Ngân	05/07/1991	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	TYT Ngọc Thụy, TTYT Long Biên		
44	6	Đoàn Văn	Thái	04/04/1990	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	TYT Gia Thụy, TTYT Long Biên		
45	7	Nguyễn Thị Thu	Thủy	09/11/1991	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	TYT Đức Giang, TTYT Long Biên		
46	8	Vũ Lan	Hoa	15/01/1981	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	TYT Thạch Bàn, TTYT Long Biên		
47	9	Nguyễn Mạnh	Hùng	14/08/1983	Nam	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	TYT Giang Biên, TTYT Long Biên		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
		TTYT GIA LÂM														
48	1	Nguyễn Thị Thu	Thủy	17/11/1974	Nữ	Thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ sản nhi	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	TYT Đình Xuyên, TTYT Gia Lâm		
49	2	Nguyễn Thị	Ánh	20/10/1990	Nữ	Thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	TYT TT Yên Viên, TTYT Gia Lâm		
50	3	Trần Quang	Trường	06/02/1991	Nam	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	TYT Dương Hà, TTYT Gia Lâm		
51	4	Đới Đăng	Thái	05/11/1988	Nam	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	TYT Đặng Xá, TTYT Gia Lâm		
52	5	Đỗ Văn	Hùng	01/01/1982	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	TYT Dương Xá, TTYT Gia Lâm		
53	6	Nguyễn Thị Thu	Hiền	13/07/1991	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	TYT Kim Sơn, TTYT Gia Lâm		
54	7	Nguyễn Văn	Hà	28/02/1971	Nam	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	TYT Ninh Hiệp, TTYT Gia Lâm		
		TTYT ĐÔNG ANH														
55	1	Dương Thị Bích	Liên	29/03/1971	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ chuyên khoa Y học dân tộc	**Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	TYT Đại Mạch, TTYT Đông Anh		
56	2	Ngô Thị Quế	Phương	29/08/1968	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ chuyên khoa Y học dân tộc	**Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	TYT Uy Nỗ, TTYT Đông Anh		
		TTYT SÓC SƠN														
57	1	Đào Thị Thanh	Hằng	18/09/1991	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	TYT Đông Xuân, TTYT Sóc Sơn		
58	2	Nguyễn Thị	Hằng	25/02/1987	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	TYT Minh Trí, TTYT Sóc Sơn		
59	3	Trần Thị	Mai	22/02/1978	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	TYT Hồng Kỳ, TTYT Sóc Sơn		
60	4	Hoàng Thị	Mơ	22/05/1990	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	TYT Đức Hòa, TTYT Sóc Sơn		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
61	5	Lê Thùy	Nhung	15/06/1991	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	TYT Xuân Giang, TTYT Sóc Sơn		
62	6	Lê Thị	Phượng	08/09/1990	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	TYT Xuân Thu, TTYT Sóc Sơn		
63	7	Nguyễn Phương	Thảo	01/10/1991	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	TYT Việt Long, TTYT Sóc Sơn		
64	8	Đỗ Thị	Ninh	26/08/1987	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	TYT Tân Hưng, TTYT Sóc Sơn		
65	9	Nguyễn Văn	Thuyên	26/02/1967	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ Y học dân tộc	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	TYT Tiên Dược, TTYT Sóc Sơn		
		TTYT BA VÌ														
66	1	Khương Hồng	Ánh	10/04/1992	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	TYT Sơn Đà, TTYT Ba Vì		
67	2	Chu Thị	Chinh	15/03/1983	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	TYT Vật Lại, TTYT Ba Vì		
68	3	Hoàng Hữu	Đắc	12/09/1988	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	TYT Minh Quang, TTYT Ba Vì		
69	4	Nguyễn Hoằng	Nghệ	22/07/1990	Nam	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	TYT Vân Hòa, TTYT Ba Vì		
70	5	Nguyễn Danh	Phương	30/12/1991	Nam	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	TYT Sơn Đà, TTYT Ba Vì		
71	6	Đinh	Quý	03/02/1993	Nam	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	TYT Thụy An, TTYT Ba Vì		
72	7	Đặng Đức	Thiện	27/01/1991	Nam	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	TYT Vân Hòa, TTYT Ba Vì		
73	8	Nguyễn Danh	Tuấn	11/11/1991	Nam	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	TYT Minh Châu, TTYT Ba Vì		
74	9	Nguyễn Văn	Tấn	09/06/1966	Nam	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ sản nhi	**Y sỹ sản nhi**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	TYT Phú Phương, TTYT Ba Vì		
75	10	Nguyễn Thị	Thảo	17/06/1975	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ sản nhi	**Y sỹ sản nhi**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	TYT Cổ Đô, TTYT Ba Vì		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
		TTYT PHÚC THỌ														
76	1	Đoàn Văn	Bằng	12/09/1988	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	TYT Võng Xuyên, TTYT Phúc Thọ		
77	2	Lò Thị	Huệ	06/09/1991	Nữ	Thị Trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	TYT Trạch Mỹ Lộc, TTYT Phúc Thọ	**DTTS**	
78	3	Nguyễn Thị Thu	Huyền	03/03/1988	Nữ	Thị Trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	TYT Thị Trấn, TTYT Phúc Thọ		
79	4	Đỗ Thị	Hường	07/09/1993	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	TYT Liên Hiệp, TTYT Phúc Thọ		
80	5	Tạ Thị Bích	Loan	28/09/1987	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	TYT Cẩm Đình, TTYT Phúc Thọ		
81	6	Nguyễn Thị	Thân	28/09/1990	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	TYT Xuân Phú, TTYT Phúc Thọ		
82	7	Nguyễn Thị Lâm	Thùy	27/07/1991	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	TYT Tam Thuấn, TTYT Phúc Thọ		
83	8	Nguyễn Thị Thanh	Thư	06/01/1993	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	TYT Ngọc Tảo, TTYT Phúc Thọ		
		TTYT THẠCH THẤT														
84	1	Kiều Văn	Bình	17/05/1965	Nam	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ vệ sinh phòng dịch	**Y sỹ vệ sinh phòng dịch**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Cần Kiệm, TTYT Thạch Thất		
85	2	Kiều Thị	Hồng	14/10/1987	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Bình Phú, TTYT Thạch Thất		
86	3	Nguyễn Hữu	Lực	16/03/1970	Nam	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học dân tộc	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Phú Kim, TTYT Thạch Thất		
87	4	Phí Thị Thanh	Hải	13/11/1990	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Hạ Bằng, TTYT Thạch Thất		
88	5	Phùng Thị	Hảo	16/02/1990	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Hữu Bằng, TTYT Thạch Thất		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
89	6	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24/11/1985	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Hương Ngải, TTYT Thạch Thất		
90	7	Vương Văn	Hoàng	14/09/1990	Nam	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Bình Yên, TTYT Thạch Thất		
91	8	Kiều Công	Lượng	14/10/1986	Nam	Yên Bình, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Tiến Xuân, TTYT Thạch Thất	**DTTS**	
92	9	Nguyễn Thị Hồng	Nhẫn	11/01/1991	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Phùng Xá, TTYT Thạch Thất		
93	10	Nguyễn Thị	Thảo	17/07/1990	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Đại Đồng, TTYT Thạch Thất		
94	11	Nghiêm Thị	Thơm	06/05/1992	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Bình Phú, TTYT Thạch Thất		
95	12	Trần Văn	Tiến	01/07/1990	Nam	Tiến Xuân, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Yên Bình, TTYT Thạch Thất		
96	13	Cấn Thị Kiều	Trang	15/10/1992	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Phú Kim, TTYT Thạch Thất		
97	14	Hoàng	Yến	13/12/1984	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	TYT Cần Kiệm, TTYT Thạch Thất		
		TTYT QUỐC OAI														
98	1	Nguyễn Văn	Hiếu	11/11/1971	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Đồng Quang, TTYT Quốc Oai		
99	2	Nguyễn Quang	Huy	19/08/1989	Nam	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Hòa Thạch, TTYT Quốc Oai		
100	3	Ngô Thị	Lan	06/10/1975	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Phú Cát, TTYT Quốc Oai		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
101	4	Nguyễn Thị	Mai	09/09/1970	Nữ	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Ngọc Liệp, TTYT Quốc Oai		
102	5	Nguyễn Tiến	Nam	28/10/1990	Nam	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Ngọc Liệp, TTYT Quốc Oai		
103	6	Nguyễn Thị Trang	Nhung	06/07/1992	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Nghĩa Hương, TTYT Quốc Oai		
104	7	Ngô Thị	Nhung	20/12/1992	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Đông Xuân, TTYT Quốc Oai		
105	8	Bùi Tiến	Phương	26/11/1986	Nam	Phù Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Phú Mãn, TTYT Quốc Oai	**DTTS**	
106	9	Triệu Thị	Quỳnh	30/07/1991	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Thị Trấn, TTYT Quốc Oai		
107	10	Bùi Thị Thu	Thảo	02/11/1992	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Thạch Thán, TTYT Quốc Oai		
108	11	Hoàng Xuân	Tùng	07/11/1990	Nam	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Tân Hòa, TTYT Quốc Oai		
109	12	Nguyễn Thị	Xuyến	03/03/1986	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Phú Cát, TTYT Quốc Oai		
110	13	Nguyễn Thị	Bắc	15/07/1982	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Thạch Thán, TTYT Quốc Oai		
111	14	Nguyễn Thị	Minh	07/11/1982	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Quốc Oai	TYT Thị Trấn, TTYT Quốc Oai		
		TTYT ĐAN PHƯỢNG														
112	1	Đinh Khánh	Ly	01/12/1992	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đan Phượng	TYT Hồng Hà, TTYT Đan Phượng		
		TTYT HOÀI ĐỨC														

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
113	1	Phạm Tuấn	Đức	27/09/1992	Nam	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	TYT An Khánh, TTYT Hoài Đức		
114	2	Nguyễn Thị	Hà	03/01/1990	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	TYT Vân Côn, TTYT Hoài Đức		
115	3	Đỗ Thị	Hằng	24/10/1991	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	TYT Dương Liễu, TTYT Hoài Đức		
116	4	Hoàng Mạnh	Thùy	04/11/1983	Nam	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	TYT Đức Thượng, TTYT Hoài Đức		
117	5	Nguyễn Văn	Tú	08/01/1992	Nam	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	TYT Đắc Sở, TTYT Hoài Đức	**CTB**	
118	6	Nguyễn Thị	Xuân	03/08/1984	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	TYT An Thượng, TTYT Hoài Đức		
119	7	Tuấn Thị Thanh	Huyền	10/01/1979	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	TYT Kim Chung, TTYT Hoài Đức		
120	8	Nguyễn Thị	Vân	12/10/1979	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	TYT An Thượng, TTYT Hoài Đức		
121	9	Phùng Thị Bích	Vượng	07/01/1971	Nữ	Minh Khai, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	TYT Minh Khai, TTYT Hoài Đức		
		TTYT CHƯƠNG MỸ														
122	1	Trần Thị	Khanh	16/05/1982	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	TYT Đồng Lạc, TTYT Chương Mỹ		
123	2	Hoàng Văn	Cao	10/04/1991	Nam	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	TYT Hòa Chính, TTYT Chương Mỹ		
124	3	Nguyễn Thị	Chiên	11/11/1989	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	TYT Tốt Động, TTYT Chương Mỹ		
125	4	Tạ Thị	Lan	01/06/1981	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	TYT Thụy Hương, TTYT Chương Mỹ		
126	5	Hà Văn	Minh	07/05/1988	Nam	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	TYT Phú Nghĩa, TTYT Chương Mỹ		
127	6	Trần Thị	Nga	09/12/1988	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	TYT Thủy Xuân Tiên, TTYT Chương Mỹ		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
128	7	Phạm Văn	Thức	10/09/1985	Nam	Hồng Phong, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	TYT Hồng Phong, TTYT Chương Mỹ		
129	8	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	30/10/1989	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	TYT Hợp Đồng, TTYT Chương Mỹ		
		TTYT THANH OAI														
130	1	Nguyễn Thị	Dung	28/09/1990	Nữ	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	TYT Thanh Thùy, TTYT Thanh Oai		
131	2	Tào Công	Huân	18/06/1990	Nam	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	TYT Cao Viên, TTYT Thanh Oai		
132	3	Lê Thị	Hương	28/04/1990	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	TYT Tam Hưng, TTYT Thanh Oai		
133	4	Nguyễn Thu	Phương	23/02/1981	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	TYT Thanh Mai, TTYT Thanh Oai		
		TTYT MỸ ĐỨC														
134	1	Trần Xuân	Bang	05/10/1982	Nam	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT Bột Xuyên, TTYT Mỹ Đức		
135	2	Nguyễn Viết	Bảy	29/05/1969	Nam	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT Hợp Thanh, TTYT Mỹ Đức		
136	3	Bùi Minh	Gương	29/03/1968	Nam	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT An Phú, TTYT Mỹ Đức	**DTTS**	
137	4	Bùi Thành	Huế	25/09/1988	Nam	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT Hợp Thanh, TTYT Mỹ Đức	**DTTS**	
138	5	Nguyễn Thị	Lý	10/10/1990	Nữ	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT Vạn Kim, TTYT Mỹ Đức		
139	6	Nguyễn Thị	Mến	02/02/1971	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT Hợp Tiến, TTYT Mỹ Đức		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
140	7	Nguyễn Thị	Nhạn	14/01/1985	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT Hùng Tiến, TTYT Mỹ Đức		
141	8	Phạm Sỹ	Thủy	14/04/1985	Nam	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT An Phú, TTYT Mỹ Đức	**DTTS**	
142	9	Trần Hữu	Tiến	21/04/1984	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT Hợp Tiến, TTYT Mỹ Đức		
143	10	Nguyễn Thị	Vui	24/12/1989	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT Hợp Thanh, TTYT Mỹ Đức		
144	11	Vũ Thị	Hường	04/10/1971	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ sản nhi	**Y sỹ sản nhi**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT An Tiến, TTYT Mỹ Đức		
145	12	Nguyễn Thị	Huyền	08/07/1972	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ sản nhi	**Y sỹ sản nhi**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT Tuy Lai, TTYT Mỹ Đức		
146	13	Nguyễn Giáp	Oán	11/11/1974	Nam	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ sản nhi	**Y sỹ sản nhi**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	TYT Hùng Tiến, TTYT Mỹ Đức		
		TTYT THƯỜNG TÍN														
147	1	Tô Bình	Dần	22/03/1985	Nữ	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	TYT Khánh Hà, TTYT Thường tín	**CTB**	
148	2	Lê Ngọc	Hân	01/09/1963	Nam	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ quân y	**Y sỹ quân Y**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	TYT Tân Minh, TTYT Thường tín		
149	3	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	16/07/1988	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	TYT Thư Phú, TTYT Thường tín		
150	4	Đặng Thị	Huyền	21/03/1991	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	TYT Tô Hiệu, TTYT Thường tín		
151	5	Đinh Thị Hoa	Huỳnh	18/11/1975	Nữ	Thư Phú, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	TYT Thư Phú, TTYT Thường tín		
152	6	Nguyễn Thị	Luyên	13/08/1987	Nữ	Văn Tự, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	TYT Văn Tự, TTYT Thường tín		
153	7	Nguyễn Thị	Nga	30/07/1988	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	TYT Thống Nhất, TTYT Thường tín		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
154	8	Hà Thị Hồng	Nhung	11/10/1989	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	TYT Lê Lợi, TTYT Thường tín		
155	9	Bùi Thị Hồng	Phượng	23/07/1988	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	TYT Vân Tảo, TTYT Thường tín		
		TTYT PHÚ XUYÊN														
156	1	Lê Mạnh	Cường	01/01/1987	Nam	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	TYT Minh Tân. TTYT Phú Xuyên		
157	2	Đỗ Thị Lữ	Dung	04/07/1989	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ y học cổ truyền	**Y sỹ y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	TYT Hồng Thái, TTYT Phú Xuyên	**CBB**	
158	3	Vũ Anh	Đào	11/11/1991	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	TYT Sơn Hà, TTYT Phú Xuyên		
159	4	Lại Ngọc	Long	24/10/1992	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	TYT Đại Xuyên, TTYT Phú Xuyên		
160	5	Nghiêm Trường	Phi	28/08/1992	Nam	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	TYT Hồng Minh, TTYT Phú Xuyên		
161	6	Nguyễn Minh	Sáng	01/05/1992	Nam	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	TYT Phúc Tiến, TTYT Phú Xuyên		
162	7	Nguyễn Đức	Thắng	17/10/1990	Nam	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	TYT Vân Từ, TTYT Phú Xuyên		
163	8	Vũ Thị	Thủy	01/07/1990	Nữ	Tri Thủy, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ y học cổ truyền	**Y sỹ y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	TYT Quang Lãng, TTYT Phú Xuyên		
164	9	Nguyễn Thị Tố	Uyên	09/03/1983	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	TYT Khai Thái, TTYT Phú Xuyên		
		TTYT SƠN TÂY														
165	1	Phan Thị Thạch	Anh	12/08/1992	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sơn Tây	TYT Ngô Quyền, TTYT Sơn Tây		
166	2	Trương Thị Quỳnh	Hoa	12/09/1984	Nữ	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sơn Tây	TYT Xuân Sơn, TTYT Sơn Tây	**CTB**	
167	3	Nguyễn Thị	Mùi	10/08/1966	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TC	DL	Y sỹ xã	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sơn Tây	TYT Cổ Đông, TTYT Sơn Tây	**CLS**	
168	4	Nguyễn Hương	Quỳnh	25/05/1990	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sơn Tây	TYT Phú Thịnh, TTYT Sơn Tây		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
169	5	Nguyễn Như	Quỳnh	10/12/1992	Nữ	Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sơn Tây	TYT Sơn Lộc, TTYT Sơn Tây		
		TTYT ỨNG HÒA														
170	1	Bùi Xuân	Bách	15/12/1991	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Tảo Dương Văn, TTYT Ứng Hòa		
171	2	Trần Tố	Hoa	30/04/1993	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Hòa Nam, TTYT Ứng Hòa		
172	3	Chu Thị	Liễu	29/11/1971	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Minh Đức, TTYT Ứng Hòa		
173	4	Nguyễn Thị	Lương	17/09/1979	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Thị trấn Vân Đình, TTYT Ứng Hòa	**CTB**	
174	5	Nguyễn Thị	Mai	24/10/1991	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Hồng Quang, TTYT Ứng Hòa		
175	6	Nguyễn Thị	Minh	19/04/1966	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Quảng Phú Cầu, TTYT Ứng Hòa		
176	7	Nguyễn Văn	Ngoan	12/06/1964	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Liên Bạt, TTYT Ứng Hòa	**SQQN**	
177	8	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/09/1992	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Đại Hùng, TTYT Ứng Hòa		
178	9	Trần Văn	Quân	06/01/1977	Nam	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Viên An, TTYT Ứng Hòa		
179	10	Đào Văn	Quyền	21/07/1991	Nam	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Lưu Hoàng, TTYT Ứng Hòa		
180	11	Bùi Thị	Thủy	06/06/1985	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Vạn Thái. TTYT Ứng Hòa		
181	12	Nguyễn Thị	Toan	25/11/1991	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Phương Tú, TTYT Ứng Hòa		
182	13	Nghiêm Thị	Duyên	21/09/1976	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ sản nhi	**Y sỹ sản nhi**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Đông Lỗ, TTYT Ứng Hòa		
183	14	Nguyễn Thị	Hằng	28/03/1972	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ sản nhi	**Y sỹ sản nhi**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	TYT Lưu Hoàng, TTYT Ứng Hòa		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
		TTYT HÀ ĐÔNG														
184	1	Nguyễn Hoàng	Cầu	10/03/1988	Nam	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	TYT Phú Lãm, TTYT Hà Đông		
185	2	Trịnh Thị	Hằng	20/10/1987	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	TYT Phúc La, TTYT Hà Đông		
186	3	Phạm Minh	Thăng	18/11/1987	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	TYT Yết Kiêu, TTYT Hà Đông		
187	4	Nguyễn Thị Trà	Giang	29/08/1994	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	TYT Văn Quán, TTYT Hà Đông		
188	5	Nguyễn Hà	Hòa	23/10/1988	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	TYT Mộ Lao, TTYT Hà Đông		
189	6	Nguyễn Xuân	Khuê	01/10/1988	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	TYT Đồng Mai, TTYT Hà Đông		
190	7	Vũ Diệu	Linh	04/01/1994	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	TYT La Khê, TTYT Hà Đông		
191	8	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02/11/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	TYT Phúc La, TTYT Hà Đông		
192	9	Đào Mai	Phương	04/11/1991	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	TYT Biên Giang, TTYT Hà Đông		
		TTYT MÊ LINH														
193	1	Nguyễn Đức	Cường	15/03/1992	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	TYT Liên Mạc, TTYT Mê Linh	**HTNV**	
194	2	Phạm Thị Lệ	Hoa	22/09/1981	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	TYT Văn Khê, TTYT Mê Linh	**CBB**	
195	3	Nguyễn Chung	Phúc	06/11/1989	Nam	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	TYT Chu Phan, TTYT Mê Linh		
196	4	Nguyễn Thị	Phương	07/02/1990	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	TYT Tráng Việt, TTYT Mê Linh		
197	5	Lê Thị	Thanh	15/09/1992	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	TYT Thạch Đà, TTYT Mê Linh		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Mẫu 1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 271/QĐ-SYT ngày 09/05/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

Chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng (hạng III), V.08.04.10

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
										Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*16*	*17*
	BVĐK XANH PÔN														
198	Vũ Thị Mai	Sao	25/07/1994	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Xanh Pôn	BVĐK Xanh Pôn		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Mẫu 1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 271/QĐ-SYT ngày 09 / 03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III, V.08.05.12

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
										Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*16*	*17*
	TTYT HOÀI ĐỨC														
199	Nguyễn Thị	Nga	09/10/1987	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Hoài Đức	TYT An Thượng, TTYT Hoài Đức		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Mẫu 1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 271 /QĐ-SYT ngày 09 /03 /2020 của Sở Y tế Hà Nội)

Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
		TTYT THANH XUÂN														
200	1	Nguyễn Thị Thu	Huyền	02/7/1978	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	TYT Khương Đình, TTYT Thanh Xuân		
		TTYT HOÀNG MAI														
201	1	Nguyễn Thùy	Anh	05/03/1992	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Hoàng Văn Thụ,TTYT Hoàng Mai		
202	2	Lê Thị Thùy	Dung	09/12/1991	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Hoàng Liệt, TTYT Hoàng Mai		
203	3	Nguyễn Thị Thùy	Dương	26/07/1991	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Yên Sở, TTYT Hoàng Mai		
204	4	Nguyễn Quỳnh	Hoa	17/11/1992	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Yên Sở, TTYT Hoàng Mai		
205	5	Trương Thị	Hồng	05/07/1987	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Tân Mai,TTYT Hoàng Mai		
206	6	Hoàng Thị	Hường	18/01/1992	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Định Công, TTYT Hoàng Mai		
207	7	Nguyễn Thị Thu	Lý	30/07/1986	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Hoàng Văn Thụ, TTYT Hoàng Mai		
208	8	Bùi Thị Kim	Oanh	10/12/1990	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Yên Sở, TTYT Hoàng Mai		
209	9	Nguyễn Thị Bích	Phượng	03/08/1986	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Mai Động,TTYT Hoàng Mai		
210	10	Chu Thị	Thư	30/09/1992	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Thịnh Liệt, TTYT Hoàng Mai		
211	11	Trần Thị Minh	Thủy	25/07/1991	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Thanh Trì, TTYT Hoàng Mai		
212	12	Trần Thị Thu	Trang	30/06/1992	Nữ	Thị Trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	TYT Hoàng Liệt, TTYT Hoàng Mai		

Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13

Số TT	TT DV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
		TTYT LONG BIÊN														
213	1	Đinh Việt	Bắc	28/12/1991	Nam	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	TYT Đức Giang, TTYT Long Biên		
214	2	Trần Thị	Bích	02/01/1990	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	TYT Thạch Bàn, TTYT Long Biên		
215	3	Nguyễn Thị	Hằng	28/05/1993	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	TYT Phúc Đồng, TTYT Long Biên		
216	4	Trần Minh	Hiệu	07/05/1993	Nam	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ (Chứng chỉ chuyển đổi điều dưỡng)	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	TYT Gia Thụy, TTYT Long Biên		
217	5	Nguyễn Thị	Huyền	07/02/1991	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	TYT Thượng Thanh, TTYT Long Biên		
218	6	Tạ Thị Diệu	Linh	29/10/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	TYT Long Biên, TTYT Long Biên		
219	7	Phạm Văn	Mạnh	06/11/1991	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ YHCT (Chứng chỉ chuyển đổi điều dưỡng)	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	TYT Ngọc Thụy, TTYT Long Biên		
220	8	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	20/04/1991	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	TYT Giang Biên, TTYT Long Biên		
221	9	Nguyễn Thị	Quyên	02/09/1983	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	TYT Ngọc Lâm, TTYT Long Biên		
222	10	Nguyễn Ngọc	Thịnh	14/04/1986	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TC	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	TYT Gia Thụy, TTYT Long Biên		
		TTYT GIA LÂM														
223	1	Phạm Thu	Vân	24/08/1986	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	TYT Đặng Xá, TTYT Gia Lâm		
224	2	Trần Thị	Xuyến	06/12/1990	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	TYT Cổ Bi, TTYT Gia Lâm		
225	3	Đới Thị	Bình	12/11/1991	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	TYT Trung Mầu, TTYT Gia Lâm		
226	4	Bùi Thị Thùy	Linh	18/05/1992	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	TYT Phù Đổng, TTYT Gia Lâm		

Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
227	5	Trần Thị	Hằng	10/08/1990	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	TYT Yên Thường TTYT Gia Lâm		
228	6	Lại Thị	Khuyên	06/02/1986	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	TYT TT Trâu Quỳ, TTYT Gia Lâm		
229	7	Nguyễn Thị	Huyền	07/12/1988	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	TYT Phù Đổng, TTYT Gia Lâm		
230	8	Vũ Quốc	Khanh	02/09/1992	Nam	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	TYT Trung Mầu, TTYT Gia Lâm		
		TTYT THANH TRÌ														
231	1	Nguyễn Hương	Giang	18/11/1991	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Trì	TYT Hữu Hòa, TTYT Thanh Trì		
232	2	Nguyễn Thị Hồng	Hoan	01/01/1987	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Trì	TYT Vạn Phúc, TTYT Thanh Trì		
		TTYT SÓC SƠN														
233	1	Phạm Hồng	Hạnh	11/01/1990	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Bắc Phú, TTYT Sóc Sơn		
234	2	Nguyễn Thị	Hiền	15/03/1988	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Đông Xuân, TTYT Sóc Sơn		
235	3	Nguyễn Thị	Hương	18/10/1977	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Thị Trấn Sóc Sơn, TTYT Sóc Sơn		
236	4	Đào Thị	Lan	03/12/1991	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Minh Trí, TTYT Sóc Sơn		
237	5	Ngô Thị Hồng	Luyến	13/11/1981	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Mai Đình, TTYT Sóc Sơn		
238	6	Hoàng Thị Thuý	Nga	10/10/1990	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Xuân Thu, TTYT Sóc Sơn		
239	7	Nguyễn Thị Thuý	Nga	04/09/1984	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Phù Lỗ, TTYT Sóc Sơn		

Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
240	8	Nguyễn Thị	Nga	15/06/1986	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Thị Trấn Sóc Sơn, TTYT Sóc Sơn		
241	9	Dương Thị	Ngọc	15/05/1989	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Nam Sơn, TTYT Sóc Sơn		
242	10	Phạm Ngọc	Oanh	17/12/1990	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Bắc Phú, TTYT Sóc Sơn		
243	11	Nguyễn Văn	Sen	26/12/1984	Nam	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Minh Trí, TTYT Sóc Sơn		
244	12	Tạ Mạnh	Thắng	16/10/1982	Nam	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Hiền Ninh, TTYT Sóc Sơn		
245	13	Nguyễn Thị	Thanh	25/08/1990	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Bắc Phú, TTYT Sóc Sơn		
246	14	Nguyễn Xuân	Thu	15/08/1989	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Minh Trí, TTYT Sóc Sơn		
247	15	Hoàng Thị Ánh	Tuyết	30/08/1984	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	TYT Nam Sơn, TTYT Sóc Sơn		
		TTYT BA VÌ														
248	1	Nguyễn Thị Mai	Anh	02/12/1991	Nữ	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	TYT Cổ Đô, TTYT Ba Vì		
249	2	Trịnh Thị Kim	Cúc	18/07/1989	Nữ	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	TYT Minh Quang, TTYT Ba Vì		
250	3	Bùi Thị Mai	Duyên	31/01/1989	Nữ	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	TYT Khánh Thượng, TTYT Ba Vì	**DTTS**	
251	4	Nguyễn Thi	Hoa	12/04/1988	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	TYT Thái Hòa, TTYT Ba Vì		
252	5	Nguyễn Thùy	Ninh	19/01/1991	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	TYT Phú Cường, TTYT Ba Vì		

Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
253	6	Hoàng Thị	Phượng	10/03/1991	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	TYT Vật Lại, TTYT Ba Vì		
254	7	Nguyễn Văn	Quy	14/09/1990	Nam	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	TYT Minh Châu, TTYT Ba Vì		
		TTYT PHÚC THỌ														
255	1	Vũ Thị	Dần	13/03/1991	Nữ	Thị Trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	TYT Phụng Thượng, TTYT Phúc Thọ		
256	2	Trần Viết	Hùng	01/11/1983	Nam	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	TYT Phụng Thượng, TTYT Phúc Thọ	**HTNV**	
257	3	Đỗ Thị	Hường	13/12/1992	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	TYT Hiệp Thuận, TTYT Phúc Thọ		
258	4	Đỗ Thị Tuyết	Mai	25/04/1991	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	TYT Liên Hiệp, TTYT Phúc Thọ		
259	5	Đỗ Thị	Thu	22/04/1987	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	TYT Hiệp Thuận, TTYT Phúc Thọ		
260	6	Cao Thị	Thủy	24/11/1990	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	TYT Tam Thuấn, TTYT Phúc Thọ		
		TTYT THẠCH THẤT														
261	1	Trịnh Ngọc	Ánh	18/12/1992	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	TYT Canh Nậu, TTYT Thạch Thất		
262	2	Đinh Thị	Bằng	29/11/1991	Nữ	Tiến Xuân, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	TYT Tiến Xuân, TTYT Thạch Thất	**DTTS**	
263	3	Nguyễn Thị	Dung	19/02/1991	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	TYT Chàng Sơn, TTYT Thạch Thất		
264	4	Bùi Thái	Thủy	04/04/1987	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	TYT Kim Quan, TTYT Thạch Thất		
265	5	Phùng Thị	Thủy	20/04/1990	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	TYT Phùng Xá, TTYT Thạch Thất		

Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
266	6	Nguyễn Thị	Yên	14/02/1991	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	TYT Hạ Bằng, TTYT Thạch Thất		
		TTYT QUỐC OAI														
267	1	Từ Văn	Hưng	23/10/1985	Nam	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	TYT Ngọc Liệp, TTYT Quốc Oai		
268	2	Nguyễn Đắc	Thịnh	11/08/1990	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	TYT Sài Sơn, TTYT Quốc Oai		
269	3	Hoàng Thị Kim	Thoa	01/11/1988	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	TYT Đông Yên, TTYT Quốc Oai	**DTTS**	
270	4	Đinh Thị	Thúy	14/10/1987	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	TYT Đại Thành, TTYT Quốc Oai		
		TTYT ĐAN PHƯỢNG														
271	1	Nguyễn Thị	Tuyết	12/11/1988	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	TYT Liên Trung, TTYT Đan Phượng		
		TTYT HOÀI ĐỨC														
272	1	Nguyễn Thùy	Linh	06/12/1990	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	TYT Cát Quế, TTYT Hoài Đức		
273	2	Nguyễn Thị	Ngân	18/01/1990	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	TYT Kim Chung, TTYT Hoài Đức		
274	3	Nguyễn Thị	Sâm	29/11/1987	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	TYT Cát Quế, TTYT Hoài Đức		
275	4	Đỗ Thị	Thu	17/06/1991	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	TYT Vân Côn, TTYT Hoài Đức		
276	5	Phùng Thị	Thu	28/07/1990	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	TYT Vân Côn, TTYT Hoài Đức		

Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
277	6	Nguyễn Ích	Tòng	25/12/1985	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	TYT Đức Thượng, TTYT Hoài Đức	**HTNV**	
278	7	Nguyễn Chí	Tùng	25/12/1987	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	TYT Yên Sở, TTYT Hoài Đức		
		TTYT CHƯƠNG MỸ														
279	1	Cao Văn	Chiến	25/11/1987	Nam	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	TYT Thượng Vực, TTYT Chương Mỹ		
		TTYT THANH OAI														
280	1	Nguyễn Thị Thanh	Hường	10/10/1973	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Oai	TYT Hồng Dương, TTYT Thanh Oai		
281	2	Quách Thu	Huyền	14/01/1981	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Oai	TYT Cao Dương, TTYT Thanh Oai		
282	3	Lê Thị Hồng	Thắm	05/07/1986	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Oai	TYT Hồng Dương, TTYT Thanh Oai		
283	4	Nguyễn Đình	Trường	08/04/1978	Nam	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Oai	TYT Thanh Văn, TTYT Thanh Oai	**CTB**	
284	5	Nguyễn Thị	Vân	17/11/1990	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Oai	TYT Dân Hòa, TTYT Thanh Oai		
		TTYT THƯỜNG TÍN														
285	1	Lê Thị Hồng	Diệp	11/12/1990	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thường Tín	TYT Nhị Khê, TTYT Thường Tín		
286	2	Vũ Quang	Huy	23/12/1990	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thường Tín	TYT Hòa Bình, TTYT Thường Tín		
287	3	Nguyễn Thị Tố	Uyên	03/12/1989	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thường Tín	TYT Liên Phương, TTYT Thường tín		

Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
288	4	Nguyễn Thị Hòa	Hảo	31/03/1990	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thường Tín	TYT Thống Nhất, TTYT Thường tín		
289	5	Nguyễn Thị	Thư	02/12/1990	Nữ	Thị Trấn Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thường Tín	TYT Hòa Bình, TTYT Thường tín		
		TTYT PHÚ XUYÊN														
290	1	Nghiêm Thị	Định	16/08/1987	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	TYT Phú Túc, TTYT Phú Xuyên		
291	2	Vũ Thị Kim	Loan	08/12/1988	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	TYT Nam Phong, TTYT Phú Xuyên		
292	3	Đàm Thị Huyền	Trang	01/10/1991	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	TYT Khai Thái, TTYT Phú Xuyên		
		TTYT SƠN TÂY														
293	1	Hà Thị Kim	Ngân	30/10/1983	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	TYT Cổ Đông, TTYT thị xã Sơn Tây		
294	2	Kiều Thị Hồng	Nhung	28/02/1991	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	TYT Thanh Mỹ, TTYT thị xã Sơn Tây		
		TTYT ỨNG HÒA														
295	1	Nghiêm Thị	Hậu	10/04/1991	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	TYT Viên An, TTYT Ứng Hòa		
296	2	Chu Thị	Huyên	02/05/1987	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	TYT Trung Tú, TTYT Ứng Hòa		
297	3	Nguyễn Thị	Mây	06/11/1991	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	TYT Hòa Xá, TTYT Ứng Hòa		
298	4	Trần Thị Tuyết	Nhung	13/02/1992	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	TYT Đại Cường, TTYT Ứng Hòa		

Chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
299	5	Nguyễn Thị	Phượng	22/06/1991	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	TYT Thị trấn Vân Đình, TTYT Ứng Hòa		
300	6	Nguyễn Thị Thùy	Trang	21/07/1991	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	TYT Lưu Hoàng, TTYT Ứng Hòa		
		TTYT HÀ ĐÔNG														
301	1	Đỗ Thị Hương	Anh	10/12/1987	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	TYT Mộ Lao, TTYT Hà Đông		
302	2	Lưu Thị	Hà	05/05/1991	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	TYT Quang Trung, TTYT Hà Đông		
303	3	Lê Thị Hồng	Liên	17/01/1991	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	TYT Yên Nghĩa, TTYT Hà Đông		
304	4	Nguyễn Thị	Ngọc	24/06/1986	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	TYT Phúc La, TTYT Hà Đông	**CTB**	
305	5	Nguyễn Thị	Quyên	03/04/1990	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	TYT Yên Nghĩa, TTYT Hà Đông		
306	6	Lê Thị Thanh	Thúy	04/11/1990	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	TYT Kiến Hưng, TTYT Hà Đông		
307	7	Phạm Thu	Thủy	18/05/1988	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	TYT Đồng Mai, TTYT Hà Đông		
308	8	Trần Thị Thanh	Tuyết	12/02/1987	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	TYT Hà Cầu, TTYT Hà Đông		
		TTYT MÊ LINH														
309	1	Phạm Thị	Thủy	20/03/1986	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mê Linh	TYT Tam Đồng, TTYT Mê Linh		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Mẫu 1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 271/QĐ-SYT ngày 09 /05/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

Chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV, V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
		TTYT HOÀNG MAI														
310	1	Lã Thị Bích	Hải	12/01/1988	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hoàng Mai	TYT Vĩnh Hưng, TTYT Hoàng Mai		
311	2	Nguyễn Thị	Uyên	20/05/1979	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hoàng Mai	TYT Giáp Bát, TTYT Hoàng Mai		
		TTYT GIA LÂM														
312	1	Vũ Thị Thúy	Hằng	29/12/1975	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Gia Lâm	TYT Kim Lan, TTYT Gia Lâm		
313	2	Nguyễn Thị	Hằng	20/10/1989	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Gia Lâm	TYT Phú Thị, TTYT Gia Lâm		
		TTYT THANH TRÌ														
314	1	Nguyễn Thị	Quỳnh	14/01/1983	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thanh Trì	TYT Thanh Liệt, TTYT Thanh Trì		
		TTYT SÓC SƠN														
315	1	Lưu Đức	Anh	23/09/1991	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	TYT Phù Lỗ, TTYT Sóc Sơn		
316	2	Lương Thu	Hà	03/08/1991	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	TYT Phú Minh, TTYT Sóc Sơn		
317	3	Nguyễn Thị	Hường	08/03/1982	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	TC	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	TYT Nam Sơn, TTYT Sóc Sơn		

Chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV, V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
318	4	Phạm Thị	Nga	25/05/1990	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	TYT Phù Linh, TTYT Sóc Sơn		
319	5	Nguyễn Thị	Thuận	12/05/1987	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	TYT Xuân Thu, TTYT Sóc Sơn		
		TTYT BA VÌ														
320	1	Đỗ Thị Lan	Anh	28/11/1987	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	TYT Thụy An, TTYT Ba Vì		
321	2	Nguyễn Thị Hồng	Bích	20/08/1991	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	TYT Phong Vân, TTYT Ba Vì		
322	3	Đỗ Quốc	Đạt	25/06/1990	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	TYT Phú Đông, TTYT Ba Vì		
323	4	Vũ Thị Thúy	Dung	30/05/1990	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	TYT Phú Châu, TTYT Ba Vì		
324	5	Chu Duy	Hiếu	29/01/1986	Nam	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	TYT Vạn Thắng, TTYT Ba Vì		
325	6	Đỗ Thị	Huê	28/12/1981	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TC	TC	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	TYT Đồng Thái, TTYT Ba Vì		
326	7	Đỗ Trà	My	18/11/1991	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	TYT Minh Quang, TTYT Ba Vì		
327	8	Nguyễn Thị	Nhung	25/11/1984	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	TYT Tản Lĩnh, TTYT Ba Vì		

Chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV, V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
328	9	Chu Thị	Thành	19/11/1988	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TC	TC	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	TYT Vật Lại, TTYT Ba Vì		
		TTYT PHÚC THỌ														
329	1	Phí Thị	Huề	05/10/1988	Nữ	Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Phúc Thọ	TYT Ngọc Tảo, TTYT Phúc Thọ		
330	2	Đỗ Thị	Huyền	21/11/1987	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Phúc Thọ	TYT Liên Hiệp, TTYT Phúc Thọ		
331	3	Bùi Minh	Nghĩa	01/08/1992	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Phúc Thọ	TYT Võng Xuyên, TTYT Phúc Thọ		
332	4	Nguyễn Thị	Thuận	15/03/1987	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Phúc Thọ	TYT Phúc Hòa, TTYT Phúc Thọ		
		TTYT THẠCH THẤT														
333	1	Tạ Thị Mỹ	Hạnh	10/08/1993	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	TYT Cần Kiệm, TTYT Thạch Thất		
334	2	Nguyễn Thị	Ngọc	09/10/1993	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	TYT Thạch Xá, TTYT Thạch Thất		
335	3	Nguyễn Thanh Thanh	Trà	20/02/1992	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	TYT Lại Thượng, TTYT Thạch Thất		
336	4	Nguyễn Thị Hồng	Trang	12/11/1987	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	TYT Kim Quan, TTYT Thạch Thất	**CBB**	
337	5	Hà Thị	Xuân	01/06/1983	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	TYT Cẩm Yên, TTYT Thạch Thất		
		TTYT QUỐC OAI														

Chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV, V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
338	1	Nguyễn Thị	Thảo	24/09/1988	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	TYT Ngọc Mỹ, TTYT Quốc Oai	**CĐCĐ**	
339	2	Nguyễn Thị	Vân	24/01/1992	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	TYT Sài Sơn, TTYT Quốc Oai		
		TTYT ĐAN PHƯỢNG														
340	1	Nguyễn Thị Thanh	Sinh	25/06/1991	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Đan Phượng	TYT Thượng Mỗ, TTYT Đan Phượng		
		TTYT HOÀI ĐỨC														
341	1	Kim Thị Yến	Anh	26/08/1989	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	TYT Di Trạch, TTYT Hoài Đức		
342	2	Lê Thị	Nhung	10/03/1988	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	TYT Vân Côn, TTYT Hoài Đức		
343	3	Nguyễn Thị Hoài	Trang	08/03/1990	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	TYT Đông La, TTYT Hoài Đức		
		TTYT CHƯƠNG MỸ														
344	1	Nguyễn Thị Vân	Anh	06/09/1991	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	TYT Xuân Mai, TTYT Chương Mỹ		
345	2	Lê Thị	Hà	01/10/1983	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	TYT Trường Yên, TTYT Chương Mỹ		
346	3	Lê Thị Thu	Hà	10/05/1985	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	TYT Văn Võ, TTYT Chương Mỹ		
347	4	Nguyễn Thị	Hường	23/04/1988	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	TYT Ngọc Hòa, TTYT Chương Mỹ		

Chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV, V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
348	5	Nguyễn Thị	Hường	28/12/1971	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	TYT Thủy Xuân Tiên, TTYT Chương Mỹ		
349	6	Nguyễn Thị	Mai	24/02/1975	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	TC	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	TYT Phụng Châu, TTYT Chương Mỹ		
350	7	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	28/12/1976	Nữ	Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	TC	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	TYT Hồng Phong, TTYT Chương Mỹ	**CĐCĐ**	
351	8	Nguyễn Thị	Nhung	26/01/1974	Nữ	Nam Phương Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	TC	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	TYT Nam Phương Tiến, TTYT Chương Mỹ		
352	9	Nguyễn Thị	Tám	10/07/1981	Nữ	Hữu Văn, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	TYT Hữu Văn, TTYT Chương Mỹ		
		TTYT THANH OAI														
353	1	Nguyễn Thị	Hiền	19/04/1991	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thanh Oai	TYT Phương Trung, TTYT Thanh Oai		
354	2	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	03/08/1987	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thanh Oai	TYT Dân Hòa, TTYT Thanh Oai		
		TTYT MỸ ĐỨC														
355	1	Lê Kim	Ngân	21/12/1989	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	TYT Thượng Lâm, TTYT Mỹ Đức		
		TTYT THƯỜNG TÍN														
356	1	Bùi Thị	Anh	01/11/1989	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	TYT Nguyễn Trãi, TTYT Thường Tín		
357	2	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	13/10/1989	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	TYT Minh Cường, TTYT Thường Tín		

Chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV, V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
358	3	Lương Thị Ngọc	Bích	01/05/1984	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	TYT Hồng Vân, TTYT Thường Tín		
359	4	Tô Tất	Đạt	14/10/1988	Nam	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	TYT Thị trấn, TTYT Thường Tín	**CTB**	
360	5	Nguyễn Thị	Hà	19/11/1989	Nữ	Liên Phương, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	TYT Liên Phương, TTYT Thường Tín		
361	6	Nguyễn Thị	Hồng	08/11/1986	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	TYT Thống Nhất, TTYT Thường Tín		
362	7	Nguyễn Văn	Nam	16/03/1989	Nam	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	TYT Vân Tảo, TTYT Thường Tín		
363	8	Tạ Thị Minh	Tân	11/12/1990	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	TYT Hòa Bình, TTYT Thường Tín		
364	9	Lê Thị	Thành	23/10/1991	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	TYT Tân Minh, TTYT Thường Tín		
365	10	Nguyễn Thị	Thùy	15/03/1987	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	TYT Nghiêm Xuyên, TTYT Thường Tín		
366	11	Đỗ Hải	Yến	24/07/1985	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	TYT Tô Hiệu, TTYT Thường Tín		
		TTYT PHÚ XUYÊN														
367	1	Nguyễn Thị	Dung	26/01/1983	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	TYT Hoàng Long, TTYT Phú Xuyên		
368	2	Nguyễn Thị Thu	Hiền	02/08/1991	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	TYT Hồng Thái, TTYT Phú Xuyên		

Chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV, V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
369	3	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	23/09/1988	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	TYT Quang Trung, TTYT Phú Xuyên		
370	4	Phan Thị	Tuyền	11/07/1988	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	TYT Nam Phong, TTYT Phú Xuyên		
371	5	Mai Thị	Thu	02/10/1988	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	TYT TT Phú Minh, TTYT Phú Xuyên		
372	6	Vũ Thị	Ý	12/02/1988	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	TYT Phúc Tiến. TTYT Phú Xuyên		
		TTYT SƠN TÂY														
373	1	Nguyễn Thị	Hoa	04/07/1990	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Sơn Tây	TYT Trung Hưng, TTYT Sơn Tây		
374	2	Lê Thị Thanh	Huyền	09/08/1983	Nữ	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Sơn Tây	TYT Thanh Mỹ, TTYT Sơn Tây		
		TTYT ỨNG HÒA														
375	1	Nguyễn Hoàng	Hà	24/10/1985	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	TYT Đồng Tiến, TTYT Ứng Hòa		
376	2	Nguyễn Thị Thu	Hương	22/02/1987	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	TC	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	TYT Đại Cường, TTYT Ứng Hòa		
377	3	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/08/1983	Nữ	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	TYT Viên Nội, TTYT Ứng Hòa		
378	4	Nguyễn Thị	Minh	31/07/1990	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	TYT Quảng Phú Cầu, TTYT Ứng Hòa		

Chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV, V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
379	5	Chu Thị	Nhớ	23/08/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	TYT Sơn Công, TTYT Ứng Hòa	**CTB**	
380	6	Nguyễn Thị Mai	Quyên	27/11/1985	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	TYT Liên Bạt, TTYT Ứng Hòa		
381	7	Trương Thị Hải	Yến	20/10/1990	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	TYT Tảo Dương Văn, TTYT Ứng Hòa		
		TTYT HÀ ĐÔNG														
382	1	Lê Thị	Hằng	12/05/1980	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hà Đông	TYT Phúc La, TTYT Hà Đông		
383	2	Nguyễn Thị	Hiệp	04/05/1985	Nữ	Kim An, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hà Đông	TYT Đồng Mai, TTYT Hà Đông		
384	3	Lê Quang	Huy	30/12/1988	Nam	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hà Đông	TYT Hà Cầu, TTYT Hà Đông		
385	4	Hồ Thu	Huyền	21/04/1980	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hà Đông	TYT Nguyễn Trãi, TTYT Hà Đông		
386	5	Trần Thị	Lan	08/04/1987	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hà Đông	TYT Văn Quán, TTYT Hà Đông		
387	6	Nguyễn Thị	Sinh	14/08/1993	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hà Đông	TYT Vạn Phúc, TTYT Hà Đông		
388	7	Nguyễn Thị	Thu	25/07/1988	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Hà Đông	TYT Biên Giang, TTYT Hà Đông	**CTB**	
		TTYT MÊ LINH														
389	1	Nguyễn Thị	Anh	02/06/1987	Nữ	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	TYT Mê Linh, TTYT Mê Linh		

Chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV, V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
390	2	Đặng Văn	Đinh	04/04/1987	Nam	Vạn Yên, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	TYT Tự Lập, TTYT Mê Linh		
391	3	Vũ Thị Kim	Huệ	28/01/1985	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	TYT Thanh Lâm, TTYT Mê Linh		
392	4	Nguyễn Thị	Huyền	25/07/1990	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	TYT Chi Đông, TTYT Mê Linh		
393	5	Nguyễn Thị	Ly	15/09/1989	Nữ	Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	TYT Quang Minh, TTYT Mê Linh		
394	6	Phùng Quang	Phát	03/07/1992	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	TYT Đại Thịnh, TTYT Mê Linh		
395	7	Lê Thị	Phượng	25/04/1986	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	**Dược hạng IV**	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	TYT Tráng Việt, TTYT Mê Linh		

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Mẫu 1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 271 /QĐ-SYT ngày 09 / 3 /2020 của Sở Y tế Hà Nội)

Chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*	*18*
		TTYT LONG BIÊN														
396	1	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	15/12/1990	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Long Biên	TYT Thượng Thanh, TTYT Long Biên		
397	2	Tạ Thị	Hường	11/05/1990	Nữ	Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Long Biên	TYT Ngọc Thụy, TTYT Long Biên		
		TTYT GIA LÂM														
398	1	Nguyễn Thị Minh	Hằng	01/11/1991	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Gia Lâm	TYT Dương Xá, TTYT Gia Lâm		
399	2	Nguyễn Thị	Châm	03/08/1983	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Gia Lâm	TYT Đặng Xá, TTYT Gia Lâm		
		TTYT SÓC SƠN														
400	1	Đỗ Thị Thu	Hương	12/10/1986	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Sóc Sơn	TYT Thị Trấn Sóc Sơn, TTYT Sóc Sơn		
401	2	Nguyễn Xuân	Thuỷ	01/08/1988	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Sóc Sơn	TYT Tân Minh, TTYT Sóc Sơn		
		TTYT BA VÌ														
402	1	Chu Thị Thu	Hà	05/12/1985	Nữ	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Ba Vì	TYT Tản Linh, TTYT Ba Vì		
403	2	Lê Thị	Ngọc	02/08/1985	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Ba Vì	TYT Tây Đằng, TTYT Ba Vì		

Chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên
											Tên CDNN	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*
404	3	Nguyễn Thị Thúy	Vân	01/07/1990	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Ba Vì	TYT Phú Sơn, TTYT Ba Vì	
		TTYT THẠCH THẤT													
405	1	Nguyễn Thị	Hằng	22/04/1991	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Thạch Thất	TYT Đồng Trúc, TTYT Thạch Thất	
406	2	Nguyễn Thị	Vân	06/10/1985	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Thạch Thất	TYT Hạ Bằng, TTYT Thạch Thất	**CBB**
		TTYT QUỐC OAI													
407	1	Nguyễn Thị	Hằng	27/07/1982	Nữ	Tân Phú, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Quốc Oai	TYT Tân Phú, TTYT Quốc Oai	
408	2	Nguyễn Thị	Nhung	30/12/1988	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	LTVLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Quốc Oai	TYT Nghĩa Hương, TTYT Quốc Oai	
409	3	Nguyễn Thị	Sáu	18/12/1972	Nữ	Đông Xuân, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Quốc Oai	TYT Đông Xuân,TTYT Quốc Oai	**DTTS**
410	4	Cấn Thị Thu	Thương	15/01/1987	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Quốc Oai	TYT Hòa Thạch, TTYT Quốc Oai	
411	5	Vương Huyền	Trang	09/12/1986	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Quốc Oai	TYT Cộng Hòa, TTYT Quốc Oai	
		TTYT ĐAN PHƯỢNG													
412	1	Lê Thị	Ánh	30/10/1989	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Đan Phượng	TYT Thọ Xuân, TTYT Đan Phượng	
		TTYT HOÀI ĐỨC													

Chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên
											Tên CDNN	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*
413	1	Nguyễn Thị Thu	Anh	08/08/1982	Nữ	Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LTVLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Hoài Đức	TYT Di Trạch, TTYT Hoài Đức	
414	2	Nguyễn Thị	Chinh	15/10/1984	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LTVLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Hoài Đức	TYT An Khánh, TTYT Hoài Đức	
415	3	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	03/07/1990	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Hoài Đức	TYT Lại Yên, TTYT Hoài Đức	
416	4	Nguyễn Thị	Thủy	10/07/1985	Nữ	Đông La, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Hoài Đức	TYT Đông La, TTYT Hoài Đức	
		TTYT THANH OAI													
417	1	Lương Thị	Luyến	29/03/1988	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Thanh Oai	TYT Hồng Dương, TTYT Thanh Oai	
		TTYT MỸ ĐỨC													
418	1	Nguyễn Thị	Sen	08/11/1986	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Mỹ Đức	TYT Phùng Xá, TTYT Mỹ Đức	
		TTYT THƯỜNG TÍN													
419	1	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	28/04/1989	Nữ	Chương Dương, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Thường Tín	TYT Chương Dương, TTYT Thường Tín	
		TTYT PHÚ XUYÊN													
420	1	Phạm Thị	Mai	30/10/1991	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Phú Xuyên	TYT Nam Triều TTYT Phú Xuyên	
		TTYT HÀ ĐÔNG													

Chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên
											Tên CDNN	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*17*
421	1	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/08/1992	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Hà Đông	TYT Nguyễn Trãi, TTYT Hà Đông	
422	2	Bùi Thị	Tuyên	25/08/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Hà Đông	TYT Phúc La, TTYT Hà Đông	
423	3	Nguyễn Thị	Thiêm	17/10/1982	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Đông	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	**Hộ sinh hạng IV**	V.08.06.16	TTYT Hà Đông	TYT Hà Cầu, TTYT Hà Đông	

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Mẫu 1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày / /2020 của Sở Y tế Hà Nội)

Chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng IV, V.08.07.19

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đơn vị hiện đang công tác	Diện ưu tiên	Ghi chú
										Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
	TTYT LONG BIÊN														
424	Vũ Thị Xuân	Ngoan	26/03/1974	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	**Kỹ thuật y hạng IV**	V.08.07.19	TTYT Long Biên	TYT Thạch Bàn, TTYT Long Biên		

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI															
1	1	Thành Xuân	Anh	05/12/1987	Nữ	Mễ Tri, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
2	2	Phạm Đức	Anh	19/11/1992	Nam	Nguyễn Thái Học, Yên Bái	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3	3	Trần Bảo	Châu	02/10/1988	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4	4	Lê Thị Kim	Chính	11/09/1990	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5	5	Nguyễn Thị	Dung	12/09/1982	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	Ths	TT	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
6	6	Trần Văn	Dũng	02/04/1988	Nam	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
7	7	Đỗ Xuân	Hai	12/03/1985	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	CKI	TT	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
8	8	Đào Xuân	Hải	02/09/1992	Nam	Văn Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	Ths, BSNT	CQ	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**CĐCĐ**		
9	9	Đặng Thị Thu	Hiền	06/06/1983	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
10	10	Trần Thùy	Linh	06/10/1987	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
11	11	Phạm Quỳnh	Ly	17/09/1991	Nữ	Đông Kinh, Lạng Sơn, Lạng Sơn	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
12	12	Nguyễn Thành Sao	Mai	14/09/1991	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**CTB**		
13	13	Nguyễn Thị	Nga	11/03/1988	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
14	14	Phạm Văn	Nguyên	13/06/1994	Nam	Tiến Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
15	15	Nguyễn Thị	Nguyệt	15/08/1989	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
16	16	Nguyễn Thanh	Phương	05/07/1994	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
17	17	Nguyễn Khắc	Toản	23/06/1989	Nam	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**CTB**		
18	18	Đồng Thu	Trang	17/10/1986	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
19	19	Vũ Thị	Trúc	01/07/1987	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
20	20	Đinh Quang	Trung	13/04/1994	Nam	Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
21	21	Phạm Xuân	Trường	14/12/1983	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
22	22	Đinh Trần	Vũ	18/08/1990	Nữ	Thanh Quang, Nam Sách, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
23	23	Phạm Khương	Vũ	12/03/1992	Nam	Hoa Lư, Pleiku, Gia Lai	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
24	24	Nguyễn Ngọc	Anh	14/11/1992	Nữ	Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La, Sơn La	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
25	25	Thiều Thị Thanh	Vân	31/08/1991	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
		BV UNG BƯỚU HÀ NỘI															
26	1	Lê Ngọc	Anh	01/01/1990	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
27	2	Nguyễn Hoàng	Anh	19/03/1990	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
28	3	Lê Thành	Chung	23/09/1991	Nam	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
29	4	Nguyễn Hoàng	Dương	20/08/1991	Nam	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
30	5	Phạm Đắc	Đông	21/12/1991	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
31	6	Trịnh Thu	Hà	25/08/1992	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
32	7	Trần Thanh	Hà	18/10/1988	Nữ	Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
33	8	Trần Thị Diệu	Huyền	17/10/1992	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
34	9	Vũ Thị Minh	Hương	14/06/1991	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
35	10	Đinh Thị Lan	Hương	04/07/1993	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
36	11	Nguyễn Văn	Khải	01/01/1987	Nam	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
37	12	Nguyễn Duy	Khoa	29/06/1989	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
38	13	Lê Phương	Linh	29/12/1981	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
39	14	Phan Thị Diệu	Linh	09/04/1991	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
40	15	Hồ Hoàng	Nam	12/03/1991	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
41	16	Phùng Ngọc	Nam	10/04/1990	Nam	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
42	17	Đỗ Minh	Ngọc	05/12/1991	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
43	18	Ngô Minh	Phúc	18/09/1993	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
44	19	Đinh Việt	Phúc	02/09/1991	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
45	20	Phạm Hoài	Phương	04/09/1992	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
46	21	Nguyễn Quang	Tuấn	05/01/1990	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
47	22	Nguyễn Văn	Thắng	17/08/1993	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh	**CĐCĐ**		
48	23	Nguyễn Nguyên	Thúy	02/11/1988	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	**Bác sỹ Ung thư**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
49	24	Chử Quốc	Công	22/11/1982	Nam	Quang Trung, Sơn Tây, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
50	25	Lê Đỗ	Đạt	01/12/1992	Nam	Đông Cương, Thanh Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
51	26	Trần Hiệp	Hòa	23/12/1991	Nam	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
52	27	Đỗ Thị Phương	Lan	02/06/1991	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
53	28	Nguyễn Văn	Quân	12/01/1991	Nam	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
54	29	Nguyễn Văn	Thiệu	25/05/1992	Nam	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
55	30	Mầu Thị	Tuyến	01/11/1991	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Huyết học truyền máu)	**Bác sỹ Huyết học truyền máu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
56	31	Nguyễn Thị	Hải	01/11/1991	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Giải phẫu bệnh)	**Bác sỹ Giải phẫu bệnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Ung Bướu HN	Anh			
		BV MẮT HÀ NỘI															
57	1	Trần Thị Giang	Anh	14/02/1992	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Nội	Anh			
58	2	Lê Thị Ngọc	Diệp	16/01/1992	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Nội	Anh			
59	3	Trần Ngọc	Hưng	13/10/1987	Nam	Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Nội	Anh			
60	4	Phạm Nhật	Minh	06/07/1991	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V 08.01.03	BV Mắt Hà Nội	Anh			
61	5	Đào Ngọc	Mai	10/09/1992	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V 08.01.03	BV Mắt Hà Nội	Anh			
62	6	Trần Thị Như	Ngọc	10/03/1994	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Nội	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
63	7	Phạm Văn	Nguyên	23/07/1984	Nam	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Nội	Anh			
64	8	Trần Hồng	Nhung	02/03/1992	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Nội	Anh			
65	9	Vũ Thị	Thúy	21/12/1989	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Nội	Anh			
66	10	Nguyễn Văn	Giáp	03/09/1986	Nam	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Nội	Anh			
67	11	Trần Vương	Hải	11/09/1987	Nam	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Nội	Anh			
		BV MẮT HÀ ĐÔNG															
68	1	Lê Thị	Dịu	31/05/1990	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh			
69	2	Tôn Việt	Dũng	30/03/1991	Nam	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh			
70	3	Lê Phi	Hoàng	04/10/1991	Nam	Hải Nam, Hải Hậu, Nam Định	BSNT	CQ	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Nhãn khoa)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh			
71	4	Vũ Dương	Hồng	17/12/1991	Nam	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh			
72	5	Vũ Đình	Nho	18/10/1993	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
73	6	Vũ Tạ Hồng	Quân	06/08/1994	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh			
74	7	Nguyễn Ngọc	Sơn	26/01/1979	Nam	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
75	8	Trương Thị Thanh	Thảo	21/11/1988	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh			
76	9	Nguyễn Thị Hà	Trang	12/05/1993	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh			
77	10	Nguyễn Thị Thu	Uyên	12/06/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh			
78	11	Nguyễn Thế	Vinh	19/10/1986	Nam	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh	**CBB**		
79	12	Phạm Quỳnh	Anh	20/10/1992	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
80	13	Trương Thị Lan	Anh	10/07/1991	Nữ	Bà Triệu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
81	14	Lê Thúy	Ngân	18/06/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh			
82	15	Nguyễn Long	Quân	11/11/1984	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh			
83	16	Lương Thị Trà	Giang	17/12/1987	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Mắt Hà Đông	Anh	**DTTS**		
		BV DA LIỄU HÀ NỘI															
84	1	Vũ Xuân	Ánh	28/11/1989	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Da liễu Hà Nội	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT DV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
85	2	Trần Mạnh	Hùng	17/05/1993	Nam	Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Da liễu Hà Nội	Anh			
86	3	Vũ Thị Mai	Huyền	19/12/1994	Nữ	Diễn Hồng, Diễn Châu, Nghệ An	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Da liễu Hà Nội	Anh			
87	4	Đỗ Thùy	Linh	17/09/1992	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Da liễu Hà Nội	Anh			
88	5	Cao Xuân	Linh	27/12/1990	Nam	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V 08.01.03	BV Da liễu Hà Nội	Anh			
89	6	Lê Hải	Yến	09/10/1994	Nữ	Thượng Trưng, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Da liễu Hà Nội	Anh			
		BV HỮU NGHỊ VIỆT NAM, CU BA															
90	1	Nguyễn Thị Phúc	An	10/10/1983	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
91	2	Nguyễn Thị Bích	Hường	11/05/1971	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
92	3	Nghiêm Thọ	Thông	04/10/1976	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
93	4	Nguyễn Thị	Hương	10/06/1990	Nữ	Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam	Ths	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
94	5	Phạm Thanh	Huyền	20/11/1982	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
95	6	Nguyễn Thị	Thảo	12/04/1977	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V 08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
96	7	Phan Thị Thu	Thảo	28/02/1990	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
97	8	Nguyễn Thị Nhật	Lê	19/08/1987	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
98	9	Chu Thị	Nết	27/10/1984	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
99	10	Nguyễn Trung	Nghĩa	13/09/1988	Nam	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Nha khoa	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Pháp			
100	11	Đỗ Thị Lan	Anh	20/05/1995	Nữ	Đồi Ngô, Lục Nam, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
101	12	Bùi Thị Bông	Hồng	17/02/1994	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
102	13	Nguyễn Hồng	Nhung	18/02/1994	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
103	14	Bùi Trí	Thức	01/11/1993	Nam	Xuân Trường, Xuân Trường, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
104	15	Nguyễn Huyền	Trang	21/04/1995	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
105	16	Vũ Phương	Thanh	25/01/1989	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
106	17	Lê Huy	Thành	20/06/1986	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
107	18	Lê Thu	Trang	24/11/1987	Nữ	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
		BVĐK HÒE NHAI															
108	1	Tăng Đức	Cương	03/12/1981	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	**Bác sỹ chuyên khoa Sản**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hòe Nhai	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
109	2	Lý Việt	Hải	06/10/1981	Nam	Thuỵ Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hòe Nhai	Anh			
110	3	Đỗ Thị	Huế	04/07/1994	Nữ	Hưng Nhân, Hưng Hà, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hòe Nhai	Anh			
111	4	Đặng Thị Thư	Linh	17/08/1993	Nữ	Thanh Châu, Phủ Lý, Hà Nam	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hòe Nhai	Anh			
112	5	Phạm Ngọc	Thanh	14/10/1994	Nam	Ninh Hòa, Hoa Lư, Ninh Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hòe Nhai	Anh			
113	6	Đỗ Tiến	Thuận	12/10/1981	Nam	Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hòe Nhai	Anh			
114	7	Vũ Anh	Tuấn	28/11/1981	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hòe Nhai	Anh			
		BVĐK XANH PÔN															
115	1	Lê Bá	Đạt	07/11/1988	Nam	Đồng Tâm, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
116	2	Vũ Thu	Hoài	22/05/1991	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
117	3	Ngô Thị	Huê	02/12/1992	Nữ	Tam Giang, Yên Phong, Bắc Ninh	BSNT	CQ	Bác sỹ Gây mê hồi sức	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
118	4	Lê Thị	Nguyệt	04/06/1982	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6		8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
119	5	Hoàng Văn	Ban	08/06/1991	Nam	Liên Phương, Hưng Yên, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
120	6	Đào Nguyên	Chính	22/08/1993	Nam	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
121	7	Nguyễn Trí	Cương	19/04/1991	Nam	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Pháp			
122	8	Lê Xuân	Hiếu	18/02/1990	Nam	Phú Sơn, Thanh Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
123	9	Nguyễn Hoàng	Hòa	03/05/1972	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
124	10	Trần Việt	Hoàng	04/06/1990	Nam	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
125	11	Cấn Duy	Hùng	28/07/1991	Nam	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
126	12	Nguyễn Hữu	Hùng	27/06/1991	Nam	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
127	13	Phạm Xuân	Hưng	28/09/1991	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
128	14	Hồ Ngọc	Minh	05/10/1992	Nam	Tân Sơn, Thanh Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
129	15	Lương Minh	Quang	30/03/1986	Nam	Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
130	16	Trần	Quyết	10/09/1987	Nam	Tam Quan, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
131	17	Nguyễn Trọng	Quỳnh	10/11/1982	Nam	Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Pháp			
132	18	Lê Khánh	Trình	22/02/1990	Nam	Minh Hợp, Quỳ Hợp, Nghệ An	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
133	19	Phạm Sơn	Tùng	01/10/1992	Nam	Nông Tiến, Tuyên Quang, Tuyên Quang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
134	20	Nguyễn Hữu	Viện	17/10/1992	Nam	Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
135	21	Đỗ Thị Trâm	Anh	27/06/1988	Nữ	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
136	22	Đào Trường	Giang	16/10/1989	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh	**CTB**		
137	23	Nguyễn Đăng	Hải	01/06/1992	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
138	24	Nguyễn Đăng	Hoàn	29/05/1989	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Pháp			
139	25	Nguyễn Hoài	Nam	30/11/1989	Nam	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
140	26	Quách Vân	Nam	16/12/1992	Nam	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
141	27	Kiều Thủy	Ngân	05/11/1990	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4		6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
142	28	Đặng Quang	Nhật	25/10/1991	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
143	29	Nguyễn Thị	Nhung	06/11/1992	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BSNT	CQ	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
144	30	Phạm Hồng	Nhung	10/07/1990	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
145	31	Nguyễn Thị	Thảo	30/07/1989	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
146	32	Lê Thị	Thúy	01/02/1993	Nữ	Phú Phúc, Lý Nhân, Hà Nam	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
147	33	Nguyễn Viết	Đăng	06/02/1987	Nam	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
148	34	Trần Đăng	Huân	21/03/1993	Nam	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
149	35	Hoàng Thanh	Huyền	17/08/1992	Nữ	Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ Hồi sức cấp cứu	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
150	36	Lê Thị	Nhài	22/10/1991	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
151	37	Ngô Thị Thu	Trang	06/09/1985	Nữ	Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nội chung)	**Bác sỹ Nội**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh	CBB		
152	38	Phương Văn	Sơn	15/04/1992	Nam	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội khoa)	**Bác sỹ Nội**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
153	39	Trần Duy	Thanh	09/11/1994	Nam	Mỹ Xá, Nam Định, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội soi tiêu hóa)	**Bác sỹ Nội soi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
154	40	Trần Văn	Thanh	10/09/1990	Nam	Vĩnh Ninh, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội soi tiêu hóa)	**Bác sỹ Nội soi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
155	41	Bùi Tuấn	Vũ	10/01/1991	Nam	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh	**CTB**		
156	42	Võ Hải	Yến	12/03/1993	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
157	43	Đàm Thanh	Hương	07/12/1993	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hóa sinh)	**Bác sỹ Sinh hóa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
158	44	Đặng Thị	Nga	20/04/1992	Nữ	Vũ Lạc, Thái Bình, Thái Bình	BSNT	CQ	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Hóa sinh)	**Bác sỹ Sinh hóa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
159	45	Hà Danh	Đạo	01/06/1980	Nam	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Pháp			
160	46	Vũ Thuận Thanh	Trà	16/10/1992	Nữ	Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
161	47	Lưu Hồng	Hạnh	22/11/1992	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V 08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
162	48	Trương Thị	Ngà	03/05/1989	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V 08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
163	49	Phạm Phương	Thảo	09/06/1982	Nữ	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Răng hàm mặt)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V 08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
164	50	Hà Mạnh	Hồng	05/01/1991	Nam	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
165	51	Hoàng Huy	Tùng	30/12/1991	Nam	Đông Hưng, Thanh Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
		BV THANH NHÀN															
166	1	Nguyễn Thị	Hà	06/03/1992	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
167	2	Võ Thị Thanh	Nga	30/10/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
168	3	Dương Thúy	Quỳnh	04/07/1993	Nữ	Tiên Hưng, Lục Nam, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
169	4	Đỗ Phương	Thảo	06/12/1989	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
170	5	Trần Văn	Tuấn	17/08/1993	Nam	Hải Hòa, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
171	6	Vũ Thị Quỳnh	Anh	06/10/1993	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
172	7	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/03/1989	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Pháp			
173	8	Nguyễn Thị Vân	Anh	31/07/1992	Nữ	Chu Văn An, Vĩnh Trại, Lạng Sơn	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
174	9	Phạm Văn	Biên	06/09/1992	Nam	Vĩnh Lộc, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			

I. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
175	10	Nguyễn Đình	Công	10/03/1991	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
176	11	Nguyễn Tài	Đạt	07/11/1994	Nam	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
177	12	Bùi Minh	Đạt	05/05/1992	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
178	13	Lê Thị Mỹ	Dung	11/01/1995	Nữ	Hải Triều, Tiên Lữ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
179	14	Lê Thị Thùy	Dương	14/10/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
180	15	Vũ Thị	Giang	30/08/1995	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
181	16	Nguyễn Văn	Giang	27/05/1989	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
182	17	Dương Thị Hương	Giang	24/06/1992	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
183	18	Đỗ Khánh	Hà	25/11/1993	Nữ	Bình Minh, Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
184	19	Nguyễn Đình Hoàng	Hà	30/07/1994	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
185	20	Nguyễn Thị Thu	Hằng	19/02/1992	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
186	21	Đặng Thị	Hằng	04/02/1988	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
187	22	Đinh Thị Hồng	Hạnh	08/01/1994	Nữ	Dĩnh Kế, Bắc Giang, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
188	23	Ngô Thị	Hiền	13/10/1992	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
189	24	Ngô Thị	Hoa	04/10/1988	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
190	25	Đinh Văn	Hoàng	25/08/1989	Nam	Tăng Tiến, Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
191	26	Nguyễn Minh	Hoàng	04/11/1993	Nam	Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
192	27	Nguyễn Thị	Hợp	04/02/1992	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
193	28	Trần Quốc	Khánh	03/09/1991	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
194	29	Nguyễn Thị	Linh	11/03/1988	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
195	30	Trương Vinh	Long	17/05/1991	Nam	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
196	31	Nguyễn Hùng	Nam	30/09/1993	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
197	32	Nguyễn Hoài	Nam	10/04/1992	Nam	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
198	33	Lê Đoàn	Ngọc	25/03/1992	Nam	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
199	34	Hà Viết	Ngọc	01/09/1991	Nam	Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
200	35	Nguyễn Thị Như	Ngọc	15/04/1993	Nữ	Việt Hòa, Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
201	36	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	18/07/1990	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
202	37	Đỗ Thị	Nhâm	03/07/1991	Nữ	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
203	38	Trần Thị Hồng	Nhung	27/10/1992	Nữ	Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
204	39	Nguyễn Thị	Nhung	25/09/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
205	40	Phạm Thị	Oanh	02/11/1995	Nữ	Thanh Hải, Thanh Hà, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
206	41	Nguyễn Tuấn	Phong	24/07/1992	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Pháp			
207	42	Tô Lan	Phương	06/12/1992	Nữ	Bắc Lệnh, Lào Cai, Lào Cai	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
208	43	Nguyễn Trọng	Quyền	10/09/1995	Nam	Thạch Lưu, Thạch Hà, Hà Tĩnh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh	**CTB**		
209	44	Hoàng Anh	Tài	24/04/1991	Nam	Chính Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
210	45	Dương Văn	Tân	05/01/1991	Nam	Tân Lãng, Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
211	46	Vũ Hồng	Thái	03/01/1991	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Pháp			
212	47	Chu Đức	Thắng	28/05/1993	Nam	Đồng Than, Yên Mỹ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
213	48	Nguyễn Thị	Thảo	14/11/1994	Nữ	Vĩnh Hồng, Bình Giang, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
214	49	Lê Hương	Thảo	14/06/1989	Nữ	Minh Nông, Việt Trì, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
215	50	Lại Việt	Thịnh	13/11/1993	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
216	51	Nguyễn Văn	Thuyên	03/07/1992	Nam	Văn Tảo, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
217	52	Lê Minh	Tiến	23/11/1993	Nam	Hải Triều, Tiên Lữ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
218	53	Trần Thanh	Trà	10/11/1993	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
219	54	Ngô Thị	Trang	16/01/1994	Nữ	Nghĩa Hội, Nghĩa Đàn, Nghệ An	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
220	55	Nguyễn Ngọc	Trung	19/04/1991	Nam	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
221	56	Bùi Anh	Tuấn	06/05/1994	Nam	Lộc Hòa, Nam Định, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
222	57	Lê Thị	Tuyến	09/10/1993	Nữ	Hợp Lý, Triệu Sơn, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
223	58	Dương Thị	Tuyết	02/05/1995	Nữ	Trung Hòa, Yên Mỹ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
224	59	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	18/10/1989	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
225	60	Lê Thị Hương	Chà	26/02/1993	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
226	61	Trần Thị	Hằng	07/11/1987	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
227	62	Trịnh Thị Hoàng	Anh	25/08/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
228	63	Trương Quý	Hoàng	15/11/1990	Nam	Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
229	64	Phạm Thị Kim	Huệ	16/08/1989	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
230	65	Nguyễn Hữu	Quân	02/01/1993	Nam	Hoằng Đồng, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
231	66	Đoàn Quang	Tuệ	25/12/1990	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
232	67	Phạm Thị	Biển	10/08/1989	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
233	68	Nguyễn Ngọc	Quân	08/09/1989	Nam	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
234	69	Ngô Thị	Thảo	03/12/1991	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
235	70	Phạm Thị	Liên	23/03/1991	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Huyết học truyền máu)	**Bác sỹ Huyết học truyền máu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh	**CTB**		
236	71	Vũ Khang	Ninh	29/11/1990	Nam	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
237	72	Nguyễn Hương	Giang	29/06/1993	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
238	73	Lê Xuân	Hưng	03/09/1991	Nam	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
239	74	Vũ Thị	Mai	13/11/1992	Nữ	Nam Cường, Nam Trực, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
240	75	Lê Thanh	Tùng	27/07/1992	Nam	Thúy Lĩnh, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
241	76	Nguyễn Quang	Bình	13/09/1991	Nam	Bồ Xuyên, Thái Bình, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
242	77	Bùi Thế	Hà	22/04/1993	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
243	78	Phùng Văn	Hiếu	01/03/1992	Nam	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Răng miệng, định hướng Hàm mặt)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
244	79	Nguyễn Đức	Khương	16/10/1993	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
245	80	Lê Thị	Thanh	17/07/1981	Nữ	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Răng hàm mặt)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
246	81	Nguyễn Thị Bích	Thảo	11/10/1995	Nữ	Trung Hà, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
247	82	Nguyễn Thị	Hằng	10/11/1991	Nữ	Đức Long, Quế Võ, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
248	83	Nguyễn Văn	Long	06/04/1990	Nam	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
249	84	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/07/1991	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Pháp			
250	85	Đặng Anh	Dũng	01/01/1988	Nam	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
251	86	Bàn Thị	Dần	25/09/1987	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Vi sinh)	**Bác sỹ Vi sinh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh	**DTTS**		
252	87	Nguyễn Thị Hải	Anh	14/07/1993	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
253	88	Nguyễn Trung	Anh	30/01/1995	Nữ	Trường Minh, Bắc Cường, Lào Cai	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
254	89	Trương Văn	Cường	21/10/1980	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
255	90	Lê Anh	Dũng	12/10/1989	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
256	91	Nguyễn Thị Mai	Hạnh	07/05/1993	Nữ	Cầu Gồ, Yên Thế, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
257	92	Nguyễn Thị	Hoa	19/11/1991	Nữ	Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
258	93	Nguyễn Thị Phương	Hoa	06/02/1992	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	LK	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
259	94	Nguyễn Thị	Hương	29/05/1994	Nữ	Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
260	95	Lê Thị Thu	Hương	22/05/1993	Nữ	Tuân Chính, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Trung			
261	96	Lương Như	Khôi	10/07/1983	Nam	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
262	97	Nguyễn Thị Phương	Lan	20/12/1987	Nữ	Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
263	98	Đỗ Thị Thùy	Liên	23/02/1994	Nữ	Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
264	99	Lê Thúy	Linh	24/11/1993	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
265	100	Trần Mỹ	Linh	26/11/1994	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
266	101	Lê Xuân	Lực	06/09/1990	Nam	Tây Hồ, Thọ Xuân, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
267	102	Trần Thị Thúy	Ngân	14/05/1991	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
268	103	Nguyễn Hữu	Tân	30/03/1991	Nam	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
269	104	Nguyễn Thị	Thảo	18/09/1994	Nữ	Phương Khoan, Sông Lô, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
270	105	Nguyễn Đình	Tới	04/01/1992	Nam	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
271	106	Phạm Văn	Tuân	03/01/1992	Nam	Tân Khánh, Vụ Bản, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
272	107	Lê Thị Ánh	Tuyết	15/10/1983	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thanh Nhàn	Anh			
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
273	1	Dương Minh	Ngọc	28/05/1992	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh	CTB		
274	2	Nguyễn Tiến	Dũng	09/03/1994	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức tích cực**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
275	3	Nguyễn Thị	Hạnh	13/09/1991	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
276	4	Lê Thị	Ngọc	27/11/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Vi sinh)	**Bác sỹ Vi sinh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
277	5	Nguyễn Hồng	Hạnh	06/12/1994	Nữ	Đa Lộc, Ân Thi, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
278	6	Nguyễn Thị	Liệu	08/04/1995	Nữ	Yên Cường, Ý Yên, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
279	7	Trần Thị Tuyết	Mai	07/01/1992	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
280	8	Quách Văn	Thảo	05/12/1991	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
281	9	Tiêu Thị Thu	Trang	14/12/1991	Nữ	Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
282	10	Nguyễn Đình	Tuyên	14/09/1995	Nam	Đào Mỹ, Lạng Giang, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
283	11	Phạm Thị Cẩm	Vân	09/09/1991	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
284	12	Hoàng Thị	Sen	03/11/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tim mạch)	**Bác sỹ Tim mạch**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
285	13	Nguyễn Anh	Tuấn	31/05/1987	Nam	Lương Châu, Sông Công, Thái Nguyên	Ths	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt (thạc sỹ Răng hàm mặt)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
286	14	Trần Thị	Hiền	21/09/1992	Nữ	Tiến Đức, Hưng Hà, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
287	15	Nguyễn Thị Minh	Hoài	12/02/1990	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
288	16	Hoàng Cao	Tân	09/05/1991	Nam	Nguyên Lý, Lý Nhân, Hà Nam	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
289	17	Hoàng Thị	Anh	04/03/1993	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
290	18	Quách Thị	Lan	20/01/1988	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông , Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
291	19	Trần Đức	Anh	01/11/1986	Nam	Ngô Thì Nhậm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
292	20	Ngô Thị	Phương	08/10/1994	Nữ	An Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đống Đa	Anh			
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
293	1	Nguyễn Đức	Hiếu	10/09/1992	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V 08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
294	2	Đặng Thị	Hạnh	24/06/1994	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
295	3	Nguyễn Đức Quang	Huy	07/12/1994	Nam	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
296	4	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/01/1994	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
297	5	Nguyễn Thị Hồng	Vân	06/12/1991	Nữ	Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
298	6	Kiều Vân	Anh	20/12/1991	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
299	7	Đào Hải	Anh	11/12/1993	Nữ	Ngô Quyền, Bắc Giang, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
300	8	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
301	9	Nguyễn Đức	Cường	26/03/1993	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
302	10	Ngô Minh	Đạt	23/04/1993	Nam	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
303	11	Nguyễn Thị	Dung	25/05/1992	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
304	12	Nguyễn Văn	Dũng	02/12/1994	Nam	Văn Cầm, Hưng Hà, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
305	13	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/12/1993	Nữ	Chăm Mát, Hòa Bình, Hòa Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
306	14	Bùi Thanh	Hải	20/03/1995	Nam	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
307	15	Trần Thị	Hòa	09/07/1991	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
308	16	Nguyễn Vũ	Hoàn	26/03/1983	Nam	Đức Chính, Cẩm Giàng, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
309	17	Vũ Quốc	Hùng	04/09/1994	Nam	Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
310	18	Nguyễn Thu	Hương	28/10/1987	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Pháp			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
311	19	Phạm Thị	Hương	25/11/1995	Nữ	Chí Hòa, Hưng Hà, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
312	20	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	26/12/1993	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
313	21	Nguyễn Văn Tuấn	Khang	28/11/1994	Nam	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
314	22	Nguyễn Phương	Linh	26/09/1994	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
315	23	Vũ Thị	Lý	26/07/1994	Nữ	Toàn Thắng, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
316	24	Ngô Thị	Phượng	28/12/1991	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
317	25	Lê Hồng	Quân	09/10/1994	Nam	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
318	26	Phạm Văn	Thanh	10/02/1992	Nam	Phù Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
319	27	Nguyễn Thị	Thòa	07/09/1993	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
320	28	Nguyễn Thị	Thuần	16/03/1992	Nữ	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
321	29	Nguyễn Thu	Thủy	04/11/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
322	30	Dương Thị Thu	Thủy	02/06/1990	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
323	31	Phùng Huyền	Trang	24/11/1994	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
324	32	Đào Quỳnh	Trang	15/10/1993	Nữ	Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
325	33	Nguyễn Thu	Trang	11/06/1993	Nữ	Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
326	34	Vũ Thị	Trang	26/07/1991	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
327	35	Hoàng Bá Xuyên	Trường	07/10/1992	Nam	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
328	36	Đỗ Sơn	Tùng	16/03/1994	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
329	37	Nguyễn Xuân	Việt	30/09/1995	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
330	38	Nguyễn Đôn	Dũng	10/10/1992	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
331	39	Nguyễn Duy	Hiệp	20/11/1991	Nam	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
332	40	Nguyễn Đức	Mạnh	10/03/1992	Nam	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
333	41	Nguyễn Trọng	Nghĩa	22/06/1992	Nam	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	**Anh**			
334	42	Phạm Văn	Thắng	13/09/1993	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	**Anh**			
335	43	Trần Quyết	Tiến	29/05/1994	Nam	Phú Phúc, Lý Nhân, Hà Nam	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
336	44	Nguyễn Xuân	Trường	01/09/1994	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại chung)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
337	45	Hoàng Văn	Vạn	09/02/1992	Nam	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại chung)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
338	46	Nguyễn Đình	Duy	15/06/1994	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
339	47	Lưu Thị Phương	Thảo	27/09/1993	Nữ	Thái Long, TP Tuyên Quang, Tuyên Quang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh	**DTTS**		
340	48	Nguyễn Thị Vân	Trang	15/07/1991	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
341	49	Nguyễn Thị Hà	Trang	10/03/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
342	50	Vũ Thị Hồng	Duyên	08/12/1993	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
343	51	Nguyễn Thiện Thanh	Thủy	02/07/1991	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
344	52	Trần Duy	Hoàng	26/07/1993	Nam	Hợp Thành, Cao Lộc, Lạng Sơn	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh	DTTS		
345	53	Đỗ Minh	Thu	28/08/1991	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh	CTB		
346	54	Bùi Bích	Ngân	12/09/1992	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
347	55	Nguyễn Thị	Thúy	13/05/1994	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
348	56	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/06/1993	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
349	57	Vũ Nhật	Tuấn	10/09/1990	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung bướu)	**Bác sỹ Ung bướu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
350	58	Mai Thùy	Dung	16/04/1993	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
351	59	Trần Đình	Thăng	02/04/1992	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
352	60	Nguyễn Thị Diệu	Liên	20/12/1993	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội tiết đái tháo đường)	**Bác sỹ Nội tiết**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
353	61	Lưu Việt	Cường	18/10/1982	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	TS	CQ	Trung y (tiến sỹ Ngoại khoa trung y)	**Bác sỹ Ngoại khoa trung Y**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài
354	62	Đinh Kim	Chi	27/10/1991	Nữ	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
355	63	Nguyễn Thị Hương	Giang	10/11/1991	Nữ	Hoa Thành, Yên Thành, Nghệ An	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
356	64	Nguyễn Thị Mai	Hương	09/07/1994	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
357	65	Phùng Thị Mai	Hương	01/12/1993	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
358	66	Đỗ Thị	Hường	29/04/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
359	67	Đinh Lê	Huy	20/11/1987	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
360	68	Trần Phương	Linh	16/01/1995	Nữ	Phường II, Thị xã Quảng Trị, Quảng Trị	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
361	69	Hoàng Ngọc	Minh	07/10/1987	Nam	Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
362	70	Lê Thị	Ngoan	08/10/1993	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
363	71	Nguyễn Thị	Thảo	08/07/1988	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
364	72	Nguyễn Thị Thu	Trang	09/09/1993	Nữ	Đồng Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			
365	73	Trần Thị Thảo	Uyên	16/05/1993	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hà Đông	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
366	1	Trần Thị Vân	Anh	02/02/1994	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh	**DTTS**		
367	2	Nguyễn Tiến	Anh	11/05/1992	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
368	3	Phạm Khắc	Cần	20/10/1982	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
369	4	Nguyễn Thành	Chí	02/11/1993	Nam	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
370	5	Vũ Văn	Đại	23/08/1991	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
371	6	Nguyễn Hải	Đăng	11/08/1993	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
372	7	Nguyễn Mạnh	Đạt	11/12/1992	Nam	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
373	8	Đặng Mạnh	Hà	21/03/1991	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
374	9	Hoàng Thị	Hiên	03/03/1993	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
375	10	Hoàng Thị Hồng	Hoa	15/03/1993	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh	**DTTS**		
376	11	Quách Trọng	Huế	18/05/1995	Nam	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
377	12	Phạm Văn	Huế	10/01/1993	Nam	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
378	13	Nguyễn Việt	Hùng	17/04/1995	Nam	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
379	14	Nguyễn Diệu	Hương	25/04/1992	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
380	15	Trần Xuân	Khải	08/01/1991	Nam	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh	**CTB**		
381	16	Lưu Thị	Nhàn	06/02/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
382	17	Bùi Thị Hạnh	Quyên	13/02/1995	Nữ	Đồng Lai, Tân Lạc, Hòa Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh	**DTTS**		

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
383	18	Nguyễn Thế	Thiên	29/07/1992	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
384	19	Đinh Thúy	Thơm	05/12/1992	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh	**CTB**		
385	20	Nguyễn Thị Bích	Thụy	07/04/1993	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
386	21	Nguyễn Văn	Toàn	01/05/1987	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh	**CTB**		
387	22	Lê Thanh	Tuyền	19/09/1995	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
388	23	Hoàng Thị Thanh	Hương	22/11/1994	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
389	24	Phạm Thị Kim	Chi	08/07/1991	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
390	25	Dương Thị	Diệp	26/08/1992	Nữ	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
391	26	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	04/11/1994	Nữ	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
392	27	Đoàn Thị Thu	Hằng	30/08/1993	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh	**CTB**		
393	28	Nguyễn Thị	Phương	03/06/1993	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
394	29	Trịnh Thị Thanh	Tâm	21/04/1995	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Vân Đình	Anh			
		BVĐK ĐỨC GIANG															
395	1	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	11/03/1992	Nữ	Hồng An, Hưng Hà, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
396	2	Lưu Thị	Chinh	26/09/1991	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
397	3	Nguyễn Chí	Công	08/01/1989	Nam	Nguyên Lý, Lý Nhân, Hà Nam	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
398	4	Nguyễn Việt	Cường	23/05/1994	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
399	5	Nguyễn Tiến	Đạt	09/11/1994	Nam	Ngô Đồng, Giao Thủy, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
400	6	Ngô Văn	Duy	20/09/1990	Nam	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
401	7	Trần Thị	Hiền	20/12/1995	Nữ	Chấn Đông, Hoàn Long, Yên Mỹ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
402	8	Nguyễn Thị	Hưng	20/06/1991	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
403	9	Chu Thị	Huyền	26/08/1992	Nữ	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
404	10	Nguyễn Thị Phương	Loan	01/11/1992	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
405	11	Nguyễn Thị	Ngân	23/02/1988	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
406	12	Hoàng Công	Nghĩa	27/03/1983	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
407	13	Trần Thị Bích	Phương	01/11/1992	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
408	14	Phạm Thu	Phương	07/05/1987	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
409	15	Đoàn Thị Ngọc	Quyên	14/07/1989	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
410	16	Hoàng Văn	Quỳnh	13/01/1995	Nam	Đoàn Tùng, Thanh Miện, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
411	17	Đỗ Anh	Sơn	01/10/1990	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
412	18	Mai Hương	Thảo	14/04/1993	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
413	19	Trần Thị Thu	Thảo	12/02/1994	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
414	20	Hoàng Thị	Thoa	07/03/1992	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh	**CBB**		
415	21	Phan Thị	Thu	25/02/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
416	22	Trần Đình	Thuận	24/12/1992	Nam	Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
417	23	Nguyễn Thị	Thủy	17/03/1991	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
418	24	Lê Thị	Thủy	17/12/1994	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
419	25	Ngô Thị Lan	Trang	26/10/1988	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
420	26	Trình Thị Linh	Trang	08/09/1993	Nữ	Phú Yên, Thọ Xuân, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
421	27	Nguyễn Mạnh	Tường	06/07/1991	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
422	28	Nguyễn Thu	Yên	30/09/1987	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Dị ứng miễn dịch lâm sàng)	**Bác sỹ Dị ứng miễn dịch lâm sàng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
423	29	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	20/02/1989	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Thần kinh)	**Bác sỹ Thần kinh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
424	30	Phan Hà	Oanh	31/10/1992	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Thần kinh)	**Bác sỹ Thần kinh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
425	31	Cao Văn	Thụ	16/08/1979	Nam	Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
426	32	Đỗ Thị Bích	Thủy	30/03/1987	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Đông y (định hướng Y học cổ truyền)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài
427	33	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/1991	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
428	34	Nguyễn Thị	Nhung	12/09/1993	Nữ	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phục hồi chức năng)	**Bác sỹ Phục hồi chức năng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
429	35	Nguyễn Hoàng	Hải	09/06/1993	Nam	Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
430	36	Doãn Vũ	Linh	12/10/1988	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
431	37	Đào Công	Thường	20/04/1991	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
432	38	Nguyễn Trọng	Đạt	14/10/1990	Nam	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
433	39	Nguyễn Văn	Khước	06/08/1991	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	**Bác sỹ ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
434	40	Trần Hoài	Nam	08/09/1990	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh	HTNV		
435	41	Phan Tiến	Dũng	09/06/1994	Nam	Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
436	42	Trịnh Thị Phương	Hạnh	12/04/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
437	43	Nguyễn Thị	Mai	11/06/1994	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
438	44	Phan Thị	Phương	26/05/1994	Nữ	Liên Khê, Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
439	45	Lê Mạnh	Trường	17/06/1991	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
440	46	Nguyễn Chi	Hiếu	07/04/1990	Nam	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
441	47	Phạm Duy	Linh	09/06/1991	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
442	48	Phạm Văn	Nghĩa	17/08/1992	Nam	Diễn Tháp, Diễn Châu, Nghệ An	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
443	49	Đặng Thùy	Linh	23/10/1992	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Huyết học truyền máu)	**Bác sỹ Huyết học truyền máu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
444	50	Lê Tuấn	Anh	27/07/1986	Nam	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Giải phẫu bệnh)	**Bác sỹ Giải phẫu bệnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đức Giang	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															
445	1	Phạm Kim	Dung	28/07/1981	Nữ	Thuỵ Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh	**CTB**		
446	2	Tô Thanh	Tâm	17/06/1995	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
447	3	Hà Thị Kiều	Trang	25/11/1992	Nữ	Đông Dương, Đông Hưng,Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
448	4	Đặng Tiến	Anh	03/07/1991	Nam	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
449	5	Lê	Bách	22/01/1993	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
450	6	Bùi Thị	Nhung	10/12/1993	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
451	7	Trần Thị Kim	Hoa	27/10/1989	Nữ	Đại Cường, Ứng Hoà, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
452	8	Trần Minh	Thu	22/10/1993	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
453	9	Phạm Thị Thanh	Bình	12/12/1991	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
454	10	Chu Thị Khánh	Chi	18/02/1994	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
455	11	Hà Minh	Đức	22/11/1995	Nam	Thái Thịnh, Thái Thụy, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
456	12	Trần Tuyết	Dung	03/10/1995	Nữ	Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
457	13	Nguyễn Thị	Hà	28/10/1987	Nữ	Thuỵ Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
458	14	Nguyễn Thị Việt	Hà	18/08/1993	Nữ	Diễn Phúc, Diễn Châu, Nghệ An	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Trung	**CĐCĐ**		
459	15	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	27/10/1995	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
460	16	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/10/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Trung			
461	17	Hồ Thị	Hoa	15/04/1994	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
462	18	Bùi Thị Kim	Hoa	23/11/1988	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
463	19	Ngô Thị	Hoà	10/05/1995		Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
464	20	Ngô Quỳnh	Hương	10/10/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
465	21	Trần Thị Thanh	Huyền	16/08/1985	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
466	22	Lê Trung	Kiên	12/09/1994	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
467	23	Trịnh Thị Mai	Liên	23/11/1984	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
468	24	Nguyễn Thị	Liễu	09/04/1994	Nữ	Phố Ràng, Bảo Yên, Lào Cai	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
469	25	Trần Diệu	Linh	14/11/1993	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
470	26	Nguyễn Thị Thùy	Linh	15/06/1995	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
471	27	Lại Phú Tâm	Linh	15/02/1985	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
472	28	Chu Thị Hà	Ly	16/08/1992	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hoà, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
473	29	Phạm Thị Thái	Minh	11/11/1993	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
474	30	Trần Thị Hồng	Minh	03/02/1980	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
475	31	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	24/09/1994	Nữ	Móng Cái, Quảng Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học bằng tiếng nước ngoài
476	32	Phạm Minh	Ngọc	27/09/1994	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
477	33	Trương Xuân	Nhân	24/08/1994	Nam	Hoằng Phụ, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
478	34	Trần Thị Hồng	Nhung	11/10/1994	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
479	35	Vũ Thị	Phương	10/08/1995	Nữ	Yên Kiện, Đoan Hùng, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
480	36	Nguyễn Thị	Phương	05/11/1994	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
481	37	Lê Minh	Phương	26/12/1994	Nam	Vực Trường, Tam Nông, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
482	38	Trần Như	Quỳnh	04/12/1993	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
483	39	Hoàng Văn	Sĩ	06/06/1991	Nam	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
484	40	Lê Kim	Thoa	19/07/1992	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
485	41	Bùi Minh	Thuận	12/12/1980	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
486	42	Nguyễn Hồng	Trang	21/07/1995	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
487	43	Trần Thị Thùy	Trang	11/12/1990	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
488	44	Vũ Thị	Trang	20/10/1991	Nữ	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
489	45	Phan Thị Thục	Trinh	16/06/1995	Nữ	Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
490	46	Nguyễn Xuân	Trường	21/03/1988	Nam	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
491	47	Lê Mạnh	Tường	01/04/1989	Nam	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
492	48	Vũ Thị Ánh	Tuyết	26/09/1995	Nữ	Tam Sơn, Sông Lô, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
493	49	Nguyễn Thị Lê	Uyên	19/10/1995	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
494	50	Phạm Thị	Xuân	01/04/1993	Nữ	Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
		BVĐK ĐÔNG ANH															

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
495	1	Ngô Thế	Cường	11/11/1994	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
496	2	Nguyễn Như	Đức	13/06/1995	Nam	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
497	3	Nguyễn Phương	Dũng	16/09/1994	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
498	4	Ngô Thanh	Hùng	05/01/1994	Nam	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
499	5	Nguyễn Thanh	Huyền	11/04/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
500	6	Nguyễn Thị	Lan	26/05/1993	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
501	7	Phạm Diệu	Linh	02/03/1994	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
502	8	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	31/05/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
503	9	Nguyễn Văn	Ngọc	16/11/1991	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
504	10	Đào Thị Mai	Ngọc	20/10/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
505	11	Nguyễn Văn	Nguyện	14/03/1993	Nam	Yên Thường, Gia Lâm,Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
506	12	Phạm Thanh	Nhan	08/04/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
507	13	Cao Thị Kim	Oanh	06/04/1993	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh,Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
508	14	Nguyễn Thạch	Phong	30/04/1990	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
509	15	Hoàng Thị	Phương	20/12/1991	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh,Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
510	16	Chu Hoàng	Sơn	04/11/1995	Nam	Cổ Loa, Đông Anh,Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
511	17	Lê Thế	Thành	06/10/1994	Nam	Sơn Dương, Sơn Dương,Tuyên Quang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
512	18	Nguyễn Phương	Thảo	14/10/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
513	19	Bùi Trọng	Thượng	25/06/1995	Nam	Chi Lăng Nam, Thanh Miện, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
514	20	Nguyễn Thu	Thủy	17/10/1995	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
515	21	Nguyễn Thị Thu	Trang	11/09/1991	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
516	22	Ngô Thùy	Trang	09/10/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
517	23	Đặng Hữu	Tùng	20/09/1989	Nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
518	24	Nguyễn Thị	Tươi	16/11/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
519	25	Hoàng Hải	Vân	20/12/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
520	26	Dương Thị Hải	Yến	15/08/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
521	27	Trịnh Đắc	Chung	27/04/1989	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
522	28	Nguyễn Thu	Giang	28/10/1990	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
523	29	Đồng Thị	Phương	26/04/1989	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh	CTB		
524	30	Nguyễn Minh	Vương	01/04/1983	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt (chuyên khoa cấp I Răng hàm mặt)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
525	31	Ngô Văn	Hải	11/08/1986	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
526	32	Nguyễn Đức	Hùng	16/11/1994	Nam	Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
527	33	Nguyễn Hồng	Quân	01/11/1994	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BVĐK QUỐC OAI															
528	1	Tạ Văn	An	04/11/1989	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh	**CTB**		
529	2	Vương Thị Thùy	Chung	06/03/1995	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
530	3	Nguyễn Mạnh	Dũng	18/05/1986	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
531	4	Nguyễn Thị	Hào	12/05/1995	Nữ	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
532	5	Nguyễn Thị	Hậu	09/06/1990	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
533	6	Nguyễn Tùng	Lâm	02/10/1995	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh	**CBB**		
534	7	Danh Thị	Lan	14/03/1995	Nữ	Dưỡng Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
535	8	Nguyễn Thị Phương	Liên	23/10/1993	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
536	9	Bùi Thị Thùy	Linh	01/05/1995	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Trung			Phiếu khai chứng chỉ tiếng anh, đăng ký thi tiếng Trung
537	10	Nguyễn Quang	Mạnh	04/11/1994	Nam	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
538	11	Nguyễn Thị	Tâm	12/10/1983	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
539	12	Nông Thị Thanh	Tần	22/03/1991	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh	**DTTS**		
540	13	Nguyễn Thị Hồng	Anh	09/06/1991	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ Đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
541	14	Nguyễn Thị Lan	Anh	28/05/1994	Nữ	Đông Xuân, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ Đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh	**DTTS**		

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
542	15	Dương Ngọc	Bích	27/07/1991	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ Đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
543	16	Nguyễn Đức	Cường	25/06/1983	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh	SQQN		
544	17	Phạm Thế	Giang	12/02/1987	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ Đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
545	18	Phan Thị	Hà	18/11/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ Đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
546	19	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	03/08/1991	Nữ	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ Đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
547	20	Đào Văn	Minh	21/05/1993	Nam	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ Đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
548	21	Tạ Thị	Phương	14/08/1993	Nữ	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
549	22	Nguyễn Thùy	Linh	15/02/1992	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ chuyên khoa Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
550	23	Nguyễn Thị	Oanh	09/12/1993	Nữ	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ chuyên khoa Nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
551	24	Kiều Văn	Hảo	03/02/1982	Nam	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh	CTB		
552	25	Nguyễn Đình	Quyền	04/09/1993	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	**Bác sỹ chuyên khoa Ngoại**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
553	26	Chu Hồng Ngọc	Linh	05/12/1993	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ chuyên khoa Sản**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
554	27	Nguyễn Thị Hải	Yến	30/10/1991	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ chuyên khoa Sản**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
555	28	Dương Nam	Thắng	17/11/1989	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Quốc Oai	Anh			
		BVĐK BA VÌ															
556	1	Nguyễn Bá	Anh	26/09/1990	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
557	2	Nguyễn Thị	Anh	05/11/1988	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	LT	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh	**DTTS**		
558	3	Vũ Thị Ngọc	Ánh	10/12/1994	Nữ	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
559	4	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1992	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh	**DTTS**		
560	5	Nguyễn Đức	Đa	12/07/1992	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
561	6	Trần Xuân	Điệp	05/09/1989	Nam	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	LT	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
562	7	Nguyễn Thị	Dung	26/05/1992	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
563	8	Phùng Hương	Giang	19/08/1993	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
564	9	Nguyễn Ngân	Hà	01/10/1991	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh	**DTTS**		
565	10	Phương Thị	Hà	23/12/1994	Nữ	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
566	11	Vũ Thị	Hạnh	22/08/1994	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
567	12	Trương Cộng	Hòa	24/06/1993	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
568	13	Đào Thị Mai	Hương	30/03/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
569	14	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/11/1993	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
570	15	Phan Tiến	Lăng	26/04/1991	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
571	16	Nguyễn Thế	Quân	17/11/1992	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh	**DTTS**		

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
572	17	Đỗ Hồng	Quang	18/10/1989	Nam	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	LT	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
573	18	Nguyễn Minh	Quyền	19/04/1992	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01 03	BVĐK Ba Vì	Anh			
574	19	Nguyễn Tiến	Sang	29/09/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
575	20	Lê Hữu	Sỹ	09/03/1985	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh	**CBB**		
576	21	Lê Minh	Thuấn	22/06/1994	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
577	22	Phạm Thu	Trang	31/08/1995	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
578	23	Phùng Công	Trang	13/09/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
579	24	Hoàng Mạnh	Trung	15/01/1994	Nam	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
580	25	Trần Thanh	Tùng	24/10/1994	Nam	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
581	26	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	20/02/1995	Nữ	Dậu Dương, Tam Nông, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
582	27	Vũ Thị	Vân	15/09/1994	Nữ	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì	Anh			
583	28	Phan Kim	Long	20/11/1991	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Ba Vì			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
		BV PHỤC HỒI CHỨC NĂNG															
584	1	Nguyễn Thị Thu	Hà	20/05/1988	Nữ	Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phục hồi chức năng	Anh			
585	2	Ngô Hoàng	Sơn	06/04/1991	Nam	Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phục hồi chức năng	Anh			
586	3	Lê Minh	Thắng	24/07/1992	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phục hồi chức năng	Anh			
		BV PHỔI HÀ NỘI															
587	1	Nguyễn Thị Mai	Anh	20/09/1991	Nữ	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
588	2	Nguyễn Tiến	Chung	21/09/1991	Nam	Cổ nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh			
589	3	Nguyễn Việt	Hà	29/09/1995	Nữ	Tuần Giáo, Tuần Giáo, Điện Biên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh			
590	4	Hà Thu	Hương	04/09/1990	Nữ	Đồng Tiến- Quỳnh Phụ, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh			
591	5	Phạm Thị	Lan	19/10/1993	Nữ	Khu 5, Tiên Lãng, Hải Phòng	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh			
592	6	Nguyễn Thị Thùy	Liên	22/09/1994	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh	**CTB**		
593	7	Phạm Thị Kim	Ngân	16/04/1994	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh			
594	8	Đặng Việt	Phong	19/01/1994	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh			
595	9	Vũ Minh	Phương	29/01/1990	Nam	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh			
596	10	Trần Thị	Thúy	28/03//1992	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh			
597	11	Trần Bảo	Trung	16/10/1991	Nam	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh			
598	12	Nguyễn Thị	Đào	19/02/1972	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	LT CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Phổi Hà Nội	Anh			
		BVĐK MỸ ĐỨC															
599	1	Nguyễn Khắc	Ba	04/04/1987	Nam	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	LTC Q	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
600	2	Lê Hồng	Chung	12/09/1990	Nam	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
601	3	Trịnh Thị	Huệ	20/12/1982	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
602	4	Nguyễn Việt	Hùng	10/10/1989	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
603	5	Đào Văn	Hướng	19/11/1991	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
604	6	Lê Văn	Kiên	25/06/1995	Nam	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mỹ Đức	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
605	7	Trần Trọng	Tường	27/07/1989	Nam	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
606	8	Lê Công	Định	30/11/1984	Nam	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
607	9	Nghiêm Thị	Ngân	06/04/1991	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
608	10	Chu Như	Viên	02/06/1990	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
		BV TÂM THẦN HÀ NỘI															
609	1	Nguyễn Thùy	Linh	26/11/1993	Nữ	Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)	**Bác sỹ Tâm thần**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh			
610	2	Phùng Ngọc	Thương	20/04/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)	**Bác sỹ Tâm thần**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh			
611	3	Đỗ Quang	Vinh	23/02/1993	Nam	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)	**Bác sỹ Tâm thần**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh			
612	4	Trần Đức	Cường	29/09/1969	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh			
613	5	Nguyễn Thị Huyền	My	14/01/1995	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh			
614	6	Võ Hằng	Nga	02/01/1995	Nữ	Tân Thịnh, Hòa Bình, Hòa Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh			
615	7	Lê Thị Thu	Nguyệt	17/09/1995	Nữ	Thọ Xuân, Thọ Xuân, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh	CTB		
616	8	Lê Thị	Phương	29/01/1995	Nữ	Phú Hòa, Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh			
617	9	Nguyễn Văn	Trọng	26/06/1988	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh			
618	10	Nguyễn Xuân	Tú	14/10/1989	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh			
619	11	Vũ Thị Thùy	Tươi	06/06/1994	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần HN	Anh			
		BV TÂM THẦN MỸ ĐỨC															

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
620	1	Lê Quang	Đại	05/12/1982	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVTT Mỹ Đức	Anh			
621	2	Nguyễn Thị	Gấm	06/03/1991	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVTT Mỹ Đức	Anh			
622	3	Nguyễn Chí	Tâm	17/09/1985	Nam	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVTT Mỹ Đức	Anh	CTB		
		BV TÂM THẦN BAN NGÀY MAI HƯƠNG															
623	1	Trần Thị	Sáu	17/02/1988	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Anh			
624	2	Bùi Phương	Thảo	18/12/1993	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm,Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Anh			
		BV 09															
625	1	Nguyễn Trọng	Quyết	17/01/1994	Nam	Đông Hưng, Đông Hưng, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV 09	Anh			
626	2	Phạm Thị	Trang	16/06/1989	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV 09	Anh			
627	3	Nguyễn Ngọc	Văn	18/05/1976	Nam	Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV 09	Anh			
628	4	Nguyễn Huy	Vinh	20/12/1992	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV 09	Anh			
		BV BẮC THĂNG LONG															
629	1	Dương Việt	Anh	28/09/1984	Nam	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
630	2	Nguyễn Trọng	Bình	25/10/1972	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
631	3	Hoàng Đức	Chính	13/07/1991	Nam	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
632	4	Nguyễn Văn	Công	29/08/1990	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
633	5	Nguyễn Văn	Dũng	10/03/1991	Nam	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
634	6	Lê Bá	Duy	01/11/1992	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
635	7	Nguyễn Việt	Hà	15/03/1995	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
636	8	Đào Thúy	Hằng	18/06/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
637	9	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/11/1993	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
638	10	Nguyễn Thị	Huyền	08/04/1990	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
639	11	Hoàng Ngọc	Lâm	23/08/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
640	12	Kim Thị	Lụa	19/02/1991	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
641	13	Nguyễn Thị	Ly	05/09/1993	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh	DTTS		
642	14	Nguyễn Thành	Nam	21/11/1993	Nam	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
643	15	Hoàng Đình	Ngọc	22/01/1993	Nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
644	16	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	19/03/1995	Nữ	Xuân Lôi, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
645	17	Trần Hương	Quỳnh	16/10/1994	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
646	18	Đàm Thị Thanh	Tâm	03/03/1992	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
647	19	Nguyễn Thọ	Thành	15/08/1995	Nam	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
648	20	Đỗ Quang	Thiết	01/12/1992	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
649	21	Nguyễn Quang	Trung	03/03/1972	Nam	Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
650	22	Lương Đức	Tuyến	05/09/1990	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
651	23	Triệu Thị	Xuân	16/01/1991	Nữ	Cao Sơn, Bạch Thông, Bắc Kạn	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh	DTTS		
652	24	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	09/08/1995	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
653	25	Đàm Thận	Dũng	20/04/1983	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
654	26	Nguyễn Thế	Tuyên	17/11/1983	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ Y học lâm sàng (chuyên khoa cấp I Ngoại khoa)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
655	27	Phạm Thị	Liên	17/05/1993	Nữ	Thịnh Đức, Thái Nguyên, Thái Nguyên	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
656	28	Lê Nhật	Linh	24/10/1995	Nam	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Bắc Thăng Long	Anh			
		BVĐK THANH TRÌ															
657	1	Lê Thị	An	22/12/1993	Nữ	Vạn Xuân, Thường Xuân, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh	**DTTS**		
658	2	Võ Thị Lan	Anh	30/01/1973	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh	**CTB**		
659	3	Nguyễn Khánh	Linh	19/12/1984	Nữ	Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			
660	4	Nguyễn Thị	Mười	13/11/1993	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			
661	5	Nguyễn Đình	Phòng	30/07/1979	Nam	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			
662	6	Nguyễn Bá	Phổ	10/09/1979	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			
663	7	Nguyễn Thị	Phương	23/10/1994	Nữ	Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			
664	8	Đoàn Minh	Quang	12/06/1987	Nam	An Đức, Ninh Giang, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh	**CBB**		
665	9	Hoàng Đặng An	Sinh	07/06/1992	Nam	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
666	10	Phạm Thị	Thơ	05/11/1987	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			
667	11	Trần Thị	Nga	10/07/1979	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
668	12	Trần Thị	Hương	07/08/1988	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			
669	13	Phùng Hải	Yến	11/05/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			
670	14	Phạm Thị Hồng	Loan	10/09/1991	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			
671	15	Tạ Đình	Hiếu	29/08/1985	Nam	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Truyền nhiễm)	**Bác sỹ Truyền nhiễm**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
672	16	Trần Ngọc	Anh	20/05/1990	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			
673	17	Nguyễn Đức	Phú	22/10/1986	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Trì	Anh			
		BVĐK SÓC SƠN															
674	1	Ngô Doãn Trung	Anh	27/10/1995	Nam	Tương Giang, Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
675	2	Đoàn	Anh	07/11/1994	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
676	3	Lưu Thế	Anh	17/04/1994	Nam	Phú Sơn, Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
677	4	Tạ Văn	Cường	07/10/1992	Nam	Hùng Sơn, Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
678	5	Mai Thị	Duyên	21/07/1994	Nữ	Yên Lâm, Yên Mô, Ninh Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
679	6	Đỗ Thị Thu	Hà	13/08/1994	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
680	7	Nguyễn Thị	Hậu	21/02/1994	Nữ	Châu Quế Hạ, Văn Yên, Tỉnh Yên Bái	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
681	8	Đoàn Huy	Hoàng	18/06/1993	Nam	Đức Xuân, Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
682	9	Tống Khánh	Linh	23/12/1995	Nữ	Tiền An, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
683	10	Lê Văn	Quang	01/01/1991	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
684	11	Nguyễn Trung	Sơn	01/10/1995	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
685	12	Nguyễn Phúc	Sơn	01/04/1995	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
686	13	Lê Minh	Sơn	25/10/1994	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
687	14	Đàm Thị	Thảo	14/10/1993	Nữ	An Lạc, Sơn Động, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
688	15	Ngô Thị Hải	Yến	15/05/1992	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
689	16	Lương Trung	Kiên	05/05/1983	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
690	17	Đào Thị Mai	Hương	24/07/1990	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
691	18	Nguyễn Xuân	Trường	21/12/1985	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Trung			Phiếu khai chứng chỉ tiếng anh, đăng ký thi tiếng Trung
692	19	Trần Thanh	Minh	21/06/1987	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
693	20	Phạm Thị Thanh	Thủy	22/08/1993	Nữ	Thị trấn Phát Diệm, Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
694	21	Lại Thị Kiều	Trang	19/08/1992	Nữ	Đồng Tiến, Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	**Bác sỹ Da liễu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
		BVĐK SƠN TÂY															
695	1	Khuất Duy Đức	Anh	02/06/1993	Nam	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh			
696	2	Khuất Thị Thu	Hương	14/06/1991	Nữ	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
697	3	Khuất Văn	Phúc	20/03/1994	Nam	Than Uyên, Than Uyên, Lai Châu	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh			
698	4	Hoàng Tiến	Quyền	31/07/1991	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh			
699	5	Chu Hòa	Sơn	06/07/1991	Nam	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh			
700	6	Lương Thị	Thơm	20/08/1994	Nữ	Minh Tiến, Phù Cừ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh			
701	7	Nguyễn Đức	Thụ	25/01/1992	Nam	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh	**CĐCD**		
702	8	Hà Thị	Vân	03/01/1991	Nữ	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh	**DTTS**		
703	9	Nguyễn Đức	Việt	30/04/1985	Nam	Tân Cương, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh			
704	10	Nguyễn Anh	Tuấn	24/11/1995	Nam	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh			
705	11	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	25/01/1995	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh			
706	12	Lê Thị	Thủy	14/12/1995	Nữ	Hải Thanh, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh			
707	13	Nguyễn Thị	Xuân	11/06/1992	Nữ	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Sơn Tây	Anh			
		BV THẬN HÀ NỘI															
708	1	Đỗ Đình	Đăng	20/01/1993	Nam	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thận HN	Anh			
709	2	Chẩu Quỳnh	Giang	01/10/1992	Nữ	Na Hang, Na Hang, Tuyên Quang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thận HN	Anh	**DTTS**		
710	3	Tô Thị	Loan	06/11/1994	Nữ	Khánh Thủy, Yên Khánh, Ninh Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thận HN	Anh			
711	4	Nguyễn Huy	Tiến	18/10/1993	Nam	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thận HN	Anh			
712	5	Lê Thị	Thương	20/01/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thận HN	Anh			
713	6	Nguyễn Thị Thùy	Trang	27/02/1994	Nữ	Trường Thị, Thanh Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV Thận HN	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
		BV YHCT HÀ ĐÔNG															
714	1	Vũ Thị Vân	Anh	19/09/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
715	2	Đỗ Xuân	Cát	23/09/1995	Nam	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
716	3	Nguyễn Thị Mai	Châm	12/03/1993	Nữ	Trực Thái, Trực Ninh, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
717	4	Nguyễn Thị Phương	Duy	11/09/1993	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
718	5	Lê Đoàn	Dũng	06/10/1990	Nam	Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
719	6	Nguyễn Thùy	Dương	29/10/1991	Nữ	Vạn Phúc,Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
720	7	Trần Thanh	Duy	28/08/1992	Nam	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
721	8	Nguyễn Thái	Dũng	05/04/1991	Nam	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
722	9	Vương Đắc	Giang	05/07/1987	Nam	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh	**CTB**		
723	10	Lê Thị Hồng	Gấm	15/02/1985	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh	**CĐCĐ**		
724	11	Nguyễn Thị	Hòa	15/02/1994	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
725	12	Bùi Thị	Huệ	06/03/1990	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
726	13	Phạm Thị Hồng	Hạnh	22/06/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
727	14	Nguyễn Thị	Hiệp	12/02/1994	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh	**CBB**		
728	15	Lương Thị Thu	Huyền	18/03/1995	Nữ	Long Xuyên, Kinh Môn, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Trung			
729	16	Hà Thị	Hương	30/10/1993	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
730	17	Nguyễn Thị	Hằng	12/04/1989	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Trung			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
731	18	Trần Thị Thu	Hà	27/10/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
732	19	Phạm Ngọc	Hân	27/11/1994	Nữ	Thị Trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
733	20	Nguyễn Việt	Hùng	28/08/1991	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
734	21	Phùng Huy	Hùng	04/11/1995	Nam	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Trung			
735	22	Phạm Quang	Huy	25/05/1992	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
736	23	Ngô Thọ	Huy	18/05/1987	Nam	Vân Quán, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông		**CTB**	MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
737	24	Trần Thu	Hiền	01/11/1987	Nữ	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Trung y (định hướng Y học cổ truyền)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
738	25	Phạm Thị	Hải	27/12/1987	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Trung			
739	26	Vũ Viết	Ký	29/10/1992	Nam	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
740	27	Lê Việt	Linh	19/08/1992	Nam	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
741	28	Trần Diệu	Linh	27/10/1989	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
742	29	Vũ Thị	Linh	06/09/1993	Nữ	Chương Dương, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
743	30	Hoàng Thị Ly	Ly	24/06/1995	Nữ	Sơn Dương, Sơn Dương, Tuyên Quang	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh	**DTTS**		
744	31	Nguyễn Thị Như	Mai	29/10/1986	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
745	32	Nguyễn Thị	My	09/5/1994	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh	**CTB**		
746	33	Nguyễn Thị Thúy	Nga	16/6/1993	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
747	34	Kiều Thị Thúy	Nguyên	12/04/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Trung			
748	35	Đào Thiện	Quang	04/12/1992	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
749	36	Nguyễn Đắc	Sơn	27/01/1993	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
750	37	Nguyễn Hồng	Phương	14/08/1995	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
751	38	Nguyễn Thị Thu	Phương	31/03/1995	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
752	39	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	25/10/1995	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
753	40	Trần Thị Thu	Thảo	19/11/1991	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
754	41	Trần Phương	Thảo	20/11/1993	Nữ	Đề Thám, Cao Bằng, Cao Bằng	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
755	42	Vi Thị	Thảo	25/07/1994	Nữ	Quảng Lạng, Lạng Sơn, Lạng Sơn	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
756	43	Cao Phương	Thảo	04/10/1994	Nữ	Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
757	44	Dương Thu	Trang	13/02/1995	Nữ	Quỳnh Trang, Quỳnh Phụ, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
758	45	Nguyễn Thị	Thái	09/11/1991	Nữ	Trung Tú, Ứng Hoà, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
759	46	Dương Thị Thanh	Trà	19/10/1992	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V 08.01.03	BV YHCT Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
760	47	Nguyễn Trung	Tuấn	03/11/1992	Nam	Dị Nậu,Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V 08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
761	48	Ngô Đức	Thịnh	10/11/1992	Nam	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
762	49	Từ Thị	Thuần	20/12/1993	Nữ	Liên Phương,Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
763	50	Vũ Văn	Thắng	10/01/1993	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
764	51	Nguyễn Thị	Út	15/10/1993	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
765	52	Lê Thanh	Xuân	10/5/1991	Nữ	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
766	53	Nguyễn Thị Diệu	Xuân	04/02/1993	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BV YHCT Hà Đông	Anh			
		BVĐK PHÚC THỌ															
767	1	Hà Văn	Chiến	26/01/1994	Nam	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
768	2	Phí Mạnh	Đạt	19/05/1991	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
769	3	Kiều	Loan	19/12/1992	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
770	4	Đoàn Văn	Phú	07/02/1993	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
771	5	Phùng Thanh	Phương	06/04/1990	Nam	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
772	6	Nguyễn Văn	Quý	18/08/1992	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
773	7	Nguyễn Văn	Tùng	03/07/1990	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
774	8	Khuất Duy	Thành	01/06/1977	Nam	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
775	9	Nguyễn Thạc	Thụ	18/07/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
776	10	Nguyễn Quốc	Trường	13/06/1994	Nam	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
777	11	Đoàn Thị Thanh	Thư	18/04/1994	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh	CTB		
778	12	Đỗ Thị	Hồng	18/09/1993	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
		BVĐK THẠCH THẤT															
779	1	Nguyễn Thị	Cảnh	13/09/1989	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
780	2	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/06/1993	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
781	3	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/12/1992	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
782	4	Bùi Thị	Thơ	03/01/1994	Nữ	Nuông Dăm, Kim Bôi, Hòa Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
783	5	Cao Thị	Lan	11/12/1995	Nữ	Long Thành, Yên Thành, Nghệ An	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
784	6	Lê Thị Kim	Dung	16/11/1988	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
785	7	Nguyễn Thị	Duyên	29/11/1994	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
786	8	Nguyễn Thị	Thanh	10/06/1991	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
787	9	Nguyễn Quang	Huynh	14/02/1992	Nam	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
788	10	Lê Thị Thanh	Mến	28/02/1993	Nữ	Bản Ngoại, Đại Từ, Thái Nguyên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
789	11	Nguyễn Thị Kim	Tri	06/06/1995	Nữ	Bắc Phong, Cao Phong, Hòa Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
790	12	Nguyễn Văn	Vĩnh	25/07/1991	Nam	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
791	13	Nguyễn Đức	Tim	07/11/1994	Nam	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
792	14	Lê Ngọc	Ánh	02/03/1993	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
793	15	Phan Thị	Thành	20/02/1990	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
794	16	Nguyễn Thị	Thanh	25/07/1990	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
795	17	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/01/1994	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
796	18	Kiều Thanh	Quang	28/08/1986	Nam	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh	**CBB**		
797	19	Nguyễn Thị Vũ	Hường	25/06/1993	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
798	20	Khuất Thị Thúy	My	06/10/1994	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
799	21	Chu Quỳnh	Trang	15/09/1990	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
800	22	Đặng Đức	Tâm	16/09/1991	Nam	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh	**CTB**		
801	23	Nguyễn Nhất	Lệ	17/08/1991	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
802	24	Nguyễn Thị	Thúy	17/11/1991	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thạch Thất	Anh			
		BVĐK ĐAN PHƯỢNG															
803	1	Nguyễn Hữu	Dũng	23/07/1988	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
804	2	Nguyễn Ngọc	Tiến	13/05/1985	Nam	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
805	2	Nguyễn Văn	Ân	12/01/1989	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh	**CBB**		
806	4	Đào Thị Vân	Anh	03/12/1993	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
807	3	Nguyễn Lan	Anh	14/01/1995	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
808	4	Nguyễn Văn	Chính	20/11/1992	Nam	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
809	5	Lê Trần	Diễm	07/01/1984	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh	**CBB**		
810	6	Nguyễn Đức	Hải	03/12/1983	Nam	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
811	7	Đỗ Thu	Hiền	23/11/1992	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
812	8	Chu Thị	Huyền	10//02/1992	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
813	9	Lê Văn	Minh	14/04/1993	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
814	10	Trần Thị	Nữ	19/04/1992	Nữ	Xã Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
815	11	Nguyễn Thị	Oanh	08/05/1991	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
816	12	Đỗ Thị	Phương	15/08/1995	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
817	13	Nguyễn Văn	Tuấn	29/07/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
818	14	Nguyễn Thạc	Vũ	06/11/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
819	15	Đào Thị	Xuê	02/04/1992	Nữ	Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
		BVĐK HOÀI ĐỨC															
820	1	Nguyễn Phú	Cường	17/05/1989	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
821	2	Nguyễn Thu	Hà	18/09/1990	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
822	3	Nguyễn Trung Hồng	Hạnh	28/11/1990	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh	**CBB**		
823	4	Nguyễn Trọng	Hòa	19/12/1987	Nam	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
824	5	Nguyễn Thị	Lương	12/10/1988	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
825	6	Đỗ Văn	Tuấn	29/05/1984	Nam	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
826	7	Phi Thúy	An	10/09/1990	Nữ	Tân Bình, Tam Điệp, Ninh Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
827	8	Nguyễn Thị	Bích	29/06/1993	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
828	9	Nguyễn Quang	Cận	04/06/1988	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
829	10	Nguyễn Thị	Hà	08/11/1992	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
830	11	Lê Thị Thu	Hằng	29/07/1995	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
831	12	Nguyễn Thị Bích	Hằng	11/12/1990	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
832	13	Trần Lê Thùy	Linh	07/08/1991	Nữ	Ba Hàng, Phổ Yên, Thái Nguyên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
833	14	Trần Khánh	Ly	19/12/1991	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
834	15	Lưu Ngọc	Mai	26/07/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
835	16	Nguyễn Văn	Thắng	13/02/1993	Nam	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
836	17	Bá Thị	Thảo	12/01/1990	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
837	18	Nguyễn Quang	Tích	20/09/1991	Nam	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
838	19	Nguyễn Thị Hà	Trang	27/03/1994	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
839	20	Nguyễn Văn	Trường	28/12/1995	Nam	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
840	21	Đăng Thị	Tâm	30/08/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	**Bác sỹ nhi**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Hoài Đức	Anh			
		BVĐK CHƯƠNG MỸ															
841	1	Dương Thị Huyền	My	16/08/1995	Nữ	TT Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
842	2	Phùng Minh	Nhật	19/09/1992	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
843	3	Vi Thị Hương	Thanh	16/06/1992	Nữ	Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Chương Mỹ	Anh	**DTTS**		
844	4	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/11/1989	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Chương Mỹ	Anh	**CTB**		

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
845	5	Đào Thị	Thư	23/03/1994	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
846	6	Nguyễn Duy	Tuyền	02/06/1991	Nam	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
		BVĐK THANH OAI															
847	1	Trịnh Đình	An	15/02/1989	Nam	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
848	2	Phạm Công	Anh	14/10/1993	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
849	3	Nguyễn Trung	Đức	12/07/1992	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
850	4	Nguyễn Chính	Đường	02/03/1992	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
851	5	Nguyễn Thị	Huệ	16/07/1993	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
852	6	Phạm Thị Ngọc	Huyền	26/07/1993	Nữ	Phương Trung Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
853	7	Nguyễn Thị	Nghĩa	15/06/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
854	8	Trương Như	Sáng	28/02/1994	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
855	9	Lê Quỳnh	Trang	20/08/1992	Nữ	TT Ngọc Lặc, Ngọc Lặc, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh	**CBB**		
856	10	Lê Quang	Tú	19/07/1983	Nam	Xuân Dương, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
857	11	Nguyễn Văn	Cao	21/03/1988	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
858	12	Phạm Huyền	Chang	04/05/1986	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
859	13	Đào Quang	Hướng	22/10/1991	Nam	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
860	14	Nguyễn Thị	Quyên	26/07/1993	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
861	15	Trần Văn	Tuấn	10/08/1982	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
862	16	Phạm Thị	Xuân	12/02/1994	Nữ	Quang Trung, Thái Bình, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thanh Oai	Anh			
		BVĐK THƯỜNG TÍN															
863	1	Lưu Thị Thu	Hà	27/11/1994	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín	Anh			
864	2	Nguyễn Thị Khánh	Linh	09/03/1994	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín	Anh			
865	3	Lương Thị	Luyên	16/07/1993	Nữ	Thư Phú, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
866	4	Trần Thị Mai	Hương	28/10/1989	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín	Anh			
867	5	Đồng Thị Diệu	Thu	01/06/1994	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín	Anh			
868	6	Lê Thái	Thành	07/08/1991	Nam	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín	Anh			
869	7	Phạm Thị	Phương	11/02/1995	Nữ	Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín	Anh			
870	8	Phạm Lý	Thành	24/09/1990	Nam	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín	Anh			
871	9	Vũ Thị Ánh	Nguyệt	04/05/1995	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín	Anh			
872	10	Trần Vũ	Thắng	11/02/1992	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín	Anh	CBB		
873	11	Nguyễn Thị	Thùy	14/10/1985	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín	Anh			
874	12	Nguyễn Bảo	Linh	20/01/1990	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Thường Tín			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
		BVĐK PHÚ XUYÊN															
875	1	Nguyễn Thị Thanh	Hà	03/09/1990	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
876	2	Nguyễn Thị	Hiền	30/06/1993	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
877	3	Vũ Kim	Khánh	20/09/1994	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
878	4	Nguyễn Đắc	Long	02/10/1989	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
879	5	Vũ Văn	Sáng	20/05/1995	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
880	6	Nguyễn Tuấn	Tú	03/12/1987	Nam	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	LTC Q	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
881	7	Phạm Văn	Vinh	09/05/1990	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
882	8	Lưu Thị Hải	Anh	10/08/1993	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
883	9	Tô Yến	Chi	25/02/1990	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
884	10	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	22/11/1991	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
885	11	Phạm Quang	Hảo	02/11/1995	Nam	Văn Hoàng, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
886	12	Nguyễn Thị Bích	Liên	03/01/1995	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
887	13	Phạm Thị Thanh	Loan	19/08/1990	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
888	14	Nguyễn Văn	Tới	10/04/1990	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
		BVĐK MÊ LINH															
889	1	Nguyễn Văn	Đông	08/03/1990	Nam	Bình Sơn, Lục Nam, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
890	2	Phạm Thị	Duyên	15/08/1993	Nữ	Cẩm Liên, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh	**DTTS**		
891	3	Lăng Thị	Hảo	15/02/1993	Nữ	Xuân Hòa, Hà Quảng, Cao Bằng	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh	**DTTS**		
892	4	Bùi Thị	Hồng	28/03/1993	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh	**DTTS**		
893	5	Tạ Khắc	Lâm	19/10/1994	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
894	6	Đặng Thanh	Nhàn	30/12/1994	Nữ	Cẩm Bình, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
895	7	Trần Thị	Nụ	20/04/1990	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
896	8	Phạm Thanh	Sơn	15/08/1990	Nam	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
897	9	Trần Thanh	Toàn	24/10/1993	Nam	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh	**DTTS**		
898	10	Lê Hà	Trang	08/03/1994	Nữ	Ngọc Trung, Ngọc Lặc, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
899	11	Hồ Thị	Vân	11/11/1994	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
900	12	Nguyễn Tiến	Hiệp	01/04/1994	Nam	Tiến Châu, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
901	13	Nguyễn Tiến	Mạnh	14/03/1986	Nam	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
902	14	Nguyễn Thị	Mùa	04/06/1992	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
903	15	Nguyễn Thị	Oanh	28/10/1995	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
904	16	Lê Khắc	Quảng	03/11/1983	Nam	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
905	17	Trương Văn	Quý	05/03/1993	Nam	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
906	18	Đỗ Văn	Thuận	19/03/1995	Nam	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
907	19	Lê Thị	Thùy	02/09/1994	Nữ	Chí Đám, Đoan Hùng, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
908	20	Đặng Duy	Trai	04/11/1994	Nam	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Mê Linh	Anh			
		BVĐK GIA LÂM															
909	1	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/11/1992	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
910	2	Trịnh Tuấn	Dương	13/06/1990	Nam	Phú Sơn, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
911	3	Nguyễn Viết	Hùng	14/12/1986	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
912	4	Nguyễn Hà	Phương	20/12/1993	Nữ	Thăng Bình, Nông Cống, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
913	5	Nguyễn Phúc	Thành	15/08/1992	Nam	Bình Hàn, TP Hải Dương, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
914	6	Đặng Thị	Thúy	13/03/1993	Nữ	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
915	7	Nguyễn Thị Minh	Thúy	08/05/1993	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
916	8	Nguyễn Thị	Tuyết	12/01/1995	Nữ	An Phượng, Thanh Hà, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
917	9	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/12/1991	Nữ	TT Quất Lâm, Giao Thủy, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
918	10	Đoàn Ngọc	Trung	24/05/1992	Nam	Quang Trung, TP Hưng Yên, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
919	11	Đinh Thị	Khuyên	12/12/1991	Nữ	Yên Lộc, Ý Yên, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
920	12	Trần Văn	Nam	17/11/1992	Nam	Hải Thanh, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
921	13	Đỗ Thị	Thoa	02/10/1994	Nữ	Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
922	14	Phạm Chu Long	Gia	02/09/1993	Nam	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	**Bác sỹ Mắt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
923	15	Nguyễn Đăng	Tùng	08/08/1981	Nam	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
924	16	Hoàng Thị	Thu	07/03/1993	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	**Bác sỹ Nhi khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	BVĐK Gia Lâm	Anh			
		TT CẤP CỨU 115 HÀ NỘI															
925	1	Nguyễn Quang	Minh	30/12/1991	Nam	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Anh	**HTNV**		
926	2	Nguyễn Đức	Quý	20/03/1993	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
927	3	Nguyễn Anh	Tuấn	24/04/1977	Nam	Khu 10, Tân Bình, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
		TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI															
928	1	Đào Công	Giang	26/05/1993	Nam	Nông Tiến, Tuyên Quang, Tuyên Quang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
929	2	Nguyễn Thị	Hoa	11/08/1995	Nữ	Xuân Lộc, Thanh Thủy, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
930	3	Nguyễn Thị Hải	Yến	14/10/1992	Nữ	Văn Yên, Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
		TT GIÁM ĐỊNH Y KHOA HÀ NỘI															
931	1	Hà Mạnh	Cường	07/05/1995	Nam	Quảng Hà, Hải Hà, Quảng Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TT Giám định y khoa Hà Nội	Anh	**DTTS**		
932	2	Nguyễn Thu	Hường	13/06/1986	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TT Giám định y khoa Hà Nội	Anh			
933	3	Phạm Ngọc	Toản	10/02/1982	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Giang, Hà Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TT Giám định y khoa Hà Nội	Anh			
		TTYT HOÀN KIẾM															
934	1	Nguyễn Thị Yến	Ly	28/03/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàn Kiếm	Pháp			
935	2	Nguyễn Khánh	Toàn	22/05/1995	Nam	Hòa Vượng, Lộc Hòa, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
936	3	Đặng Thị Thu	Trang	15/03/1981	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III). V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
937	4	Nguyễn Huy	Tú	29/03/1994	Nam	Tú Thịnh, Sơn Dương, Tuyên Quang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
938	5	Nguyễn Thúy	Hằng	01/01/1978	Nữ	Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
939	6	Nguyễn Thị	Hoa	05/01/1983	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàn Kiếm	Anh	CTB		
940	7	Nguyễn Minh	Hương	22/03/1993	Nữ	Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	LK	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàn Kiếm			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
941	8	Trần Quang	Khánh	27/12/1989	Nam	Võng La, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
942	9	Nguyễn Thị Huyền	Trang	01/10/1992	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàn Kiếm		CTB	MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
		TTYT BA ĐÌNH															
943	1	Phạm Thị	Hà	28/03/1993	Nữ	Tân Trào, Thanh Miện, Hải Dương	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Đình	Anh			
944	2	Nguyễn Văn	Khiêm	09/06/1994	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Đình	Anh			
		TTYT ĐỐNG ĐA															
945	1	Trịnh Ngọc	Diệp	05/7/1982	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa	Anh			
946	2	Đỗ Duy	Thắng	25/07/1994	Nam	Thiệu Tân, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa	Anh			
947	3	Lê Thị Quỳnh	Trang	29/12/1993	Nữ	Xuân Trường, Xuân Trường, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa	Anh			
948	4	Phạm Thị Hồng	Anh	28/08/1990	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
949	5	Nguyễn Văn	Ánh	26/10/1994	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa	Anh			
950	6	Nguyễn Thị Thu	Hương	29/06/1991	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
951	7	Nguyễn Thị	Huyền	20/7/1990	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa	Anh			
952	8	Nguyễn Thị Thanh	Loan	31/07/1986	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Đông y (định hướng Y học cổ truyền)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
953	9	Lê Thị	Phượng	18/07/1990	Nữ	Hoằng Anh, Thanh Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
954	10	Nguyễn Đức	Tâm	18/09/1990	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa	Anh			
955	11	Trần Thị	The	07/3/1983	Nữ	Đồng Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa	Anh			
956	12	Nguyễn Huyền	Trang	14/01/1988	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa	Anh			
957	13	Ngô Xuân	Tú	22/05/1986	Nam	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đống Đa	Anh			
		TTYT HAI BÀ TRƯNG															
958	1	Đặng Thiên	Hương	08/03/1991	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
959	2	Lê Thị Thùy	Trinh	06/03/1993	Nữ	Tân Quang, Bắc Giang, Hà Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
960	3	Hồ Trọng	Hân	04/06/1987	Nam	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
961	4	Nguyễn Đức	Hiệp	29/01/1981	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hai Bà Trưng	Anh	**CBB, CĐCĐ**		
962	5	Lã Thị Cẩm	Ngọc	11/04/1989	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	CKI	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền (chuyên khoa cấp I Y học cổ truyền)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
963	6	Nguyễn Tiến	Vui	17/09/1981	Nam	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
		TTYT THANH XUÂN															
964	1	Hà Phương	Uyên	15/8/1975	Nữ	Phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CT	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Thanh Xuân	Anh			
		TTYT CẦU GIẤY															

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
965	1	Hoàng Thái	Hà	06/10/1992	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Cầu Giấy	Anh			
966	2	Nguyễn Đắc	Lộc	01/02/1992	Nam	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Cầu Giấy	Anh			
967	3	Lê Tuấn	Dũng	08/10/1993	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Cầu Giấy	Anh			
968	4	Lê Mỹ	Hạnh	26/08/1994	Nữ	Nam Toàn, Nam Trực, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Cầu Giấy	Anh			
969	5	Nguyễn Thị Thu	Hoài	27/04/1995	Nữ	Cao Kỳ Vân, Thọ Xuân, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Cầu Giấy	Anh			
970	6	Đỗ Minh	Luân	11/11/1994	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Cầu Giấy	Anh			
		TTYT TÂY HỒ															
971	1	Phạm Công	Bình	24/10/1972	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Tây Hồ	Anh			
972	2	Cù Ngọc	Hà	22/12/1988	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Tây Hồ	Anh			
		TTYT HOÀNG MAI															
973	1	Trần Văn	Cường	14/08/1982	Nam	Trung Hà, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàng Mai	Anh			
974	2	Phạm Thị	Nguyệt	15/10/1983	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàng Mai	Anh			
975	3	Nguyễn Hằng	Nga	06/11/1992	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	LK	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàng Mai			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
976	4	Đỗ Thị	Ngọc	07/09/1980	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoàng Mai	Anh			
		TTYT LONG BIÊN															
977	1	Đỗ Văn	Hiếu	01/11/1986	Nam	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Long Biên	Anh			
978	2	Lê Quyết	Thắng	08/09/1978	Nam	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Long Biên	Pháp			
979	3	Nguyễn Thanh	Thủy	20/01/1989	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Long Biên	Anh			
		TTYT GIA LÂM															

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
980	1	Nguyễn Linh	Hà	14/10/1993	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học cổ truyền	**Bác sỹ**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Gia Lâm	Anh			
981	2	Nguyễn Thị	Lụa	31/03/1991	Nữ	Đại Đồng, Tiên Du, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ y học cổ truyền	**Bác sỹ**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Gia Lâm	Anh			
		TTYT ĐÔNG ANH															
982	1	Bùi Thị Thúy	Anh	01/05/1995	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đông Anh	Anh			
983	2	Nguyễn Thị	Hậu	10/12/1992	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đông Anh	Anh			
984	3	Trần Thị	Nga	27/01/1983	Nữ	Thị Trấn Đông Anh,Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đông Anh	Anh	**CTB**		
985	4	Đinh Thị Hương	Thảo	04/03/1991	Nữ	Thị Trấn Đông Anh,Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đông Anh	Anh			
		TTYT BẮC TỪ LIÊM															
986	1	Đỗ Hà	Châu	28/09/1993	Nữ	Lam Sơn, Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
987	2	Đồng Thế	Dũng	14/07/1991	Nam	Cát Thành, Trực Ninh, Tỉnh Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
988	3	Trần Phan	Giang	27/02/1989	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Đông y (định hướng Y học cổ truyền)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Bắc Từ Liêm			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài.
		TTYT NAM TỪ LIÊM															
989	1	Nguyễn Thị Thùy	Dương	25/06/1995	Nữ	Cốc Lếu, Lào Cai, Lào Cai	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01 03	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
990	2	Bùi Thị Kim	Liên	17/10/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
991	3	Trần Thu	Phương	19/02/1991	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	**Bác sỹ Sản khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01 03	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
		TTYT THANH TRÌ															
992	1	Nguyễn Vân	Anh	30/01/1994	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Thanh Trì	Trung			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
993	2	Nguyễn Công	Đạt	29/11/1986	Nam	Vạn Phúc -Thanh Trì-Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Thanh Trì	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
994	1	Lê Thị Vân	Anh	25/06/1988	Nữ	Hùng Quan, Đoan Hùng, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
995	2	Hoàng Thị	Hương	30/08/1987	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
996	3	Đinh Thị	Huyền	08/04/1991	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
997	4	Bùi Thành	Long	10/10/1988	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
998	5	Nguyễn Thị Thu	Phương	20/10/1985	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	LTC Q	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
999	6	Lê Đức	Thắng	01/10/1990	Nam	Phù Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1000	7	Nguyễn Thị	Yến	09/05/1990	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1001	8	Nguyễn Thị Thùy	Chi	07/05/1993	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Răng hàm mặt	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1002	9	Hoàng Thanh	Bình	04/08/1991	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	LK	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Trung			
1003	10	Trần Thị Thu	Hoài	12/12/1993	Nữ	Hòa Hậu, Lý Nhân, Hà Nam	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1004	11	Nguyễn Thị	Lâm	05/11/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1005	12	Nguyễn Ngọc	Linh	14/08/1993	Nam	Hạ Hòa, Hạ Hòa, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1006	13	Vương Ngọc	Mừng	06/04/1994	Nam	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1007	14	Phan Ngọc	Nam	27/01/1993	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1008	15	Nguyễn Thị	Ngọc	05/04/1992	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1009	16	Nguyễn Đức	Nhân	03/07/1992	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	LK	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Trung			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
1010	17	Nguyễn Thị	Oanh	27/09/1993	Nữ	Ninh Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1011	18	Đỗ Thành	Tâm	26/03/1993	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1012	19	Nguyễn Văn	Thịnh	10/10/1985	Nam	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh	**CĐCĐ**		
1013	20	Nguyễn Thu	Trang	30/08/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1014	21	Nguyễn Văn	Tuấn	20/10/1995	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1015	22	Hoàng Duy	Tùng	01/06/1986	Nam	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1016	23	Phạm Thị Bích	Xuân	11/04/1992	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT BA VÌ															
1017	1	Phùng Tuấn	Anh	14/07/1990	Nam	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
1018	2	Nguyễn Hoàng	Duyệt	26/01/1990	Nam	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
1019	3	Nguyễn Thị	Hằng	20/04/1991	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
1020	4	Nguyễn Thị	Hòa	29/08/1988	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
1021	5	Đào Thị	Hoạt	17/01/1989	Nữ	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh	**DTTS**		
1022	6	Nguyễn Quang	Huy	01/06/1986	Nam	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
1023	7	Phí Ngọc Yến	Nhi	11/04/1994	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
1024	8	Đỗ Anh	Quyền	18/12/1992	Nam	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
1025	9	Phạm Kiên	Trung	23/05/1993	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
1026	10	Khuất Duy	Tùng	06/10/1990	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1027	11	Cao Hải	Yến	03/05/1992	Nữ	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh	**DTTS**		
1028	12	Nguyễn Mạnh	Cường	31/01/1995	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
1029	13	Nguyễn Thị Thu	Hoài	02/09/1992	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
1030	14	Đặng Thị	Huyền	12/10/1995	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
1031	15	Lê Thị Thanh	Loan	26/01/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh	**CBB**		
1032	16	Hoàng Thị	Tươi	07/07/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT PHÚC THỌ															
1033	1	Nguyễn Văn	Huy	07/06/1977	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Phúc Thọ	**Anh**			
1034	2	Nguyễn Ngọc	Tiến	15/02/1984	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Phúc Thọ			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài
		TTYT THẠCH THẤT															
1035	1	Phùng Văn	Hưởng	22/11/1985	Nam	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Thạch Thất	Anh			
		TTYT QUỐC OAI															
1036	1	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/05/1993	Nữ	Đại Thành, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Quốc Oai	Anh			
1037	2	Nguyễn Huyền	Trang	25/11/1988	Nữ	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Quốc Oai	Anh			
		TTYT ĐAN PHƯỢNG															
1038	1	Lê Xuân	Bách	08/10/1995	Nam	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đan Phượng	Anh			
1039	2	Nguyễn Thị	Hồng	26/01/1994	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đan Phượng	Anh			
1040	3	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	07/03/1994	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Đan Phượng	Anh			
		TTYT HOÀI ĐỨC															

1. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ (HẠNG III), V.08.01.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1041	1	Nguyễn Trí Khánh	Linh	27/08/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoài Đức	Anh			
1042	2	Nguyễn Thị Phương	Mai	14/04/1995	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hoài Đức	Anh			
		TTYT CHƯƠNG MỸ															
1043	1	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	04/10/1993	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1044	2	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	17/04/1994	Nữ	Thanh Long, Yên Mỹ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Chương Mỹ	Anh			
		TTYT THANH OAI															
1045	1	Lê Thị	Ngoan	02/01/1988	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Thanh Oai	Anh			
1046	2	Nguyễn Xuân	Sà	15/03/1976	Nam	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Thanh Oai	Anh			
1047	3	Đinh Công	Toàn	25/10/1982	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Thanh Oai	Anh			
		TTYT MỸ ĐỨC															
1048	1	Phạm Thị Ngọc	Mai	16/06/1993	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Mỹ Đức	Anh			
		TTYT PHÚ XUYÊN															
1049	1	Phùng Thế	Tài	12/05/1987	Nam	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1050	2	Nguyễn Hồng	Tiến	06/09/1988	Nam	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Phú Xuyên	Anh			
		TTYT HÀ ĐÔNG															
1051	1	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	29/05/1985	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ đa khoa	**Bác sỹ đa khoa**	Bác sỹ (hạng III)	V.08.01.03	TTYT Hà Đông	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

2. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) - V.08.02.06

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI															
1052	1	Đinh Việt	Anh	15/05/1994	Nam	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1053	2	Nguyễn Việt	Anh	31/07/1993	Nam	Thanh Miếu, Việt Trì, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1054	3	Mai Thị Hồng	Ánh	23/11/1994	Nữ	Xuân Trường, Xuân Trường, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1055	4	Trần Thị Thùy	Dung	16/04/1990	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh	**DTTS**		
1056	5	Nguyễn Đức	Dũng	08/07/1991	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQVB 2	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1057	6	Hoàng Thu	Giang	02/11/1995	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1058	7	Nguyễn Thu	Hà	13/11/1995	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1059	8	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	27/01/1993	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1060	9	Nguyễn Hòa	Hiệp	22/07/1995	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1061	10	Nguyễn Bá	Hoàn	21/09/1995	Nam	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			

2. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) - V.08.02.06

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1062	11	Nguyễn Công	Huy	26/08/1989	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1063	12	Nguyễn Ngọc	Huy	06/04/1994	Nam	Khắc Niệm, Bắc Ninh, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1064	13	Nguyễn Thị Thanh	Hương	25/12/1995	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1065	14	Bùi Thiên	Hương	04/10/1994	Nữ	Chi Nê, Lạc Thủy, Hòa Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1066	15	Lâm Hùng	Khoa	15/07/1993	Nam	Chi Lăng, Lạng Sơn, Lạng Sơn	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh	**ĐTTS**		
1067	16	Nguyễn Văn	Khiêm	09/08/1989	Nam	Hải Toàn, Hải Hậu, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1068	17	Nguyễn Thị Mai	Lan	12/07/1992	Nữ	Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1069	18	Phùng Thảo	Linh	14/10/1995	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1070	19	Nguyễn Thị Phương	Linh	23/09/1994	Nữ	Kênh Dương, Lê Chân, Hải Phòng	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1071	20	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/06/1994	Nữ	Nam Hải, Nam Trực, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1072	21	Phạm Thị Kiều	Loan	24/09/1995	Nữ	Yên Mạc, Yên Mô, Ninh Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1073	22	Đỗ Hồng	Lữ	26/08/1993	Nữ	Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			

2. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) - V.08.02.06

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1074	23	Đỗ Thị	Nga	23/01/1995	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1075	24	Vũ Trung	Nghĩa	03/12/1994	Nam	Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1076	25	Nguyễn Thị Như	Ngọc	20/09/1995	Nữ	An Bài, Quỳnh Phụ, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1077	26	Nguyễn Bích	Nguyệt	12/01/1994	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1078	27	Đỗ Thị	Nhung	07/02/1991	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1079	28	Đinh Văn	Quý	01/08/1995	Nam	Giao Thịnh, Giao Thủy, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1080	29	Hoàng Ngọc	Sơn	18/06/1992	Nam	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1081	30	Nguyễn Tiến	Toàn	10/03/1988	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1082	31	Nguyễn Anh	Tuấn	11/11/1993	Nam	Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1083	32	Trần Văn	Tuấn	31/08/1995	Nam	Đoàn Đào, Phù Cừ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1084	33	Trần Thị	Thanh	06/08/1995	Nữ	Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1085	34	Nguyễn Thị Phương	Thảo	02/05/1991	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	Ths	CQ	Bác sỹ Y học dự phòng (thạc sỹ y học dự phòng)	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			

2. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) - V.08.02.06

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1086	35	Hoàng Thị Kim	Thi	03/02/1992	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1087	36	Phạm Thị	Thơm	20/07/1993	Nữ	Xuân Thủy, Xuân Trường, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1088	37	Vũ Thị	Thu	05/08/1995	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1089	38	Nguyễn Thị	Trang	05/01/1995	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1090	39	Phạm Ngọc	Trâm	26/05/1989	Nữ	Thủy Lai, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1091	40	Danh Thị	Vân	28/03/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
		TTYT BA ĐÌNH															
1092	1	Đinh Thị Mỹ	Hương	11/08/1995	Nữ	Giếng Đáy, Hạ Long, Quảng Ninh	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Ba Đình	Anh			
1093	2	Vũ Hồng	Quân	02/09/1993	Nam	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Ba Đình	Anh			
		TTYT ĐỐNG ĐA															
1094	1	Phạm Thị Thùy	Dương	28/05/1994	Nữ	An Vinh, Quỳnh Phụ, Thái Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Đống Đa	Anh			
1095	2	Nguyễn Thị	Nhung	28/11/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Đống Đa	Anh			
1096	3	Bùi Phương	Thảo	03/04/1995	Nữ	Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Đống Đa	Anh			

2. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) - V.08.02.06

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1097	4	Phạm Quang	Trung	04/08/1989	Nam	Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Đống Đa	Anh			
		TTYT THANH XUÂN															
1098	1	Nguyễn Thị	Linh	24/10/1994	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Thanh Xuân	Anh			
		TTYT CẦU GIẤY															
1099	1	Trần Nguyệt	Quỳnh	10/08/1990	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Cầu Giấy	Anh			
		TTYT LONG BIÊN															
1100	1	Đỗ Mạnh	Hùng	19/10/1994	Nam	Khoái Châu, Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Long Biên	Anh			
1101	2	Nguyễn Hữu	Hiệp	07/06/1995	Nam	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Long Biên	Anh			
1102	3	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18/02/1990	Nữ	Mỹ Đình I, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Long Biên	Anh			
1103	4	Bùi Văn	Quân	10/01/1995	Nam	Đồng Minh, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Long Biên	Anh			
		TTYT ĐÔNG ANH															
1104	1	Lê Thị	Dung	21/03/1990	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Đông Anh	Anh			
1105	2	Trịnh Thị	Kiện	15/03/1983	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Đông Anh	Anh			
1106	3	Triệu Thị	Hồng	26/08/1995	Nữ	Mỹ Phương, Ba Bể, Bắc Kạn	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Đông Anh	Anh	**DTTS**		

2. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) - V.08.02.06

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1107	4	Nguyễn Thị Lệ	Thu	18/08/1995	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Đông Anh	Anh			
1108	5	Lê Đàm Hải	Yến	04/03/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Đông Anh	Anh			
		TTYT NAM TỪ LIÊM															
1109	1	Lê Thị Hoàng	Anh	13/11/1995	Nữ	Trường Thịnh, Phú Thọ, Phú Thọ	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
		TTYT THANH TRÌ															
1110	1	Vũ Thị	Hoài	13/06/1995	Nữ	Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Thanh Trì	Anh			
1111	2	Trần Thu	Phương	10/07/1992	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Thanh Trì	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
1112	1	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/09/1993	Nữ	Bắc Sơn, Bắc Sơn, Lạng Sơn	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1113	2	Dương Thị Thanh	Hải	24/11/1995	Nữ	Vũ Xá, Lục Nam, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1114	3	Nguyễn Thị	Hiền	03/10/1991	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1115	4	Hoàng Hà	My	17/06/1995	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1116	5	Lương Thành	Nhơn	13/12/1994	Nam	Điền Mặc, Định Hóa, Thái Nguyên	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Sóc Sơn	Anh	**DTTS**		
1117	6	Nguyễn Thái	Sơn	24/01/1995	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Sóc Sơn	Anh			

2. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) - V.08.02.06

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1118	7	Hoàng Thị	Toàn	20/02/1992	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1119	8	Nguyễn Đức	Tuấn	24/01/1991	Nam	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT BA VÌ															
1120	1	Phạm Thị	Hiếu	23/05/1990	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Ba Vì	Anh			
1121	2	Đồng Thị Thùy	Hương	29/07/1994	Nữ	Trung Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT THẠCH THẤT															
1122	1	Ngô Thị Thùy	Dung	10/10/1993	Nữ	Diễn Tháp, Diễn Châu, Nghệ An	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Thạch Thất	Anh			
1123	2	Nguyễn Trung	Dũng	10/09/1993	Nam	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Thạch Thất	Anh			
1124	3	Nguyễn Thị	Liên	31/05/1995	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Thạch Thất	Anh			
1125	4	Nguyễn Thị	Nhàn	10/11/1995	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Thạch Thất	Anh	CTB		
1126	5	Trần Thị Thanh	Tâm	20/04/1995	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Thạch Thất	Anh			
1127	6	Vương Công	Thắng	10/09/1994	Nam	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Thạch Thất	Anh			
		TTYT CHƯƠNG MỸ															

2. Chức danh nghề nghiệp: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) - V.08.02.06

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1128	1	Đỗ Hồng	Ngọc	17/05/1991	Nữ	Đông Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1129	2	Bùi Phương	Nhung	04/04/1995	Nữ	Bình Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Chương Mỹ	Anh	**DTTS**		
		TTYT MÊ LINH															
1130	1	Phạm Thùy	Liên	29/03/1995	Nữ	Đống Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Mê Linh	Anh			
1131	2	Nguyễn Thị	Mai	28/10/1994	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	TTYT Mê Linh	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 2711 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

3. Chức danh nghề nghiệp: Y SỸ (HẠNG IV), V.08.03.07

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TT CẤP CỨU 115 HÀ NỘI															
1132	1	Nguyễn Văn	Cầu	28/06/1993	Nam	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
1133	2	Nguyễn Quốc	Đại	15/05/1990	Nam	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
1134	3	Nguyễn Hoàng	Hải	17/11/1992	Nam	Đồng Tiến, Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
1135	4	Nguyễn Văn	Giảng	01/06/1994	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
1136	5	Nguyễn Văn	Lâm	19/10/1991	Nam	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
1137	6	Lưu Đình	Sơn	10/08/1989	Nam	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
1138	7	Ngô Văn	Toản	03/09/1977	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
		TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI															
1139	1	Trần Nắng	Mai	20/09/1992	Nam	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1140	2	Hoàng Văn	Sơn	17/03/1991	Nam	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
		TT PHÁP Y HÀ NỘI															
1141	1	Trịnh Việt	Đức	26/06/1989	Nam	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT Pháp y Hà Nội	Anh			
1142	2	Nguyễn Văn	Khải	10/10/1987	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT Pháp y Hà Nội	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1143	3	Nguyễn Thị Khánh	Linh	08/08/1995	Nữ	Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT Pháp y Hà Nội	Anh			
1144	4	Phạm Đăng	Quảng	10/02/1987	Nam	Thống Nhất, Gia Lộc, Hải Dương	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TT Pháp y Hà Nội	Anh			
		TTYT HOÀN KIẾM															
1145	1	Đào Đức	Anh	09/02/1993	Nam	Yên phụ, Tây Hồ , Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
1146	2	Nguyễn Xuân	Bách	18/08/1996	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
1147	3	Nguyễn Tiến	Lực	28/01/1986	Nam	Trương Định, Hai Bà trưng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
1148	4	Phạm Văn	Nhân	21/07/1990	Nam	Khánh Dương, Yên Mô, Ninh Bình	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
1149	5	Phạm Thị	Nhung	24/08/1996	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
1150	6	Nguyễn Minh	Thùy	31/01/1994	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
1151	7	Trần Minh	Toản	19/04/1993	Nam	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
1152	8	Dương Thị Thu	Phương	16/02/1989	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
		TTYT BA ĐÌNH															
1153	1	Nguyễn Minh	Đức	01/06/1996	Nam	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Đình	Anh			
1154	2	Lê Đức	Hoàng	16/11/1994	Nam	Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Đình	Anh			
1155	3	Phạm Ánh	Ngọc	15/11/1992	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Đình	Anh			
		TTYT ĐỐNG ĐA															
1156	1	Lê Thị Ngọc	Dung	26/10/1972	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Sản nhi	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đống Đa	Anh			
1157	2	Kiều Hải	Hồ	21/04/1994	Nam	Đội Bình, Ứng Hoà, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đống Đa	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1158	3	Nguyễn Thị	Huyền	09/12/1986	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đống Đa	Anh			
		TTYT HAI BÀ TRƯNG															
1159	1	Hoàng Đức	Anh	26/11/1995	Nam	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
1160	2	Nguyễn Thị	Dung	01/11/1992	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
1161	3	Đặng Thị Minh	Giang	15/08/1992	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
1162	4	Nguyễn Hải	Hưng	25/07/1998	Nam	Hải Minh, Hải Hậu, Nam Định	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
1163	5	Ngô Hùng	Sơn	25/06/1983	Nam	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hai Bà Trưng	Anh	**HTNV**		
1164	6	Nguyễn Vũ Thanh	Thảo	22/07/1978	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
1165	7	Hoàng Thị Lệ	Thu	10/02/1992	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
		TTYT THANH XUÂN															
1166	1	Nguyễn Thúy	Phương	10/08/1991	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Xuân	Anh			
		TTYT TÂY HỒ															
1167	1	Phạm Thị	Lan	10/11/1996	Nữ	Tây Tựu, Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Tây Hồ	Anh			
1168	2	Nguyễn Thị	Nụ	12/10/1993	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Tây Hồ	Anh			
1169	3	Dương Minh	Việt	12/07/1992	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Tây Hồ	Anh			
		TTYT HOÀNG MAI															
1170	1	Trần Thị Thanh	Bình	02/10/1994	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàng Mai	Anh			
1171	2	Phạm Sơn	Hải	18/11/1994	Nam	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàng Mai	Anh			
1172	3	Nguyễn Thị	Huyền	17/08/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàng Mai	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1173	4	Nguyễn Mai	Linh	14/07/1992	Nữ	Đình Công, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàng Mai	Anh			
1174	5	Cung Thanh	Tân	15/11/1988	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàng Mai	Anh			
1175	6	Phạm Phương	Thảo	02/08/1999	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoàng Mai	Anh			
		TTYT LONG BIÊN															
1176	1	Nguyễn Thị	Hòa	18/03/1997	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	Anh			
1177	2	Triệu Thị	Chi	21/06/1990	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	Anh			
1178	3	Nguyễn Thị	Hoan	24/11/1980	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	Anh			
1179	4	Nguyễn Quân	Hoàng	11/03/1995	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	Anh			
1180	5	Nguyễn Văn	Mạnh	18/09/1991	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	Anh			
1181	6	Đoàn Thị Nhật	Nga	02/07/1990	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	Anh			
1182	7	Phạm Hồng	Trang	26/09/1986	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Long Biên	Anh			
		TTYT GIA LÂM															
1183	1	Nguyễn Thành	Đạt	30/10/1992	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
1184	2	Đinh Thị Hương	Giang	27/08/1993	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
1185	3	Ngô Ngọc	Hà	18/10/1997	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
1186	4	Vũ Xuân	Hải	07/11/1986	Nam	Thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
1187	5	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/07/1993	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
1188	6	Bùi Huy	Hoàng	01/02/1991	Nam	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TC	TC	Y sỹ	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1189	7	Nguyễn Văn	Hùng	05/07/1991	Nam	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
1190	8	Hà Thị Thanh	Hương	19/06/1991	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
1191	9	Nguyễn Thị	Hương	27/06/1996	Nữ	Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
1192	10	Lê Thị	Lan	03/03/1994	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
1193	11	Nguyễn Minh	Phương	30/10/1993	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
1194	12	Nguyễn Phương	Thúy	29/12/1988	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
1195	13	Dương Thị Thu	Trang	11/09/1989	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ	**Y sỹ**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Gia Lâm	Anh			
		TTYT ĐÔNG ANH															
1196	1	Trần Đức	Anh	22/09/1997	Nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh			
1197	2	Tái Phương	Hòa	22/11/1997	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh			
1198	3	Nguyễn Văn	Minh	03/01/1990	Nam	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh			
1199	4	Phạm Thị Anh	Đào	25/09/1994	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh			
1200	5	Nguyễn Đình	Dũng	16/02/1995	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh			
1201	6	Trần Thu	Hương	16/11/1993	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh			
1202	7	Đinh Ngọc	Lan	20/11/1993	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh			
1203	8	Nguyễn Đức	Phong	07/10/1993	Nam	Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh	HTNV		
1204	9	Trần	Phương	20/10/1994	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1205	10	Trần Thị Thanh	Tâm	10/03/1995	Nữ	Cổ Loa. Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh			
1206	11	Lê Thị	Tinh	13/03/1985	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
1207	12	Trần Thị Hồng	Xiêm	19/11/1989	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh			
1208	13	Trần Thị	Yến	26/06/1987	Nữ	Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đông Anh	Anh			
		TTYT BẮC TỪ LIÊM															
1209	1	Phạm Thúy	Quỳnh	20/09/1993	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
1210	2	Nguyễn Đình	Thành	04/01/1991	Nam	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
		TTYT NAM TỪ LIÊM															
1211	1	Trần Thị	Ánh	25/06/1996	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1212	2	Đỗ Thị	Dung	01/11/1993	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1213	3	Đinh Thành	Hiển	28/02/1991	Nam	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1214	4	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/11/1992	Nam	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1215	5	Phí Thị Thu	Huyền	26/03/1999	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1216	6	Nguyễn Khắc	Lợi	08/01/1991	Nam	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1217	7	Nguyễn Thành	Nam	22/10/1981	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1218	8	Nguyễn Kiều Tố	Nga	31/05/1990	Nữ	Võng Xuyên, Phúc thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1219	9	Vũ An	Ninh	'16/08/1988	Nam	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1220	10	Bùi Thị	Oanh	18/05/1990	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1221	11	Hoàng Việt	Thắng	17/08/1994	Nam	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1222	12	Nguyễn Thị	Xuân	27/07/1994	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh	**DTTS**		
1223	13	Nguyễn Thị Hải	Yến	13/10/1991	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1224	14	Nguyễn Trung	Hiếu	16/11/1994	Nam	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1225	15	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	20/11/1995	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
		TTYT THANH TRÌ															
1226	1	Nguyễn Kim	Anh	14/06/1995	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Trì	Anh			
1227	2	Vũ Tuấn	Anh	21/11/1987	Nam	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Trì	Anh			
1228	3	Nguyễn Thị Kim	Ánh	06/12/1979	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Trì	Anh			
1229	4	Ninh Thị	Châm	03/08/1991	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Trì	Anh			
1230	5	Đào Linh	Chi	09/11/1996	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Trì	Anh			
1231	6	Lưu Viết	Chính	16/10/1990	Nam	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Trì	Anh			
1232	7	Nguyễn Quang	Huy	08/10/1993	Nam	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Trì	Anh			
1233	8	Nguyễn Minh	Hưng	23/10/1993	Nam	Đại Áng, Thanh Trì , Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Trì	Anh			
1234	9	Đoàn Trọng Lan	Hương	30/07/1995	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Trì	Anh			
1235	10	Lê Mạnh	Khỏe	08/08/1988	Nam	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Trì	Anh			
1236	11	Nguyễn Anh	Vũ	16/10/1994	Nam	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Trì	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT SÓC SƠN															
1237	1	Nguyễn Phương	Anh	14/11/1993	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1238	2	Lê Thị Phương	Anh	30/03/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1239	3	Nguyễn Đức	Doanh	15/08/1979	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1240	4	Nguyễn Văn	Đốc	15/08/1991	Nam	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1241	5	Nguyễn Trọng	Đức	22/07/1993	Nam	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1242	6	Nguyễn Văn	Giang	13/01/1989	Nam	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1243	7	La Thị Thu	Hằng	29/09/1994	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1244	8	Nguyễn Văn	Hảo	05/09/1989	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1245	9	Lê Xuân	Hùng	09/08/1995	Nam	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1246	10	Nguyễn Thị Bích	Hường	22/05/1992	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1247	11	Nguyễn Thị	Lai	02/09/1991	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1248	12	Nguyễn Tùng	Lâm	07/05/1994	Nam	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1249	13	Nguyễn Ánh	Phượng	27/07/1995	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1250	14	Đỗ Văn	Quân	10/03/1994	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1251	15	Ngô Minh	Quân	07/10/1988	Nam	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1252	16	Đào Xuân	Quyền	22/02/1982	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1253	17	Đỗ Văn	Quyết	08/08/1990	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1254	18	Lê Văn	Thanh	05/09/1989	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1255	19	Nguyễn Viết	Tiến	19/10/1995	Nam	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1256	20	Bùi Thị	Tình	10/03/1988	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh	**DTTS**		
1257	21	Hà Thị	Tình	09/01/1993	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1258	22	Nguyễn Quang	Tuyền	02/12/1974	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1259	23	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	28/11/1993	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1260	24	Nguyễn Văn	Trọng	27/11/1990	Nam	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1261	25	Nguyễn Anh	Tuấn	30/01/1993	Nam	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1262	26	Nguyễn Tu	Tuyến	05/09/1979	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1263	27	Hoàng Thị	Liên	23/01/1972	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ định hướng sản nhi	**Y sỹ sản nhi**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT BA VÌ															
1264	1	Phùng Văn	Công	04/10/1993	Nam	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1265	2	Phùng Thị	Đào	28/11/1990	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1266	3	Phùng Anh	Đức	12/11/1994	Nam	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1267	4	Nguyễn Thị	Dung	12/09/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1268	5	Phùng Anh	Dũng	12/03/1988	Nam	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh	**HTNV**		
1269	6	Trần Thị	Dưỡng	02/07/1980	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh	**CBB**		
1270	7	Phùng Đình	Giáp	03/04/1994	Nam	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1271	8	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	19/05/1998	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1272	9	Nguyễn Thị	Hiền	09/09/1992	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1273	10	Chu Thị	Hương	12/09/1988	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1274	11	Nguyễn Thị	Hương	22/08/1994	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1275	12	Nguyễn Viết	Huy	25/08/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1276	13	Phùng Bá	Khanh	11/08/1984	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1277	14	Nguyễn Thị Thúy	Linh	06/07/1994	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1278	15	Phùng Thị	Loan	14/11/1991	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1279	16	Phùng Phương	Ly	12/05/1998	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1280	17	Lương Xuân	Mạnh	14/01/1991	Nam	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1281	18	Nguyễn Thị	Nương	17/04/1994	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1282	19	Nguyễn Duy	Phong	28/03/1986	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1283	20	Nguyễn Thùy	Phương	16/09/1994	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1284	21	Nguyễn Thị	Phượng	15/10/1993	Nữ	Thuần Mỹ, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1285	22	Đỗ Thị	Thu	06/08/1989	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1286	23	Nguyễn Thị Hà	Thu	13/05/1994	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1287	24	Vương Thị	Thủy	27/07/1988	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1288	25	Phùng Thị Ngọc	Trâm	30/09/1995	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1289	26	Phương Văn	Tuyến	29/12/1995	Nam	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
1290	27	Lê Thị	Yến	02/06/1993	Nữ	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT PHÚC THỌ															
1291	1	Lê Văn	Đức	03/06/1998	Nam	Võng xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1292	2	Phan Thị Thúy	Hảo	12/07/1996	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1293	3	Nguyễn Thị	Hằng	16/07/1992	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1294	4	Lê Đức	Hòa	03/10/1995	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1295	5	Nguyễn Thị	Hồng	22/10/1990	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1296	6	Nguyễn Thị	Hồng	22/12/1995	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1297	7	Đinh Thị	Lan	12/01/1995	Nữ	Thị Trấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1298	8	Đinh Thị Ngọc	Lan	14/05/1993	Nữ	Thượng Cốc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1299	9	Phạm Phong	Lan	02/06/1988	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1300	10	Hoàng Diệu	Linh	23/12/1995	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1301	11	Nguyễn Thị	Linh	29/06/1994	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1302	12	Tô Thị	Linh	06/10/1995	Nữ	Thị Trấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh	**CBB**		
1303	13	Quách Mạnh	Long	20/12/1994	Nam	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh	**CBB**		
1304	14	Vương Thị	Lương	13/11/1980	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1305	15	Nguyễn Thành	Nam	25/04/1995	Nam	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1306	16	Hà Thị	Ngân	08/01/1993	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1307	17	Phạm Thị Kim	Ngân	07/06/1998	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1308	18	Trần Thị	Ngọc	11/04/1989	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1309	19	Nguyễn Thị	Phượng	06/10/1993	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1310	20	Lê Thị	Thái	07/05/1990	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1311	21	Đinh Thị Huyền	Thanh	09/06/1998	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1312	22	Nguyễn Văn	Thanh	08/09/1988	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh	**HTNV**		
1313	23	Nguyễn Thị	Thắm	25/12/1986	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1314	24	Nguyễn Thị	Thảo	15/11/1997	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1315	25	Hà Thị Thu	Trang	09/10/1993	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1316	26	Lê Thị	Trang	11/12/1995	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
1317	27	Hoàng Thị Kim	Yến	10/02/1994	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phúc Thọ	Anh			
		TTYT THẠCH THẤT															
1318	1	Nguyễn Ngọc	Anh	13/09/1995	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1319	2	Phạm Thị	Chinh	02/02/1990	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1320	3	Nguyễn Duy	Gia	03/06/1990	Nam	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1321	4	Lê Thị Thu	Hằng	08/08/1994	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1322	5	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	23/07/1976	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1323	6	Quách Thị Mỹ	Hạnh	16/04/1995	Nữ	Phú Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	C	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh	DTTS		
1324	7	Bùi Thị	Hồng	17/02/1994	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1325	8	Nguyễn Thị Ba	Huế	30/05/1996	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1326	9	Nguyễn Thị Việt	Hương	10/11/1991	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh	DTTS		
1327	10	Trịnh Duy	Khánh	11/06/1997	Nam	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1328	11	Trịnh Duy	Linh	21/01/1993	Nam	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1329	12	Khuất Hoàng	Nam	25/08/1998	Nam	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1330	13	Đỗ Thị	Phương	03/02/1991	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1331	14	Công Thị	Quyên	15/11/1991	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1332	15	Vương Thị	Quyền	06/02/1994	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1333	16	Nguyễn Thị	Thanh	21/10/1991	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1334	17	Vinh Thị	Thúy	02/04/1991	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1335	18	Kiều Doãn	Trọng	22/10/1992	Nam	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1336	19	Đinh Duy	Tùng	22/09/1994	Nam	Yên Trung, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh	CBB		
1337	20	Nguyễn Thanh	Tùng	18/03/1995	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
1338	21	Nghiêm Thị	Vân	06/08/1992	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thạch Thất	Anh			
		TTYT ĐAN PHƯỢNG															
1339	1	Đinh Tuấn	Anh	07/01/1992	Nam	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đan Phượng	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1340	2	Nguyễn Văn	Đoàn	07/07/1995	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đan Phượng	Anh			
1341	3	Hoàng Khánh	Linh	13/05/1991	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đan Phượng	Anh			
1342	4	Đỗ Thị	Lương	31/03/1995	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đan Phượng	Anh			
1343	5	Nguyễn Thị	Thơ	14/07/1994	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đan Phượng	Anh			
1344	6	Hoàng Trung	Tín	13/12/1996	Nam	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Đan Phượng	Anh			
		TTYT HOÀI ĐỨC															
1345	1	Nguyễn Khánh Đức	Anh	16/09/1994	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1346	2	Kiều Thị	Dư	27/03/1991	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1347	3	Nguyễn Thế	Duy	11/08/1994	Nam	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1348	4	Đặng Thị	Hòa	15/07/1991	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1349	5	Nguyễn Trung	Huy	23/06/1994	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1350	6	Đinh Thế	Luân	23/08/1983	Nam	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1351	7	Nguyễn Mậu	Mạnh	01/08/1997	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1352	8	Nguyễn Thị	Phượng	06/11/1991	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1353	9	Đặng Đình	Quyền	05/03/1993	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1354	10	Đinh Hữu	Sang	02/03/1993	Nam	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1355	11	Nguyễn Văn	Toàn	31/01/1993	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1356	12	Nguyễn Chí	Trung	27/09/1996	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1357	13	Nguyễn Thị	Tuyết	06/05/1991	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1358	14	Nguyễn Thị	Vi	19/12/1991	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1359	15	Phi Thị	Vinh	03/04/1986	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1360	16	Đỗ Thị Kim	Xuyến	01/09/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
1361	17	Khuất Thị Hải	Yến	19/02/1995	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hoài Đức	Anh			
		TTYT CHƯƠNG MỸ															
1362	1	Dương Thanh	An	12/05/1993	Nữ	Nam Phương Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1363	2	Lê Thị	Chuyên	24/12/1996	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1364	3	Lê Thanh	Dung	30/09/1990	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1365	4	Đoàn Thái	Hà	08/10/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh	**CTB**		
1366	5	Nguyễn Thị	Hoàn	05/09/1990	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1367	6	Nguyễn Thị	Huế	13/04/1992	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1368	7	Lê Đức	Hùng	17/08/1996	Nam	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1369	8	Nguyễn Văn	Hùng	09/07/1994	Nam	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1370	9	Nguyễn Minh	Huyền	09/08/1995	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1371	10	Nguyễn Quốc	Khánh	22/09/1991	Nam	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1372	11	Nguyễn Văn	Khoa	10/10/1976	Nam	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh	**CTB**		
1373	12	Bùi Thị Phương	Linh	20/10/1992	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1374	13	Trần Nguyệt	Linh	16/05/1995	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1375	14	Nguyễn Thị	Lừng	02/02/1980	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1376	15	Nguyễn Thị	Lương	05/11/1991	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1377	16	Trần Bá	Lý	28/01/1989	Nam	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1378	17	Đỗ Thị	Ngọc	05/05/1993	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1379	18	Trần Văn	Thịnh	04/11/1997	Nam	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1380	19	Vũ Thị Thanh	Trà	15/04/1991	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1381	20	Nguyễn Đình Minh	Trung	14/07/1999	Nam	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1382	21	Đỗ Thị	Vân	04/12/1989	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1383	22	Lê Đức	Việt	06/01/1995	Nam	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Chương Mỹ	Anh	**CBB**		
		TTYT THANH OAI															
1384	1	Trần Thị Hoàng	Anh	25/12/1995	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	Anh			
1385	2	Lâm Tăng	Bình	04/09/1981	Nam	Kim Thư, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	Anh			
1386	3	Phạm Thế	Giáng	19/05/1994	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	Anh			
1387	4	Lê Thị	Hằng	28/02/1985	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	Anh			
1388	5	Đỗ Thị Phương	Hậu	02/05/1980	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	Anh			
1389	6	Hoàng Thị Thu	Hiền	27/07/1992	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	Anh			
1390	7	Phạm Thị Trà	My	02/07/1998	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1391	8	Âu Thanh	Nho	04/07/1993	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	Anh			
1392	9	Trương Duy	Tiến	25/10/1979	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	Anh			
1393	10	Nguyễn Thị	Trang	30/11/1992	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	Anh			
1394	11	Tô Đình	Tuân	02/02/1984	Nam	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	TC	TT	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thanh Oai	Anh	HTNV		
		TTYT MỸ ĐỨC															
1395	1	Phạm Thị	Riệu	24/01/1992	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	Y sỹ Y học cổ truyền	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1396	2	Vũ Thị Lan	Anh	17/03/1998	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1397	3	Nguyễn Tuấn	Anh	21/01/1994	Nam	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1398	4	Nguyễn Thu	Giang	09/12/1992	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1399	5	Vũ Văn	Hải	16/10/1993	Nam	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1400	6	Trần Liên	Hoa	29/08/1991	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1401	7	Nguyễn Thị	Hòa	23/04/1994	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1402	8	Trịnh Văn	Hoàn	17/10/1991	Nam	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1403	9	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	29/04/1993	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh	CTB		
1404	10	Phùng Thị Mai	Khuyên	19/09/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1405	11	Nguyễn Thanh	Lịch	30/12/1991	Nam	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1406	12	Nguyễn Thị Nhật	Linh	26/02/1994	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1407	13	Nguyễn Tiến	Long	02/06/1991	Nam	Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1408	14	Đinh Hồng	Như	07/11/1988	Nam	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1409	15	Phạm Thị Ngọc	Oanh	01/07/1997	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1410	16	Mai Thị	Phương	23/03/1993	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1411	17	Đỗ Thị Thanh	Sâm	25/05/1991	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1412	18	Nguyễn Xuân	Sinh	14/07/1990	Nam	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1413	19	Đào Quyết	Thắng	25/09/1994	Nam	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1414	20	Nguyễn Thị	Thảo	16/09/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1415	21	Lương Thị	Tình	05/09/1983	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
1416	22	Trương Văn	Văn	19/12/1993	Nam	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh	HTNV		
1417	23	Trần Văn	Vũ	06/07/1994	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mỹ Đức	Anh			
		TTYT THƯỜNG TÍN															
1418	1	Phạm Hùng	Duy	06/08/1995	Nam	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	Anh			
1419	2	Trần Thị Thanh	Huyền	20/10/1993	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	Anh			
1420	3	Nghiêm Thị Anh	Nhung	28/10/1991	Nữ	Tiền Phong, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	Anh			
1421	4	Trần Ngọc	Trâm	16/06/1996	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	Anh			
1422	5	Tạ Xuân	Trường	06/01/1998	Nam	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	Anh			
1423	6	Nguyễn Hồng	Hạnh	15/04/1993	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	Y sỹ y học cổ truyền	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	Anh			
1424	7	Lại Thị	Hạnh	01/11/1991	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	Y sỹ y học cổ truyền	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Thường Tín	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT PHÚ XUYÊN															
1425	1	Nguyễn Thế	Anh	30/09/1997	Nam	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1426	2	Lại Văn	Anh	30/11/1995	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1427	3	Nguyễn Hùng	Anh	29/10/1990	Nam	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1428	4	Nguyễn Xuân	Chính	06/02/1990	Nam	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh	**HTNV**		
1429	5	Đỗ Mạnh	Dũng	14/07/1996	Nam	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1430	6	Trần Thu	Hà	24/10/1994	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1431	7	Phạm Danh	Hải	20/03/1997	Nam	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1432	8	Nguyễn Trung	Hiếu	26/11/1995	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1433	9	Trần Thị Thanh	Hương	14/07/1993	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1434	10	Nguyễn Thị	Mến	14/04/1991	Nữ	Tri Thủy, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1435	11	Bạch Thị	My	03/11/1995	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1436	12	Đặng Thanh	Ngà	12/05/1995	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1437	13	Phan Thị	Ngân	05/02/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1438	14	Đào Mai	Nhi	14/05/1998	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1439	15	Nghiêm Hồng	Nhung	14/07/1997	Nữ	Hoàng Long,Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1440	16	Đào Thị	Sáng	28/09/1987	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1441	17	Hoàng Văn	Tĩnh	12/10/1979	Nam	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh	**CLS**		

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1442	18	Vũ Đức	Tùng	23/10/1996	Nam	Phú Xuyên Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1443	19	Nguyễn Thị Hồng	Tuyến	24/11/1992	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1444	20	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	14/04/1993	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1445	21	Dương Thị Thanh	Trang	04/10/1990	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1446	22	Đào Hoàng Thiên	Trang	22/08/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1447	23	Nguyễn Thị Mộng	Vân	26/10/1993	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Phú Xuyên	Anh			
		TTYT SƠN TÂY															
1448	1	Chu Ngọc	Anh	20/06/1995	Nam	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
1449	2	Giang Công	Đàm	04/04/1995	Nam	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh	HTNV		
1450	3	Nguyễn Thị	Hằng	09/05/1994	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
1451	4	Phạm Thị	Hương	13/09/1982	Nữ	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
1452	5	Vũ Văn	Thưng	05/02/1979	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh	CTB		
1453	6	Phan Thị	Hằng	12/04/1993	Nữ	Bến Cả, Yên Lập, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
1454	7	Khuất Thị Đài	Trang	19/08/1995	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
1455	8	Nguyễn Thị	Thuỳ	20/07/1990	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
		TTYT ỨNG HÒA															
1456	1	Nguyễn Hải	Anh	05/5/1991	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1457	2	Nguyễn Tiến	Đạo	09/05/1992	Nam	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1458	3	Nguyễn Thị	Dung	28/12/1989	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1459	4	Nguyễn Văn	Dũng	01/02/1990	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1460	5	Đặng Văn	Duy	28/02/1996	Nam	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1461	6	Nguyễn Thị	Hà	17/11/1991	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1462	7	Tạ Trọng	Hán	10/06/1997	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh	**HTNV**		
1463	8	Vũ Thị Thu	Hiền	02/06/1994	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1464	9	Đỗ Công	Huân	26/03/1993	Nam	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1465	10	Nguyễn Thị Mai	Hương	20/07/1991	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1466	11	Nguyễn Thị	Hương	06/06/1989	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1467	12	Nguyễn Sỹ	Huy	26/10/1994	Nam	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1468	13	Nguyễn Thị	Huyền	28/03/1995	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1469	14	Nguyễn Thị Thu	Huyền	16/10/1994	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1470	15	Trần Huy	Khôi	16/08/1997	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1471	16	Lưu Thị Thùy	Linh	21/12/1991	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1472	17	Nguyễn Mỹ	Linh	01/10/1994	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1473	18	Chu Thị	Long	27/03/1988	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1474	19	Nguyễn Thị	Ly	09/11/1994	Nữ	Hồng Hà, Dan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1475	20	Phạm Thị	Lý	31/07/1993	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1476	21	Nguyễn Ngọc	Sơn	27/09/1993	Nam	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1477	22	Nguyễn Khắc	Sơn	26/05/1992	Nam	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh	HTNV		
1478	23	Lê Thị Thanh	Tâm	10/02/1994	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1479	24	Đoàn Văn	Thái	23/01/1990	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1480	25	Đinh Quang	Thành	20/04/1992	Nam	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1481	26	Dương Thị Phương	Thảo	11/08/1993	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1482	27	Nguyễn Thị	Thảo	22/11/1992	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1483	28	Tạ Đức	Thiện	27/09/1995	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1484	29	Nguyễn Văn	Thoan	24/03/1994	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1485	30	Lê Thị	Thu	02/06/1983	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1486	31	Trịnh Thị Quỳnh	Trang	03/11/1992	Nữ	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh	**CTB**		
1487	32	Bùi Văn	Tùng	25/02/1994	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1488	33	Trần Trọng	Việt	25/01/1993	Nam	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1489	34	Nguyễn Bằng Lộc	Thành	13/10/1983	Nam	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh			
1490	35	Lê Thị Thu	Thìn	27/03/1990	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ Y học cổ truyền	**Y sỹ Y học cổ truyền**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Ứng Hòa	Anh	**CTB**		
		TTYT HÀ ĐÔNG															
1491	1	Ngô Huy	Lượng	02/02/1993	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	Anh			
1492	2	Đỗ Bùi Trà	My	20/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	**Y sỹ đa khoa**	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	Anh			

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1493	3	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	17/07/1994	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	Anh			
1494	4	Nguyễn Phúc	Nguyên	09/11/1999	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	Anh			
1495	5	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/06/1994	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	Anh			
1496	6	Nguyễn Đình	Sơn	22/01/1987	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	Anh			
1497	7	Nguyễn Xuân	Trọng	05/11/1990	Nam	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	Anh			
1498	8	Ngô Huy	Tú	01/06/1998	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Hà Đông	Anh			
		TTYT MÊ LINH															
1499	1	Lê Sỹ	Đức	08/05/1988	Nam	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	Anh			
1500	2	Bùi Đình	Hùng	15/01/1996	Nam	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	Anh			
1501	3	Nguyễn Thị	Hương	03/11/1995	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	Anh			
1502	4	Hà Minh	Luân	15/01/1994	Nam	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	Anh			
1503	5	Lưu Thị	Mai	03/06/1990	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	Anh			
1504	6	Nguyễn Văn	Tập	04/10/1986	Nam	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	Anh			
1505	7	Phạm Thị Thu	Trang	12/07/1993	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	Anh			
1506	8	Nguyễn Anh	Văn	01/11/1994	Nam	Tiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	Anh			
1507	9	Nguyễn Thị	Vui	01/06/1990	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	Anh			
1508	10	Trần Thị	Xuyến	10/10/1985	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa	Y sỹ đa khoa	Y sỹ (hạng IV)	V.08.03.07	TTYT Mê Linh	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 29 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

4. Chức danh nghề nghiệp: Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) - V.08.04.10

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV UNG BƯỚU HÀ NỘI															
1509	1	Dương Thị	Nhương	22/04/1994	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BV Ung Bướu HN	Anh			
1510	2	Phạm Anh	Tuấn	06/02/1993	Nam	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BV Ung Bướu HN	Anh			
		BV DA LIỄU HÀ NỘI															
1511	1	Vũ Huyền	Anh	30/09/1993	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học dự phòng	**Bác sỹ Y học dự phòng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BV Da liễu Hà Nội			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài
		BVĐK XANH PÔN															
1512	1	Nguyễn Văn	An	20/12/1991	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	Ths	CQ	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Xanh Pôn	Anh	**HTNV**		
1513	2	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/01/1990	Nữ	Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
1514	3	Hàn Minh	Hằng	14/11/1991	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
1515	4	Ngô Thị Vân	Hằng	08/06/1990	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	Ths	CQ	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Xanh Pôn			**MNN**	Đào tạo thạc sỹ toàn thời gian bằng Tiếng Anh
1516	5	Hồ Phương	Mai	28/12/1994	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
1517	6	Đinh Thị	Minh	07/04/1994	Nữ	Thượng Hòa, Nho Quan, Ninh Bình	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
1518	7	Nguyễn Công	Thành	17/10/1991	Nam	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
1519	8	Nguyễn Huyền	Trang	26/02/1987	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

4. Chức danh nghề nghiệp: Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) - V.08.04.10

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
1520	1	Vũ Thị Lan	Anh	11/05/1991	Nữ	Khu đô thị An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ y học dự phòng	**Bác sỹ y học dự phòng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Hà Đông	Anh			
1521	2	Lê Xuân	Dũng	06/11/1994	Nam	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Hà Đông	Anh			
1522	3	Hoàng Thu	Hà	05/12/1997	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Hà Đông	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															
1523	1	Nguyễn Văn	Hùng	04/08/1992	Nam	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
1524	2	Lê Thị Thu	Phương	16/12/1995	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
		BVĐK BA VÌ															
1525	1	Vũ Thị	Hằng	01/06/1988	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	Ths	TT	Xã hội học (thạc sỹ Y tế công cộng)	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Ba Vì	Anh			
1526	2	Hoàng Thị	Ngân	21/11/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	Ths	TT	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Ba Vì	Anh			
		BV TÂM THẦN HÀ NỘI															
1527	1	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	28/07/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BV Tâm thần HN	Anh			
		BV TÂM THẦN MỸ ĐỨC															
1528	1	Nguyễn Thị	Hiền	25/08/1992	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVTT Mỹ Đức	Anh			
		BVĐK THANH TRÌ															
1529	1	Nguyễn Thu	Huyền	29/09/1986	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	VH VL	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Thanh Trì	Anh			
		BV THẬN HÀ NỘI															

4. Chức danh nghề nghiệp: Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) - V.08.04.10

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1530	1	Nguyễn Thị	Lập	27/10/1990	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BV Thận HN	Anh			
1531	2	Phạm Hà	Linh	07/12/1997	Nữ	Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BV Thận HN	Anh			
		BVĐK THẠCH THẤT															
1532	2	Đỗ Thị Thúy	Hường	25/01/1993	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Thạch Thất	Anh			
1533	1	Cao Bùi Bích	Phương	23/08/1995	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Thạch Thất	Anh			
		BVĐK PHÚ XUYÊN															
1534	1	Nguyễn Thị	Hà	20/11/1995	Nữ	Thị Trấn Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
		TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI															
1535	1	Hà Ngọc	Anh	24/11/1996	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh	**ĐTTS**		
1536	2	Lê Thị Quỳnh	Anh	27/11/1993	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1537	3	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	24/11/1989	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1538	4	Đoàn Lê	Duyên	21/04/1994	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1539	5	Nguyễn Thiên	Đức	20/01/1997	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1540	6	Phạm Thu	Hiền	09/09/1994	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1541	7	Vũ Thị Kim	Hoàn	12/04/1996	Nữ	An Lạc, Lạc Thủy, Hòa Bình	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			

4. Chức danh nghề nghiệp: Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) - V.08.04.10

Số TT	TT DV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1542	8	Phạm Thị	Hương	26/05/1996	Nữ	Khánh Lợi, Yên Khánh, Ninh Bình	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1543	9	Nguyễn Hoài	Linh	10/11/1995	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1544	10	Nguyễn Thị	Ngân	09/01/1990	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1545	11	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	19/02/1996	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1546	12	Trần Thị	Ngọc	25/05/1990	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1547	13	Đỗ Duy	Phương	24/05/1991	Nam	Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1548	14	Nguyễn Viết	Sơn	06/08/1997	Nam	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1549	15	Cao Ngọc	Tân	19/05/1991	Nam	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1550	16	Chu Anh	Tú	05/12/1991	Nam	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1551	17	Nguyễn Quang	Tuấn	19/11/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1552	18	Nguyễn Hiền	Thanh	12/06/1994	Nam	Trung Nghĩa, Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1553	19	Nguyễn Thị Diệu	Thu	13/10/1993	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	Ths	CQ	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
1554	20	Nguyễn Thành	Trung	03/03/1993	Nam	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh	**DTTS**		

4. Chức danh nghề nghiệp: Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) - V.08.04.10

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1555	21	Nguyễn Hiền	Vương	04/04/1986	Nam	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	Ths	TT	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
		TTYT BA ĐÌNH															
1556	1	Đỗ Thị Hà	Linh	06/10/1994	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Ba Đình	Anh			
		TTYT HAI BÀ TRƯNG															
1557	1	Phạm Thị Thái	Hà	03/09/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
1558	2	Đoàn Thu	Trang	21/07/1992	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
		TTYT THANH XUÂN															
1559	1	Lê Thanh Diệu	Huyền	20/06/1995	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Thanh Xuân			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
1560	2	Lê Thu	Hiền	15/11/1992	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Thanh Xuân	Anh			
		TTYT CẦU GIẤY															
1561	1	Nguyễn Thành	Hưng	10/04/1997	Nam	Thanh Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Cầu Giấy	Anh			
		TTYT HOÀNG MAI															
1562	1	Vũ Thị Kim	Ngân	11/12/1990	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Hoàng Mai	Anh			
		TTYT BẮC TỪ LIÊM															
1563	1	Đỗ Thị Thùy	Chi	11/06/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	Ths	CQ	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT quận Bắc Từ Liêm	Anh			
1564	2	Nguyễn Mạnh	Tiến	17/02/1996	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT quận Bắc Từ Liêm	Anh			

4. Chức danh nghề nghiệp: Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) - V.08.04.10

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT NAM TỪ LIÊM															
1565	1	Phạm Yến	Linh	23/01/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
1566	2	Trần Quang	Vinh	08/03/1995	Nam	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
		TTYT THANH TRÌ															
1567	1	Đỗ Thị Thu	Hà	19/09/1991	Nữ	Dịch Vọng Hậu -Cầu Giấy -Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT huyện Thanh Trì	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
1568	1	Ngô Thị Ngọc	Ánh	27/12/1993	Nữ	Ia Chía, Iagrai, Gia Lai	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1569	2	Lê Thị	Dung	05/07/1992	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1570	3	Đỗ Thị	Hà	05/06/1994	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Sóc Sơn	Anh			
1571	4	Đỗ Thanh	Hoài	04/08/1995	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT ĐAN PHƯỢNG															
1572	1	Đào Thị	Nhung	14/06/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Đan Phượng	Anh			
1573	2	Nguyễn Thị Thu	Thủy	08/07/1991	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	Ths	CQ	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Đan Phượng	Anh			
1574	3	Đinh Hà	Trang	13/11/1996	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Đan Phượng	Anh			
		TTYT HOÀI ĐỨC															
1575	1	Nguyễn Văn	Chấn	25/01/1997	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Hoài Đức	Anh			
1576	2	Bùi Thị	Hồng	16/03/1994	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Hoài Đức	Anh			
1577	3	Nguyễn Thị Thu	Hường	04/03/1997	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Hoài Đức	Anh			

4. Chức danh nghề nghiệp: Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) - V.08.04.10

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1578	4	Nguyễn Thu	Ngân	24/01/1992	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Hoài Đức	Anh			
		TTYT CHƯƠNG MỸ															
1579	1	Nguyễn Thị	Bằng	10/04/1982	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	TC	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Chương Mỹ	Anh			
1580	2	Trịnh Thị Khánh	Trà	19/09/1994	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Chương Mỹ	Anh			
		TTYT MỸ ĐỨC															
1581	1	Nguyễn Thị	Hiên	08/02/1994	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Mỹ Đức	Anh			
		TTYT PHÚ XUYÊN															
1582	1	Đỗ Tú	Anh	18/12/1997	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1583	2	Vũ Thị	Huyền	06/12/1992	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Phú Xuyên	Anh			
1584	3	Nguyễn Trần Bảo	Yến	24/07/1993	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Phú Xuyên	Anh			
		TTYT SƠN TÂY															
1585	1	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	30/08/1996	Nữ	Cam Thượng, Ba vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
1586	2	Đào Thị Lan	Phương	12/12/1993	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
		TTYT HÀ ĐÔNG															
1587	1	Lê Thị	Liên	20/05/1997	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Hà Đông	Anh			
1588	2	Nguyễn Thu	Phương	06/09/1995	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Hà Đông	Anh			
1589	3	Triệu Hương	Quỳnh	18/07/1997	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Hà Đông	Anh			
1590	4	Vũ Thị Bích	Trâm	15/12/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Hà Đông	Anh			

4. Chức danh nghề nghiệp: Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) - V.08.04.10

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT MÊ LINH															
1591	1	Phùng Đình	Huấn	26/12/1994	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Mê Linh	Anh			
1592	2	Nguyễn Thị	Nhung	16/01/1995	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Mê Linh	Anh			
1593	3	Nguyễn Thị	Tâm	10/02/1993	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	TTYT Mê Linh	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 29/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

5. Chức danh nghề nghiệp: **ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12**

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI														
1594	1	Nguyễn Tuấn	Anh	15/02/1988	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
1595	2	Nguyễn Thị Việt	Anh	22/02/1994	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
1596	3	Phí Mạnh	Công	01/03/1997	Nam	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
1597	4	Nguyễn Thị	Diệu	17/06/1987	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
1598	5	Phạm Thị	Duyên	20/10/1993	Nữ	Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
1599	6	Lê Thị	Hằng	25/12/1985	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
1600	7	Phương Thu	Hồng	20/09/1985	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
1601	8	Lê Thị	Hồng	08/04/1987	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
1602	9	Phạm Thị	Hương	09/11/1988	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**CTB**	
1603	10	Nguyễn Thị Thu	Hương	30/12/1983	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
1604	11	Dương Thị	Loan	04/01/1986	Nữ	Bắc Cường, TP Lào Cai, Lào Cai	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
1605	12	Trương Thị	My	20/11/1993	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: DIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18
1606	13	Nguyễn Thị	Nhung	05/10/1982	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
1607	14	Lương Thị	Nhung	25/11/1990	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**CBB**	
1608	15	Nguyễn Thị	Tâm	18/09/1989	Nữ	Hài Bối, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh		
		BV UNG BƯỚU HÀ NỘI														
1609	1	Dương Thị Vân	Anh	18/06/1988	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh		
1610	2	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/05/1995	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh		
1611	3	Đặng Thu	Hằng	01/11/1994	Nữ	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh		
1612	4	Phạm Hoàng Mai	Huyền	16/11/1995	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh		
1613	5	Phạm Tiến	Luận	16/03/1997	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh		
1614	6	Trần Thị	Mến	10/09/1993	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh	**CBB**	
1615	7	Đoàn Thị	Ngoan	30/04/1994	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh		
1616	8	Nguyễn Thị	Quyên	10/05/1992	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh		
1617	9	Nguyễn Thị	Thảo	24/06/1993	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh		
1618	10	Tạ Thị Phương	Thảo	28/02/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh		
1619	11	Ngô Thị	Thảo	28/03/1994	Nữ	Tân Trung, Tân Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1620	12	Mai Thị Thanh	Thủy	10/03/1994	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Ung Bướu HN	Anh		
		BV MẮT HÀ ĐÔNG														
1621	1	Đinh Thị Kim	Chi	24/04/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Mắt Hà Đông	Anh		
1622	2	Tạ Thị	Đức	29/07/1994	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Mắt Hà Đông	Anh		
1623	3	Nguyễn Thu	Hà	21/07/1992	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Mắt Hà Đông	Anh		
1624	4	Nguyễn Thị	Huệ	22/08/1987	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Mắt Hà Đông	Anh		
1625	5	Lưu Thị	Nhung	29/10/1993	Nữ	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Mắt Hà Đông	Anh		
1626	6	Phạm Đông	Phong	20/05/1990	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Mắt Hà Đông	Anh		
1627	7	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	24/07/1993	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Mắt Hà Đông	Anh		
1628	8	Bùi Thị	Thơm	08/04/1988	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Mắt Hà Đông	Anh		
		BV DA LIỄU HÀ NỘI														
1629	1	Đỗ Thị	Lương	22/09/1993	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Da liễu Hà Nội	Anh		
		BVĐK HÒE NHAI														
1630	1	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	05/11/1979	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Hòe Nhai	Anh		
		BVĐK XANH PÔN														
1631	1	Lê Thị	Hiệp	30/04/1993	Nữ	Hai Bà Trưng, Phủ Lý, Hà Nam	ĐH	CQ	Điều dưỡng gây mê hồi sức	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1632	2	Hoàng Thị	Thu	06/12/1992	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng gây mê hồi sức	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1633	3	Chu Thị	Thúy	19/09/1995	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng gây mê hồi sức	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1634	4	Đỗ Hoàng	Anh	30/11/1981	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1635	5	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/06/1993	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1636	6	Trần Thị Hải	Anh	07/10/1994	Nữ	Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1637	7	Nguyễn Thị	Cúc	17/08/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1638	8	Phạm Thị	Dung	10/01/1995	Nữ	Hải Lộc, Hải Hậu, Nam Định	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1639	9	Mã Thị	Hà	25/12/1992	Nữ	Nga Tân, Nga Sơn, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1640	10	Nguyễn Thu	Hiếu	13/07/1985	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1641	11	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	09/09/1992	Nữ	Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1642	12	Trần Thị Thúy	Hồng	18/10/1969	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1643	13	Nguyễn Thị	Huệ	03/07/1981	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1644	14	Hồ Thanh	Hương	12/07/1983	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1645	15	Dương Thị Lan	Hương	20/06/1995	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1646	16	Vũ Thị	Hường	14/10/1981	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1647	17	Lê Thị	Huyền	14/04/1981	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1648	18	Đoàn Thị	Linh	02/09/1994	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1649	19	Trần Thị Tuyết	Mai	29/03/1976	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1650	20	Lê Thị Ngọc	Mai	07/10/1993	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1651	21	Lã Thị Nguyệt	Minh	10/02/1994	Nữ	Thanh Miếu, Việt Trì, Phú Thọ	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1652	22	Nguyễn Thanh	Minh	13/02/1984	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1653	23	Hàn Thị	Năm	17/01/1996	Nữ	Liêm Túc, Thanh Liêm, Hà Nam	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1654	24	Vũ Thị	Nga	09/08/1993	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1655	25	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10/04/1993	Nữ	Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1656	26	Ngô Thị Kim	Ngân	25/11/1986	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1657	27	Nguyễn Thị	Nguyệt	24/05/1985	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1658	28	Bùi Thanh	Nhàn	22/07/1981	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1659	29	Dương Thị Hồng	Nhung	15/02/1980	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1660	30	Phạm Đông	Phong	20/05/1990	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1661	31	Đỗ Thị Minh	Phương	18/01/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1662	32	Nguyễn Thị Mai	Phương	17/12/1984	Nữ	Yên Ngưu, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1663	33	Trần Hà	Quang	19/10/1994	Nam	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1664	34	Ngô Thị	Tâm	26/01/1994	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1665	35	Nguyễn Thị	Thắm	25/02/1996	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1666	36	Phạm Minh	Thúy	29/08/1982	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1667	37	Phạm Thị	Thúy	25/10/1987	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1668	38	Nguyễn Thị	Toan	01/05/1977	Nữ	Mễ Trì Thượng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1669	39	Đặng Quỳnh	Trang	04/04/1997	Nữ	Quang Trung, Thành phố Nam Định, Nam Định	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1670	40	Hoàng Thị Huyền	Trang	23/04/1987	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1671	41	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	04/01/1996	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1672	42	Đào Thị Hồng	Vân	08/11/1990	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
1673	43	Ngô Văn	Vinh	18/10/1992	Nam	Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Xanh Pôn	Anh		
		BV THANH NHÀN														
1674	1	Trần Thị	Hải	22/06/1989	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1675	2	Đào Thị Việt	Hiền	03/03/1983	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1676	3	Nguyễn Thị Thu	Hoa	28/10/1985	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1677	4	Đinh Thị	Hồng	11/05/1995	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1678	5	Đào Thị Thu	Hường	23/06/1982	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1679	6	Đỗ Phương	Huyền	19/04/1994	Nữ	Điền Xá, Nam Trực, Nam Định	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1680	7	Trần Văn	Kha	18/04/1993	Nam	Văn Tự, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1681	8	Nguyễn Thị	Liên	05/09/1988	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1682	9	Phạm Thị	Liễu	16/05/1991	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1683	10	Lê Thị Thùy	Linh	23/02/1995	Nữ	Hợp Lý, Triệu Sơn, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1684	11	Trần Thị	Mai	13/05/1989	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1685	12	Trương Thảo	My	27/11/1995	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1686	13	Nguyễn Trà	My	06/03/1983	Nữ	Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1687	14	Nguyễn Thị	Nhung	16/02/1996	Nữ	Khuyến Nông, Triệu Sơn, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1688	15	Đỗ Thị Kim	Oanh	16/12/1996	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1689	16	Lê Thị	Phong	30/08/1990	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1690	17	Nguyễn Phương	Thảo	11/09/1994	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1691	18	Chu Thanh	Thủy	15/01/1987	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1692	19	Phan Thị	Thúy	08/05/1997	Nữ	Xuân Phú, Xuân Trường, Nam Định	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1693	20	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/12/1991	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1694	21	Nguyễn Thu	Trang	14/08/1995	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
1695	22	Nguyễn Anh	Tuấn	30/10/1994	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1696	23	Chu Thị	Yên	30/07/1990	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thanh Nhàn	Anh		
		BVĐK HÀ ĐÔNG														
1697	1	Nguyễn Ngọc	Ánh	22/10/1997	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Hà Đông	Anh		
1698	2	Vũ Thị Thanh	Hiền	29/07/1993	Nữ	Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Hà Đông	Anh		
1699	3	Hoàng Thị	Hợi	13/03/1995	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Hà Đông	Anh		
1700	4	Nguyễn Thị	Huế	24/01/1990	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Hà Đông	Anh		
1701	5	Phạm Thùy	Linh	14/05/1995	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Hà Đông	Anh		
1702	6	Nguyễn Thị	Mai	11/03/1995	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Hà Đông	Anh		
1703	7	Nguyễn Thị	Nga	07/02/1995	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Hà Đông	Anh		
1704	8	Dương Thị Hồng	Ngát	11/05/1993	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Hà Đông	Anh		
1705	9	Hoàng Thị	Trang	16/04/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Hà Đông	Anh		
1706	10	Đỗ Linh	Trang	28/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Hà Đông	Anh		
		BVĐK VÂN ĐÌNH														
1707	1	Đặng Xuân	Hướng	05/07/1990	Nam	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Vân Đình	Anh		
1708	2	Nguyễn Thị	Hường	27/11/1995	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Vân Đình	Anh		
1709	3	Phạm Thị	Khanh	02/03/1992	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Vân Đình	Anh		
1710	4	Đỗ Thị Kim	Liên	27/07/1995	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Vân Đình	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1711	5	Nguyễn Thị	Lụa	28/04/1997	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Vân Đình	Anh		
1712	6	Nguyễn Thị	Miền	15/10/1991	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Vân Đình	Anh		
1713	7	Phạm Văn	Phúc	24/11/1990	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Vân Đình	Anh		
1714	8	Nguyễn Thị Bích	Thảo	05/01/1993	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Vân Đình	Anh		
1715	9	Nguyễn Thị	Thúy	24/07/1993	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Vân Đình	Anh		
		BVĐK ĐỨC GIANG														
1716	1	Lưu Thị Lệ	Hằng	16/10/1987	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đức Giang	Anh		
1717	2	Nguyễn Quỳnh	Lan	22/07/1986	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đức Giang	Anh		
1718	3	Nguyễn Thị	Tình	08/05/1989	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đức Giang	Anh		
1719	4	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/10/1988	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đức Giang	Anh		
		BVĐK YHCT HÀ NỘI														
1720	1	Nguyễn Mạnh	Cường	26/06/1984	Nam	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Y học cổ truyền Hà Nội	Anh		
1721	2	Hoàng Thị Thúy	Ngần	11/02/1990	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Y học cổ truyền Hà Nội	Anh		
1722	3	Hoàng Thu	Phương	15/01/1991	Nữ	Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Y học cổ truyền Hà Nội	Anh		
1723	4	Nguyễn Tuấn	Thanh	13/12/1976	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Y học cổ truyền Hà Nội	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
		BVĐK ĐÔNG ANH														
1724	1	Tô Thị	Thu	25/04/1989	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đông Anh	Anh		
		BVĐK QUỐC OAI														
1725	1	Kiều Thị	Hiền	24/02/1996	Nữ	Đông yên, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Quốc Oai	Anh		
1726	2	Đào Ngọc	Huỳnh	16/07/1997	Nam	Nghĩa Giang, Toàn Thắng, Kim Động, Hưng Yên	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Quốc Oai	Anh		
1727	3	Cấn Thị	Liên	01/10/1997	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Quốc Oai	Anh		
1728	4	Đỗ Thị	Liên	28/12/1992	Nữ	Phù Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Quốc Oai	Anh		
1729	5	Đỗ Thị	Linh	10/10/1997	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Quốc Oai	Anh		
1730	6	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/03/1991	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Quốc Oai	Anh		
1731	7	Nguyễn Thị	Thúy	27/05/1997	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Quốc Oai	Anh		
1732	8	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/07/1988	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Quốc Oai	Anh		
1733	9	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/03/1995	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Quốc Oai	Anh		
1734	10	Đỗ Thị	Mai	03/07/1993	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng gây mê hồi sức	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Quốc Oai	Anh		
1735	11	Đặng Thị	Thủy	01/03/1996	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng gây mê hồi sức	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Quốc Oai	Anh		
		BVĐK BA VÌ														
1736	1	Phùng Thị	An	28/07/1995	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Ba Vì	Anh		
1737	2	Phùng Thị Thanh	Huyền	01/05/1997	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Ba Vì	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1738	3	Trần Thị Hồng	Khuyên	10/07/1997	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Ba Vì	Anh		
1739	4	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/11/1992	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Ba Vì	Anh		
1740	5	Lã Quốc	Việt	06/06/1995	Nam	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Ba Vì	Anh		
		BV PHỔI HÀ NỘI														
1741	1	Đỗ Thị	Nhung	02/11/1989	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Phổi Hà Nội	Anh		
		BV TÂM THẦN HÀ NỘI														
1742	1	Ngô Thị Thu	Hiền	12/11/1979	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Tâm thần HN	Anh		
1743	2	Nguyễn Thị Bích	Thu	24/06/1990	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Tâm thần HN	Anh		
1744	3	Trần Thị Thu	Trang	05/02/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Tâm thần HN	Anh		
1745	4	Trương Thị	Tuyết	17/02/1985	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Tâm thần HN	Anh		
		BV BẠCH THĂNG LONG														
1746	1	Hoàng Ngọc	Hà	02/05/1990	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Bạch Thăng Long	Anh		
1747	2	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	16/10/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Bạch Thăng Long	Anh		
1748	3	Đỗ Thị	Lý	04/10/1997	Nữ	Tiêu Động, Bình Lục, Hà Nam	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Bạch Thăng Long	Anh		
1749	4	Đỗ Thanh	Tâm	08/03/1996	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Bạch Thăng Long	Anh		
1750	5	Nguyễn Thị	Thành	09/12/1995	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Bạch Thăng Long	Anh		
		BVĐK THANH TRÌ														

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18
1751	1	Nguyễn Ngọc	Anh	18/01/1984	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thanh Trì	Anh		
1752	2	Ngô Thị	Hoa	21/09/1995	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thanh Trì	Anh		
		BVĐK SÓC SƠN														
1753	1	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/08/1983	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Sóc Sơn	Anh		
1754	2	Bùi Thị Thu	Hường	30/01/1983	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Sóc Sơn	Anh	**CTB**	
1755	3	Hồ Thị	Ngân	10/08/1991	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Sóc Sơn	Anh		
1756	4	Nguyễn Xuân	Ngũ	19/05/1966	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Sóc Sơn	Anh		
		BVĐK SƠN TÂY														
1757	1	Phạm Phương	Nhung	12/10/1997	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Sơn Tây	Anh		
		BV THẬN HÀ NỘI														
1758	1	Hoàng Thị Lệ	Mỹ	01/11/1991	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thận HN	Anh		
1759	2	Đào Thị	Thu	10/02/1989	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BV Thận HN	Anh		
		BVĐK PHÚC THỌ														
1760	1	Đặng Thị	Luyến	11/05/1996	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Phúc Thọ	Anh		
1761	2	Nguyễn Thị	Yến	04/05/1994	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Phúc Thọ	Anh		
		BVĐK THẠCH THẤT														
1762	1	Nguyễn Thị	Duyên	16/12/1996	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thạch Thất	Anh		
1763	2	Đào Thị Hồng	Hạnh	17/10/1992	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thạch Thất	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18
1764	3	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	19/07/1995	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thạch Thất	Anh		
1765	4	Lê Thị	Huyên	19/04/1990	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thạch Thất	Anh		
1766	5	Nguyễn Thanh	Mai	29/12/1997	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thạch Thất	Anh		
1767	6	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	02/05/1993	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thạch Thất	Anh		
		BVĐK ĐAN PHƯỢNG														
1768	1	Nguyễn Hương	Giang	23/09/1993	Nữ	Xã Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		
1769	2	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/05/1988	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		
1770	3	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	16/11/1997	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		
1771	4	Đinh Thị	Hằng	31/01/1997	Nữ	Liên Hiệp -Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		
1772	5	Phí Thị	Lành	12/10/1997	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		
1773	6	Phạm Thị	Liễu	04/06/1996	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		
1774	7	Nguyễn Thị	Phúc	19/04/1989	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		
1775	8	Nguyễn Thị	Tâm	27/08/1994	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		
1776	9	Nguyễn Thị	Thảo	11/05/1997	Nữ	Thị trấn Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		
1777	10	Tạ Minh	Thơm	30/10/1996	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		
1778	11	Phan Thị	Thơm	11/12/1996	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: DIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1779	12	Đỗ Thị	Trang	12/10/1990	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Đan Phượng	Anh		
		BVĐK CHƯƠNG MỸ														
1780	1	Trần Quỳnh	Anh	27/10/1995	Nữ	Hữu Văn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1781	2	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/01/1995	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1782	3	Nguyễn Thị	Hà	14/12/1990	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1783	4	Đỗ Thị	Hiền	12/02/1978	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1784	5	Nguyễn Thị	Hường	18/08/1990	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1785	6	Nguyễn Thị	Hường	17/01/1993	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1786	7	Tống Thị	Kiên	25/05/1983	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1787	8	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	05/06/1992	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1788	9	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	17/12/1994	Nữ	Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1789	10	Đào Thị	Phương	15/07/1988	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1790	11	Vũ Thị Băng	Thanh	05/03/1991	Nữ	Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1791	12	Đỗ Duy	Thông	07/02/1987	Nam	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
1792	13	Phạm Thị Kiều	Trinh	15/03/1994	Nữ	Ân Hòa, Kim Sơn, Ninh Bình	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Chương Mỹ	Anh		
		BVĐK THANH OAI														
1793	1	Phạm Thị	Hoa	30/01/1991	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	LTVH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thanh Oai	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1794	2	Nguyễn Diệu	Linh	27/06/1994	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thanh Oai	Anh		
1795	3	Phạm Thị Thanh	Vân	23/04/1996	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thanh Oai	Anh		
1796	4	Tạ Lan	Phương	28/10/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thanh Oai	Anh		
		BVĐK THƯỜNG TÍN														
1797	1	Phạm Thị	Thơm	10/08/1992	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thường Tín	Anh		
1798	2	Lê Thúy	Quỳnh	19/11/1992	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thường Tín	Anh		
1799	3	Vũ Thị	Ngọc	24/03/1994	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Thường Tín	Anh		
		BVĐK PHÚ XUYÊN														
1800	1	Lê Thị	Hường	11/02/1989	Nữ	Lê Hồng Phong, Phú Lý, Hà Nam	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Phú Xuyên	Anh		
1801	2	Phạm Thị	Huyền	18/08/1996	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Phú Xuyên	Anh		
1802	3	Tô Thị	La	14/03/1995	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Phú Xuyên	Anh		
1803	4	Phạm Thị	Nguyên	03/09/1993	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Phú Xuyên	Anh		
1804	5	Vũ Thị Hồng	Nhung	09/09/1993	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Phú Xuyên	Anh		
		BVĐK MÊ LINH														
1805	1	Nguyễn Ngọc	Bích	22/09/1993	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Mê Linh	Anh		
1806	2	Nguyễn Thị	Châm	17/04/1993	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Mê Linh	Anh		
1807	3	Nguyễn Thị	Chinh	04/01/1990	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Mê Linh	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: DIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1808	4	Nguyễn Thị	Cúc	18/11/1991	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Mê Linh	Anh		
1809	5	Nguyễn Thị	Hằng	27/12/1992	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Mê Linh	Anh		
1810	6	Nguyễn Thị	Thu	05/10/1996	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Mê Linh	Anh		
1811	7	Hán Thị	Việt	24/06/1993	Nữ	Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Mê Linh	Anh		
		BVĐK GIA LÂM														
1812	1	Nguyễn Thị Hồng	Huyên	11/07/1982	Nữ	Nghĩa Trụ, Văn Giang, Hưng Yên	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Gia Lâm	Anh	**CĐCĐ**	
1813	2	Trịnh Thị	Oanh	26/04/1993	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Gia Lâm	Anh		
1814	3	Nguyễn Thị	Thúy	16/01/1989	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	BVĐK Gia Lâm	Anh		
		TT PHÁP Y HÀ NỘI														
1815	1	Lê Thị Kim	Hoa	29/05/1980	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TT Pháp y Hà Nội	Anh		
		TTYT ĐỐNG ĐA														
1816	1	Lý Thị	Chinh	12/02/1993	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Đống Đa	Anh		
1817	2	Mai Lý Hoài	Linh	29/06/1996	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Đống Đa	Anh	**CĐCĐ**	
		TTYT TÂY HỒ														
1818	1	Tạ Thị Kim	Huệ	18/12/1992	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Tây Hồ	Anh		
		TTYT HOÀNG MAI														
1819	1	Nguyễn Thị Hà	Anh	08/10/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Hoàng Mai	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18
1820	2	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26/10/1989	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Hoàng Mai	Anh		
		TTYT LONG BIÊN														
1821	1	Trần Thị	Hiền	23/08/1987	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Long Biên	Anh		
		TTYT THẠCH THẤT														
1822	1	Lê Ngọc	Anh	12/04/1990	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Thạch Thất	Anh		
		TTYT QUỐC OAI														
1823	1	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	14/11/1993	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Quốc Oai	Anh		
		TTYT ĐAN PHƯỢNG														
1824	1	Kim Anh	Tuấn	24/09/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Đan Phượng	Anh		
		TTYT HOÀI ĐỨC														
1825	1	Nguyễn Thị	Hường	27/08/1992	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Hoài Đức	Anh		
1826	2	Vũ Phương	Thảo	14/04/1994	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Hoài Đức	Anh	**CBB**	
		TTYT CHƯƠNG MỸ														
1827	1	Nguyễn Thu	Hậu	18/11/1993	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Chương Mỹ	Anh		
		TTYT MỸ ĐỨC														
1828	1	Đinh Thị	Duyên	20/06/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Mỹ Đức	Anh		
1829	2	Nguyễn Thị	Thúy	22/06/1983	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Mỹ Đức	Anh		

5. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III, V.08.05.12

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)
											Tên CDNN	Mã số				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*
1830	3	Nguyễn Thị Thu	Thủy	10/09/1989	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Mỹ Đức	Anh		
		TTYT PHÚ XUYÊN														
1831	1	Tô Thị	Hồng	18/01/1994	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Phú Xuyên	Anh		
1832	2	Nguyễn Thị	Phượng	04/02/1993	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	TTYT Phú Xuyên	Anh		

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

6. Chức danh nghề nghiệp: DIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI															
1833	1	Nguyễn Vân	Anh	17/04/1984	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ
1834	2	Trương Thị	Anh	22/01/1982	Nữ	Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1835	3	Lê Thị Phương	Anh	05/09/1994	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1836	4	Nguyễn Thị	Ánh	27/08/1991	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1837	5	Nguyễn Kim	Chung	13/06/1989	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1838	6	Nguyễn Phương	Dung	01/05/1986	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1839	7	Nhân Thị Thùy	Dung	03/03/1992	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1840	8	Nguyễn Thị Khánh	Hà	04/09/1988	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1841	9	Nguyễn Thị	Hân	27/10/1980	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**CLS**		
1842	10	Chu Thị Bích	Hằng	08/01/1992	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1843	11	Lê Thị	Hằng	28/02/1993	Nữ	Tân Châu, Khoái Châu, Hưng Yên	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1844	12	Nguyễn Thị	Hiền	15/11/1991	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1845	13	Lê Thị Thu	Hiền	25/11/1986	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1846	14	Chu Thị	Hoa	30/05/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1847	15	Trần Thị	Hương	23/10/1987	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1848	16	Nguyễn Thị	Huyền	04/03/1997	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1849	17	Phạm Thanh	Huyền	09/12/1985	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1850	18	Triệu Ngọc	Huyền	02/06/1996	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1851	19	Vương Hoàng	Lan	01/04/1998	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1852	20	Nguyễn Hiền	Lương	13/04/1992	Nữ	Mễ Trì Thượng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1853	21	Nguyễn Thị	Mơ	18/02/1980	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1854	22	Nguyễn Thị	Nga	14/10/1985	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1855	23	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	04/12/1980	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1856	24	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/05/1989	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1857	25	Lê Thị Hồng	Ngọc	22/02/1990	Nữ	Tĩnh Hải, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**CTB**		
1858	26	Đỗ Thị	Nhật	08/10/1992	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1859	27	Hoàng Thị Trang	Nhung	21/05/1989	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1860	28	Nguyễn Bích	Phương	20/03/1989	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**DTTS**		
1861	29	Hoàng Thu	Thảo	11/05/1997	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1862	30	Phùng Thị	Thơ	03/09/1993	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1863	31	Bùi Thị	Thúy	25/07/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1864	32	Nguyễn Thu	Trang	24/10/1990	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1865	33	Hoàng Thu	Trang	08/03/1984	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1866	34	Mai Thị Quỳnh	Trang	02/09/1997	Nữ	Nga Bạch, Nga Sơn, Thanh Hóa	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1867	35	Trần Thị Đài	Trang	22/12/1992	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1868	36	Nguyễn Thị Thúy	Trang	29/07/1990	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1869	37	Nguyễn Mạnh	Tuấn	20/02/1994	Nam	Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Nam Định	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1870	38	Nguyễn Hồng	Vân	08/03/1977	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
1871	39	Phạm Hải	Yến	23/11/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
		BV UNG BƯỚU HÀ NỘI															
1872	1	Phan Khánh	Duy	19/08/1993	Nam	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	**Điều dưỡng Gây mê hồi sức**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1873	2	Nguyễn Hà	My	01/10/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	**Điều dưỡng Gây mê hồi sức**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1874	3	Nguyễn Hải	Bình	27/11/1995	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1875	4	Bùi Phương	Châm	31/01/1991	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1876	5	Lê Minh	Châu	25/08/1994	Nữ	Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh	**CTB**		
1877	6	Lê Thị	Chúc	05/08/1991	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1878	7	Cảnh Thị	Hà	23/09/1992	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1879	8	Nguyễn Thị	Hiên	18/07/1996	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1880	9	Phạm Thị	Hòa	13/08/1997	Nữ	Hóa Thượng, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1881	10	Nguyễn Thanh	Huyền	30/07/1995	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1882	11	Bùi Thị Diệu	Linh	15/01/1996	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1883	12	Phùng Thị Minh	Lý	24/02/1992	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1884	13	Phạm Thị Bích	Ngọc	24/04/1995	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1885	14	Lê Hoa	Phương	05/05/1993	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1886	15	Trần Hồng	Thanh	11/03/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1887	16	Đinh Thị	Thắm	30/07/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1888	17	Nguyễn Mạnh	Thắng	27/08/1997	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1889	18	Nguyễn Thu	Trang	19/04/1995	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1890	19	Nguyễn Văn	Trọng	15/09/1988	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1891	20	Phạm Thị	Xuân	23/07/1992	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
1892	21	Nguyễn Thị Hải	Yến	18/06/1995	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Ung Bướu HN	Anh			
		BV MẮT HÀ NỘI															
1893	1	Đỗ Thị Mai	Anh	16/08/1995	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1894	2	Vũ Thị Ngọc	Ánh	13/10/1996	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1895	3	Phan Nữ Quý	Diệp	05/04/1993	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1896	4	Nguyễn Thị	Dịu	12/12/1994	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1897	5	Bùi Thị	Hằng	16/09/1987	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1898	6	Nguyễn Thị	Hiền	21/03/1995	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1899	7	Nguyễn Thị	Hương	21/01/1997	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1900	8	Trương Thu	Hương	06/04/1985	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1901	9	Nguyễn Trọng	Long	18/12/1992	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1902	10	Nguyễn Quang	Minh	15/01/1989	Nam	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1903	11	Nguyễn Thị	Quyến	04/09/1990	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1904	12	Ngô Tiến	Quyết	09/08/1991	Nam	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1905	13	Nguyễn Phương	Thảo	22/06/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1906	14	Hoàng Thị	Thùy	14/12/1995	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1907	15	Bùi Đăng	Toàn	28/03/1991	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1908	16	Nguyễn Chu	Toàn	17/06/1986	Nam	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1909	17	Phạm Thị Thu	Trang	20/03/1996	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1910	18	Đỗ Thị	Tú	04/03/1995	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1911	19	Đỗ Đắc	Tuyến	16/08/1994	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
1912	20	Đỗ Thị Thảo	Vân	12/03/1995	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Mắt Hà Nội	Anh			
		BV MẮT HÀ ĐÔNG															
1913	1	Nguyễn Thị	Châm	27/07/1990	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh	**CTB**		
1914	2	Đoàn Thị Kim	Chi	01/09/1994	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1915	3	Phan Danh	Đạt	18/03/1994	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1916	4	Đặng Văn	Đức	24/12/1991	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1917	5	Lê Thị	Giang	23/09/1993	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1918	6	Tạ Thu	Hiền	12/05/1994	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1919	7	Nguyễn Thị	Linh	08/06/1994	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1920	8	Hoàng Xuân	Mai	28/08/1996	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1921	9	Nguyễn Thị Hương	Mơ	27/10/1995	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1922	10	Nguyễn Thị Trà	My	14/04/1997	Nữ	Phú Long, Nho Quan, Ninh Bình	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh	**DTTS**		
1923	11	Nguyễn Như	Ngọc	10/09/1998	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1924	12	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	04/02/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1925	13	Đoàn Tuyết	Nhung	30/04/1984	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1926	14	Đinh Nữ Thùy	Tiên	17/05/1989	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1927	15	Đặng Đình	Tuấn	17/02/1995	Nam	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1928	16	Trần Thị	Tuyết	10/06/1986	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1929	17	Nguyễn Thị	Tuyết	13/08/1992	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1930	18	Bùi Thị Thanh	Thanh	26/04/1993	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1931	19	Lưu Thị Phương	Thảo	30/12/1996	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1932	20	Cấn Thị	Thắng	12/03/1983	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1933	21	Phùng Thị	Thêu	26/10/1996	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1934	22	Vũ Ngọc	Thúy	16/04/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LTVH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1935	23	Lê Thị	Thư	17/11/1993	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1936	24	Nguyễn Thị Diệu	Thương	06/11/1994	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1937	25	Vương Huy	Thường	15/10/1991	Nam	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1938	26	Đặng Thị Tuyết	Trinh	06/09/1987	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1939	27	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	09/09/1993	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1940	28	Trần Thanh	Vân	24/05/1993	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1941	29	Vũ Thị	Vân	28/09/1990	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1942	30	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Yến	05/12/1997	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
1943	31	Nguyễn Văn	Yêu	01/12/1998	Nam	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV DA LIỄU HÀ NỘI															
1944	1	Thái Thu	Hương	11/12/1995	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Anh			
1945	2	Trần Kim	Oanh	02/10/1995	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Anh			
1946	3	Hoàng Hà	Phương	30/05/1994	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LTVH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Anh			
1947	4	Phùng Nhã	Phương	09/12/1984	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Anh			
1948	5	Nguyễn Thị Phương	Thúy	21/12/1994	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Anh			
1949	6	Đỗ Huyền	Trang	02/02/1994	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Anh			
1950	7	Nguyễn Văn	Sự	13/09/1991	Nam	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	LTVH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Anh			
		BV HỮU NGHỊ VIỆT NAM, CU BA															
1951	1	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/01/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1952	2	Chử Thị Lan	Anh	03/06/1980	Nữ	Vạn Phúc,Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1953	3	Trương Thị Ngọc	Ánh	04/08/1990	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1954	4	Trần Thị Hồng	Ánh	19/12/1990	Nữ	Nhật Tân,Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1955	5	Nguyễn Thị Thúy	Dung	06/07/1984	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1956	6	Chu Thị Hương	Giang	15/10/1981	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1957	7	Nguyễn Trương Ngân	Hà	24/05/1995	Nữ	Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1958	8	Nguyễn Thị	Hiền	23/08/1981	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1959	9	Thế Thị	Hiền	30/03/1989	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1960	10	Nguyễn Thị	Hồng	24/02/1992	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1961	11	Phan Thị Thu	Huệ	27/06/1987	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1962	12	Lê Thị Lan	Hương	29/03/1990	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1963	13	Trần Thu	Hương	27/09/1997	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1964	14	Vũ Thị Thu	Huyền	03/06/1985	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh	**CTB**		
1965	15	Trần Thị Phương	Lan	22/12/1987	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1966	16	Nguyễn Thùy	Linh	19/08/1998	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1967	17	Nguyễn Thanh	Loan	26/03/1976	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1968	18	Nguyễn Phương	Nga	05/06/1976	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1969	19	Lê Đăng Thảo	Nguyên	10/04/1991	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1970	20	Hoàng Thị	Nhuận	01/09/1977	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1971	21	Đặng Thị Cẩm	Nhung	27/09/1993	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1972	22	Bùi Thị	Oanh	23/02/1984	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh	**CBB**		
1973	23	Đặng Thị	Phương	01/02/1992	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1974	24	Phạm Thị Thu	Phương	10/12/1982	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1975	25	Nguyễn Hồng	Quân	13/03/1991	Nam	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1976	26	Nguyễn Thị	Tần	04/06/1980	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1977	27	Đặng Tiến	Thịnh	06/04/1987	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1978	28	Đặng Hồng	Thu	13/09/1983	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1979	29	Nguyễn Thị	Thúy	10/01/1994	Nữ	Tứ Dân, Khoái Châu, Hưng Yên	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1980	30	Nguyễn Thị	Toan	19/03/1974	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1981	31	Cao Thu	Trang	02/02/1991	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	LTVH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1982	32	Trần Thu	Trang	18/03/1995	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1983	33	Chử Thị	Trang	03/01/1993	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1984	34	Bùi Đức	Trung	30/01/1983	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh	**CBB**		
1985	35	Đỗ Mạnh	Tuấn	28/09/1988	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1986	36	Lê Thị	Tươi	23/05/1987	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1987	37	Ngô Thị Kim	Tuyến	11/05/1995	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
1988	38	Nghiêm Huy	Việt	09/06/1989	Nam	Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
		BVĐK HÒE NHAI															
1989	1	Nguyễn Thị Nga	Linh	18/08/1992	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hòe Nhai	Anh			
1990	2	Dương Hồng	Quân	18/11/1991	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hòe Nhai	Anh			
1991	3	Nguyễn Thị	Yến	30/09/1988	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hòe Nhai	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK XANH PÔN															
1992	1	Đặng Thị Lan	Anh	22/04/1979	Nữ	Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
1993	2	Võ Thị Lan	Anh	19/08/1979	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
1994	3	Nguyễn Vân	Anh	09/07/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
1995	4	Phương Lai	Anh	15/07/1992	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
1996	5	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	02/05/1994	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
1997	6	Đặng Thị	Bích	25/09/1992	Nữ	Yên Bình, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
1998	7	Lê Thị Kim	Chi	24/07/1984	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh	**CBB**		
1999	8	Phạm Thị Tuyết	Chinh	28/02/1987	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2000	9	Đỗ Phương	Đào	18/02/1996	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2001	10	Nguyễn Hữu	Đồng	25/11/1997	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2002	11	Trần Bá	Đức	13/11/1995	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2003	12	Nguyễn Thắm Thùy	Dương	05/03/1981	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2004	13	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13/10/1982	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2005	14	Lê Hương	Giang	09/02/1992	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2006	15	Hà Văn	Hải	15/08/1979	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2007	16	Đỗ Thị Thu	Hằng	16/08/1980	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2008	17	Lê Thị	Hằng	08/07/1986	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2009	18	Trần Thị	Hạnh	24/11/1983	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2010	19	Nguyễn Thị	Hạnh	30/07/1979	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2011	20	Nguyễn Thị	Hậu	28/11/1998	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2012	21	Nguyễn Thị Thu	Hiền	26/11/1975	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2013	22	Nguyễn Văn	Hiếu	18/04/1995	Nam	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2014	23	Phùng Thị Minh	Hiếu	25/05/1980	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2015	24	Trần Thị	Hoa	08/02/1996	Nữ	Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2016	25	Chu Thị	Hồng	06/11/1981	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2017	26	Đỗ Thị	Hồng	16/05/1978	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2018	27	Đinh Thị	Huệ	19/10/1998	Nữ	An Đạo, Phù Ninh, Phú Thọ	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2019	28	Nguyễn Thị	Hương	05/07/1986	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2020	29	Nguyễn Thị Mai	Hương	29/12/1996	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2021	30	Nguyễn Thị Lan	Hương	13/09/1996	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2022	31	Ngô Thị Mai	Hương	01/11/1979	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2023	32	Nguyễn Thu	Hương	22/12/1980	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2024	33	Đào Thị	Hương	05/05/1979	Nữ	Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2025	34	Nguyễn Thị Mai	Hương	12/07/1997	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2026	35	Đinh Thị Thu	Hường	29/10/1987	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2027	36	Chu Thị Thu	Huyền	05/12/1984	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2028	37	Nguyễn Thị Thương	Huyền	15/06/1995	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2029	38	Nguyễn Như	Huỳnh	18/01/1981	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2030	39	Nguyễn Xuân	Kha	20/08/1996	Nam	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2031	40	Cảnh Chi	Khánh	22/11/1987	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2032	41	Lê Thị	Khiêm	23/11/1993	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2033	42	Vũ Trung	Kiên	20/07/1991	Nam	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2034	43	Bạch Hồng	Lê	06/06/1979	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2035	44	Cao Thị Mỹ	Linh	24/11/1994	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2036	45	Vũ Diệu	Linh	13/12/1995	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2037	46	Đinh Ngọc	Linh	15/09/1994	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2038	47	Đặng Thị Hiền	Lương	19/01/1979	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2039	48	Trịnh Thị Khánh	Ly	18/08/1995	Nữ	Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2040	49	Nguyễn Thúy	Ngân	02/03/1992	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2041	50	Vương Thị	Ngát	11/06/1983	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2042	51	Tạ Bảo	Ngọc	13/01/1996	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2043	52	Khắc Thị	Ngọc	26/09/1994	Nữ	Tây Tựu, Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2044	53	Nguyễn Thị	Nguyên	08/09/1984	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2045	54	Nguyễn Thị	Nhung	08/07/1985	Nữ	Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2046	55	Dương Mạnh	Phú	23/05/1994	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh	**CTB**		
2047	56	Ngô Văn	Phú	09/05/1995	Nam	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2048	57	Lê Thị Thu	Phương	06/07/1994	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2049	58	Nguyễn Thu	Phương	17/04/1980	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2050	59	Nguyễn Thanh	Phương	30/06/1981	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2051	60	Nguyễn Thị Minh	Phương	07/07/1992	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2052	61	Nguyễn Thị	Phượng	18/08/1990	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2053	62	Nguyễn Trọng	Quý	29/08/1993	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2054	63	Nguyễn Thị	Quý	19/09/1986	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2055	64	Hà Thị Mai	Quyên	04/06/1995	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2056	65	Nguyễn Thị Minh	Tâm	22/03/1976	Nữ	Hàng Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2057	66	Đặng Thị	Tâm	10/07/1993	Nữ	Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2058	67	Đinh Thị	Thắm	15/08/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2059	68	Đỗ Thị Thanh	Thanh	18/02/1996	Nữ	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2060	69	Vũ Thị	Thơ	04/04/1975	Nữ	Ô Chợ dừa, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2061	70	Nguyễn Thị	Thoan	19/10/1997	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2062	71	Phương Thị	Thơm	06/10/1979	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2063	72	Đặng Thị	Thu	05/04/1996	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2064	73	Trần Thị	Thương	04/04/1987	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2065	74	Nguyễn Thị	Thương	17/05/1987	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2066	75	Bùi Thị	Thủy	08/11/1992	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2067	76	Nguyễn Thị	Thúy	08/12/1985	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2068	77	Bùi Phương	Thùy	25/11/1997	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2069	78	Ngô Văn	Tiến	08/05/1991	Nam	Phù Ủng, Ân Thi, Hưng Yên	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2070	79	Nguyễn Ngọc	Tiến	24/03/1984	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2071	80	Ngô Thu	Trà	21/10/1994	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2072	81	Lê Thị	Trang	16/07/1987	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQLT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2073	82	Vũ Thị Kim	Trang	12/10/1977	Nữ	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2074	83	Nguyễn Thu	Trang	11/06/1991	Nữ	Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2075	84	Nguyễn Thị	Trang	07/07/1996	Nữ	Lâu Thượng, Võ Nhai, Thái Nguyên	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2076	85	Nguyễn Văn	Trọng	29/05/1990	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2077	86	Vũ Anh	Tuấn	06/09/1993	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2078	87	Nguyễn Văn	Tuấn	04/11/1993	Nam	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2079	88	Nguyễn Hồng	Tuyết	06/06/1998	Nữ	Di Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2080	89	Nguyễn Thị	Vân	26/10/1985	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2081	90	Đỗ Thị Hải	Vân	25/12/1979	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2082	91	Nguyễn Thị	Vè	01/11/1993	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2083	92	Lê Thị	Xuân	02/04/1985	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
2084	93	Đặng Thị Hải	Yến	30/01/1977	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
		BV THANH NHÀN															
2085	1	Lê Thị Việt	Anh	14/09/1985	Nữ	Hồng Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2086	2	Lê Phương	Anh	31/10/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2087	3	Phạm Thị Phương	Anh	23/09/1979	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2088	4	Nguyễn Vân	Anh	18/11/1991	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2089	5	Lương Thị Lan	Anh	06/12/1987	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2090	6	Nguyễn Thị	Anh	26/09/1994	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2091	7	Đỗ Hải	Anh	26/03/1995	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2092	8	Vương Thị Lan	Anh	30/07/1992	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2093	9	Lê Tuấn	Anh	20/10/1989	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2094	10	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/09/1980	Nữ	Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2095	11	Vũ Ngọc	Anh	02/07/1995	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2096	12	Nguyễn Mai	Anh	28/11/1996	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2097	13	Vũ Phương	Anh	21/12/1998	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2098	14	Nguyễn Vân	Anh	05/12/1983	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2099	15	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/10/1993	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2100	16	Nông Thị Ngọc	Ánh	06/05/1991	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh	**DTTS**		
2101	17	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/10/1997	Nữ	Tràng An, Bình Lục, Hà Nam	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2102	18	Nguyễn Trịnh Hồng	Bẩy	17/05/1996	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2103	19	Nguyễn Ngọc	Bích	13/03/1977	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2104	20	Đỗ Thị Thanh	Bình	18/02/1998	Nữ	Hải Phúc, Hải Hậu, Nam Định	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2105	21	Trần Văn	Cảm	21/12/1989	Nam	Đan Hội, Lục Nam, Bắc Giang	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh	**HTNV**		
2106	22	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	05/08/1993	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2107	23	Trần Thị Huyền	Chang	31/08/1993	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
2108	24	Trịnh Lan	Chi	29/11/1996	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2109	25	Nguyễn Thị	Cúc	26/03/1994	Nữ	An Lão, Bình Lục, Hà Nam	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2110	26	Ngô Ngọc	Diệp	26/01/1998	Nữ	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2111	27	Ngô Thị	Điệp	01/05/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2112	28	Nguyễn Thị	Điệp	01/09/1990	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2113	29	Trần Quang	Đức	08/08/1994	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2114	30	Trương Văn	Đức	04/02/1993	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2115	31	Phạm Thị	Dung	22/01/1995	Nữ	Đông Cường, Đông Hưng, Thái Bình	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2116	32	Trương Khánh	Dương	20/02/1988	Nam	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2117	33	Nguyễn Thị	Gấm	15/07/1989	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2118	34	Phan Thị Hương	Giang	01/09/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2119	35	Hứa Thị	Hà	26/03/1992	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2120	36	Chu Thị	Hà	31/08/1988	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2121	37	Nguyễn Thị	Hà	22/09/1990	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2122	38	Nguyễn Thu	Hà	10/02/1995	Nữ	Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2123	39	Nguyễn Lệ	Hằng	07/06/1995	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2124	40	Phạm Thị Thúy	Hằng	26/01/1983	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2125	41	Bùi Thanh	Hằng	16/08/1981	Nữ	Yên Phụ, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2126	42	Nguyễn Thị	Hạnh	17/02/1991	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2127	43	Hoàng Thị Hồng	Hảo	10/10/1991	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2128	44	Lê Thị Mỹ	Hảo	01/12/1996	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2129	45	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/12/1993	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2130	46	Trần Trung	Hiếu	18/08/1994	Nam	Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2131	47	Nguyễn Xuân	Hoa	03/03/1994	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	**Anh**			
2132	48	Nguyễn Thị Như	Hoa	16/05/1992	Nữ	Lâm Lợi, Hạ Hòa, Phú Thọ	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh	**HTNV**		
2133	49	Dương Thị Thanh	Hoa	07/01/1991	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2134	50	Phi Thúy	Hoài	17/05/1995	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2135	51	Lưu Thị Hải	Hoài	12/10/1997	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2136	52	Nguyễn Duy	Hoàn	01/09/1995	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2137	53	Đinh Thị	Hồng	12/07/1988	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2138	54	Nguyễn Thị Thu	Hương	01/03/1980	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2139	55	Nghiêm Thị	Hương	23/04/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2140	56	Nguyễn Thị	Hương	12/04/1984	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2141	57	Nguyễn Thị Mai	Hương	20/05/1992	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2142	58	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/11/1976	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2143	59	Nguyễn Thị Thanh	Hương	22/10/1997	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2144	60	Nguyễn Thị	Hường	06/11/1978	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2145	61	Lê Thị	Hường	12/07/1990	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2146	62	Phạm Thị	Hường	04/07/1996	Nữ	Trần Hưng Đạo, Phủ Lý, Hà Nam	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2147	63	Đinh Thu	Hường	07/06/1985	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2148	64	Trịnh Thị Thu	Hường	24/05/1991	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2149	65	Hoàng Quốc	Huy	02/08/1996	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2150	66	Nguyễn Quốc	Huy	09/04/1994	Nam	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2151	67	Lê Văn	Huy	28/07/1990	Nam	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2152	68	Trần Thị Hoa	Huyền	15/04/1996	Nữ	Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2153	69	Đào Thị Thu	Huyền	15/01/1997	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2154	70	Đỗ Ngọc	Huyền	15/05/1992	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2155	71	Bùi Công	Khanh	19/03/1969	Nam	Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2156	72	Bùi Văn	Khoa	28/02/1990	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2157	73	Trương Ngọc	Linh	04/03/1984	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2158	74	Ngô Thị Hà	Linh	29/06/1995	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
2159	75	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/11/1994	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2160	76	Nguyễn Thị	Loan	05/03/1993	Nữ	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2161	77	Đỗ Thị	Lương	11/07/1992	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2162	78	Nguyễn Thùy	Lương	11/10/1992	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2163	79	Nguyễn Thảo	Ly	21/04/1995	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2164	80	Nguyễn Thị Hương	Lý	16/07/1993	Nữ	Thanh Hà, Thanh Hà, Hải Dương	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2165	81	Nguyễn Ngọc	Mai	18/05/1993	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2166	82	Nguyễn Thị Thanh	Mai	30/01/1982	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2167	83	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	12/01/1985	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2168	84	Phạm Ngọc	Mạnh	20/11/1995	Nam	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2169	85	Đỗ Hữu	Mừng	16/10/1992	Nam	Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2170	86	Lê Thị Quỳnh	Nga	15/03/1978	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2171	87	Nguyễn Thị	Ngọc	03/12/1991	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2172	88	Nguyễn Thị	Ngọc	25/12/1991	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2173	89	Nguyễn Hồng	Ngọc	05/01/1994	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2174	90	Chu Thị	Nhàn	16/07/1989	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2175	91	Nguyễn Thị	Nhớ	25/11/1989	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2176	92	Đinh Thị Hồng	Nhung	17/02/1981	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2177	93	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	17/12/1994	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2178	94	Phạm Thị	Nhung	06/08/1988	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2179	95	Nguyễn Thị	Nhung	09/04/1995	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2180	96	Phạm Tuyết	Nhung	26/03/1988	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2181	97	Nguyễn Mạnh	Ninh	10/10/1992	Nam	Tứ Dân, Khoái Châu, Hưng Yên	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2182	98	Phạm Thị	Nữ	30/11/1992	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2183	99	Nguyễn Thị	Phương	27/04/1994	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2184	100	Nguyễn Thị Lan	Phương	25/05/1987	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2185	101	Nguyễn Thị	Phượng	30/10/1977	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2186	102	Trần Mạnh	Quân	20/01/1994	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2187	103	Lê Thị Lệ	Sa	08/05/1993	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2188	104	Bùi Văn	Thắng	07/10/1991	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2189	105	Trần Thị	Thanh	07/04/1991	Nữ	Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2190	106	Lê Duy	Thành	13/05/1991	Nam	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2191	107	Hoàng Thị	Thảo	20/06/1995	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2192	108	Nguyễn Phương	Thảo	05/03/1986	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2193	109	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/05/1996	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2194	110	Nguyễn Thị	Thoa	06/04/1997	Nữ	Toàn Thắng, Kim Động, Hưng Yên	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2195	111	Trần Thị	Thơm	04/04/1985	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2196	112	Đào Hoài	Thu	26/04/1997	Nữ	Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2197	113	Vũ Hoài	Thu	06/09/1982	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2198	114	Nguyễn Thị	Thủy	25/11/1997	Nữ	Thuần Hưng, Khoái Châu, Hưng Yên	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2199	115	Vũ Thị Thanh	Thủy	15/11/1990	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2200	116	Từ Thị Thu	Thủy	14/12/1993	Nữ	Liên Phương, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2201	117	Trần Ngọc	Tiến	11/01/1991	Nam	Dương Hà, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2202	118	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/09/1986	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2203	119	Nguyễn Thị	Trang	08/02/1996	Nữ	Đồng Du, Bình Lục, Hà Nam	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2204	120	Trần Thị Mai	Trang	04/02/1993	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2205	121	Nguyễn Tuyết	Trinh	25/06/1991	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2206	122	Lê Khắc	Tú	01/12/1987	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2207	123	Nguyễn Đức	Tùng	22/03/1987	Nam	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh	**CTB**		
2208	124	Vũ Thị	Tươi	20/06/1979	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2209	125	Nguyễn Thị	Tuyết	17/10/1995	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2210	126	Chu Thị Tố	Uyên	21/01/1989	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2211	127	Nguyễn Thị	Vân	06/11/1991	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2212	128	Nguyễn Cao	Việt	07/12/1982	Nam	Tiền Phong, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2213	129	Nguyễn Hoàng	Yến	01/06/1997	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2214	130	Hồ Thị	Yến	10/03/1996	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
2215	131	Nguyễn Thị	Yến	25/03/1994	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thanh Nhàn	Anh			
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
2216	1	Đỗ Thị Phương	Anh	18/08/1993	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2217	2	Nguyễn Thị	Bích	17/05/1990	Nữ	Ngã tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	LTVH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2218	3	Đặng Trần	Cương	30/04/1984	Nam	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	TT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2219	4	Đặng Thị Phương	Dung	30/04/1990	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2220	5	Trịnh Thị	Giang	21/02/1995	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2221	6	Vũ Thanh	Huyền	26/10/1987	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2222	7	Dương Thị	Lý	31/07/1991	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2223	8	Lê Thị Hoa	Mai	19/01/1991	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2224	9	Nguyễn Quỳnh	Nga	30/10/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2225	10	Lê Thị Thu	Ngân	17/08/1988	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2226	11	Nguyễn Thị	Ngân	25/10/1994	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2227	12	Đào Thị Kim	Ngân	08/02/1992	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2228	13	Trần Thị	Thắm	02/09/1985	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2229	14	Trương Đức	Thắng	28/12/1995	Nam	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2230	15	Ngô Văn	Tình	27/09/1987	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
2231	16	Nguyễn Văn	Vượng	22/09/1990	Nam	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đống Đa	Anh			
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
2232	1	Nguyễn Thị Kiều	Anh	28/08/1991	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2233	2	Nguyễn Thị Kim	Anh	18/01/1993	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2234	3	Nguyễn Ngọc	Anh	14/09/1993	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2235	4	Nguyễn Thị Thảo	Anh	08/10/1996	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2236	5	Nguyễn Thị	Ánh	02/09/1993	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2237	6	Lê Đình	Chiến	28/08/1997	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2238	7	Nguyễn Thị Kim	Dung	02/12/1989	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2239	8	Nguyễn Thị Phương	Dung	25/11/1990	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2240	9	Kiều Thị	Dung	15/05/1987	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh	**CTB**		
2241	10	Nguyễn Văn	Dũng	11/01/1986	Nam	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2242	11	Lê Trung	Dũng	24/06/1987	Nam	Hưng Giáo, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2243	12	Phạm Tùng	Dương	20/10/1995	Nam	Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2244	13	Bùi Thị	Duyên	02/06/1989	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2245	14	Nguyễn Thị	Giang	04/08/1997	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2246	15	Nguyễn Đăng Ngọc	Hà	01/07/1996	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2247	16	Nguyễn Trọng Hoàng	Hà	06/10/1997	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2248	17	Nguyễn Thu	Hà	10/02/1995	Nữ	Tích Giang, Phú Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2249	18	Nguyễn Bá	Hải	09/03/1993	Nam	Liên Hà, Đan Phương, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2250	19	Nguyễn Thị	Hằng	07/03/1994	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2251	20	Phạm Thị Thúy	Hằng	07/08/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2252	21	Dư Thúy	Hằng	07/11/1995	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2253	22	Trần Thị Hồng	Hạnh	26/04/1995	Nữ	Liên bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2254	23	Đỗ Minh	Hảo	22/03/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2255	24	Đỗ Thị	Hậu	14/08/1992	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2256	25	Nguyễn Phương	Hiên	25/05/1992	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2257	26	Nguyễn Thu	Hiền	09/06/1996	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2258	27	Hoàng Thu	Hiền	29/11/1996	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2259	28	Phạm Thị Thanh	Hiền	02/10/1990	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2260	29	Hoàng Minh	Hiếu	14/10/1995	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2261	30	Lê Thị	Hoa	29/07/1991	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2262	31	Vũ Thị Mai	Hoa	23/12/1994	Nữ	Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2263	32	Bùi Văn	Hòa	16/05/1992	Nam	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2264	33	Nguyễn Thị	Hòa	03/06/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2265	34	Võ Thị	Hồng	23/03/1991	Nữ	Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2266	35	Bùi Thị	Hợp	15/01/1994	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2267	36	Nguyễn Thị	Hương	22/10/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2268	37	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/01/1993	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2269	38	Nguyễn Thị Thúy	Hường	10/12/1995	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2270	39	Đặng Thị	Huyền	23/07/1993	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2271	40	Đào Thanh	Huyền	18/09/1994	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2272	41	Đỗ Thị	Huyền	31/08/1995	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2273	42	Lưu Thị	Huyền	09/05/1993	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2274	43	Lương Thị	Khương	27/04/1991	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2275	44	Cao Thị Thanh	Kiều	13/07/1992	Nữ	Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
2276	45	Nguyễn Thị	Lan	14/08/1997	Nữ	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2277	46	Nguyễn Thị	Lân	30/06/1991	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2278	47	Bui Thị Thanh	Liễu	20/10/1991	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2279	48	Trần Thị	Liễu	30/04/1990	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2280	49	Trần Thị Phương	Linh	06/01/1998	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2281	50	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/03/1998	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2282	51	Nguyễn Thị	Loan	22/10/1995	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2283	52	Đặng Đình	Long	01/10/1993	Nam	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2284	53	Nguyễn Văn	Lực	13/02/1995	Nam	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2285	54	Lê Thị	Lương	24/06/1993	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2286	55	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	07/02/1995	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2287	56	Đỗ Thanh	Mai	13/09/1997	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2288	57	Trương Thị Thanh	Mai	19/05/1998	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2289	58	Nguyễn Thị Bích	Mai	15/12/1991	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2290	59	Trịnh Thị	Mến	23/06/1998	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2291	60	Bui Thị	Miền	08/01/1997	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2292	61	Đỗ Thị	Mơ	16/09/1992	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2293	62	Hoàng Thị	Ngân	05/10/1991	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2294	63	Trần Thị Minh	Ngọc	26/12/1996	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2295	64	Đào Bích	Nguyệt	01/01/1994	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2296	65	Nguyễn Thị	Nhung	02/03/1995	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2297	66	Tống Thị	Nhung	20/10/1997	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2298	67	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/11/1998	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2299	68	Phạm Phương	Ninh	15/10/1997	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2300	69	Lưu Bá	Oai	11/08/1996	Nam	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2301	70	Đặng Thị Anh	Phương	18/03/1995	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2302	71	Nguyễn Thị Thu	Phương	11/10/1990	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2303	72	Nguyễn Thị Thu	Phương	26/01/1996	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2304	73	Bùi Thị	Phượng	03/06/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2305	74	Phùng Thị Nguyệt	Quý	24/03/1993	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2306	75	Nguyễn Thị	Quyên	18/10/1997	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2307	76	Nguyễn Hồng	Sơn	08/09/1993	Nam	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2308	77	Nguyễn Thị	Sử	13/09/1992	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2309	78	Nguyễn Thị	Thảo	18/11/1991	Nữ	Nghĩa Hương, Hương, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2310	79	Vũ Phương	Thảo	10/09/1991	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2311	80	Lê Thị Phương	Thảo	08/12/1995	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2312	81	Nguyễn Phương	Thảo	02/05/1998	Nữ	Trần Đăng Ninh, Thành phố Nam Định, Nam Định	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2313	82	Nguyễn Thị	Thúy	19/10/1993	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2314	83	Lê Thị Thu	Thủy	06/08/1994	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2315	84	Nguyễn Thanh	Thủy	29/12/1991	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2316	85	Nguyễn Thị Bích	Thủy	20/11/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2317	86	Nguyễn Quang	Tôn	20/08/1990	Nam	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh	**CTB**		
2318	87	Đinh Thị	Trang	07/08/1991	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2319	88	Vũ Thị Huyền	Trang	16/07/1996	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2320	89	Lê Thị Huyền	Trang	12/07/1992	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2321	90	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/07/1992	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2322	91	Đào Thị Thu	Trang	26/05/1991	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2323	92	Nguyễn Thu	Trang	18/09/1996	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2324	93	Nguyễn Thị	Trinh	19/05/1996	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2325	94	Nguyễn Thị	Tươi	21/10/1988	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2326	95	Lã Thị Kim	Tuyến	04/08/1985	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2327	96	Nguyễn Thị	Tuyết	10/11/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2328	97	Hoàng Thị	Út	01/05/1991	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2329	98	Đỗ Thị	Vân	21/10/1992	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2330	99	Đặng Thị	Vân	26/01/1994	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2331	100	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/04/1996	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2332	101	Nguyễn Thị Hải	Yến	21/07/1995	Nữ	Giao Xuân, Giao Thủy, Nam Định	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
2333	102	Trần Thị	Yến	09/05/1997	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hà Đông	Anh			
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
2334	1	Nguyễn Thúy	An	02/05/1998	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2335	2	Bùi Hoàng	Anh	10/01/1998	Nam	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2336	3	Mai Ngọc	Anh	11/07/1995	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2337	4	Nguyễn Thị	Anh	17/09/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2338	5	Quản Duy	Anh	07/04/1997	Nam	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2339	6	Nguyễn Việt	Anh	03/04/1998	Nam	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2340	7	Lương Ngọc	Ánh	22/03/1996	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2341	8	Phạm Thị Ngọc	Ánh	23/06/1989	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2342	9	Đinh Thị	Ánh	04/01/1997	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2343	10	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/03/1998	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2344	11	Nguyễn Thị Kim	Chung	24/10/1998	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2345	12	Nguyễn Thị	Cúc	02/11/1992	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2346	13	Nguyễn Trung	Đạt	11/07/1998	Nam	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2347	14	Nguyễn Thị	Đạt	06/11/1992	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2348	15	Phạm Thị	Định	26/09/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2349	16	Chu Minh	Đức	06/07/1994	Nam	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2350	17	Nguyễn Linh	Duy	07/06/1991	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2351	18	Lê Thị	Duyên	08/02/1992	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh	**CBB**		
2352	19	Nguyễn Văn	Hải	11/11/1991	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2353	20	Vũ Ngọc	Hải	12/09/1995	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2354	21	Đinh Thị	Hằng	20/4/1994	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2355	22	Bá Thị Hồng	Hạnh	30/01/1994	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2356	23	Nguyễn Thị	Hạnh	16/03/1993	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2357	24	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/01/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2358	25	Nguyễn Thị	Hiền	23/6/1993	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2359	26	Chu Thị Nguyệt	Hoa	17/11/1994	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: **ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13**

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2360	27	Cao Thị	Hoa	18/08/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2361	28	Nguyễn Thị Lý	Hồng	26/07/1994	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2362	29	Nguyễn Thị	Hồng	11/07/1991	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2363	30	Phạm Thị Ánh	Hồng	16/01/1993	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2364	31	Dư Thanh	Hồng	14/02/1998	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2365	32	Phạm Thị	Huệ	29/09/1992	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2366	33	Đỗ Duy	Hưng	17/02/1993	Nam	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2367	34	Nguyễn Thị	Hương	10/08/1993	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2368	35	Nguyễn Thị Thu	Hường	16/11/1991	Nữ	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2369	36	Nguyễn Văn	Kiểm	30/05/1993	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2370	37	Vũ Thị Hoa	Lệ	18/08/1992	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2371	38	Nguyễn Thị	Liên	05/09/1992	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2372	39	Nguyễn Thị	Liên	22/02/1994	Nữ	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2373	40	Nguyễn Thị Huyền	Linh	04/01/1990	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh	**CBB**		
2374	41	Vương Thị Diệu	Linh	14/03/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2375	42	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	04/10/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2376	43	Trịnh Thị	Linh	28/05/1995	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2377	44	Nguyễn Thị	Mai	21/12/1993	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2378	45	Ngô Thị	Mai	30/06/1991	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2379	46	Nguyễn Thị Bình	Minh	18/10/1983	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2380	47	Kiều Thị	Nga	02/06/1988	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2381	48	Nguyễn Thị	Nga	22/06/1988	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2382	49	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	22/05/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2383	50	Lê Thị	Ngọc	24/01/1993	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2384	51	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04/01/1991	Nữ	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2385	52	Ngô Thị Kim	Oanh	16/8/1994	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	LTVH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2386	53	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/07/1994	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2387	54	Đoàn Thị	Phấn	16/08/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2388	55	Trần Thị Lan	Phương	04/08/1993	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2389	56	Nguyễn Thị Hà	Phương	25/05/1995	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2390	57	Nguyễn Thị Hà	Phương	25/9/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2391	58	Dương Như	Quỳnh	12/12/1997	Nữ	Thị trấn Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2392	59	Đoàn Thị Hồng	Thắm	07/04/1993	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2393	60	Phạm Thị	Thanh	09/03/1993	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2394	61	Nguyễn Thị	Thảo	29/09/1996	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2395	62	Nguyễn Thu	Thảo	27/10/1996	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2396	63	Phùng Thị	Thảo	19/03/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2397	64	Trương Công	Thích	05/05/1992	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2398	65	Nguyễn Thị	Thoa	03/02/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2399	66	Nguyễn Thị	Thoa	26/12/1998	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2400	67	Thế Thị	Thơm	30/10/1992	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2401	68	Vũ Thị	Thơm	15/01/1993	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh	**CBB**		
2402	69	Nguyễn Thị	Thực	18/03/1993	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2403	70	Hoàng Minh	Thúy	09/02/1998	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2404	71	Trịnh Thị	Thúy	01/11/1991	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2405	72	Bùi Thị	Thùy	18/09/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2406	73	Trần Thị Thùy	Tiên	21/05/1995	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2407	74	Mai Văn	Tiệp	08/03/1993	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2408	75	Nguyễn Thị Minh	Trang	11/07/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2409	76	Đặng Thị Kiều	Trang	03/01/1996	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2410	77	Lê Thị	Trang	10/11/1997	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2411	78	Nguyễn Thị Minh	Trang	17/02/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2412	79	Nguyễn Văn	Trung	11/06/1993	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2413	80	Nguyễn Ngọc	Tuyên	22/03/1995	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2414	81	Bạch Thị	Tuyết	29/12/1989	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2415	82	Nguyễn Thị Hải	Yến	15/10/1994	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
2416	83	Vương Thị	Yến	22/12/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Vân Đình	Anh			
		BVĐK ĐỨC GIANG															
2417	1	Dương Thị Hà	Anh	25/03/1993	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2418	2	Đỗ Ngọc	Anh	09/02/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2419	3	Nguyễn Tuấn	Anh	19/12/1994	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2420	4	Âu Lan	Anh	26/10/1994	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2421	5	Ngô Thị Hải	Anh	22/01/1994	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2422	6	Chu Mai Ngọc	Anh	17/09/1998	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2423	7	Nguyễn Ngọc	Anh	30/05/1993	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2424	8	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/11/1991	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2425	9	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/04/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2426	10	Lê Quang	Đại	10/11/1994	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2427	11	Nguyễn Huy	Đạt	21/07/1993	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2428	12	Nguyễn Thị Phương	Dung	17/04/1991	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2429	13	Tô Xuân	Dũng	23/03/1993	Nam	Cửu Cao, Văn Giang, Hưng Yên	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2430	14	Nguyễn Duy	Dương	08/03/1988	Nam	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2431	15	Lã Thị Thùy	Dương	29/06/1990	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2432	16	Nguyễn Thùy	Dương	13/12/1995	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2433	17	Cao Thị	Giang	03/07/1991	Nữ	Sơn Hà, Hữu Lũng, Lạng Sơn	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2434	18	Lê Thu	Hà	18/10/1996	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2435	19	Vũ Thị Thúy	Hằng	14/06/1994	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2436	20	Dương Tuấn	Hanh	14/11/1996	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2437	21	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	18/07/1980	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2438	22	Vũ Thị Thu	Hiền	21/09/1996	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2439	23	Nguyễn Thu	Hoài	22/01/1995	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2440	24	Lưu Ngọc	Hoan	06/08/1993	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2441	25	Đỗ Huy	Hoàng	18/09/1994	Nam	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2442	26	Đặng Thị	Hồng	22/11/1992	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2443	27	Nguyễn Nhật	Hồng	24/05/1996	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	LTVHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2444	28	Đoàn Thị	Hương	11/06/1990	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2445	29	Nguyễn Thu	Hương	23/09/1987	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2446	30	Nguyễn Thị Mai	Hương	19/09/1989	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2447	31	Bùi Thị	Huyền	24/05/1995	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2448	32	Nguyễn Thị	Liễu	24/04/1993	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2449	33	Phạm Mạnh	Linh	20/04/1992	Nam	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2450	34	Nguyễn Diệu	Linh	04/01/1993	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2451	35	Lưu Thùy	Linh	07/06/1990	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh	**CTB**		
2452	36	Nguyễn Thị	Ly	29/12/1992	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2453	37	Hồ Thị	Mai	02/03/1991	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2454	38	Nguyễn Bảo	Ngọc	12/01/1991	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2455	39	Nguyễn Thị	Ngọc	09/04/1993	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2456	40	Nguyễn Hồng	Ngọc	14/08/1992	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2457	41	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	16/04/1992	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2458	42	Nguyễn Thị Thu	Phương	12/03/1991	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2459	43	Trần Thị	Phượng	02/02/1995	Nữ	Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2460	44	Trương Ngọc	Quyền	22/07/1989	Nam	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
2461	45	Lê Ngọc	Sơn	24/08/1995	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2462	46	Đào Thị Hồng	Thái	10/09/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2463	47	Hoàng Thị Hồng	Thắm	17/07/1994	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2464	48	Ngô Thị Thu	Thảo	09/06/1996	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2465	49	Nguyễn Phương	Thảo	23/10/1992	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2466	50	Phạm Thị	Thoa	10/02/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2467	51	Nguyễn Thị	Thúy	21/03/1991	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2468	52	Bùi Phương	Thúy	16/11/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2469	53	Trần Thị Thu	Thúy	16/11/1991	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2470	54	Bùi Thị Thu	Thúy	04/06/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2471	55	Nguyễn Thùy	Tiên	09/12/1995	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2472	56	Phạm Thị Minh	Trang	23/02/1994	Nữ	Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2473	57	Hoàng Thị Phương	Trang	03/09/1994	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2474	58	Kiều Thị Thu	Trang	11/09/1988	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2475	59	Nguyễn Thị	Xiêm	08/08/1994	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
2476	60	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	21/04/1989	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đức Giang	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2477	1	Phạm Kiều	Anh	26/02/1994	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2478	2	Lê Thị Mai	Anh	19/04/1996	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2479	3	Chu Văn	Biên	04/11/1992	Nam	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2480	4	Nguyễn Thuỳ	Dung	20/11/1996	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2481	5	Nguyễn Thị Thùy	Dương	03/03/1994	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2482	6	Phan Thị	Hằng	26/06/1998	Nữ	Nguyễn Uý, Kim Bảng, Hà Nam	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2483	7	Nguyễn Trung	Hiếu	07/04/1992	Nam	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2484	8	Lê Thị Bích	Hoa	01/11/1995	Nữ	Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2485	9	Vương Thị	Hoa	28/03/1995	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2486	10	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/11/1994	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2487	11	Tạ Thị	Lương	27/04/1993	Nữ	Hiền Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2488	12	Đoàn Khánh	Ly	21/10/1993	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2489	13	Trần Thị	Nga	19/12/1994	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2490	14	Đào Thị	Nhung	18/07/1996	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2491	15	Lê Thị	Nhung	10/12/1994	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2492	16	Bùi Văn	Ninh	25/09/1995	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2493	17	Đỗ Thị	Phượng	08/10/1994	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2494	18	Lê Thị	Thuý	15/02/1994	Nữ	Vĩnh Hùng, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2495	19	Dương Thị	Thúy	20/10/1992	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
2496	20	Quàng Mai	Trinh	20/05/1996	Nữ	Thuận Châu, Thuận Châu, Sơn La	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh	**DTTS**		
		BVĐK ĐÔNG ANH															
2497	1	Nguyễn Thị Thúy	An	23/03/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2498	2	Lê Lan	Anh	08/09/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2499	3	Hoàng Ngọc	Anh	16/10/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2500	4	Nguyễn Thị Phương	Anh	12/07/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2501	5	Mai Thị Vân	Anh	15/06/1990	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2502	6	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	16/12/1998	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2503	7	Trần Thị Hồng	Anh	30/12/1997	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2504	8	Tô Ngọc	Ánh	06/11/1997	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2505	9	Lê Thị Yến	Chi	08/06/1995	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2506	10	Ngô Hồng	Chiêm	02/09/1989	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2507	11	Hoàng Thị	Chiên	22/07/1989	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2508	12	Lê Thị Hồng	Chiên	15/08/1992	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2509	13	Nguyễn Thị	Dịu	09/03/1985	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2510	14	Lê Thùy	Dương	17/02/1993	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2511	15	Nguyễn Thị Tân	Duyên	01/01/1992	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2512	16	Nguyễn Thị	Duyên	24/10/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2513	17	Lê Thị Linh	Giang	22/03/1983	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2514	18	Phạm Thế	Giáp	23/01/1995	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2515	19	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/12/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2516	20	Trần Thị Thu	Hằng	03/08/1995	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2517	21	Nguyễn Thị	Hạnh	25/08/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2518	22	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	07/05/1993	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2519	23	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	14/05/1996	Nữ	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2520	24	Trần Thị	Hạnh	15/05/1994	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2521	25	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	20/07/1989	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2522	26	Dương Thị	Hảo	26/12/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2523	27	Nguyễn Thị	Hiền	27/12/1992	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2524	28	Vương Thị	Hiền	29/10/1992	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2525	29	Chử Thị	Hiền	02/09/1994	Nữ	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2526	30	Nguyễn Thị Thu	Hoài	18/01/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2527	31	Đỗ Minh	Huệ	03/07/1995	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2528	32	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/09/1994	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2529	33	Nguyễn Thị	Hương	07/11/1992	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2530	34	Vương Thị	Hương	20/05/1993	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2531	35	Phan Thị Thu	Hường	13/12/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2532	36	Nguyễn Thu	Hường	27/06/1994	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2533	37	Nguyễn Thị	Hường	14/09/1991	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2534	38	Nguyễn Thị Thu	Huyền	26/09/1991	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2535	39	Trần Thị Thu	Huyền	09/05/1993	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh	**CTB**		
2536	40	Phạm Thị Thu	Huyền	18/05/1988	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2537	41	Chu Thị Phương	Lan	16/12/1990	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2538	42	Ngô Thị	Lệ	05/12/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2539	43	Nguyễn Thị	Lệ	11/05/1993	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2540	44	Cao Thị	Liên	20/02/1992	Nữ	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2541	45	Nguyễn Thị	Loan	16/04/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2542	46	Nguyễn Thị	Lương	16/08/1992	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2543	47	Nguyễn Thị	Luyến	18/01/1997	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2544	48	Nguyễn Thị	Mai	20/10/1991	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2545	49	Hoàng Thị Thúy	Nga	12/07/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2546	50	Dương Tuyết	Ngân	10/10/1989	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2547	51	Vũ Thị	Ngân	08/07/1986	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2548	52	Lê Thị Bích	Ngọc	12/10/1987	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2549	53	Nguyễn Thị	Nguyệt	11/12/1990	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2550	54	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	18/01/1990	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2551	55	Nguyễn Thị Phương	Nhung	08/11/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2552	56	Trần Thị Hồng	Nhung	05/07/1995	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2553	57	Lê Thị	Nhung	08/06/1991	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2554	59	Lê Thị Mai	Phương	19/08/1989	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2555	60	Nguyễn Huy	Quế	03/07/1991	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2556	61	Nguyễn Khắc	Quý	18/07/1990	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2557	62	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/07/1990	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2558	63	Ngô Thị	Thắm	05/12/1992	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2559	64	Phạm Văn	Thắng	11/01/1995	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2560	65	Huỳnh Thị	Thanh	09/04/1993	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2561	66	Nguyễn Thị	Thanh	31/07/1996	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2562	67	Lê Yến	Thanh	19/06/1998	Nữ	Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2563	68	Đào Thị Thu	Thảo	22/04/1996	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2564	69	Đỗ Thị	Thơm	26/03/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2565	70	Đào Thị	Thu	14/06/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2566	71	Đặng Minh	Thúy	30/05/1992	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2567	72	Nguyễn Thị Phương	Thúy	01/02/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2568	73	Nguyễn Minh	Thùy	02/04/1987	Nữ	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2569	74	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	27/10/1990	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2570	75	Trần Thị	Trang	28/03/1992	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2571	76	Nguyễn Thuỳ	Trang	09/10/1989	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2572	77	Đỗ Thị	Trang	28/11/1994	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2573	78	Nguyễn Hồng	Trang	25/10/1996	Nữ	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2574	79	Nguyễn Thị	Trang	22/08/1991	Nữ	Hòa Tiến, Yên Phong, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2575	80	Trịnh Thị	Tươi	03/05/1994	Nữ	Đông Thọ, Yên Phong, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2576	81	Đào Thu	Tuyên	04/01/1989	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2577	82	Đỗ Thị Tú	Uyên	04/10/1991	Nữ	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2578	83	Hoàng Thị	Xuân	21/10/1996	Nữ	Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2579	84	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/09/1990	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2580	85	Bùi Thị Hải	Yến	28/09/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
2581	86	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/08/1995	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BVĐK QUỐC OAI															
2582	1	Nguyễn Ngọc	Anh	14/12/1996	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2583	2	Đỗ Văn	Đức	05/9/1989	Nam	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2584	3	Kiều Văn	Dụng	02/06/1991	Nam	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2585	4	Nguyễn Thị	Duyên	21/7/1994	Nữ	Đồng quang, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2586	5	Phạm Thị	Hằng	20/9/1990	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2587	6	Nguyễn Thị	Hòa	05/06/1994	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh	**DTTS**		
2588	7	Đoàn Thị	Hợi	18/02/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2589	8	Nguyễn Bá	Hưng	07/08/1996	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2590	9	Bùi Thị Thu	Hương	18/5/1991	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2591	10	Nguyễn Thị	Lý	28/01/1992	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2592	11	Bùi Đức	Mạnh	19/05/1991	Nam	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2593	12	Hoàng Thế	Minh	19/03/1994	Nam	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2594	13	Nguyễn Công	Nguyên	11/11/1991	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2595	14	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/10/1993	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2596	15	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	07/10/1997	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2597	16	Lê Văn	Thơm	24/11/1993	Nam	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2598	17	Đinh Công	Tín	25/12/1991	Nam	Phú Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh	**DTTS**		
2599	18	Trần Thị	Tranh	29/11/1991	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2600	19	Cao Thị	Tuyết	10/04/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2601	20	Bùi Thị	Tuyết	23/01/1991	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2602	21	Phạm Thị	Ánh	14/06/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2603	22	Kiều Thị	Hà	28/10/1998	Nữ	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2604	23	Dương Thị Thanh	Hằng	27/10/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2605	24	Trần Thị Thanh	Hương	23/05/1998	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2606	25	Nguyễn Văn	Huynh	14/11/1993	Nam	Đồng quang, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh	**HTNV**		
2607	26	Nguyễn Quang	Phong	14/02/1998	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2608	27	Phạm Thảo	Phương	13/7/1996	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2609	28	Tạ Thị Lan	Phương	08/07/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2610	29	Vương Thị	Thảo	23/12/1992	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT DV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2611	30	Tạ Văn	Vân	28/02/1995	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
2612	31	Phạm Thị	Xuyến	16/03/1995	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
		BVĐK BA VÌ															
2613	1	Dương Thị Lan	Anh	31/05/1996	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2614	2	Phùng Trung	Anh	21/11/1997	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2615	3	Bùi Kim	Anh	22/12/1994	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2616	4	Tạ Thị Ngọc	Ánh	09/05/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2617	5	Đinh Thị Ngọc	Bích	06/12/1997	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh	**DTTS**		
2618	6	Phan Văn	Chính	09/02/1993	Nam	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2619	7	Nguyễn Thị Kim	Dung	25/05/1997	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2620	8	Vũ Thị	Dung	20/10/1986	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2621	9	Lê Thị Thùy	Dương	25/09/1984	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh	**CBB**		
2622	10	Phùng Thị Chà	Giang	23/10/1984	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2623	11	Lê Ngân	Hà	12/04/1983	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2624	12	Nguyễn Thu	Hà	13/07/1996	Nữ	Phan Thiết, Tuyên Quang, Tuyên Quang	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2625	13	Nguyễn Bá	Hải	14/12/1998	Nam	Cam Thượng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2626	14	Nguyễn Thị	Hằng	15/11/1993	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2627	15	Chu Thị Hồng	Hạnh	25/10/1998	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2628	16	Nguyễn Thị	Hiếu	29/12/1984	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2629	17	Vũ Thị Thanh	Hương	07/07/1984	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2630	18	Nguyễn Thị	Huyền	05/02/1998	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2631	19	Lê Thị	Lan	19/11/1990	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2632	20	Phùng Thị Mai	Liên	16/01/1992	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2633	21	Ngô Thị Quỳnh	Liên	23/07/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2634	22	Phạm Thị	Ly	20/02/1992	Nữ	Bắc Cường, Lào Cai, Lào Cai	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2635	23	Nguyễn Thị	Mai	14/07/1995	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh	**CTB, CBB, CDCD**		
2636	24	Chu Thị	Mai	13/09/1992	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2637	25	Chu Thị	Mai	14/04/1998	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2638	26	Nguyễn Thị	Nga	07/10/1992	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2639	27	Đinh Thị Bích	Ngọc	16/07/1997	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2640	28	Đỗ Thị	Nhi	14/06/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2641	29	Lê Thị Thúy	Quỳnh	07/12/1996	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2642	30	Lê Hồng	Thắm	04/04/1980	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2643	31	Phùng Tiến	Thanh	27/06/1998	Nam	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2644	32	Nguyễn Thị	Thảo	18/09/1993	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2645	33	Bùi Ngọc	Thảo	01/12/1992	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2646	34	Nguyễn Thị	Thới	25/08/1996	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2647	35	Phùng Thị	Thu	12/09/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2648	36	Lê Văn	Thủy	09/10/1994	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2649	37	Nguyễn Phương Thanh	Thủy	07/11/1994	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2650	38	Đỗ Thị	Thủy	01/11/1994	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2651	39	Nguyễn Đình	Tiến	20/07/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2652	40	Doãn Thị Huyền	Trang	12/12/1989	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2653	41	Trần Thị Tuyết	Trang	11/10/1991	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2654	42	Lê Thị Huyền	Trang	29/05/1991	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2655	43	Nguyễn Đàm	Tùng	01/04/1997	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
2656	44	Trần Thị Ngọc	Vân	13/02/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Ba Vì	Anh			
		BV PHỤC HỒI CHỨC NĂNG															
2657	1	Trần Thị Hồng	Dung	09/09/1997	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
2658	2	Nguyễn Thị	Huyền	06/04/1977	Nữ	Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh	**CTB**		

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2659	3	Nguyễn Thị Đào	Linh	21/01/1990	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
2660	4	Kiều Thị	Nhung	01/09/1990	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
2661	5	Vũ Thanh	Thủy	25/04/1997	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
		BV PHỔI HÀ NỘI															
2662	1	Lê Ngọc	An	17/07/1995	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2663	2	Nguyễn Thị	Duyên	01/10/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2664	3	Nguyễn Thị	Giang	07/07/1993	Nữ	Cổ nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2665	4	Nguyễn Hoài	Giang	10/08/1996	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2666	5	Hoàng Thị Thu	Hà	02/04/1994	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2667	6	Phạm Ngọc	Hà	26/09/1992	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2668	7	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	19/09/1997	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2669	8	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/10/1996	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2670	9	Nguyễn Thị Hồng	Hương	18/05/1998	Nữ	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2671	10	Lê Thị	Lệ	13/10/1992	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh	**CTB**		
2672	11	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07/07/1997	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2673	12	Vũ Thị	Lý	30/7/1996	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2674	13	Lã Đức	Mạnh	15/11/1995	Nam	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2675	14	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/12/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2676	15	Phạm Hồng	Thắm	25/11/1990	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2677	16	Tạ Quang	Thật	06/09/1993	Nam	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2678	17	Ngô Thị	Thu	17/11/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
2679	18	Nguyễn Thị Bích	Thủy	08/11/1992	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Phổi Hà Nội	Anh			
		BVĐK MỸ ĐỨC															
2680	1	Nguyễn Thị Việt	Hằng	22/12/1987	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
2681	2	Nguyễn Thị	Liên	28/04/1984	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
2682	3	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/08/1996	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
2683	4	Phan Thị	Lý	20/10/1993	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
2684	5	Nguyễn Thị	Nết	02/08/1987	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
2685	6	Nguyễn Thị	Ngà	10/01/1987	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
2686	7	Nguyễn Thị	Phương	05/06/1991	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
2687	8	Phạm Thị Thanh	Tâm	19/05/1992	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
2688	9	Nguyễn Thị	Thảo	17/10/1997	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
2689	10	Bùi Thị Thanh	Thơ	12/12/1991	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mỹ Đức	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV TÂM THẦN HÀ NỘI															
2690	1	Đào Thị	Bình	15/02/1991	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2691	2	Chu Thị	Dâu	05/01/1989	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2692	3	Nguyễn Phương	Dung	05/01/1994	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2693	4	Nguyễn Thùy	Dung	16/07/1992	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2694	5	Nguyễn Thùy	Dung	27/09/1990	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LT VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2695	6	Dương Thị Thu	Hà	27/05/1996	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2696	7	Lương Thu	Hà	09/05/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2697	8	Nguyễn Bích	Hạnh	15/07/1984	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2698	9	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	11/11/1997	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2699	10	Đàm Minh	Hiền	14/02/1986	Nam	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2700	11	Nguyễn Thị Thu	Hồng	15/12/1994	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2701	12	Đỗ Thị Phượng	Huế	04/02/1995	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	CĐ		Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2702	13	Chu Cao	Huy	06/11/1992	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh	**HTNV**		
2703	14	Đặng Thị Thu	Hường	26/08/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2704	15	Vũ Thị Thanh	Lam	11/05/1995	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2705	16	Nguyễn Thị Hồng	Lưu	24/11/1997	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2706	17	Đặng Quế	Ngân	20/12/1989	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2707	18	Phạm Thị	Nhung	14/10/1995	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2708	19	Trần Thị Thùy	Nhung	26/05/1986	Nữ	Thượng Thanh. Long Biên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2709	20	Nguyễn Lan	Phương	04/01/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2710	21	Nguyễn	Sơn	18/01/1995	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2711	22	Bùi Đức	Thắng	02/12/1992	Nam	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2712	23	Nguyễn Thị	Thành	05/02/1971	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh	**HTNV**		
2713	24	Đỗ Thị Phương	Thúy	03/03/1994	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2714	25	Nguyễn Thị Bích	Thùy	21/04/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2715	26	Phạm Thanh	Thủy	25/09/1985	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2716	27	Nguyễn Tiến	Vũ	13/07/1990	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
2717	28	Nguyễn Thị Hải	Yến	19/10/1993	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Tâm thần HN	Anh			
		BV TÂM THẦN MỸ ĐỨC															
2718	1	Kim Văn	An	27/8/1998	Nam	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2719	2	Nguyễn Lan	Anh	20/4/1996	Nữ	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2720	3	Đặng Thị Ngọc	Ánh	06/11/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2721	4	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	17/3/1993	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2722	5	Trần Thị	Điệp	11/10/1991	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2723	6	Đỗ Văn	Đức	27/11/1993	Nam	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2724	7	Trần Thị Thu	Hằng	10/03/1993	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2725	8	Vũ Thị	Hiên	21/3/1991	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2726	9	Nguyễn Thị	Hiền	09/10/1993	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2727	10	Mai Thị	Hòa	18/3/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2728	11	Nguyễn Thị	Hường	05/6/1995	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2729	12	Đinh Thị	Lệ	06/06/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2730	13	Đinh Văn	Thăng	12/11/1996	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2731	14	Đào Thị	Thanh	19/9/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2732	15	Vũ Thị	Thủy	13/11/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2733	16	Đỗ Huyền	Trang	16/12/1997	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2734	17	Trần Thị	Trang	11/04/1994	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2735	18	Trần Thị	Yến	21/10/1997	Nữ	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2736	19	Trần Thị Hải	Yến	01/6/1993	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2737	20	Hà Huy	Điệp	02/05/1985	Nam	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			
2738	21	Lê Thị Thanh	Giang	22/3/1989	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVTT Mỹ Đức	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CĐNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV TÂM THẦN BAN NGÀY MAI HƯƠNG															
2739	1	Phạm Hùng	Dũng	15/11/1993	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Anh			
2740	2	Nguyễn Thị	Hương	13/02/1993	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Anh			
		BV 09															
2741	1	Vũ Tuấn	Anh	30/09/1992	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2742	2	Bùi Ngọc	Anh	05/10/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2743	3	Lê Văn	Cơ	24/11/1998	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2744	4	Nguyễn Tấn	Dũng	30/12/1998	Nam	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2745	5	Nguyễn Thị Thùy	Dương	26/09/1993	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2746	6	Nguyễn Thị	Duyên	10/02/1994	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2747	7	Nguyễn Thị	Hoa	29/01/1975	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2748	8	Phạm Văn	Hoàn	03/03/1987	Nam	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2749	9	Trần Thị Mai	Hương	15/11/1997	Nữ	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2750	10	Nguyễn Thị	Huyền	07/09/1989	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2751	11	Nguyễn Thị Hồng	Lượng	11/11/1976	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh	**CTB, HTNV**		
2752	12	Vũ Thị	Minh	04/07/1981	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2753	13	Nguyễn Thị	Nga	01/08/1995	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2754	14	Đỗ Bích	Ngọc	02/10/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2755	15	Nguyễn Thị Mai	Phương	10/08/1994	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2756	16	Phan Văn	Quang	27/10/1978	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh	**HTNV**		
2757	17	Lê Thị	Sen	06/08/1993	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2758	18	Nguyễn Trường	Tấn	25/12/1991	Nam	Giao Xuân, Giao Thủy, Nam Định	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2759	19	Nguyễn Văn	Thuận	22/04/1995	Nam	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2760	20	Nguyễn Văn	Thương	15/10/1979	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2761	21	Nguyễn Văn	Thùy	23/02/1991	Nam	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2762	22	Lê Mạnh	Trường	16/07/1982	Nam	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	TC	TT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
2763	23	Nguyễn Thị	Tuyết	01/05/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện 09	Anh			
		BVĐK THANH TRÌ															
2764	1	Nguyễn Thị Kim	Anh	05/11/1996	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Trì	Anh			
2765	2	Đoàn Thanh	Đông	10/01/1984	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Trì	Anh			
2766	3	Nguyễn Thị	Hằng	06/08/1991	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Trì	Anh			
2767	4	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	20/07/1984	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Trì	Anh			
2768	5	Nguyễn Thị	Luyến	12/01/1982	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Trì	Anh	**CBB**		
2769	6	Ngô Thị	Mừng	10/06/1987	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Trì	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2770	7	Vũ Thị Thúy	Nga	30/06/1993	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Trì	Anh			
2771	8	Trương Minh	Ngọc	02/10/1997	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Trì	Anh			
2772	9	Vũ Thị Thúy	Quỳnh	02/08/1987	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Trì	Anh			
		BVĐK SÓC SƠN															
2773	1	Nguyễn Văn	Áng	01/01/1991	Nam	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh	**HTNV**		
2774	2	Bùi Thị Hoàng	Anh	18/7/1984	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh	**CTB**		
2775	3	Trần Vân	Anh	18/7/1997	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2776	4	Lê Hải	Anh	01/9/1996	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2777	5	Trần Thị	Bình	19/02/1994	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2778	6	Nguyễn Thị	Chiên	10/3/1994	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2779	7	Đỗ Thị	Duyên	17/12/1996	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2780	8	Nguyễn Thị	Duyên	31/08/1980	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2781	9	Đỗ Thị Minh	Giang	28/10/1995	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2782	10	Nguyễn Thị	Hà	16/4/1988	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2783	11	Đoàn Thị Thu	Hà	01/10/1997	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2784	12	Dương Thị	Hiên	11/3/1992	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2785	13	Nguyễn Thị Hoa	Hiên	08/12/1977	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2786	14	Đỗ Ngọc	Hiến	21/12/1976	Nam	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh	**CBB**		
2787	15	Hoàng Trọng	Hiệp	22/9/1993	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2788	16	Nguyễn Thị	Hoa	07/7/1992	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2789	17	Đỗ Đình	Huệ	21/7/1994	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2790	18	Tạ Việt	Hùng	03/6/1996	Nam	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2791	19	Nguyễn Thanh	Hương	08/10/1996	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2792	20	Phạm Thị Thu	Hương	18/12/1991	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2793	21	Ngô Thị	Hường	18/01/1992	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2794	22	Phạm Thị	Hường	20/10/1985	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2795	23	Ngô Thị Thu	Hường	12/9/1979	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2796	24	Ngô Thị Thu	Huyền	04/9/1995	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2797	25	Đỗ Thị Thanh	Huyền	21/12/1981	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2798	26	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	24/5/1994	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2799	27	Lê Thị	Huyền	01/10/1997	Nữ	Khu Y na, Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2800	28	Nguyễn Thị Thu	Huyền	15/12/1987	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2801	29	Ngô Quang	Khải	20/10/1996	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2802	30	Nguyễn Thị Thanh	Lan	30/10/1981	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2803	31	Dương Ngọc	Lân	24/8/1994	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2804	32	Nguyễn Thị	Lệ	05/8/1991	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2805	33	Lê Thị	Liêm	16/12/1993	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2806	34	Lê Thị	Liên	10/5/1987	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2807	35	Nguyễn Thị	Lụa	28/8/1993	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2808	36	Lâm Thị Hồng	Ly	15/3/1992	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2809	37	Trần Thị Thiên	Lý	01/3/1985	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2810	38	Trần Thị	Mai	07/3/1993	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2811	39	Nguyễn Thị	Mai	30/4/1993	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2812	40	Lê Thị	Mến	16/3/1991	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2813	41	Chu Thị	Ngần	13/11/1991	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2814	42	Nguyễn Thị	Ngọc	13/12/1992	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2815	43	Đỗ Thị	Ngọc	24/4/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2816	44	Đặng Bảo	Ngọc	12/01/1998	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2817	45	Nguyễn Thị	Nhàn	11/3/1994	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2818	46	Nguyễn Thị	Nụ	06/3/1991	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2819	47	Hoàng Thị	Phượng	27/9/1995	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2820	48	Nguyễn Thúy	Quỳnh	14/12/1995	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2821	49	Nguyễn Thị	Thanh	15/7/1986	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2822	50	Nguyễn Kim	Thao	27/5/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2823	51	Trần Phương	Thảo	15/9/1981	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh	**CĐCĐ**		
2824	52	Nguyễn Thị Hương	Thảo	06/10/1998	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2825	53	Phạm Thị Thu	Thủy	28/9/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2826	54	Phạm Thị Thanh	Thủy	11/8/1987	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2827	55	Chu Thị	Thủy	27/01/1998	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2828	56	Nguyễn Thảo	Trang	22/4/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2829	57	Đặng Thị	Trang	20/7/1986	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
2830	58	Nguyễn Thị	Tươi	17/10/1991	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
		BVĐK SƠN TÂY															
2831	1	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/10/1994	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2832	2	Khuất Thị Phương	Chinh	19/3/1996	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2833	3	Nguyễn Thị	Định	17/01/1994	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2834	4	Trần Văn	Duy	13/8/1997	Nam	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2835	5	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	23/01/1988	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2836	6	Ngô Thu	Hà	11/5/1997	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2837	7	Nguyễn Thanh	Hằng	18/7/1989	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2838	8	Lê Thị	Hiền	06/5/1993	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2839	9	Nguyễn Thị	Hồng	16/8/1992	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2840	10	Khuất Thị Thanh	Hương	29/11/1992	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2841	11	Phùng Thị Thu	Hương	09/01/1997	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2842	12	Trần Thu	Hương	09/11/1989	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2843	13	Nguyễn Thị	Liên	11/11/1993	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2844	14	Phan Ngọc	Linh	29/8/1995	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2845	15	Cấn Thị Thu	Phương	03/10/1988	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2846	16	Lê Hồng	Phương	28/10/1986	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2847	17	Nguyễn Huyền	Phương	15/12/1990	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2848	18	Đoàn Văn	Tài	12/6/1994	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2849	19	Hoàng Thị Thu	Thắm	20/02/1991	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2850	20	Nghiêm Thị	Thanh	03/02/1991	Nữ	Hải Lực, Sông Lô, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2851	21	Trịnh Tiến	Thành	06/01/1991	Nam	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2852	22	Lê Thị Phương	Thảo	26/10/1997	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2853	23	Đỗ Thị	Thu	26/3/1996	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2854	24	Phùng Thị Anh	Thư	21/8/1997	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2855	25	Kiều Thị	Thủy	20/2/1995	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2856	26	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	02/8/1991	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2857	27	Đỗ Phương Huyền	Trang	28/7/1995	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2858	28	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/10/1995	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2859	29	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/10/1996	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2860	30	Phạm Tú	Trinh	09/7/1996	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2861	31	Đặng Kim	Tuyến	08/02/1994	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2862	32	Nguyễn Thị Minh	Tuyết	22/10/1987	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2863	33	Phan Thị	Út	22/12/1991	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
2864	34	Hoàng Thị	Yến	11/6/1991	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Sơn Tây	Anh			
		BV THẬN HÀ NỘI															
2865	1	Phạm Thị	Bé	17/05/1990	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2866	2	Nguyễn Mạnh	Cường	26/07/1994	Nam	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2867	3	Vũ Thị	Hằng	05/12/1992	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
2868	4	Đặng Thị	Hằng	29/12/1991	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2869	5	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22/12/1992	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2870	6	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/11/1986	Nữ	Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2871	7	Nguyễn Thị	Hương	18/05/1991	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2872	8	Trần Thị	Hường	28/08/1990	Nữ	Nguyễn Khoái, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2873	9	Nguyễn Thị	Lan	28/09/1990	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2874	10	Tạ Thị	Mây	26/08/1990	Nữ	Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2875	11	Nguyễn Thị	Mây	19/09/1993	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2876	12	Nguyễn Thị Tuyết	Oanh	22/05/1992	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2877	13	Bùi Thị	Tuyết	11/03/1993	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
2878	14	Nguyễn Thị Biên	Thủy	03/03/1991	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV Thận HN	Anh			
		BV YHCT HÀ ĐÔNG															
2879	1	Nguyễn Thị	Chung	18/3/1996	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2880	2	Trương Thành	Công	19/08/1995	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2881	3	Bùi Thị	Huệ	01/8/1990	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2882	4	Nguyễn Văn	Hưng	04/5/1997	Nam	Liên Phương, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2883	5	Trần Thị Thu	Hiền	03/5/1998	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2884	6	Nguyễn Thị	Hiền	15/07/1992	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2885	7	Trần Thị Thanh	Hoa	01/12/1991	Nữ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2886	8	Trịnh Thị Phương	Hạnh	02/7/1996	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh	**CTB**		
2887	9	Bùi Thị Diệu	Linh	14/10/1995	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức , Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2888	10	Trần Thị Phương	Mai	31/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2889	11	Trần Thị	Nhinh	06/01/1993	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2890	12	Ngô Thị	Phụ	10/9/1987	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2891	13	Nguyễn Thị Hà	Phương	17/11/1994	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2892	14	Nguyễn Khắc	Tiến	16/09/1997	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2893	15	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	28/2/1994	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2894	16	Vũ Châu	Yên	14/11/1997	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
2895	17	Hoàng Thị Hải	Yến	18/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BV YHCT Hà Đông	Anh			
		BVĐK PHÚC THỌ															
2896	1	Đặng Thị Vân	Anh	08/02/1995	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2897	2	Đỗ Thị	Duyên	19/11/1998	Nữ	Xuân Phú. Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2898	3	Khuất Thị Thùy	Dương	20/07/1995	Nữ	Đông Anh, Hà Nội, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2899	4	Nguyễn Thị	Hải	02/09/1990	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
2900	5	Đỗ Thị	Hiền	18/05/1996	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2901	6	Kiều Lan	Hương	06/06/1994	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2902	7	Khuất Thị	Hường	30/11/1995	Nữ	Quang Trung, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2903	8	Nguyễn Thị Hồng	Loan	22/07/1994	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2904	9	Nguyễn Thị	Mai	23/05/1992	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2905	10	Đỗ Mạnh	Phú	08/05/1988	Nam	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2906	11	Nguyễn Thị Hải	Phương	13/10/1991	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2907	12	Dương Thị	Phương	18/04/1995	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2908	13	Lê Thị Lan	Phương	18/08/1994	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2909	14	Hà Cao	Sơn	12/02/1996	Nam	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2910	15	Đoàn Văn	Tân	06/10/1994	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2911	16	Vũ Mạnh Cường	Tươi	10/12/1995	Nam	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2912	17	Nguyễn Thị	Thanh	13/06/1992	Nữ	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh	**CBB**		
2913	18	Hà Đức	Thành	06/02/1994	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2914	19	Nguyễn Thị	Thảo	14/08/1997	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2915	20	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/11/1996	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2916	21	Nguyễn Thị	Hằng	21/12/1990	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2917	22	Lê Thị Ngọc	Mai	21/08/1994	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2918	23	Lê Hồng	Minh	27/10/1994	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2919	24	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	11/09/1994	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2920	25	Nguyễn Thị	Tuyết	11/09/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
2921	26	Đào Thu	Uyên	27/01/1997	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
		BVĐK THẠCH THẤT															
2922	1	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/02/1993	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2923	2	Vương Ngọc	Anh	19/12/1993	Nam	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2924	3	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/01/1993	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2925	4	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/06/1993	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2926	5	Lê Thị Hồng	Anh	10/09/1998	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2927	6	Đào Thị Ngọc	Ánh	14/04/1991	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2928	7	Nguyễn Thị	Bích	04/05/1993	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2929	8	Nguyễn Thị Kim	Dung	23/11/1995	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2930	9	Kiều Thị	Đương	25/10/1992	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2931	10	Nguyễn Thu	Giang	11/02/1990	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2932	11	Vương Thị	Giang	20/07/1993	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2933	12	Đỗ Thị Thu	Hà	11/10/1983	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2934	13	Phạm Thị Thu	Hà	16/02/1996	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2935	14	Kiều Hồng	Hà	26/04/1994	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2936	15	Trần Thị Bích	Hằng	31/10/1992	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2937	16	Nguyễn Thị Thu	Hằng	18/07/1995	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2938	17	Phí Thị	Hiền	08/07/1994	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2939	18	Đỗ Thị Yến	Hoa	21/07/1990	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2940	19	Nguyễn Thị	Hồng	02/11/1995	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2941	20	Nguyễn Thị	Huệ	27/03/1995	Nữ	Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2942	21	Nguyễn Thị	Hương	19/06/1996	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2943	22	Vương Thị	Huyền	30/09/1989	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2944	23	Nguyễn Thị	Khá	24/12/1990	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2945	24	Đỗ Thị	Mai	22/11/1998	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2946	25	Nguyễn Thế	Mạnh	26/10/1990	Nam	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh	**CBB**		
2947	26	Nguyễn Thị	Minh	21/03/1993	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2948	27	Nguyễn Đức	Phước	08/08/1992	Nam	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2949	28	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	23/01/1996	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			

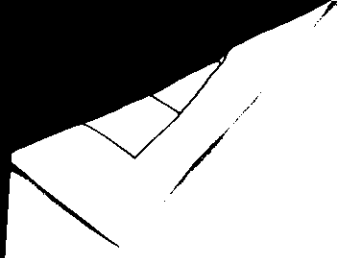

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2950	29	Phí Thị	Quyết	21/09/1992	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2951	30	Nguyễn Thị	Thảo	10/06/1990	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2952	31	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/09/1993	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2953	32	Đặng Thị	Trang	11/09/1995	Nữ	Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
2954	33	Phí Thị Hồng	Vân	13/03/1998	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thạch Thất	Anh			
		BVĐK ĐAN PHƯỢNG															
2955	1	Chu Thị Kim	Anh	17/07/1991	Nữ	Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2956	2	Chu Thị	Duyên	14/01/1995	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2957	3	Phạm Thị	Hằng	03/04/1993	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2958	4	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/06/1993	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2959	5	Nguyễn Thị Phương	Lan	14/08/1991	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2960	6	Nguyễn Thị	Nguyệt	17/09/1996	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2961	7	Nguyễn Hữu	Sâm	23/02/1996	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2962	8	Nguyễn Mai	Trang	20/02/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2963	9	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/07/1998	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2964	10	Nguyễn Văn	Đức	10/04/1995	Nam	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2965	11	Nguyễn Thị Thanh	Dung	29/10/1995	Nữ	Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2966	12	Hoàng Thị Thùy	Dung	12/10/1988	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2967	13	Nông Tiến	Dũng	27/04/1995	Nam	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh	**DTTS**		
2968	14	Nguyễn Thị	Giang	05/09/1990	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2969	15	Nguyễn Thị Thu	Hà	17/01/1995	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2970	16	Triệu Bích	Hải	26/06/1994	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2971	17	Lê Ngọc	Hân	29/01/1998	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2972	4	Nguyễn Thị	Hằng	29/11/1995	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2973	5	Hoàng Thị Thu	Hằng	06/10/1994	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng,Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2974	6	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	22/01/1994	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2975	7	Tạ Thúy	Hiền	16/05/1997	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2976	8	Nguyễn Thị	Hoa	11/03/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2977	9	Quách Thị Mai	Hoa	28/03/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh	**CTB**		
2978	10	Nguyễn Thị Thu	Hoài	06/12/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2979	11	Nguyễn Thị	Hương	16/04/1995	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2980	12	Nguyễn Thị	Hường	06/02/1990	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2981	13	Nguyễn Thị	Huyền	10/08/1993	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TC	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh	**CTB**		
2982	14	Đào Thị	Huyền	30/07/1997	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2983	15	Đỗ Thị Ngọc	Khanh	04/09/1992	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2984	16	Chu Thị Hồng	Liên	16/10/1998	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2985	17	Nguyễn Thị	Loan	07/01/1989	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2986	18	Lê Thị Kim	Luyến	07/08/1997	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2987	19	Nguyễn Thị	Mai	24/03/1993	Nữ	Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2988	20	Ngô Thu	Nga	02/02/1994	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2989	21	Tạ Thị	Như	07/04/1994	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2990	22	Lê Thị Hồng	Nhung	23/09/1993	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2991	23	Tạ Thị	Quyên	13/10/1991	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2992	24	Trần Thị Thanh	Thu	23/09/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh	**CTB**		
2993	25	Nguyễn Thị	Thủy	15/01/1991	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2994	26	Nguyễn Thị Thu	Thủy	15/11/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2995	27	Vũ Thu	Thủy	24/03/1992	Nữ	Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2996	28	Lệnh Thị	Thủy	30/11/1996	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2997	29	Phan Thanh	Thủy	01/12/1991	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh	**CTB**		
2998	30	Đào Thị	Thúy	15/11/1992	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
2999	31	Đỗ Thị Huyền	Trang	04/03/1992	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3000	32	Nguyễn Xuân	Trường	15/06/1991	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
3001	33	Nguyễn Văn	Trường	29/01/1992	Nam	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Đan Phượng	Anh			
		BVĐK HOÀI ĐỨC															
3002	1	Nguyễn Doãn Thị	An	20/11/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3003	2	Nguyễn Hoài	Anh	18/11/1991	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3004	3	Hà Huệ	Anh	16/12/1995	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3005	4	Nguyễn Thái	Bình	13/03/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3006	5	Lê Thị	Châm	19/01/1996	Nữ	Vân Canh , Hoài Đức,Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3007	6	Lý Thị	Chúy	30/11/1991	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3008	7	Hữu Thị	Đào	25/07/1992	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3009	8	Nguyễn Như	Được	03/08/1996	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3010	9	Doãn Thị Thùy	Dương	04/04/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3011	10	Mầu Thị	Duyên	15/08/1996	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3012	11	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/07/1997	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3013	12	Phạm Thị	Hà	25/06/1994	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3014	13	Nguyễn Thị	Hải	23/11/1998	Nữ	La Phù, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3015	14	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	11/06/1985	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3016	15	Trần Thị Thu	Hạnh	07/09/1996	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3017	16	Nguyễn Thị	Hoa	24/09/1992	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3018	17	Nguyễn Tuyết	Hoa	04/05/1998	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3019	18	Trần Thị	Hoa	15/08/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3020	19	Nguyễn Thị	Hòa	06/11/1998	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3021	20	Nguyễn Thị	Hồng	28/11/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3022	21	Nguyễn Kim	Hồng	10/06/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3023	22	Phi Thị	Huệ	19/08/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3024	23	Chu Thanh	Hương	16/08/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3025	24	Mầu Thị	Hương	17/09/1994	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3026	25	Nguyễn Thị	Hương	21/10/1992	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3027	26	Lương Thị	Hường	25/05/1994	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3028	27	Hoàng Diệu	Huyền	02/05/1990	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3029	28	Trần Thu	Huyền	10/09/1994	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3030	29	Nguyễn Minh	Huyền	07/09/1993	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3031	30	Vương Thu	Huyền	11/11/1988	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3032	31	Nguyễn Trung Thị Thanh	Huyền	28/06/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3033	32	Nguyễn Thị	Lan	10/08/1990	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3034	33	Phan Thị Phương	Liên	20/02/1991	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3035	34	Nguyễn Như Thị Phương	Linh	07/02/1997	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3036	35	Trần Thị	Linh	01/09/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3037	36	Đào Huyền	Linh	13/12/1995	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3038	37	Hoàng Phương	Linh	24/04/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3039	38	Ngô Thị	Loan	16/10/1987	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3040	39	Trần Thị Chi	Mai	31/03/1994	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3041	40	Trung Thị	Mai	25/05/1992	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3042	41	Nguyễn Thị	Mùi	02/12/1993	Nữ	Phúc Thuận, Phổ Yên, Thái Nguyên	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3043	42	Nguyễn Thị	Nam	06/03/1997	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3044	43	Nguyễn Như	Nam	18/03/1988	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3045	44	Nguyễn Hoàng Thị	Nga	29/06/1993	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3046	45	Nguyễn Thị	Nga	19/01/1993	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3047	46	Lê Thị	Nga	08/11/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3048	47	Nguyễn Thị	Ngân	30/10/1995	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3049	48	Trần Thị Hồng	Nhung	22/11/1993	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3050	49	Nguyễn Thị	Oanh	04/03/1992	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3051	50	Nguyễn Phương	Oanh	19/01/1993	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3052	51	Đỗ Thị	Oanh	27/10/1998	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3053	52	Trần Thị Hoài	Phương	15/01/1995	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3054	53	Hoàng Thị Thu	Phương	28/07/1988	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3055	54	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/04/1993	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3056	55	Nguyễn Thị	Quyên	22/11/1992	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LTVH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3057	56	Đỗ Thị	Quỳnh	06/03/1994	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3058	57	Nguyễn Thị	Thiệp	30/03/1991	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3059	58	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/11/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3060	59	Ngô Thị	Thoa	10/08/1992	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3061	60	Nguyễn Thị Bích	Thủy	27/03/1994	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3062	61	Đỗ Thị	Thủy	23/01/1990	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3063	62	Đinh Thị	Thủy	08/03/1993	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3064	63	Nguyễn Ngọc	Trang	20/10/1995	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3065	64	Nguyễn Huyền	Trang	01/06/1990	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3066	65	Nguyễn Thị Vân	Trang	04/09/1998	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3067	66	Hoàng Thị Thùy	Trang	30/04/1993	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3068	67	Đỗ Thị Thùy	Trang	24/10/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3069	68	Đỗ Thị	Vân	19/01/1995	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh	**CDCD**		
3070	69	Nguyễn Thị Thúy	Vân	12/11/1989	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3071	70	Nguyễn Thị	Vui	27/07/1991	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3072	71	Đào Kim	Xuân	07/10/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3073	72	Tô Thị	Yến	16/11/1998	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Hoài Đức	Anh			
		BVĐK CHƯƠNG MỸ															
3074	1	Trương Thị Vân	Anh	24/04/1997	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3075	2	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/05/1995	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3076	3	Nguyễn Thị	Ánh	01/06/1992	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3077	4	Đỗ Thị	Dung	25/09/1998	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3078	5	Trịnh Thị	Hà	10/07/1992	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3079	6	Chu Thị	Hân	17/12/1994	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3080	7	Cao Thị	Hiền	17/10/1996	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3081	8	Vương Thị	Hoa	28/12/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3082	9	Nguyễn Minh	Hòa	19/09/1997	Nữ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3083	10	Trần Thị	Hòa	02/09/1996	Nữ	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3084	11	Nguyễn Thị	Hương	02/01/1997	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3085	12	Nguyễn Thanh	Hường	27/06/1990	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3086	13	Trần Đình	Hữu	14/05/1988	Nam	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3087	14	Nguyễn Thị Thu	Huyền	10/06/1993	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3088	15	Phạm Thị	Huyền	27/08/1987	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3089	16	Nguyễn Thị	Khuyên	23/03/1992	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3090	17	Đặng Thị Quỳnh	Lương	11/10/1987	Nữ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3091	18	Đỗ Thị	Nga	28/04/1994	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3092	19	Nguyễn Thị	Nga	06/12/1995	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3093	20	Nguyễn Thúy	Nga	28/01/1990	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3094	21	Nguyễn Như	Ngọc	24/01/1996	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3095	22	Nguyễn Thị Hà	Phương	15/04/1997	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3096	23	Vũ Thị	Thảo	19/06/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3097	24	Phùng Thị	Thảo	06/05/1995	Nữ	Hữu Văn, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3098	25	Hoàng Thị	Thủy	17/02/1993	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3099	26	Dương Huyền	Trang	04/11/1997	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3100	27	Nguyễn Thị Huyền	Trang	13/03/1993	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3101	28	Tạ Thị	Vân	16/06/1990	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
		BVĐK THANH OAI															
3102	1	Nguyễn Thị Minh	Ánh	05/07/1996	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai Hà Nội	CĐ	VH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3103	2	Phạm Văn	Đạt	20/06/1998	Nam	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3104	3	Lê Minh	Điệp	24/06/1994	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3105	4	Quách Thị	Hằng	06/05/1988	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3106	5	Đoàn Thị	Hiền	26/05/1992	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3107	6	Hoàng Trung	Hiếu	11/10/1990	Nam	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3108	7	Lê Thị Kim	Huệ	17/11/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3109	8	Đỗ Thị	Hương	24/08/1991	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông Hà Nội	CĐ	LTCQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3110	9	Lê Diệu	Hương	07/12/1995	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3111	10	Trần Thị	Huyền	10/05/1990	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3112	11	Nguyễn Thị	Lan	04/08/1990	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3113	12	Đỗ Thị Quỳnh	Mai	01/11/1995	Nữ	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3114	13	Nguyễn Thị	Mơ	10/11/1996	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3115	14	Nguyễn Thị Thu	Nga	10/07/1995	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3116	15	Nguyễn Thị	Phượng	20/02/1983	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3117	16	Lê Huy	Tân	23/09/1993	Nam	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3118	17	Phạm Đăng	Thiều	16/05/1995	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3119	18	Phạm Thị	Thúy	28/10/1992	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3120	19	Nguyễn Thị Thu	Thủy	27/09/1993	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3121	20	Phan Thị Thu	Uyên	17/02/1998	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
3122	21	Nguyễn Thị	Vân	28/02/1989	Nữ	Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thanh Oai	Anh			
		BVĐK THƯỜNG TÍN															
3123	1	Đặng Thanh	Đông	01/11/1995	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3124	2	Vũ Thị Thu	Hà	11/04/1992	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3125	3	Lương Thu	Hà	01/04/1994	Nữ	Chương Dương, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3126	4	Hoàng Đình	Hải	27/11/1992	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3127	5	Hoàng Thị Ngọc	Hải	10/06/1998	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3128	6	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	30/05/1996	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3129	7	Lê Thị	Huế	12/03/1992	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3130	8	Phạm Thị	Lan	23/09/1997	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3131	9	Nguyễn Thị	Lan	12/05/1980	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3132	10	Nguyễn Thị	Liễu	06/12/1991	Nữ	Văn Phú, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3133	11	Đinh Thị Thùy	Linh	19/04/1996	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3134	12	Bùi Mỹ	Linh	17/04/1998	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3135	13	Lê Thị Thúy	Linh	29/04/1995	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3136	14	Nguyễn Thị	Luận	25/10/1990	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3137	15	Nguyễn Thị	Mai	26/11/1987	Nữ	Văn Phú, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3138	16	Hoàng Văn	Mạnh	20/05/1992	Nam	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3139	17	Hoàng Phương	Nam	13/12/1994	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3140	18	Dương Quang	Nhật	24/08/1995	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3141	19	Nguyễn Thị	Như	29/12/1995	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3142	20	Ngô Thị	Nhung	03/10/1986	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3143	21	Từ Thị	Oanh	24/04/1991	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3144	22	Đào Thị	Oanh	02/05/1990	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3145	23	Lê Thị	Oánh	27/11/1993	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3146	1	Đỗ Trường	Quân	04/09/1993	Nam	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3147	2	Đỗ Hồng	Thanh	08/01/1991	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3148	3	Hoàng Thị Phương	Thảo	20/01/1989	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh	**CTB**		

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3149	4	Đàm Thị Phương	Thảo	27/11/1995	Nữ	Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3150	5	Lương Thị	Thoan	06/12/1994	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3151	6	Phạm Thị	Thư	04/11/1994	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3152	7	Lê Thị Bích	Thuấn	30/12/1991	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3153	8	Vũ Thị Minh	Thúy	21/04/1997	Nữ	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3154	9	Lê Thị	Thúy	15/08/1990	Nữ	Ngọc Hồi,Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3155	10	Khúc Thị Phương	Thúy	13/11/1996	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh	**CTB**		
3156	11	Phạm Thị	Thúy	30/12/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3157	12	Nguyễn Thị Thu	Thúy	12/02/1992	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
3158	13	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/02/1991	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Thường Tín	Anh			
		BVĐK PHÚ XUYÊN															
3159	1	Lê Thị Lan	Anh	03/04/1994	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3160	2	Ngô Thị Vân	Anh	04/09/1992	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3161	3	Nguyễn Vân	Anh	02/09/1989	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3162	4	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/09/1990	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3163	5	Trần Thị Nguyệt	Cầm	15/05/1992	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3164	6	Lê Thị Huyền	Cầm	09/07/1998	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3165	7	Dương Văn	Đang	10/09/1996	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3166	8	Phan Thị	Đáng	03/05/1993	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3167	9	Đào Bích	Diệp	28/08/1991	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3168	10	Nguyễn Tiến	Dũng	27/05/1994	Nam	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3169	11	Cao Văn	Dũng	13/03/1993	Nam	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh	**HTNV**		
3170	12	Vũ Thúy	Hà	22/11/1996	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3171	13	Phạm Thị Thanh	Hằng	20/01/1996	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3172	14	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/01/1996	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3173	15	Đỗ Thúy	Hồng	03/12/1996	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3174	16	Phạm Thị	Huệ	19/09/1993	Nữ	Châu Giang, Duy Tiên, Hà Nam	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3175	17	Nguyễn Thị	Huyền	08/06/1995	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3176	18	Nguyễn Thị Thu	Huyền	30/03/1993	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3177	19	Hoàng Công	Liêm	30/04/1992	Nam	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3178	20	Nguyễn Thị	Linh	29/11/1995	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3179	21	Nguyễn Khánh	Linh	13/02/1998	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3180	22	Đinh Xuân	Mạnh	04/04/1994	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3181	23	Nguyễn Thị	Miền	29/01/1994	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
3182	24	Nguyễn Thị Bích	Ngoan	05/04/1995	Nữ	Vân Từ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3183	25	Ngô Thị Bích	Ngọc	02/08/1997	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3184	26	Nguyễn Bích	Ngọc	25/03/1997	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3185	27	Nguyễn Thị	Nhàn	22/07/1991	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3186	28	Nguyễn Hồng	Nhung	14/08/1998	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3187	29	Nguyễn Thị Mai	Phương	24/07/1994	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3188	30	Nguyễn Thị	Thanh	19/08/1991	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3189	31	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	19/07/1993	Nữ	Vân Từ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3190	32	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/07/1994	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3191	33	Lương Thị Thanh	Thảo	09/07/1998	Nữ	Quang Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3192	34	Phạm Thu	Thảo	15/06/1995	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3193	35	Phạm Thị	Thơm	24/11/1993	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3194	36	Nguyễn Thanh	Thư	10/04/1995	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3195	37	Nguyễn Thị	Trang	09/03/1996	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3196	38	Vũ Thị Quỳnh	Trang	26/08/1995	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3197	39	Vũ Thị	Trang	30/09/1994	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3198	40	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	11/11/1989	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3199	41	Đào Thị Hồng	Vân	16/06/1997	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3200	42	Nguyễn Thị	Viên	10/09/1989	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
		BVĐK MÊ LINH															
3201	1	Lưu Thị Ngọc	Anh	21/11/1996	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3202	2	Nguyễn Thị Kim	Anh	08/11/1997	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3203	3	Nguyễn Thị	Hà	02/07/1989	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3204	4	Nguyễn Thị	Hà	13/11/1984	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3205	5	Phan Thị Thu	Hà	05/05/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3206	6	Nguyễn Thu	Hằng	16/04/1994	Nữ	Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3207	7	Lê Thị	Hiền	06/04/1992	Nữ	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3208	8	Nguyễn Thu	Hiền	24/05/1990	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3209	9	Trần Thị	Hoa	04/04/1994	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3210	10	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/12/1992	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3211	11	Nguyễn Thị Thanh	Hương	30/09/1981	Nữ	Hùng Vương, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3212	12	Đỗ Thanh	Huyền	15/12/1997	Nữ	Cao Minh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3213	13	Nguyễn Thị Hương	Lan	07/10/1994	Nữ	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V 08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3214	14	Lê Thị	Liên	30/05/1994	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3215	15	Bùi Diệu	Linh	20/08/1998	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3216	16	Ngô Thị Bích	Ngâm	02/01/1992	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3217	17	Nguyễn Thị	Ngân	27/04/1986	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3218	18	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/07/1992	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3219	19	Trần Thị Kim	Ngân	06/04/1990	Nữ	Hùng Vương, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3220	20	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	02/11/1987	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3221	21	Nguyễn Văn	Ngọc	30/01/1994	Nam	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3222	22	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	30/12/1988	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3223	23	Phan Thị	Nhung	08/01/1989	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3224	24	Lê Anh	Phòng	10/05/1990	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3225	25	Nguyễn Thị	Phương	18/02/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3226	26	Phạm Thị	Sang	10/03/1985	Nữ	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3227	27	Đỗ Thị	Thu	07/06/1988	Nữ	Vạn Yên, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3228	28	Nguyễn Thị	Thu	08/06/1991	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3229	29	Nguyễn Thị	Thư	25/10/1995	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3230	30	Đỗ Thị Thu	Thủy	13/10/1995	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3231	31	Đặng Thị	Thủy	08/06/1992	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3232	32	Bùi Thị Huyền	Trang	26/07/1994	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3233	33	Đỗ Thị	Triển	05/10/1986	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3234	34	Đinh Thị	Vân	25/05/1988	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3235	35	Lê Thị Phương	Giang	10/06/1982	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3236	36	Nguyễn Xuân	Hiền	04/07/1990	Nữ	Tiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3237	37	Phan Thị	Hoa	05/09/1985	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3238	38	Đỗ Thị	Linh	06/11/1996	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3239	39	Hoàng Thị Hằng	Nga	09/11/1983	Nữ	Đồng Xuân, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3240	40	Nguyễn Hồng	Nguyệt	16/10/1995	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
3241	41	Lê Thị	Thường	26/05/1988	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Mê Linh	Anh			
		BVĐK GIA LÂM															
3242	1	Nguyễn Thị	Châm	30/04/1996	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3243	2	Nguyễn Ngọc	Dương	08/09/1993	Nam	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3244	3	Lại Xuân	Giang	25/01/1995	Nam	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3245	4	Nguyễn Thị	Hiền	19/09/1992	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3246	5	Vũ Thị	Hoa	07/02/1993	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3247	6	Lê Văn	Hoàng	20/06/1985	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3248	7	Nguyễn Thị Phương	Ly	04/04/1996	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3249	8	Nguyễn Thanh	Nhi	13/11/1997	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3250	9	Phan Nữ Thái	Minh	05/08/1997	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3251	10	Bùi Thanh	Thảo	05/05/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3252	11	Đinh Thị	Thủy	13/06/1991	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3253	12	Nguyễn Thị	Thủy	18/10/1991	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3254	13	Hoàng Thị	Thúy	10/12/1996	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3255	14	Nguyễn Thị Thu	Thủy	01/09/1992	Nữ	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
3256	15	Ngô Cao	Xuân	15/02/1991	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	BVĐK Gia Lâm	Anh			
		TT CẤP CỨU 115 HÀ NỘI															
3257	1	Ngô Thế	Anh	02/09/1996	Nam	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
3258	2	Đỗ Thị Bích	Đào	15/09/1996	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
3259	3	Cao Thị	Điệp	16/06/1988	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
3260	4	Ngô Thị	Hà	19/05/1997	Nữ	Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3261	5	Nguyễn Thu	Hường	28/07/1991	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
3262	6	Trần Vinh	Quang	08/02/1984	Nam	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
3263	7	Nguyễn Minh	Tú	02/10/1994	Nam	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
3264	8	Nguyễn Thị	Vân	15/01/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
3265	9	Đặng Hải	Yến	04/09/1990	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
		TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI															
3266	1	Phùng Văn	Chương	30/04/1987	Nam	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
3267	2	Nguyễn Minh	Đức	03/03/1995	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
3268	3	Chu Thị Kim	Hiền	01/06/1994	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
3269	4	Nguyễn Thị	Hồng	12/12/1993	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
3270	5	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	27/09/1994	Nữ	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
3271	6	Vũ Thị Thu	Huyền	04/05/1994	Nữ	Nghĩa Lâm, Nghĩa Hưng, Nam Định	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3272	7	Nguyễn Thị Trang	Linh	30/04/1993	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
3273	8	Bùi Thị Tuyết	Nhung	08/11/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh. Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
3274	9	Phan Thị	Thương	28/03/1997	Nữ	Liêm Cần, Thanh Liêm, Hà Nam	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
3275	10	Đỗ Xuân	Thường	25/05/1995	Nam	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
3276	11	Nguyễn Thị	Trang	13/09/1992	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
3277	12	Nguyễn Thị Hải	Yến	06/02/1992	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			
		TT GIÁM ĐỊNH Y KHOA HÀ NỘI															
3278	1	Đỗ Thị	Liễu	02/03/1993	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Giám định y khoa Hà Nội	Anh			
3279	2	Nguyễn Đình	Toàn	09/11/1996	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TT Giám định y khoa Hà Nội	Anh			
		TT PHÁP Y HÀ NỘI															
3280	1	Phạm Hương	Giang	11/07/1991	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh			
3281	2	Nguyễn Thị	Hằng	17/11/1991	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh	**CTB**		

6. Chức danh nghề nghiệp: **ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13**

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3282	3	Vũ Thị Hồng	Nhung	14/10/1994	Nữ	Cát Thành, Trực Ninh, Nam Định	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh			
3283	4	Bùi Thị	Trang	03/04/1996	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh			
		TTYT HOÀN KIẾM															
3284	1	Đoàn Linh	Chi	18/3/1994	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3285	2	Đinh Công	Đoàn	01/8/1995	Nam	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3286	3	Nguyễn Thị	Giang	18/8/1991	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3287	4	Nguyễn Thu	Hằng	17/5/1994	Nữ	Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3288	5	Hà Thị	Hạnh	07/02/1982	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh	**CTB**		
3289	6	Lê Thị	Hiền	07/12/1994	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3290	7	Vũ Thanh	Hoa	10/11/1995	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3291	8	Trần Thị	Huệ	09/9/1992	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3292	9	Nguyễn Công	Hưng	17/4/1996	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3293	10	Vũ Thị Bích	Liên	14/12/1995	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3294	11	Nguyễn Phương	Nhi	07/10/1995	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3295	12	Trịnh Thị	Oanh	12/3/1995	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3296	13	Chi Thị	Phượng	23/02/1994	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3297	14	Trịnh Thị	Phượng	28/8/1992	Nữ	Tả Thanh Oai,Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3298	15	Lê Thị	Thư	21/01/1991	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3299	16	Đinh Thị Ngọc	Thúy	13/9/1995	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3300	17	Nguyễn Thị	Toàn	14/5/1989	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
		TTYT BA ĐÌNH															
3301	1	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/06/1995	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Đình	Anh			
3302	2	Phạm Việt	Anh	30/10/1997	Nam	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Đình	Anh			
3303	3	Hoàng Quỳnh	Giang	22/10/1995	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Đình	Anh			
3304	4	Nguyễn Minh	Hằng	03/01/1994	Nữ	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	LT VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Đình	Anh			
3305	5	Quản Thị	Liên	29/04/1988	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Đình	Anh			
3306	6	Nguyễn Thị	Ngọc	27/05/1994	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Đình	Anh			
3307	7	Nguyễn Thị	Phương	10/07/1993	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Đình	Anh			
3308	8	Nguyễn Thị	Tuyết	20/03/1996	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Đình	Anh			
		TTYT ĐỐNG ĐA															
3309	1	Nguyễn Thành	Công	05/9/1995	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3310	2	Lê Thị	Dơn	19/5/1987	Nữ	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3311	3	Đinh Thị Thùy	Dung	01/9/1995	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3312	4	Vũ Thị Thanh	Hoa	16/5/1990	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3313	5	Lê Thị	Hoa	05/7/1987	Nữ	Cẩm Ngọc, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3314	6	Nguyễn Thị	Hừng	27/04/1994	Nữ	Tri Quả, Thuận Thành, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3315	7	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/12/1990	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3316	8	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18/04/1994	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3317	9	Nguyễn Thị Thanh	Lam	29/05/1993	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3318	10	Nguyễn Thị Hồng	Liên	03/03/1992	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3319	11	Trần Thị	Mai	01/01/1990	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3320	12	Lê Hoài	Nam	02/10/1989	Nam	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3321	13	Lê Thúy	Nga	15/05/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3322	14	Nhân Thị	Nga	07/01/1994	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3323	15	Trần Thị Thanh	Nga	09/09/1994	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3324	16	Vũ Thị	Nga	25/06/1992	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3325	17	Trần Thanh	Ngọc	04/09/1995	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3326	18	Công Đinh	Nguyên	13/01/1993	Nam	Phú Thượng Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3327	19	Kim Thị Thu	Thảo	13/03/1993	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3328	20	Nguyễn Cẩm	Tú	04/07/1994	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3329	21	Đinh Thị	Tươi	26/05/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
3330	22	Nguyễn Thị	Yến	14/06/1995	Nữ	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đống Đa	Anh			
		TTYT HAI BÀ TRƯNG															
3331	1	Vũ Minh	Anh	24/12/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3332	2	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	19/10/1990	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3333	3	Nguyễn Thị Hương	Giang	11/09/1993	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3334	4	Đặng Thị	Hường	11/12/1992	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3335	5	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	21/11/1995	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3336	6	Nguyễn Thị	Lan	12/04/1993	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3337	7	Đặng Thị	Ngân	07/04/1991	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3338	8	Trần Danh	Nghĩa	04/11/1990	Nam	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	TX	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3339	9	Đặng Bích	Ngọc	09/10/1993	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3340	10	Hồ Thị Minh	Nguyệt	03/11/1992	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3341	11	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/07/1996	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	TX	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3342	12	Nguyễn Thị	Phượng	24/04/1987	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	TX	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3343	13	Trần Thị Anh	Thư	27/06/1994	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	TX	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
3344	14	Hà Thị	Trang	03/01/1993	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	TX	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT THANH XUÂN															
3345	1	Đỗ Thị Kim	Anh	11/6/1993	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3346	2	Trần Minh	Anh	29/12/1997	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3347	3	Nguyễn Thị	Dung	23/8/1998	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3348	4	Ngô Hương	Giang	28/7/1998	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3349	5	Đức Thị	Hải	15/10/1992	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3350	6	Nguyễn Thị Thanh	Hải	13/3/1995	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3351	7	Phạm Thị	Hoa	10/8/1990	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh	**CTB**		
3352	8	Nguyễn Thị	Hoa	20/7/1996	Nữ	Đông La, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3353	9	Ứng Thị	Hồng	24/3/1994	Nữ	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3354	10	Nguyễn Thị	Hồng	30/11/1980	Nữ	Phù Phương, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3355	11	Bùi Thu	Hương	04/9/1990	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3356	12	Phạm Thị	Phương	17/02/1990	Nữ	Phù Lưu, Ứng hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3357	13	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	30/7/1996	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3358	14	Tạ Thị	Thảo	19/4/1994	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3359	15	Nguyễn Thị	Thúy	05/01/1992	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3360	16	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/11/1998	Nữ	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MGN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3361	17	Kim Thị	Thúy	18/10/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3362	18	Đoàn Thị	Trâm	10/11/1991	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3363	19	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	15/5/1997	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Xuân	Anh			
		TTYT CẦU GIẤY															
3364	1	Nguyễn Thanh	Hải	15/08/1993	Nam	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Cầu Giấy	Anh			
3365	2	Phạm Thị	Hương	20/03/1993	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Cầu Giấy	Anh			
3366	3	Lê Thị	Thúy	04/05/1991	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Cầu Giấy	Anh	**CTB**		
		TTYT TÂY HỒ															
3367	1	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	24/05/1994	Nữ	Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3368	2	Phạm Tuấn	Anh	04/10/1995	Nam	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3369	3	Bùi Ngân	Hà	22/03/1996	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3370	4	Nguyễn Thị	Hà	17/02/1984	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3371	5	Trần Thị Thu	Hà	10/05/1994	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3372	6	Cấn Thị Thanh	Hằng	01/12/1997	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3373	7	Hoàng Thị	Hằng	10/11/1997	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3374	8	Nguyễn Thị	Hoa	29/01/1993	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3375	9	Nguyễn Thị	Huế	05/08/1996	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3376	10	Hoàng Diệu	Linh	16/03/1995	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3377	11	Trần Thị Ánh	Nguyệt	10/05/1983	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ. Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3378	12	Nguyễn Thùy	Nhung	21/01/1998	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3379	13	Đỗ Thị	Phấn	07/05/1991	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3380	14	Lê Thị	Thủy	06/09/1990	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
3381	15	Trần Thị	Uyên	04/11/1992	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Tây Hồ	Anh			
		TTYT HOÀNG MAI															
3382	1	Nguyễn Hữu	Bảo	14/10/1995	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3383	2	Ngô Thị Kim	Dung	09/07/1990	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3384	3	Nguyễn Thị Thùy	Dương	03/09/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3385	4	Nguyễn Thị	Giang	24/12/1992	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3386	5	Phạm Thị Thanh	Hải	10/11/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3387	6	Phạm Thị	Hoa	02/04/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3388	7	Nguyễn Thị	Hoa	25/11/1995	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3389	8	Hoàng Thị Diệu	Linh	22/05/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3390	9	Lê Thị Thùy	Linh	24/10/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3391	10	Đỗ Hoài	Thanh	06/04/1996	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3392	11	Vương Thị	Thơ	17/09/1993	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3393	12	Nguyễn Thị	Thoa	10/07/1995	Nữ	Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3394	13	Phạm Thị	Thủy	20/09/1993	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
3395	14	Lê Thị Ngọc	Trang	13/05/1995	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoàng Mai	Anh			
		TTYT LONG BIÊN															
3396	1	Nguyễn Thị Linh	Anh	22/01/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
3397	2	Vũ Thị Hồng	Hà	12/02/1986	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
3398	3	Nguyễn Thu	Hằng	09/12/1997	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
3399	4	Nguyễn Thị	Hường	11/01/1991	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
3400	5	Đào Văn	Khẩn	25/12/1995	Nam	Giang Biên, Long Biên	CĐ	LTVH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
3401	6	Nguyễn Thị	Khoa	16/09/1985	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LTVH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
3402	7	Đỗ Thị Lan	Ly	05/12/1989	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
3403	8	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	11/12/1990	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
3404	9	Nguyễn Thanh	Ngân	12/11/1983	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LTVH VL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
3405	10	Phạm Thị Thu	Thủy	02/03/1993	Nữ	Nghĩa Lộ, Cát Hải, Hải Phòng	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
3406	11	Đỗ Thị	Thủy	10/10/1997	Nữ	Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3407	12	Âu Thị Thúy	Vinh	14/11/1978	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
3408	13	Nguyễn Hải	Yến	29/10/1994	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Long Biên	Anh			
		TTYT GIA LÂM															
3409	1	Đặng Thị Hồng	Hạnh	31/05/1994	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	Anh			
3410	2	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	21/01/1993	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	Anh			
3411	3	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/07/1992	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	Anh			
3412	4	Ngô Xuân	Hiệp	01/01/1993	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	Anh			
3413	5	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/08/1992	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	Anh			
3414	6	Nguyễn Thanh	Lan	31/08/1991	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	Anh			
3415	7	Ngô Thị	Lượng	15/07/1994	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	Anh			
3416	8	Bùi Thị Thúy	Ngần	28/08/1989	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	Anh	**CBB**		
3417	9	Hồ Thị Bích	Ngọc	25/11/1997	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	Anh			
3418	10	Bùi Thanh	Thư	05/05/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	Anh			
3419	11	Nguyễn Ngọc	Thủy	29/12/1990	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Gia Lâm	Anh			
		TTYT ĐÔNG ANH															
3420	1	Trần Thị	Đông	01/10/1985	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
3421	2	Nguyễn Thị	Dung	11/07/1991	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3422	3	Lê Thị Thùy	Dương	22/10/1997	Nữ	Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
3423	4	Nguyễn Thu	Hằng	19/08/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
3424	5	Lê Thanh	Hằng	01/03/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
3425	6	Đào Lan	Hương	10/06/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
3426	7	Nguyễn Thị Lan	Hương	25/05/1995	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
3427	8	Nguyễn Thu	Hương	26/10/1997	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
3428	9	Lê Thanh	Huyền	08/12/1996	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
3429	10	Lê Đình	Kỳ	20/05/1990	Nam	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh	**HTNV**		
3430	11	Nguyễn Thị Phương	Lan	15/01/1992	Nữ	Thị Trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
3431	12	Nguyễn Thị Phương	Thảo	31/07/1993	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
3432	13	Nguyễn Thị Thanh	Thư	11/08/1994	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
3433	14	Nguyễn Thu	Trang	27/09/1986	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đông Anh	Anh			
		TTYT BẮC TỪ LIÊM															
3434	1	Trần Quế	Anh	03/02/1997	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
3435	2	Công Hồng	Ánh	14/07/1992	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
3436	3	Nguyễn Văn	Đại	15/09/1994	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
3437	4	Mai Thu	Hiền	06/03/1996	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3438	5	Đoàn Thị Hương	Lan	12/05/1998	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
3439	6	Nguyễn Thị Diễm	Mi	30/09/1994	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
3440	7	Đinh Thị Bích	Thành	27/02/1987	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
3441	8	Nguyễn Khắc	Tú	27/05/1992	Nam	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
3442	9	Nguyễn Thị	Xuyến	20/07/1991	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
3443	10	Phạm Thị Hải	Yến	12/07/1990	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
		TTYT NAM TỪ LIÊM															
3444	1	Lê Thanh	Hà	22/11/1991	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
3445	2	Nguyễn Thị Thu	Hằng	24/05/1992	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
3446	3	Phan Thúy	Hằng	19/02/1995	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
3447	4	Ngô Thị Thu	Hồng	01/11/1995	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
3448	5	Chu Thị	Huế	25/09/1992	Nữ	Bình Minh, Khoái Châu, Hưng Yên	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
3449	6	Hoàng Thị	Ly	05/10/1992	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
3450	7	Phan Thị	Mừng	26/09/1994	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
3451	8	Tuấn Thị Hoài	Phương	23/06/1991	Nữ	Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
3452	9	Nguyễn Thị	Quyên	03/12/1994	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
3453	10	Thế Thị Thu	Trang	20/09/1989	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3454	11	Đỗ Thị	Thu	29/08/1989	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
3455	12	Nguyễn Thị	Thủy	16/03/1990	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
3456	13	Nguyễn Thị Hải	Yến	01/09/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
		TTYT THANH TRÌ															
3457	1	Đào Kiều	Anh	29/08/1993	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai-Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Trì	Anh			
3458	2	Hoàng Thị	Liên	13/09/1993	Nữ	Ngọc Hồi-Thanh Trì-Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Trì	Anh			
3459	3	Nguyễn Thị	Phượng	26/10/1988	Nữ	Khánh Hà, Thường Tín-Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Trì	Anh			
3460	4	Lê Thị Minh	Tâm	03/09/1991	Nữ	Văn Võ -Chương Mỹ-Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Trì	Anh			
3461	5	Hoàng Thị	Thủy	09/03/1992	Nữ	Ngọc Hồi-Thanh Trì-Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Trì	Anh			
3462	6	Nguyễn Hà	Trang	08/02/1994	Nữ	Đông Mỹ -Thanh Trì-Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Trì	Anh			
3463	7	Lã Thị Huyền	Trang	13/02/1994	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì - Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Trì	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
3464	1	Nguyễn Thị Bảo	Anh	11/10/1995	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3465	2	Nguyễn Diệu	Anh	17/12/1995	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3466	3	Nguyễn Thị Kim	Anh	12/10/1996	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3467	4	Lê Mai	Anh	11/10/1998	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3468	5	Nghiêm Thị Thúy	Bích	04/01/1995	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3469	6	Nguyễn Thị	Biên	22/12/1992	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3470	7	Hoàng Thị	Dung	07/10/1990	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3471	8	Lê Thị	Dung	03/12/1993	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3472	9	Nguyễn Thị	Dung	08/12/1995	Nữ	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3473	10	Trịnh Thị	Hà	18/10/1992	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3474	11	Nguyễn Thị	Hà	27/09/1984	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3475	12	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/12/1996	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3476	13	Lê Thị	Hạnh	16/11/1991	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3477	14	Nguyễn Thị	Hiên	06/10/1995	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3478	15	Nguyễn Thị	Hòa	07/04/1994	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3479	16	Hà Thị Ngọc	Huệ	31/05/1994	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh	**CTB**		
3480	17	Cao Thị	Hương	02/12/1995	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3481	18	Trần Thị Thanh	Huyền	13/10/1996	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3482	19	Nguyễn Thị	Huyền	07/07/1997	Nữ	Quân Chu, Đại Từ, Thái Nguyên	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3483	20	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/12/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3484	21	Nguyễn Thị	Lan	15/12/1991	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3485	22	Phan Thị	Lan	04/07/1997	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3486	23	Lê Thùy	Linh	15/11/1995	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3487	24	Ngô Thị Thúy	Loan	09/09/1990	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3488	25	Trần Thị	Luật	29/08/1991	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3489	26	Phạm Thị	Minh	09/08/1993	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3490	27	Nguyễn Thanh	Nga	24/12/1992	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3491	28	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	24/08/1995	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	LT VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3492	29	Trần Kim	Ngọc	09/08/1993	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3493	30	Trần Thị	Nhung	13/06/1990	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3494	31	Phạm Thị Hồng	Nhung	05/03/1994	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3495	32	Nguyễn Thị	Oanh	01/04/1992	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3496	33	Trần Ngọc	Quyên	29/12/1993	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3497	34	Phạm Bảo	Quyên	07/08/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3498	35	Nguyễn Thị	Sen	11/04/1995	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3499	36	Đào Thị	Sinh	27/01/1994	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3500	37	Trần Thị Thu	Thanh	17/01/1995	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3501	38	Trần Thị	Thanh	28/06/1995	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3502	39	Nguyễn Thị	Thơm	10/02/1988	Nữ	Xuân Hòa, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3503	40	Hoàng Thị	Thu	06/05/1992	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3504	41	Nguyễn Thị	Trang	05/09/1990	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3505	42	Trịnh Hồng	Vân	26/11/1984	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3506	43	Dương Thị	Yến	26/02/1995	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3507	44	Nguyễn Thị	Yến	02/03/1991	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT BA VÌ															
3508	1	Trần Thị Hồng	Chiêm	27/11/1989	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3509	2	Phạm Mạnh	Cường	07/04/1993	Nam	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3510	3	Nguyễn Mạnh	Dũng	14/09/1991	Nam	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3511	4	Phan Thị Hà	Giang	27/07/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3512	5	Nguyễn Thị Bích	Hà	13/07/1985	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3513	6	Nguyễn Thị	Hằng	10/06/1995	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3514	7	Trần Thị Mỹ	Hằng	26/11/1993	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3515	8	Phan Thị Thu	Hằng	12/05/1993	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3516	9	Trịnh Thị Bích	Hảo	15/02/1995	Nữ	Cam Thượng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều Dưỡng	**Điều Dưỡng**	Điều Dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3517	10	Nguyễn Thu	Hiền	18/06/1996	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3518	11	Nguyễn Thị	Hiệp	14/09/1986	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều Dưỡng	**Điều Dưỡng**	Điều Dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
3519	12	Phan Thị	Hương	22/11/1993	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3520	13	Chu Thanh	Huyền	22/08/1997	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3521	14	Phạm Thùy	Linh	30/07/1997	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3522	15	Hứa Thị	Linh	21/05/1996	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3523	16	Nguyễn Thị Diệu	Linh	01/12/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3524	17	Chu Ngọc	Mây	08/09/1996	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3525	18	Nguyễn Thị	Nga	27/07/1993	Nữ	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3526	19	Phạm Thị	Ngọc	10/10/1982	Nữ	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3527	20	Khuất Phương	Nhâm	14/04/1990	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3528	21	Phùng Thị Thanh	Nhạn	08/09/1996	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3529	22	Lê Thị Tuyết	Nhung	19/09/1994	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3530	23	Nguyễn Thị	Oanh	10/08/1994	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3531	24	Nguyễn Thanh	Phương	24/09/1995	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3532	25	Phùng Thị	Thái	03/09/1992	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3533	26	Hoàng Thị Phương	Thanh	11/01/1985	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3534	27	Nguyễn Thị Trung	Thành	13/08/1982	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3535	28	Phan Thị	Thiết	09/10/1993	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3536	29	Đỗ Thị Hoài	Thu	06/06/1995	Nữ	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3537	30	Nguyễn Thị	Thuận	20/10/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh	**CĐCĐ**		
3538	31	Lý Thị	Thùy	03/04/1996	Nữ	Ba Vì, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều Dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh	**DTTS**		
3539	32	Dương Thị Thu	Trang	26/12/1997	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3540	33	Vũ Thị	Trang	15/03/1989	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3541	34	Vũ Phương	Tú	02/05/1982	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3542	35	Đào Ngọc	Tuân	10/10/1993	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3543	36	Lê Thị Ánh	Tuyết	01/09/1990	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
3544	37	Lê Nguyễn Mộng	Vân	14/11/1995	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT PHÚC THỌ															
3545	1	Nguyễn Thị	Bích	24/05/1992	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	Anh			
3546	2	Nguyễn Thị Kim	Chung	22/07/1995	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	Anh	**CBB**		
3547	3	Bùi Thị	Hiền	01/11/1984	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	Anh			
3548	4	Khuất Thị Bích	Hiên	02/12/1991	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	Anh			
3549	5	Đặng Thị Thanh	Hoa	16/08/1992	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	Anh			
3550	6	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/04/1991	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	Anh			
3551	7	Nguyễn Thị	Lan	17/09/1983	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3552	8	Kiều Thu	Ngân	19/03/1993	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	Anh			
3553	9	Nguyễn Thị	Phúc	24/11/1993	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	Anh			
3554	10	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/11/1988	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	Anh			
3555	11	Vũ Thị	Thu	20/08/1984	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phúc Thọ	Anh			
		TTYT THẠCH THẤT															
3556	1	Nguyễn Thị	Bích	22/05/1993	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	Anh			
3557	2	Bùi Thị	Chuyền	24/05/1994	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	Anh			
3558	3	Trần Thị Ngọc	Diệp	11/01/1997	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	Anh			
3559	4	Đỗ Thị Bích	Hằng	30/09/1995	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	Anh			
3560	5	Cấn Thị	Hương	15/09/1989	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	Anh			
3561	6	Nguyễn Mai	Loan	05/04/1991	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	Anh			
3562	7	Nguyễn Thị Kim	Oanh	23/06/1995	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	Anh			
3563	8	Trịnh Thị Bích	Phượng	19/08/1996	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	Anh			
3564	9	Nguyễn Thị	Thà	27/04/1996	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	Anh			
3565	10	Vương Thị	Tươi	14/10/1989	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	Anh			
3566	11	Đỗ Thị	Tuyết	29/08/1992	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thạch Thất	Anh			
		TTYT QUỐC OAI															

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3567	1	Vương Thị	Cúc	10/02/1993	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3568	2	Nguyễn Thị	Dung	20/02/1991	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3569	3	Phùng Hương	Giang	22/12/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3570	4	Bùi Thị	Hải	27/10/1992	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3571	5	Kiều Thị	Hằng	01/11/1990	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3572	6	Lý Thị	Hòa	14/12/1994	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3573	7	Bùi Thị Thu	Hoàn	11/12/1994	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh	**CTB**		
3574	8	Bùi Thị	Huệ	07/06/1990	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3575	9	Tạ Thị	Lan	11/06/1993	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3576	10	Nguyễn Thùy	Linh	27/10/1994	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3577	11	Đỗ Thành	Luân	09/09/1992	Nam	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3578	12	Nguyễn Thị	Nga	26/12/1995	Nữ	An Lạc, Chí Linh, Hải Dương	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3579	13	Phong Thị	Nguyệt	09/11/1996	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3580	14	Nguyễn Thị Hương	Nhài	14/08/1993	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3581	15	Nguyễn Thị	Thoa	17/12/1995	Nữ	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3582	16	Nguyễn Bá	Thưởng	31/08/1994	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3583	17	Trần Thị Minh	Thúy	10/08/1993	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	LT VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3584	18	Nguyễn Song	Toàn	23/10/1988	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
3585	19	Nguyễn Thị Hương	Tuyền	14/10/1996	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Quốc Oai	Anh			
		TTYT ĐAN PHƯỢNG															
3586	1	Nguyễn Thị Thùy	Anh	01/10/1997	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
3587	2	Phạm Thị	Ánh	04/04/1994	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
3588	3	Nguyễn Thị	Hiền	16/04/1994	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
3589	4	Nguyễn Thị	Huế	15/06/1994	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
3590	5	Phạm Thị Huyền	Nga	20/09/1996	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
3591	6	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	26/10/1993	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
3592	7	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	10/03/1995	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
3593	8	Đàm Thị	Thúy	29/04/1993	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
3594	9	Hoàng Thị	Thúy	14/09/1994	Nữ	Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
3595	10	Bùi Thị	Thức	25/10/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
3596	11	Nguyễn Hà	Trang	25/04/1993	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
3597	12	Đông Thị Huyền	Trang	21/07/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Đan Phượng	Anh			
		TTYT HOÀI ĐỨC															
3598	1	Nguyễn Thị Hoài	An	12/10/1997	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3599	2	Trần Thị	Dung	03/12/1997	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3600	3	Dương Thị	Duyên	24/10/1997	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3601	4	Phạm Văn	Điền	31/10/1992	Nam	Cổ Bì, Bình Giang, Hải Dương	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3602	5	Phạm Thị	Hà	22/06/1990	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3603	6	Nguyễn Thị	Hoa	14/12/1996	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3604	7	Viết Thị	Huyền	27/11/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3605	8	Trần Thị	Linh	27/09/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3606	9	Nguyễn Trang	Ly	21/08/1997	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3607	10	Xuân Thị	Mơ	17/07/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3608	11	Nguyễn Thị	Ngọc	28/11/1996	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3609	12	Nguyễn Mai	Phương	09/01/1997	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3610	13	Doãn Thị	Phượng	30/05/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3611	14	Nguyễn Thị	Thắm	28/05/1997	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3612	15	Nguyễn Phương	Thúy	17/05/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3613	16	Phí Thị Huyền	Trang	17/09/1992	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
3614	17	Trung Thị	Vân	29/04/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hoài Đức	Anh			
		TTYT CHƯƠNG MỸ															

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3615	1	Đỗ Thị Lan	Anh	16/06/1994	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3616	2	Đàm Thị	Hằng	15/09/1986	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3617	3	Đào Thị	Hiền	20/04/1994	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3618	4	Hà Thị	Hồng	26/11/1993	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3619	5	Cao Thị	Huệ	29/05/1998	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3620	6	Tạ Thị	Liên	15/07/1989	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3621	7	Nguyễn Thị	Linh	18/07/1993	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3622	8	Đỗ Thị Thu	Mùi	05/01/1991	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3623	9	Tống Thị	Nguyệt	15/03/1995	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh	**CTB**		
3624	10	Phùng Thị Hồng	Nhung	21/11/1998	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3625	11	Đinh Thị	Nhung	10/10/1991	Nữ	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3626	12	Nguyễn Thị	Thương	10/02/1987	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3627	13	Đỗ Minh	Thúy	19/07/1996	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3628	14	Trịnh Thị	Thúy	09/12/1992	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3629	15	Phùng Thị	Trang	07/07/1993	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Chương Mỹ	Anh			
		TTYT THANH OAI															
3630	1	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	07/06/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Oai	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3631	2	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	04/03/1993	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Oai	Anh			
3632	3	Phạm Mai	Thanh	17/07/1985	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thanh Oai	Anh			
		TTYT MỸ ĐỨC															
3633	1	Phùng Thị	Cúc	09/08/1987	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3634	2	Phạm Thị	Dung	16/07/1989	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh	**CBB**		
3635	3	Hoàng Thị Hồng	Hà	03/10/1995	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3636	4	Đào Thị	Hoa	10/02/1991	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3637	5	Nguyễn Thị Thanh	Hương	26/11/1993	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3638	6	Đinh Thị	Hương	26/02/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3639	7	Nguyễn Thị	Khiên	04/09/1989	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3640	8	Lưu Thị	Lan	23/07/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3641	9	Văn Thị	Loan	26/03/1991	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3642	10	Nguyễn Thị	Luyến	30/05/1995	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3643	11	Phạm Xuân	Ly	21/01/1996	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3644	12	Tô Thị	Nga	19/06/1991	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3645	13	Nguyễn Thị	Ngoan	02/05/1985	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3646	14	Nguyễn Thanh	Phán	20/11/1985	Nam	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	LT	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3647	15	Nguyễn Thị	Phương	27/03/1995	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3648	16	Lê Thị Phương	Thảo	01/01/1994	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	LT VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
3649	17	Tạ Thị	Tuyên	21/02/1991	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh	**CĐCĐ**		
3650	18	Nguyễn Thị	Yến	27/11/1992	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mỹ Đức	Anh			
		TTYT THƯỜNG TÍN															
3651	1	Phạm Thị Tuyết	Chinh	17/12/1995	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thường Tín	Anh			
3652	2	Nguyễn Thị	Hà	08/03/1990	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thường Tín	Anh			
3653	3	Lưu Thanh	Hà	02/12/1993	Nữ	Văn Tự, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thường Tín	Anh			
3654	4	Hà Thị Thu	Thanh	15/02/1992	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thường Tín	Anh			
3655	5	Nguyễn Thị	Thủy	27/05/1992	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thường Tín	Anh			
3656	6	Nguyễn Thị Thùy	Vi	10/12/1979	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Thường Tín	Anh			
		TTYT PHÚ XUYÊN															
3657	1	Nguyễn Kim	Anh	05/03/1995	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3658	2	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	05/02/1988	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3659	3	Nguyễn Thị Phương	Bích	04/06/1993	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3660	4	Trần Thị Phương	Hà	01/01/1995	Nữ	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3661	5	Vũ Thị Thu	Hà	07/06/1996	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3662	6	Phan Thị Thúy	Nga	10/04/1991	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3663	7	Lương Thị	Nga	29/11/1993	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3664	8	Bùi Minh	Nhật	20/09/1994	Nữ	Thụy Phú, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3665	9	Nguyễn Thị	Nhung	26/05/1993	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3666	10	Đặng Thị Thu	Phương	12/10/1993	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	TC	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3667	11	Đào Thanh	Tuyền	12/12/1988	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3668	12	Trịnh Phương	Thảo	28/03/1995	Nữ	Thao Chính, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3669	13	Trần Thị	Thảo	10/12/1988	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Phú Xuyên	Anh			
		TTYT SƠN TÂY															
3670	1	Nguyễn Nữ Hoàng	Anh	18/04/1997	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
3671	2	Đỗ Thị Ngọc	Anh	08/04/1995	Nữ	Lê Lợi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
3672	3	Võ Tiến	Dũng	19/01/1989	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh	**HTNV**		
3673	4	Chu Thị	Hà	15/08/1987	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
3674	5	Khuất Thị Minh	Huyền	11/09/1996	Nữ	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
3675	6	Lê Ngọc	Lan	21/02/1992	Nữ	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: **ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13**

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3676	7	Đặng Hồng	Nhung	15/11/1993	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
3677	8	Phan Thị Huyền	Tâm	04/11/1982	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
3678	9	Đặng Phương	Thảo	07/08/1995	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh	**CBB**		
3679	10	Nguyễn Thị	Thân	06/10/1992	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
3680	11	Lê Thị Kiều	Trang	07/02/1994	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
3681	12	Lương Thị Minh	Trí	24/07/1992	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
3682	13	Hà Tố	Uyên	03/08/1995	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
		TTYT ỨNG HÒA															
3683	1	Nguyễn Thị	Hằng	01/3/1992	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			
3684	2	Nguyễn Thị Mai	Hương	06/10/1992	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			
3685	3	Vương Thị	Hường	11/9/1998	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			
3686	4	Đoàn Thị	Lan	22/01/1990	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			
3687	5	Phạm Thị Hồng	Mai	04/7/1987	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			
3688	6	Nguyễn Thị Trà	My	20/8/1998	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			
3689	7	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/7/1997	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3690	8	Nguyễn Thị Mai	Phương	07/05/1988	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			
3691	9	Ngô Văn	Tiệp	06/01/1994	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			
3692	10	Lê Thị	Trang	28/3/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			
3693	11	Cao Huyền	Trang	17/7/1997	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			
3694	12	Nguyễn Thị	Xoan	26/5/1985	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Ứng Hòa	Anh			
		TTYT HÀ ĐÔNG															
3695	1	Nguyễn Thị	Hải	20/11/1988	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh			
3696	2	Đào Thị	Hiền	04/06/1990	Nữ	Đông La, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh	**CTB, CBB**		
3697	3	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	08/09/1990	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh			
3698	4	Lê Thị	Huyền	15/03/1988	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh			
3699	5	Tạ Mỹ	Linh	31/12/1993	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh			
3700	6	Nguyễn Khánh	Linh	02/08/1996	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh			
3701	7	Nguyễn Thị	Ngà	23/12/1992	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh			
3702	8	Đặng Thị Thanh	Ngoan	24/12/1996	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh			
3703	9	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	27/06/1992	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh			
3704	10	Nguyễn Thư	Quỳnh	01/03/1997	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh			
3705	11	Nguyễn Thị	Thúy	11/04/1988	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh			

6. Chức danh nghề nghiệp: ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV, V.08.05.13

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3706	12	Trần Đăng	Tuấn	24/10/1994	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Hà Đông	Anh			
		TTYT MÊ LINH															
3707	1	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	06/01/1998	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mê Linh	Anh			
3708	2	Nguyễn Thị	Dung	20/07/1995	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mê Linh	Anh			
3709	3	Nguyễn Thị	Lan	25/02/1994	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mê Linh	Anh			
3710	4	Lê Thị Thùy	Linh	20/12/1994	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mê Linh	Anh			
3711	5	Nguyễn Thị	Loan	07/10/1992	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mê Linh	Anh			
3712	6	Nguyễn Thị Kim	Loan	28/01/1998	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mê Linh	Anh			
3713	7	Nguyễn Thị Minh	Phương	16/03/1984	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mê Linh	Anh			
3714	8	Nguyễn Thị	Thoa	08/09/1989	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	VLVH	Điều dưỡng	**Điều dưỡng**	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	TTYT Mê Linh	Anh	**CĐCĐ**		

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI															
3715	1	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/08/1995	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3716	2	Lê Thị	Định	29/05/1990	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3717	3	Dương Thị	Duyến	28/01/1988	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3718	4	Lê Thị	Giang	25/08/1987	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3719	5	Lưu Thị Thu	Hằng	12/05/1986	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3720	6	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	01/02/1985	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3721	7	Trần Thị Thanh	Hảo	13/07/1988	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3722	8	Nguyễn Thị	Hậu	02/09/1989	Nữ	Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3723	9	Cao Thị	Hương	05/09/1998	Nữ	Giao An, Giao Thủy, Nam Định	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3724	10	Nguyễn Mai	Hương	30/08/1996	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3725	11	Nguyễn Thị	Khánh	30/03/1996	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3726	12	Nguyễn Thị	Lan	04/10/1989	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3727	13	Chu Thị	Luyến	17/06/1987	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
3728	14	Trần Thị Xuân	Mai	14/10/1996	Nữ	Thị trấn Mỹ Lộc, Mỹ Lộc, Nam Định	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3729	15	Dương Ngọc	Mai	16/02/1994	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3730	16	Bùi Trà	My	22/11/1998	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**CTB**		
3731	17	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/07/1984	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3732	18	Nguyễn Thị Thu	Ngân	10/03/1991	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3733	19	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	28/01/1997	Nữ	Năng Tĩnh, Nam Định, Nam Định	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3734	20	Nguyễn Minh	Phượng	26/10/1994	Nữ	Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3735	21	Lê Thị	Quỳnh	23/10/1990	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3736	22	Phạm Hồng	Thanh	28/10/1997	Nữ	Lộc Hòa, Nam Định, Nam Định	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3737	23	Nguyễn Thị	Thanh	12/09/1993	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3738	24	Hoàng Thị Thu	Thảo	08/05/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3739	25	Đặng Thị Hà	Thu	20/12/1988	Nữ	Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3740	26	Nguyễn Thị	Thuận	02/06/1989	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3741	27	Trần Thị Phương	Thúy	08/09/1985	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3742	28	Nguyễn Thị Thu	Thủy	12/11/1986	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3743	29	Vương Thị Minh	Trang	20/09/1995	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3744	30	Vũ Huyền	Trang	14/12/1993	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3745	31	Nguyễn Thị	Tứ	11/08/1984	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
		BV THANH NHÀN															
3746	1	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	24/06/1994	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3747	2	Nguyễn Thị Ninh	Anh	11/05/1996	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3748	3	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	27/12/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3749	4	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/03/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3750	5	Ngô Thị	Hải	26/06/1995	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3751	6	Nguyễn Thị	Hải	12/07/1985	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh	**CTB**		
3752	7	Đinh Thị	Hằng	21/08/1994	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3753	8	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/12/1996	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3754	9	Nguyễn Thị Minh	Hiền	18/12/1973	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3755	10	Lê Thị	Huê	06/08/1990	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh	**CTB**		
3756	11	Đặng Thúy	Huyền	21/01/1992	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3757	12	Nguyễn Thị Nhật	Linh	15/10/1995	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3758	13	Lê Thị	Luyến	23/10/1989	Nữ	Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3759	14	Lê Thanh	Nhã	19/05/1992	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3760	15	Cao Thị	Phượng	25/11/1993	Nữ	Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3761	16	Phạm Thị	Sao	22/08/1988	Nữ	Hồng Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3762	17	Hoàng Minh	Thoa	03/11/1994	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3763	18	Kiều Phương	Thu	12/09/1994	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3764	19	Đào Thị Hà	Thư	07/02/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
3765	20	Dương Hoài	Thương	10/06/1995	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BV Thanh Nhàn	Anh			
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
3766	1	Nguyễn Thị Thu	Hiền	29/05/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LTVLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Hà Đông	Anh			
3767	2	Nguyễn Quỳnh	Hoa	15/11/1995	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LTVLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Hà Đông	Anh			
3768	3	Vũ Thị Nụ	Hòe	04/12/1986	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Hà Đông	Anh			
3769	4	Nguyễn Thanh	Huyền	04/01/1996	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Hà Đông	Anh			
3770	5	Hoàng Hạnh	Linh	02/03/1993	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LTVLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Hà Đông	Anh			
3771	6	Đinh Thị Thu	Ngân	12/01/1994	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	LT	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Hà Đông	Anh			
3772	7	Phạm Thị Lâm	Oanh	12/08/1995	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Hà Đông	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3773	8	Nguyễn Lê Tú	Uyên	01/12/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LTVLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Hà Đông	Anh			
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
3774	1	Lê Thị	Diêm	20/05/1984	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Vân Đình	Anh			
3775	2	Đinh Thị	Hà	20/04/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Vân Đình	Anh			
3776	3	Nguyễn Thị	Lan	14/05/1986	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Vân Đình	Anh			
3777	4	Phùng Thị	Liên	02/11/1996	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Vân Đình	Anh			
3778	5	Bùi Thị	Linh	28/11/1996	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Vân Đình	Anh			
3779	6	Lê Thị	Nga	28/12/1992	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Vân Đình	Anh			
3780	7	Đoàn Thị	Ngân	30/10/1992	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	LTVLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Vân Đình	Anh			
3781	8	Nguyễn Thị	Nhàn	13/03/1995	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Vân Đình	Anh			
3782	9	Phạm Thị	Nhân	03/09/1991	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Vân Đình	Anh			
3783	10	Đinh Thị	Phương	08/08/1997	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Vân Đình	Anh			
		BVĐK ĐỨC GIANG															
3784	1	Đào Thị Thảo	An	27/01/1998	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3785	2	Nguyễn Thị	Duyên	09/12/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3786	3	Ngô Thùy	Duyên	13/11/1995	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh	**CTB**		

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3787	4	Đào Thị	Hằng	24/02/1994	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3788	5	Hoàng Thị Phương	Hoa	04/11/1994	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3789	6	Kiều Thị Thanh	Hương	13/03/1992	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3790	7	Nguyễn Thị Kim	Liên	11/02/1993	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3791	8	Lưu Ly	Linh	07/12/1992	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3792	9	Vũ Thị	Thanh	17/02/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3793	10	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	07/10/1998	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3794	11	Nguyễn Thị	Thủy	07/10/1988	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3795	12	Lê Thị Thủy	Tiên	15/08/1994	Nữ	Nghi Mỹ, Nghi Lộc, Nghệ An	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh	**CTB**		
3796	13	Trần Thu	Trang	17/03/1991	Nữ	Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3797	14	Đỗ Thị	Trang	28/10/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
3798	15	Dương Thị Thùy	Trang	24/12/1994	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đức Giang	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															
3799	1	Tống Khánh	Linh	04/07/1994	Nữ	Nam Phương Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
3800	2	Vũ Thị Hồng	Ngọc	29/04/1995	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
		BVĐK ĐÔNG ANH															

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3801	1	Trần Thị Vân	Anh	24/09/1995	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh,Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
3802	2	Nguyễn Thị	Dịu	18/07/1996	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
3803	3	Đào Thị	Dung	20/3/1993	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
3804	4	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/08/1995	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
3805	5	Nguyễn Thị	Hiền	23/10/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
3806	6	Nguyễn Thị Mai	Hương	10/10/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
3807	7	Lê Thị	Ngân	12/03/1986	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
3808	8	Nguyễn Hồng	Ngọc	19/06/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
3809	9	Phạm Thị Kiều	Oanh	04/09/1995	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
3810	10	Đỗ Thị Phương	Oanh	05/02/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
3811	11	Đặng Thị	Quyên	09/04/1992	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
3812	12	Nguyễn Anh	Thư	18/05/1993	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BVĐK QUỐC OAI															
3813	1	Đỗ Thị	Huệ	26/12/1996	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Quốc Oai	Anh			
3814	2	Cấn Thị	Huyền	02/03/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Quốc Oai	Anh			
3815	3	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/05/1989	Nữ	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Quốc Oai	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3816	4	Nguyễn Thị	Mai	02/10/1993	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Quốc Oai	Anh			
3817	5	Nguyễn Thị	Ngọc	15/10/1987	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Quốc Oai	Anh			
3818	6	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	09/11/1992	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Quốc Oai	Anh			
3819	7	Bùi Thị Kiều	Thu	30/04/1997	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Quốc Oai	Anh			
3820	8	Nguyễn Thị	Thu	11/02/1992	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Quốc Oai	Anh			
3821	9	Nguyễn Thị	Thu	29/08/1987	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Quốc Oai	Anh			
		BVĐK BA VÌ															
3822	1	Khổng Thị Cẩm	Anh	10/11/1996	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Ba Vì	Anh			
3823	2	Nguyễn Thúy	Hồng	12/12/1998	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Ba Vì	Anh			
3824	3	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17/07/1996	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Ba Vì	Anh			
3825	4	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/01/1998	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Ba Vì	Anh	**CBB**		
		BVĐK MỸ ĐỨC															
3826	1	Dương Thị	Nhung	30/01/1997	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
3827	2	Đoàn Thị	Tình	02/05/1990	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Mỹ Đức	Anh	**CTB**		
		BVĐK PHÚC THỌ															
3828	1	Nguyễn Thị Hồng	Anh	06/10/1991	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Phúc Thọ	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3829	2	Nguyễn Thị	Hằng	15/04/1995	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
3830	3	Tạ Thị Lan	Hương	05/08/1998	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
		BVĐK THẠCH THẤT															
3831	1	Tào Thị	Hường	15/08/1992	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Thạch Thất	Anh			
3832	2	Vũ Thị Mỹ	Dinh	02/09/1996	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Thạch Thất	Anh			
3833	3	Nguyễn Thị	Trang	29/01/1996	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Thạch Thất	Anh			
		BVĐK ĐAN PHƯỢNG															
3834	1	Bùi Thị Phương	Anh	03/05/1995	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đan Phượng	Anh			
3835	2	Nguyễn Thị	Châm	04/02/1991	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đan Phượng	Anh			
3836	3	Nguyễn Thu	Hà	28/10/1996	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đan Phượng	Anh			
3837	4	Nguyễn Thị	Hiền	22/08/1994	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đan Phượng	Anh			
3838	5	Bá Thị	Hiền	07/10/1996	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đan Phượng	Anh			
3839	6	Nguyễn Thị Lan	Hương	20/07/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đan Phượng	Anh			
3840	7	Tạ Thị Ngọc	Mai	05/09/1996	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đan Phượng	Anh			
3841	8	Bùi Thị	Phương	05/05/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đan Phượng	Anh			
3842	9	Đỗ Thị	Phượng	18/11/1998	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đan Phượng	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3843	10	Đoàn Thị Thùy	Trang	19/10/1998	Nữ	Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đan Phượng	Anh			
3844	11	Trần Thị Hạ	Vân	12/06/1997	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Đan Phượng	Anh			
		BVĐK CHƯƠNG MỸ															
3845	1	Đỗ Thị	Hiên	03/04/1987	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3846	2	Phạm Thị	Hồng	08/09/1992	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3847	3	Nguyễn Thị	Lan	01/11/1992	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3848	4	Nguyễn Thị	Thanh	04/11/1989	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3849	5	Bùi Thị	Thu	07/09/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3850	6	Trịnh Thị	Vân	25/09/1995	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
		BVĐK THƯỜNG TÍN															
3851	1	Lâm Thị Thanh	Thúy	15/10/1997	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Thường Tín	Anh			
3852	2	Ngô Thị Kim	Anh	12/02/1998	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Thường Tín	Anh			
		BVĐK PHÚ XUYÊN															
3853	1	Trần Thị Thu	Hương	24/07/1993	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3854	2	Phạm Thị	Phương	18/05/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3855	3	Vũ Thị Minh	Phương	24/06/1997	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
3856	4	Nguyễn Thanh	Thúy	09/10/1990	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Phú Xuyên	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK MÊ LINH															
3857	1	Phùng Thị Hương	Giang	11/02/1995	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Mê Linh	Anh			
3858	2	Nguyễn Thị	Mùi	24/02/1993	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Mê Linh	Anh			
3859	3	Ngô Thị Hồng	Phượng	13/06/1988	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Mê Linh	Anh			
3860	4	Nguyễn Thị	Thắm	08/01/1993	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Mê Linh	Anh			
3861	5	Trịnh Thị	Thùy	25/11/1994	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Mê Linh	Anh			
3862	6	Nguyễn Thị Minh	Tuyến	08/10/1993	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Mê Linh	Anh			
3863	7	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/05/1984	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	BVĐK Mê Linh	Anh			
		TTYT HOÀN KIẾM															
3864	1	Kiều Thị	Hường	03/03/1995	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
3865	2	Cù Thanh	Huyền	13/02/1996	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Hoàn Kiếm	Anh	**CTB**		
3866	3	Doãn Thị	Lý	26/12/1988	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
		TTYT BA ĐÌNH															
3867	1	Đào Thị	Hằng	16/06/1989	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Ba Đình	Anh			
		TTYT HAI BÀ TRƯNG															
3868	1	Phạm Hồng	Anh	18/10/1993	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh Hạng IV	V.08.06.16	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT THANH XUÂN															
3869	1	Khiếu Thị Như	Ngọc	26/10/1994	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3870	2	Đặng Thị	Thúy	24/9/1991	Nữ	Hồng Phong, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thanh Xuân	Anh			
3871	3	Lê Thị	Trang	19/5/1995	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thanh Xuân	Anh			
		TTYT TÂY HỒ															
3872	1	Ngô Mai	Anh	18/07/1996	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Tây Hồ	Anh			
3873	2	Nguyễn Thị	Liễu	27/01/1993	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh , Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Tây Hồ	Anh			
		TTYT LONG BIÊN															
3874	1	Hà Thục	Anh	07/09/1996	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LTVHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Long Biên	Anh			
3875	2	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	24/09/1995	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Long Biên	Anh			
3876	3	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/08/1985	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Long Biên	Anh			
		TTYT GIA LÂM															
3877	1	Vương Thị	Vui	30/06/1994	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Gia Lâm	Anh			
		TTYT ĐÔNG ANH															
3878	1	Nguyễn Thị	Dung	23/10/1992	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Đông Anh	Anh			
3879	2	Phan Thị	Hoàn	11/07/1994	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh , Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Đông Anh	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3880	3	Nguyễn Hồng	Lê	02/11/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh , Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Đông Anh	Anh			
3881	4	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	12/02/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh , Hà Nội	CĐ	TC	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Đông Anh	Anh			
		TTYT THANH TRÌ															
3882	1	Nguyễn Thu	Cúc	23/09/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thanh Trì	Anh			
3883	2	Chử Thị Thanh	Huệ	25/02/1988	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thanh Trì	Anh			
3884	3	Nguyễn Thị	Hường	05/07/1990	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai,Hà Nội	CĐ	LT	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thanh Trì	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
3885	1	Đỗ Thị Vân	Anh	11/07/1994	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3886	2	Nguyễn Thị	Dinh	25/09/1996	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3887	3	Trần Thị	Liễu	26/02/1990	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Sóc Sơn	Anh			
3888	4	Nguyễn Thị	Ngát	14/08/1996	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT BA VÌ															
3889	1	Phùng Thị	Hậu	03/06/1993	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Ba Vì	Anh			
3890	2	Lê Thị	Khuyên	06/09/1994	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Ba Vì	Anh			
3891	3	Nguyễn Thị Kim	Oanh	02/01/1993	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Ba Vì	Anh			
3892	4	Trần Thị	Thoa	15/11/1994	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT THẠCH THẤT															

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3893	1	Vương Thị	Chinh	15/02/1998	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thạch Thất	Anh			
3894	2	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/09/1996	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thạch Thất	Anh			
3895	3	Nguyễn Thị	Hoa	08/11/1989	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	TC	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thạch Thất	Anh			
3896	4	Nguyễn Thị Thu	Huyền	03/07/1997	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thạch Thất	Anh			
3897	5	Khương Thị Thùy	Linh	18/02/1996	Nữ	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thạch Thất	Anh			
3898	6	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	03/03/1994	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thạch Thất	Anh			
		TTYT QUỐC OAI															
3899	1	Vương Thị Thu	Hằng	24/11/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Quốc Oai	Anh			
3900	2	Cấn Thị Huyền	Trang	27/08/1995	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Quốc Oai	Anh			
3901	3	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/11/1996	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Quốc Oai	Anh			
		TTYT HOÀI ĐỨC															
3902	1	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/12/1996	Nữ	Minh Khai, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Hoài Đức	Anh			
3903	2	Nguyễn Thị	Hà	15/07/1989	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Hoài Đức	Anh			
3904	3	Bùi Thị	Huyền	15/08/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Hoài Đức	Anh			
3905	4	Nguyễn Thu	Thủy	19/06/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Hoài Đức	Anh			
3906	5	Chu Thị	Yến	28/11/1995	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Hoài Đức	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
		TTYT CHƯƠNG MỸ															
3907	1	Đỗ Thị	Dung	19/11/1987	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3908	2	Nguyễn Thị Phương	Dung	01/12/1986	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3909	3	Trịnh Thị	Gấm	16/04/1996	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3910	4	Ngô Thị	Hoa	25/10/1996	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3911	5	Nguyễn Thị	Hương	23/10/1994	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3912	6	Nguyễn Thị	Huyền	24/03/1992	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3913	7	Trung Thị	Huyền	10/06/1996	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3914	8	Nguyễn Thị Chung	Kiên	14/03/1987	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3915	9	Nguyễn Thị	Mai	07/12/1990	Nữ	Hữu Văn, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3916	10	Đặng Thị Minh	Nguyệt	10/03/1987	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3917	11	Nguyễn Thị	Nhung	01/11/1996	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3918	12	Xuân Thị Nguyệt	Oanh	30/01/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3919	13	Nguyễn Thị	Phương	17/07/1989	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3920	14	Phạm Thị	Phượng	28/02/1991	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3921	15	Đặng Thị	Thảo	27/08/1996	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3922	16	Trần Lệ	Thu	23/08/1998	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
3923	17	Cấn Thị Thu	Trang	15/04/1992	Nữ	Đông Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Chương Mỹ	Anh			
		TTYT THANH OAI															
3924	1	Vũ Thị Lan	Anh	06/4/1988	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thanh Oai	Anh			
3925	2	Nguyễn Thị Lệ	Bình	24/12/1985	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thanh Oai	Anh			
3926	3	Vũ Thị	Quỳnh	29/01/1990	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Thanh Oai	Anh			
		TTYT MỸ ĐỨC															
3927	1	Nguyễn Thị	Khuyến	12/10/1989	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Mỹ Đức	Anh			
		TTYT PHÚ XUYÊN															
3928	1	Trương Thị	Điền	01/01/1993	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3929	2	Nguyễn Thị	Hoa	09/08/1991	Nữ	TT Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3930	3	Vũ Thị	Toàn	02/03/1994	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Phú Xuyên	Anh			
3931	4	Ngô Hoài	Thu	27/04/1995	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	TC	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Phú Xuyên	Anh			
		TTYT SƠN TÂY															
3932	1	Lê Thị	Thảo	18/08/1986	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
		TTYT ỨNG HÒA															

7. Chức danh nghề nghiệp: HỘ SINH HẠNG IV, V.08.06.16

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3933	1	Chu Thanh	Hằng	15/10/1995	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Ứng Hòa	Anh			
3934	2	Nghiêm Thị Diệu	Linh	01/8/1994	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Ứng Hòa	Anh			
		TTYT MÊ LINH															
3935	1	Phạm Thị	Long	01/11/1996	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Mê Linh	Anh			
3936	2	Phạm Thị	Thúy	03/02/1996	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Mê Linh	Anh			
3937	3	Nguyễn Thị	Thúy	21/06/1988	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Mê Linh	Anh			
3938	4	Phan Thị Huyền	Trang	03/09/1997	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh	**Hộ sinh**	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	TTYT Mê Linh	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 2-71 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

8. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG III, V.08.07.18

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI															
3939	1	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	15/03/1996	Nữ	Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3940	2	Trần Thị	Hằng	22/09/1996	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3941	3	Nguyễn Thị Mai	Hương	25/07/1989	Nữ	Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	VHVL	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3942	4	Ngô Tuấn	Khanh	22/12/1981	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	VHVL	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3943	5	Bùi Thị	Nga	15/10/1992	Nữ	Sơn Dương, Lâm Thao, Phú Thọ	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3944	6	Nguyễn Thị	Thức	27/04/1986	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	VHVL	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
3945	7	Trần Thị	Thùy	06/11/1988	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	VHVL	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
		BV UNG BƯỚU HÀ NỘI															
3946	1	Nguyễn Hùng	Anh	26/12/1995	Nam	Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Ung Bướu HN	Anh			
3947	2	Nguyễn Thị	Hằng	10/09/1991	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Ung Bướu HN	Anh			
3948	3	Nguyễn Tiến	Lượng	10/11/1995	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Ung Bướu HN	Anh			
3949	4	Nguyễn Thị	Thùy	12/12/1990	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Ung Bướu HN	Anh			
3950	5	Giang Văn	Dũng	18/05/1992	Nam	Hàng Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Ung Bướu HN	Anh			

8. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG III, V.08.07.18

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV MẮT HÀ ĐÔNG															
3951	1	Hoàng Thị	Yến	12/09/1997	Nữ	An Lương, Thanh Hà, Hải Dương	ĐH	CQ	Khúc xạ nhãn khoa	**Khúc xạ nhãn khoa**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
		BVĐK XANH PÔN															
3952	1	Nguyễn Thị Mai	Anh	08/04/1994	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
3953	2	Nguyễn Thị	Hường	29/01/1994	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
3954	3	Hà Minh	Khải	02/09/1984	Nam	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
3955	4	Phan Thị Thu	Thùy	06/05/1991	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
3956	5	Vũ Thị Thùy	Trang	19/05/1992	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
3957	6	Trần Tuấn	Anh	16/10/1993	Nam	Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Hải Dương	ĐH	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
3958	7	Phạm Văn	Đức	10/08/1992	Nam	Văn Tố, Tứ Kỳ, Hải Dương	ĐH	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Xanh Pôn	Anh	**CBB**		

8. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG III, V.08.07.18

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3959	8	Nguyễn Văn	Hải	26/06/1997	Nam	Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên	ĐH	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
3960	9	Phạm Thế	Linh	20/12/1993	Nam	Đồ Động, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
3961	10	Nguyễn Quyết	Thắng	01/12/1995	Nam	Vĩnh Lộc, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	ĐH	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
		BV THANH NHÀN															
3962	1	Nguyễn Đức	Hồng	20/12/1990	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Thanh Nhàn	Anh			
3963	2	Vũ Thị	Châm	29/03/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Thanh Nhàn	Anh			
3964	3	Lê Thị Thu	Hà	27/07/1996	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Thanh Nhàn	Anh			
3965	4	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	15/09/1997	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Thanh Nhàn	Anh			
3966	5	Nguyễn Tiến	Long	31/10/1993	Nam	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Thanh Nhàn	Anh			
3967	6	Đinh Thị	Mai	30/09/1996	Nữ	Gia Minh, Gia Viễn, Ninh Bình	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Thanh Nhàn	Anh			
3968	7	Trần Thu	Trang	19/08/1993	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Thanh Nhàn	Anh			
3969	8	Phạm Đình	Văn	11/02/1997	Nam	Vĩnh Lập, Thanh Hà, Hải Dương	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Thanh Nhàn	Anh			
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
3970	1	Dương Thu	Nga	22/09/1991	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Đống Đa	Anh			

8. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG III, V.08.07.18

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
3971	1	Nguyễn Thị	Hằng	10/10/1996	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Hà Đông	Anh			
3972	2	Trịnh Văn	Long	13/10/1994	Nam	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Hà Đông	Anh			
3973	3	Đỗ Bích	Ngọc	14/02/1996	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Hà Đông	Anh			
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
3974	1	Dương Thị Thu	Hương	16/04/1994	Nữ	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Vân Đình	Anh			
3975	2	Dương Thị	Lý	05/05/1996	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Vân Đình	Anh			
3976	3	Nguyễn Đình Minh	Vương	14/09/1995	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Vân Đình	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															
3977	1	Vũ Thị	Bắc	03/03/1979	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	TC	Sinh học (thạc sỹ vi sinh y học)	**Sinh học**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	Bệnh viện đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội	Anh			
		BVĐK ĐÔNG ANH															
3978	1	Lê Thị	Dung	15/06/1991	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	VLVH	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Đông Anh	Anh			
3979	2	Nguyễn Thị	Mùi	14/10/1991	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Đông Anh	Anh			
3980	3	Trần Thị Diệu	Ninh	25/10/1993	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BVĐK BA VÌ															
3981	1	Nguyễn Tiến	Dũng	11/12/1994	Nam	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Ba Vì	Anh			
3982	2	Nguyễn Thị	Thúy	23/03/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	VLVH	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Ba Vì	Anh			

8. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG III, V.08.07.18

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỤC HỒI CHỨC NĂNG															
3983	1	Vũ Phương	Dung	18/6/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Vật lý trị liệu/ phục hồi chức năng	**Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
3984	2	Đỗ Thị	Hằng	04/09/1990	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu	**Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
3985	3	Tống Duy	Văn	09/03/1988	Nam	Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật viên vật lý trị liệu	**Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
		BV BẮC THĂNG LONG															
3986	1	Trần Thị Lan	Phương	16/03/1991	nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Bắc Thăng Long	Anh			
		BVĐK SÓC SƠN															
3987	1	Nguyễn Văn	Cam	10/01/1986	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	VHVL	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
3988	2	Nguyễn Văn	Dương	18/11/1991	Nam	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
		BV THẬN HÀ NỘI															
3989	1	Nguỵ Thị	Điệp	19/02/1987	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	Ths	CQ	Kỹ thuật y học (thạc sỹ y học chức năng)	**Kỹ thuật y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BV Thận HN	Anh			
		BVĐK PHÚC THỌ															
3990	1	Lê Thị	Hoa	26/08/1990	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VHVL	Xét nghiệm y học	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
3991	2	Phạm Thị	Hương	01/08/1990	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
3992	3	Cù Thanh	Tâm	12/05/1996	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật y học	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Phúc Thọ	Anh			

8. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG III, V.08.07.18

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3993	4	Nguyễn Hải	Yến	08/01/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	VHVL	Xét nghiệm y học	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
		BVĐK HOÀI ĐỨC															
3994	1	Nguyễn Thị	Hà	20/09/1992	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Hoài Đức	Anh			
3995	2	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	29/05/1996	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm Y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Hoài Đức	Anh			
		BVĐK CHƯƠNG MỸ															
3996	1	Trịnh Thị Diệu	Linh	12/11/1996	Nữ	TT Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm đa khoa	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3997	2	Phan Thị	Nhàn	20/09/1992	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
3998	3	Hoàng Hải	Yến	15/10/1996	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm đa khoa	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
		BVĐK PHÚ XUYÊN															
3999	1	Phạm Thị	Nhài	01/10/1994	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
		BVĐK MÊ LINH															
4000	1	Đào Bá	Cường	16/10/1992	Nam	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Mê Linh	Anh			
4001	2	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/01/1996	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Mê Linh	Anh			
4002	3	Nguyễn Thị	Luyến	01/01/1996	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Mê Linh	Anh			
4003	4	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	15/09/1995	Nữ	Trung Hà, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Mê Linh	Anh			

8. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG III, V.08.07.18

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK GIA LÂM															
4004	1	Trần Thị	Dinh	06/02/1994	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Gia Lâm	Anh			
4005	2	Nguyễn Thị Hà	Giang	05/12/1993	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Gia Lâm	Anh			
4006	3	Khổng Thị Thúy	Kiều	01/10/1995	Nữ	Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	ĐH	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	BVĐK Gia Lâm	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
4007	1	Đỗ Thị	Thu	12/12/1991	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	VHVL	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	TTYT Sóc Sơn	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271/QĐ-SYT, ngày 29/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI															
4008	1	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	15/12/1996	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4009	2	Đoàn Thị Hồng	Hà	17/08/1997	Nữ	Yên Lương, Ý Yên, Nam Định	ĐH	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4010	3	Đoàn Sơn	Hải	11/10/1993	Nam	Yên Lương, Ý Yên, Nam Định	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4011	4	Đặng Thị	Hậu	18/11/1991	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4012	5	Phạm Thị Thanh	Huyền	11/08/1997	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4013	6	Vương Thị	Thảo	05/09/1993	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4014	7	Nguyễn Thị	Thúy	24/08/1994	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4015	8	Lâm Quang	Đức	24/04/1986	Nam	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4016	9	Nguyễn Khắc	Huy	06/11/1993	Nam	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4017	10	Vũ Ngọc	Huyền	19/11/1981	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	TC	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
		BV UNG BƯỚU HÀ NỘI															
4018	1	Phạm Văn	Đàn	19/07/1994	Nam	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Ung Bướu HN	Anh			
4019	2	Nguyễn Mạnh	Hiệp	08/06/1998	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Ung Bướu HN	Anh			
4020	3	Đàm Đình	Linh	04/10/1990	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Ung Bướu HN	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4021	4	Cấn Đình	Phong	26/06/1990	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Ung Bướu HN	Anh			
4022	5	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/08/1996	Nữ	Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Kỹ thuật xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Ung Bướu HN	Anh			
4023	6	Nguyễn Thị	Thao	12/06/1993	Nữ	Đông Thọ, Yên Phong, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Kỹ thuật xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Ung Bướu HN	Anh			
		BV MẮT HÀ NỘI															
4024	1	Trần Thị Ngọc	Ánh	29/10/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Mắt Hà Nội	Anh			
4025	2	Phạm Thị	Mi	22/11/1994	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Mắt Hà Nội	Anh			
		BV MẮT HÀ ĐÔNG															
4026	1	Đỗ Minh	Khương	01/09/1990	Nam	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Mắt Hà Đông	Anh	**HTNV**		
		BVĐK HÒE NHAI															
4027	1	Trần Thị	Hằng	09/09/1987	Nữ	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Xét nghiệm Ký sinh trùng, Côn trùng	**Xét nghiệm Ký sinh trùng, Côn trùng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hòe Nhai	Anh			
		BVĐK XANH PÔN															
4028	1	Nghiêm Khắc	Hoàng	06/07/1990	Nam	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4029	2	Đỗ Thùy	Linh	02/10/1991	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4030	3	Nguyễn Đình	Quang	12/02/1988	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4031	4	Lê Văn	Quỳnh	17/06/1993	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4032	5	Nguyễn Đức	Xuân	14/10/1981	Nam	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
		BV THANH NHÀN															
4033	1	Trần Thị	Nga	10/11/1996	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4034	2	Nguyễn Văn	Nghiệp	07/04/1992	Nam	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4035	3	Nguyễn Anh	Nguyên	18/05/1994	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4036	4	Phan Hồng	Quân	28/05/1995	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4037	5	Thẩm Văn	Sơn	16/05/1994	Nam	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	LT	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4038	6	Phạm Văn	Thịnh	10/06/1995	Nam	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4039	7	Vũ Thị Xuân	Thu	21/05/1991	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4040	8	Nguyễn Ngọc	Toàn	28/09/1994	Nam	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4041	9	Nguyễn Mạnh	Cường	04/07/1994	Nam	Tân Hòa, Hòa Bình, Hòa Bình	CĐ	CQ	Phục hồi chức năng	**Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4042	10	Hà Huy	Hiếu	12/03/1981	Nam	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	**Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4043	11	Nguyễn Quỳnh	Anh	30/04/1991	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4044	12	Hoàng Kim	Cương	11/03/1989	Nam	Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh	**CTB**		
4045	13	Ngô Thu	Hà	20/12/1993	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4046	14	Vũ Thị Bích	Hạnh	22/11/1996	Nữ	Thụy Phong, Thái Thụy, Thái Bình	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4047	15	Hoàng Thu	Hạnh	16/05/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4048	16	Vũ Lan	Hương	23/10/1998	Nữ	Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4049	17	Nguyễn Quang	Huy	14/06/1998	Nam	Liêm Chính, Phủ Lý, Hà Nam	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4050	18	Dương Văn	Min	16/01/1991	Nam	Phú Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4051	19	Dương Hồng	Ngân	27/12/1997	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4052	20	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/05/1990	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4053	21	Tống Phương	Nhung	08/11/1994	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4054	22	Dương Đức	Phương	20/01/1993	Nam	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4055	23	Phạm Thị Thanh	Thanh	10/04/1992	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4056	24	Nguyễn Đình	Thiên	21/07/1998	Nam	Thị trấn Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4057	25	Nguyễn Thị Thu	Thủy	08/09/1995	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4058	26	Đặng Thị Thu	Thủy	12/08/1993	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4059	27	Trần Đức	Trung	24/07/1994	Nam	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
4060	28	Trần Văn	Viết	10/09/1995	Nam	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thanh Nhàn	Anh			
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
4061	1	Lê Thị	Thúy	01/07/1993	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đống Đa	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4062	2	Nguyễn Thanh	Tuấn	31/10/1992	Nam	Đại La, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đống Đa	Anh			
4063	3	Nguyễn Phương	Quỳnh	31/12/1995	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Kỹ thuật xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đống Đa	Anh			
4064	4	Nguyễn Khánh	Huyền	07/06/1990	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm	**Kỹ thuật xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đống Đa	Anh			
4065	5	Nguyễn Mạnh	Linh	22/02/1994	Nam	Hồng Lĩnh, Hưng Hà, Thái Bình	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đống Đa	Anh			
4066	6	Quách Đức	Quân	23/09/1992	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	TT	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đống Đa	Anh			
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
4067	1	Nguyễn Đức	Cường	19/11/1994	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4068	2	Lê Ngọc	Hiển	08/03/1983	Nam	Phú Nam An, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4069	3	Trần Trọng	Lân	09/08/1994	Nam	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4070	4	Lê Văn	Quang	07/12/1996	Nam	Thị Trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4071	5	Lã Văn	Tuyến	14/07/1995	Nam	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4072	6	Lưu Thị Lan	Anh	08/04/1997	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4073	7	Đỗ Tiến	Dũng	09/04/1994	Nam	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4074	8	Quản Trường	Gia	03/04/1993	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4075	9	Nguyễn Văn	Hải	05/10/1990	Nam	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4076	10	Đào Thúy	Hạnh	03/06/1995	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4077	11	Nguyễn Ngọc	Hiển	08/05/1987	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4078	12	Nguyễn Đức	Hiếu	18/05/1989	Nam	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4079	13	Nguyễn Thị Mai	Hương	15/07/1995	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4080	14	Đỗ Mai	Hương	22/05/1995	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4081	15	Nguyễn Thị	Khuyên	15/09/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4082	16	Hoàng Thị Thùy	Linh	06/11/1995	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4083	17	Phạm Thị Trà	My	03/06/1995	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4084	18	Nguyễn Thị	Phương	22/10/1993	Nữ	Thạch Đồng, Thanh Thủy, Phú Thọ	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4085	19	Nguyễn Bá	Toàn	09/09/1995	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
4086	20	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04/05/1995	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hà Đông	Anh			
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
4087	1	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/05/1994	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Vân Đình	Anh			
4088	2	Chu Thị	Doan	25/06/1992	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Vân Đình	Anh			
4089	3	Nguyễn Trung	Hiếu	09/11/1995	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Vân Đình	Anh			
4090	4	Trần Thị	Hường	10/09/1996	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Vân Đình	Anh			
4091	5	Phạm Thị Hồng	Phúc	15/07/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Vân Đình	Anh			
4092	6	Nguyễn Thị	Yến	28/10/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Vân Đình	Anh			
		BVĐK ĐỨC GIANG															

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4093	1	Nguyễn Văn	Chung	05/11/1998	Nam	Thị trấn Thứa, Lương Tài, Bắc Ninh	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4094	2	Nguyễn Văn	Dũng	04/06/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4095	3	Nguyễn Đức	Phương	10/04/1980	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4096	4	Nguyễn Lâm	Sơn	26/08/1995	Nam	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4097	5	Nguyễn Thái	Sơn	01/07/1995	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4098	6	Lê Hà Kiều	Anh	21/12/1993	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4099	7	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/09/1995	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4100	8	Lại Hải	Hà	12/11/1992	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VHVL	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4101	9	Cao Văn	Hải	10/07/1992	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4102	10	Doãn Huy	Hoàng	03/03/1992	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4103	11	Nguyễn Thị	Hương	11/03/1994	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4104	12	Nguyễn Thị Thảo	Linh	15/11/1996	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4105	13	Phạm Xuân	Nam	20/07/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4106	14	Đỗ Thị	Ngọc	31/07/1995	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4107	15	Ngô Thị Phương	Oanh	02/04/1996	Nữ	Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
4108	16	Dương Văn	Quang	26/03/1993	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm Y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đức Giang	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4109	1	Lương Tuấn	Anh	21/12/1993	Nam	Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4110	2	Nguyễn Huy	Hòa	14/06/1996	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4111	3	Đoàn Tuấn	Linh	18/01/1995	Nam	Hàng Bún, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4112	4	Bùi Lương	Hà	08/07/1996	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4113	5	Lưu Tiến	Sinh	06/12/1996	Nam	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4114	6	Lê Thu	Trang	30/04/1994	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
		BVĐK ĐÔNG ANH															
4115	1	Đào Văn	An	08/03/1992	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4116	2	Trần Thị Vân	Anh	07/11/1989	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4117	3	Đỗ Thị Ngọc	Diệp	17/06/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4118	4	Vũ Thị Lê	Dung	28/03/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4119	5	Nguyễn Thị	Giang	27/06/1990	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4120	6	Nguyễn Minh	Hoàng	13/11/1992	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4121	7	Phạm Thu	Huyền	28/10/1997	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4122	8	Trịnh Ngọc	Luật	16/02/1994	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4123	9	Ngô Văn	Nghĩa	25/09/1992	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4124	10	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13/06/1990	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4125	11	Đào Thị	Nhung	20/01/1992	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4126	12	Đào Thị	Ninh	12/11/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4127	13	Nguyễn Mai	Phương	09/10/1992	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4128	14	Nguyễn Xuân	Tài	24/06/1993	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4129	15	Trần Anh	Tuấn	30/08/1995	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4130	16	Phạm Quang	Vinh	20/02/1991	Nam	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh	**CTB**		
4131	17	Trần Quang	Xinh	29/01/1993	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4132	18	Nguyễn Thị	Bình	03/10/1989	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Vật lý trị liệu/phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4133	19	Ngô Mạnh	Hùng	17/05/1994	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4134	20	Trần Anh	Chiến	23/09/1989	Nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4135	21	Phạm Thị Phương	Liên	28/01/1990	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4136	22	Nghiêm Thị	Mai	26/11/1990	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4137	23	Nguyễn Văn	Phú	24/02/1989	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
4138	24	Nguyễn Tuấn	Việt	06/07/1989	Nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BVĐK QUỐC OAI															

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4139	14	Đỗ Thu	Hằng	19/09/1996	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Quốc Oai	Anh			
4140	15	Đỗ Thị Kim	Oanh	17/05/1998	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Quốc Oai	Anh			
		BVĐK BA VÌ															
4141	1	Nguyễn Ngọc	Anh	23/04/1998	Nam	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Ba Vì	Anh			
4142	2	Nguyễn Văn	Đông	11/08/1993	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Ba Vì	Anh			
4143	3	Chu Ngọc	Linh	25/09/1996	Nam	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Ba Vì	Anh			
4144	4	Lê Thị Thúy	Nga	23/11/1995	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Ba Vì	Anh			
4145	5	Bùi Hồng	Thảo	21/09/1995	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Ba Vì	Anh			
4146	6	Lương Thị	Thu	21/11/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Ba Vì	Anh			
4147	7	Phùng Kim	Thịnh	01/08/1995	Nam	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Ba Vì	Anh			
4148	8	Phan Anh	Tuấn	05/10/1994	Nam	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	VLVH	Kỹ thuật Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Ba Vì	Anh			
		BV PHỤC HỒI CHỨC NĂNG															
4149	1	Bùi Văn	Hiếu	16/12/1990	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phục hồi chức năng	Anh			
4150	2	Trần Văn	Phương	21/01/1980	Nam	Hiến Thành, Kinh Môn, Hải Dương	TC	CQ	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phục hồi chức năng	Anh			
4151	3	Lê Thanh	Tâm	16/03/1996	Nữ	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phục hồi chức năng	Anh			
4152	4	Dương Thị Thu	Thủy	16/01/1998	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Phục hồi chức năng	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phục hồi chức năng	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4153	5	Dương Văn	Long	18/11/1993	Nam	Xã Phượng Cách, huyện Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phục hồi chức năng	Anh			
4154	6	Nguyễn Đình	Thành	28/11/1992	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phục hồi chức năng	Anh			
		BV PHỔI HÀ NỘI															
4155	1	Nguyễn Duy	Hải	30/10/1994	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phổi Hà Nội	Anh			
4156	2	Nguyễn Quốc	Thành	29/06/1995	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phổi Hà Nội	Anh	**HTNV**		
4157	3	Trần Văn	Tùng	30/12/1992	Nam	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phổi Hà Nội	Anh			
4158	4	Nguyễn Thị	Khương	30/11/1989	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm đa khoa	**Kỹ thuật xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phổi Hà Nội	Anh			
4159	5	Đinh Mạnh	Thắng	07/01/1991	Nam	Hạ Thái, Duyên Thái, Thường Tín	CĐ	VLVH	Xét nghiệm	**Kỹ thuật xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phổi Hà Nội	Anh			
4160	6	Đoàn Đức	Thiện	20/05/1981	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VLVH	Xét nghiệm	**Kỹ thuật xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Phổi Hà Nội	Anh			
		BV TÂM THẦN HÀ NỘI															
4161	1	Nguyễn Anh	Đức	20/12/1996	Nam	Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên	CĐ	LTV HVL	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Tâm thần HN	Anh			
4162	2	Phan Thị	Toàn	21/10/1992	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Tâm thần HN	Anh			
4163	3	Bỳ Việt	Phước	10/11/1997	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Tâm thần HN	Anh			
		BV TÂM THẦN MỸ ĐỨC															
4164	1	Nguyễn Quốc	Tuân	11/12/1989	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVTT Mỹ Đức	Anh			Thi cao đẳng
4165	2	Nguyễn Đức	Anh	28/11/1994	Nam	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVTT Mỹ Đức	Anh			Thi trung cấp
		BV TÂM THẦN BAN NGÀY MAI HƯƠNG															
4166	1	Nguyễn Quốc	Huy	29/12/1995	Nam	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ		Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4167	2	Nguyễn Thị Kim	Loan	19/05/1995	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	CĐ		Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Anh			
		BV 09															
4168	1	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/03/1982	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VLVH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV 09	Anh	CTB		
4169	2	Phạm Thị Thu	Phương	03/11/1996	Nữ	Xuân Dục, Mỹ Hào, Hưng Yên	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV 09	Anh			
		BV BẮC THĂNG LONG															
4170	1	Nguyễn Thị	Liên	09/08/1990	nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Vật lý trị liệu	**Vật lý trị liệu**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Bắc Thăng Long	Anh			
4171	2	Đỗ Minh	Anh	12/01/1994	nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Bắc Thăng Long	Anh			
4172	3	Lê Quang	Anh	02/01/1995	nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Bắc Thăng Long	Anh			
4173	4	Đỗ Hồng	Đoàn	23/11/1992	nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Bắc Thăng Long	Anh			
4174	5	Nguyễn Thị Thu	Hằng	02/01/1990	nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Bắc Thăng Long	Anh			
4175	6	Trần Thị Hồng	Thương	20/11/1993	nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Bắc Thăng Long	Anh			
4176	7	Thái Thị Quỳnh	Trang	29/01/1998	nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Bắc Thăng Long	Anh			
		BVĐK THANH TRÌ															
4177	1	Vũ Thị Lan	Hương	07/04/1994	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VLVH	Xét nghiệm	**Kỹ thuật xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thanh Trì	Anh			
		BVĐK SÓC SƠN															
4178	1	Tạ Thị	Mùi	30/12/1990	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4179	2	Vũ Hồng	Ngọc	30/11/1998	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4180	3	Nguyễn Thị	Phương	03/4/1993	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sóc Sơn	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4181	4	Nguyễn Thị Thu	Phương	08/02/1998	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4182	5	Nguyễn Thị	Thắm	08/6/1993	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4183	6	Nguyễn Thị	Thảo	27/01/1997	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4184	7	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/02/1998	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4185	8	Dương Thị	Yên	05/6/1993	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4186	9	Nguyễn Thị Thu	Hằng	30/6/1994	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4187	10	Nguyễn Thị Anh	Thư	10/8/1991	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4188	11	Trần Thị	Chuyên	14/10/1995	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
		BVĐK SƠN TÂY															
4189	1	Khuất Thị Anh	Chinh	18/01/1993	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sơn Tây	Anh			
4190	13	Lê Thị	Phượng	12/11/1992	Nữ	Hoằng Anh, Thanh Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Phục hồi chức năng	**Vật lý trị liệu/ phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sơn Tây	Anh			
4191	14	Chu Thị	Thi	17/9/1992	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Sơn Tây	Anh			
		BV THẬN HÀ NỘI															
4192	1	Nguyễn Ngọc	Sơn	19/01/1992	Nam	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV Thận HN	Anh			
		BV YHCT HÀ ĐÔNG															
4193	1	Lê Mai	Anh	13/9/1997	Nữ	Thanh Mai,Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BV YHCT Hà Đông	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK PHÚC THỌ															
4194	1	Vũ Hồng	Quân	05/01/1998	Nam	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
		BVĐK THẠCH THẤT															
4195	1	Cấn Thị Mỹ	Linh	10/12/1993	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thạch Thất	Anh			
4196	2	Đỗ Thị	Hạnh	26/04/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thạch Thất	Anh			
4197	3	Nguyễn Thị	Hằng	06/11/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thạch Thất	Anh			
4198	4	Trần Thị Minh	Ánh	28/08/1998	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thạch Thất	Anh			
4199	5	Cấn Anh	Tú	18/01/1995	Nam	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thạch Thất	Anh			
4200	6	Đỗ Việt	Hưng	08/09/1993	Nam	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	VLVH	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thạch Thất	Anh			
		BVĐK ĐAN PHƯỢNG															
4201	1	Đào Thị Kim	Anh	01/12/1998	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4202	2	Bùi Đức	Mạnh	15/03/1995	Nam	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4203	3	Nguyễn Thị	Minh	20/08/1992	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4204	4	Hoàng Ngọc	Vương	03/09/1996	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4205	5	Đỗ Thị Kim	Ngân	24/05/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4206	6	Bùi Văn	Duy	04/12/1991	Nam	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4207	7	Đinh Gia	Huy	07/12/1996	Nam	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Đan Phượng	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK HOÀI ĐỨC															
4208	1	Nguyễn Phú	Kiên	01/01/1979	Nam	Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Kỹ thuật vật lý trị liệu Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hoài Đức	Anh			
4209	2	Nguyễn Duy	Hiếu	08/10/1994	Nam	Minh Khai, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hoài Đức	Anh			
4210	3	Nguyễn Duy	Đoàn	19/02/1989	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hoài Đức	Anh			
4211	4	Đỗ Thị Thu	Hương	07/02/1992	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Xét nghiệm	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hoài Đức	Anh			
4212	5	Xuân Thị	Huyền	17/03/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hoài Đức	Anh			
4213	6	Nguyễn Khánh	Linh	27/10/1995	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm Y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hoài Đức	Anh			
4214	7	Nguyễn Đồng	Sơn	19/11/1989	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LTVLVH	Xét nghiệm	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hoài Đức	Anh			
4215	8	Nguyễn Thu	Trang	02/12/1996	Nữ	Thị trấn Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm Y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Hoài Đức	Anh			
		BVĐK CHƯƠNG MỸ															
4216	1	Trương Thị	Hiền	26/12/1991	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VHVL	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
4217	2	Nguyễn Phương	Thảo	08/09/1995	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
4218	3	Nguyễn Thị	Thiêm	02/10/1992	Nữ	Phú Nam An, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
4219	4	Trịnh Thị	Thư	01/08/1993	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
4220	5	Bùi Hải	Sơn	17/11/1995	Nam	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
4221	6	Phạm Qúy	Thịnh	08/10/1995	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
		BVĐK THƯỜNG TÍN															

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4222	1	Trần Thị Hoài	Phương	20/01/1995	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thường Tín	Anh			
4223	2	Đỗ Thị Phương	Linh	26/06/1989	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thường Tín	Anh			
4224	3	Trịnh Thị	Thủy	18/04/1987	Nữ	Cẩm Thịnh, Cẩm Phả, Quảng Ninh	CĐ	VHVL	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thường Tín	Anh			
4225	4	Nguyễn Thành	Công	29/10/1995	Nam	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thường Tín	Anh			
4226	5	Nguyễn Viết	Dương	27/11/1999	Nam	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thường Tín	Anh			
4227	6	Nguyễn Xuân	Khu	27/06/1977	Nam	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	TC	Kỹ thuật viên X. Quang	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Thường Tín	Anh			
		BVĐK PHÚ XUYÊN															
4228	7	Đặng Đình	Giang	12/11/1987	Nam	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK huyện Phú Xuyên	Anh			
4229	8	Phạm Thúy	Hằng	05/09/1996	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK huyện Phú Xuyên	Anh			
4230	9	Nguyễn Thị	My	04/12/1979	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK huyện Phú Xuyên	Anh	**CTB**		
		BVĐK MÊ LINH															
4231	1	Trần Văn	Hải	04/10/1995	Nam	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	**Kỹ thuật hình ảnh Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Huyện Mê Linh	Anh			
4232	2	Nguyễn Văn	Quyết	15/08/1995	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	**Kỹ thuật hình ảnh Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Huyện Mê Linh	Anh			
4233	3	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	14/10/1998	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Huyện Mê Linh	Anh			
4234	4	Nguyễn Văn	Đông	23/10/1994	Nam	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Huyện Mê Linh	Anh			
4235	5	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/10/1997	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Huyện Mê Linh	Anh			
4236	6	Trần Văn	Minh	21/10/1994	Nam	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm Y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Huyện Mê Linh	Anh			
4237	7	Nguyễn Thị	Thư	04/07/1995	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm Y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Huyện Mê Linh	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4238	8	Đỗ Thị	Mơ	26/06/1989	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	**Phục hồi chức năng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK Huyện Mê Linh	Anh	**CTB**		
		BVĐK GIA LÂM															
4239	1	Lê Quốc	Chí	19/08/1994	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	BVĐK huyện Gia Lâm	Anh			
		TT PHÁP Y HÀ NỘI															
4240	1	Lê Thanh	Phong	13/05/1995	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh			
4241	2	Phạm Quang	Tạo	05/06/1990	Nam	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm	**Kỹ thuật xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh			
4242	3	Nguyễn Kiều	Trang	12/02/1996	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm	**Kỹ thuật xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh			
		TTYT HOÀN KIẾM															
4243	1	Nguyễn Lan	Hương	25/02/1988	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	VHVL	Xét nghiệm y học	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
4244	2	Khổng Hồng	Nhung	12/11/1993	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Xét nghiệm y học	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
4245	3	Nguyễn Thu	Trang	11/02/1996	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
4246	4	Nguyễn Thanh	Hưng	01/11/1992	Nam	An Lạc, Chí Linh, Hải dương	CĐ	TC	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật y chẩn đoán hình ảnh**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
		TTYT BA ĐÌNH															
4247	1	Quách Hải	Yến	04/10/1989	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Xét nghiệm Y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Ba Đình	Anh			
		TTYT ĐỐNG ĐA															
4248	1	Lê Nhật	Linh	20/6/1993	Nam	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Đống Đa	Anh			
		TTYT HAI BÀ TRƯNG															
4249	1	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/1992	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
		TTYT CẦU GIẤY															

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4250	1	Nguyễn Tiểu	Anh	17/9/1996	Nữ	Trung Tâm, Nghĩa Lộ, Yên Bái	CĐ	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Cầu Giấy	Anh	**DTTS**		
4251	2	Nguyễn Hải	Linh	17/3/1992	Nam	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Cầu Giấy	Anh			
		TTYT TÂY HỒ															
4252	1	Nguyễn Tuấn	Anh	25/11/1993	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học dự phòng	**Xét nghiệm y học dự phòng**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Tây Hồ	Anh			
		TTYT HOÀNG MAI															
4253	1	Nguyễn Thu	Hương	14/12/1990	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Hoàng Mai	Anh			
4254	2	Nguyễn Thị Thu	Ngân	16/04/1996	Nữ	Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	VHVL	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Hoàng Mai	Anh			
		TTYT GIA LÂM															
4255	1	Trần Thị	Thúy	19/12/1994	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	TC	Xét nghiệm	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Gia Lâm	Anh			
4256	2	Nguyễn Thị Thu	Hường	13/03/1992	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm y học	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Gia Lâm	Anh			
		TTYT ĐÔNG ANH															
4257	1	Nguyễn Thị	Nhường	28/09/1995	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Đông Anh	Anh			
		TTYT BẮC TỪ LIÊM															
4258	1	Đỗ Hằng	Hà	19/11/1996	Nữ	Mỹ đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT quận Bắc Từ Liêm	Trung			
		TTYT SÓC SƠN															
4259	1	Trần Minh	Đức	28/06/1997	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	**Kỹ thuật hình ảnh Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Sóc Sơn	Anh	**CTB**		
4260	2	Đinh Trọng	Thành	10/06/1998	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	**Kỹ thuật hình ảnh Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT BA VÌ															
4261	1	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/07/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Ba Vì	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4262	2	Lê Thị Hồng	Nhung	05/12/1993	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT PHÚC THỌ															
4263	1	Đoàn Trọng	Tuấn	13/08/1995	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	**Kỹ thuật hình ảnh Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Phúc Thọ	Anh			
		TTYT THẠCH THẤT															
4264	1	Trịnh Thị Hồng	Minh	28/06/1994	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Thạch Thất	Anh			
		TTYT QUỐC OAI															
4265	1	Nguyễn Thị Lệ	Duyên	14/04/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Quốc Oai	Anh			
		TTYT ĐAN PHƯỢNG															
4266	1	Nguyễn Văn	Quân	12/06/1996	Nam	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Xét nghiệm	**Kỹ thuật xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Đan Phượng	Anh			
		TTYT HOÀI ĐỨC															
4267	1	Nguyễn Chí	Dương	14/12/1994	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	**Xét nghiệm đa khoa**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Hoài Đức	Anh			
4268	2	Trần Thị Thu	Phương	24/01/1998	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	**Xét nghiệm đa khoa**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Hoài Đức	Anh			
		TTYT THANH OAI															
4269	1	Hà Quang	Hảo	07/08/1995	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh y học	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Thanh Oai	Anh			
4270	2	Lê Văn	Quân	01/10/1995	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Thanh Oai	Anh			
4271	3	Nguyễn Thị	Thắng	06/08/1994	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Thanh Oai	Anh			
		TTYT MỸ ĐỨC															
4272	1	Đặng Thị Ngọc	Anh	01/11/1995	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm	**Xét nghiệm y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Mỹ Đức	Anh			

9. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT Y HẠNG IV, V.08.07.19

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT SƠN TÂY															
4273	1	Lê Thị Bích	Ngọc	25/11/1978	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**Xét nghiệm**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh	**CBB**		
		TTYT MÊ LINH															
4274	1	Nguyễn Đức	Đông	17/07/1994	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	**Kỹ thuật hình ảnh Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Mê Linh	Anh			
4275	2	Nguyễn Văn	Chiến	27/07/1997	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm Y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Mê Linh	Anh			
4276	3	Nguyễn Chi	Khương	08/08/1998	Nam	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm Y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Mê Linh	Anh			
4277	4	Phùng Quang	Quang	06/11/1997	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Xét nghiệm Y học	**Xét nghiệm Y học**	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	TTYT Mê Linh	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-SYT, ngày 29/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

10. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC SỸ (HẠNG III) - V.08.08.22

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI															
4278	1	Nguyễn Thị Thùy	Anh	20/11/1995	Nữ	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4279	2	Lê Thị Cẩm	Giang	05/12/1986	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4280	3	Đào Thị	Hồng	24/04/1994	Nữ	Đông Ngàn, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4281	4	Nguyễn Phương	Linh	28/04/1996	Nữ	Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4282	5	Đào Thị	Mai	12/08/1989	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4283	6	Vương Thị	Ngân	11/11/1988	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4284	7	Vũ Thị Hồng	Ngọc	14/09/1994	Nữ	Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4285	8	Nông Thị Thanh	Phương	23/10/1991	Nữ	Tân Hiệp, Yên Thế, Bắc Giang	Ths	TT	Dược (thạc sỹ dược lý lâm sàng)	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**DTTS**		
4286	9	Đỗ Xuân	Thi	20/06/1985	Nam	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4287	10	Vũ Đăng Hoàng	Yến	03/02/1994	Nam	Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh	Ths	CQ	Dược (thạc sỹ dược học)	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
		BV UNG BƯỚU HÀ NỘI															

10. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC SỸ (HẠNG III) - V.08.08.22

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4288	1	Điều Thị Ngọc	Châu	14/01/1996	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Ung Bướu HN	Anh			
4289	2	Bạch Văn	Dương	04/12/1994	Nam	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Ung Bướu HN	Anh			
4290	3	Nguy Thị	Hằng	11/05/1992	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Ung Bướu HN	Anh			
4291	4	Trần Ngọc	Phương	17/02/1992	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	Ths	CQ	Dược (thạc sỹ dược)	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Ung Bướu HN	Anh			
4292	5	Đặng Hoài	Thu	31/10/1994	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Ung Bướu HN	Pháp			
		BV MẮT HÀ ĐÔNG															
4293	1	Nguyễn Công	Tuấn	15/11/1988	Nam	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	Bệnh viện Mắt Hà Đông	Anh			
		BV HỮU NGHỊ VIỆT NAM - CU BA															
4294	1	Nguyễn Thị	Tâm	20/11/1982	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
4295	2	Hà Thị Thu	Thương	25/10/1991	Nữ	Phúc Thành, Vũ Thư, Thái Bình	Ths	CQ	Dược (thạc sỹ dược)	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh	**CBB**		
4296	3	Ngô Anh	Tuấn	29/05/1994	Nam	Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
		BVĐK XANH PÔN															
4297	1	Hoàng Thị Lan	Anh	10/01/1983	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	Ths	CQ	Dược (thạc sỹ dược lý lâm sàng)	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Xanh Pôn			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp sau ĐH ở nước ngoài
4298	5	Nguyễn Thị	Hải	09/07/1985	Nữ	Cao Minh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	ĐH	LT	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

10. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC SỸ (HẠNG III) - V.08.08.22

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4299	6	Nguyễn Xuân	Hòa	09/10/1996	Nam	Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4300	7	Phạm Lan	Hương	20/11/1984	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4301	8	Nguyễn Thị	Lương	28/03/1993	Nữ	Đình Cao, Phù Cừ, Hưng Yên	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4302	9	Bùi Thị Thúy	Nga	04/03/1996	Nữ	Liêm Túc, Thanh Liêm, Hà Nam	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4303	10	Ngô Thị Kiều	Ngân	15/01/1996	Nữ	Phú Khê, Cẩm Khê, Phú Thọ	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4304	11	Nguyễn Trường	Sơn	24/10/1990	Nam	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	Ths	CQ	Dược (thạc sỹ dược)	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4305	12	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/02/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4306	13	Trần Thị Minh	Trang	11/08/1992	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	Ths	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Xanh Pôn			MNN	
		BV THANH NHÀN															
4307	1	Mẫn Thị Vân	Anh	08/07/1991	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh			
4308	2	Hứa Thị Thu	Huyền	17/07/1986	Nữ	Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn	Ths	TT	Dược (thạc sỹ dược)	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh	**CĐCĐ**		
4309	3	Vũ Hồng	Minh	12/04/1995	Nữ	Tiền Phong, Thái Bình, Thái Bình	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh	**CĐCĐ**		
4310	4	Cao Thị Hồng	Nhung	11/11/1994	Nữ	Bát Xát, Bát Xát, Lào Cai	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh			
4311	5	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	08/03/1991	Nữ	Yên Bình, Yên Bình, Yên Bái	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh			

10. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC SỸ (HẠNG III) - V.08.08.22

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4312	6	Vương Thị	Tâm	22/09/1990	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh			
4313	7	Đỗ Thị	Thu	16/12/1996	Nữ	Thanh Bình, Thanh Liêm, Hà Nam	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh			
4314	8	Toàn Thu	Thủy	15/10/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Lạng Sơn, Lạng Sơn	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh	**DTTS**		
4315	9	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/03/1993	Nữ	Việt Quang, Bắc Quang, Hà Giang	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh			
4316	10	Hoàng Minh	Tú	07/07/1996	Nam	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh			
4317	11	Quách Thị Ánh	Tuyết	10/07/1988	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh	**DTTS**		
4318	12	Nguyễn Ngọc	Yến	09/08/1995	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thanh Nhàn	Anh			
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
4319	1	Đỗ Đình	Long	15/11/1995	Nam	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Đống Đa	Anh			
4320	2	Phạm Hồng	Thái	03/07/1989	Nam	Bùi Xương Trạch, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Đống Đa	Anh			
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
4321	1	Trần Thị Thu	Quỳnh	05/07/1988	Nữ	Trần Hưng Đạo, Nam Định, Nam Định	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Hà Đông	Anh			
4322	2	Đặng Bảo	Tuấn	02/10/1991	Nam	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Hà Đông	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															
4323	1	Cao	Minh	10/03/1993	Nam	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK YHCT Hà Nội			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam

10. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC SỸ (HẠNG III) - V.08.08.22

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên (DNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4324	2	Lê Đình	Khoa	23/03/1990	Nam	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh	**CTB**		
		BVĐK ĐÔNG ANH															
4325	1	Trần Thị Thu	An	25/07/1991	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Đông Anh	Anh			
4326	2	Nguyễn Thanh	Hải	28/10/1986	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Đông Anh	Anh			
4327	3	Bùi Hoàng	Hải	16/04/1995	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Đông Anh	Anh			
4328	4	Nghiêm Thị	Hảo	07/05/1988	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Đông Anh	Anh			
4329	5	Nguyễn Thúy	Hồng	10/09/1995	Nữ	Thanh Lâm, Lục Nam, Bắc Giang	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Đông Anh	Anh			
4330	6	Nguyễn Thị Mai	Linh	22/05/1984	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Đông Anh	Anh			
4331	7	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	28/10/1987	Nữ	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	CQ	Dược (chuyên khoa I tổ chức quản lý Dược)	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Đông Anh	Anh			
4332	8	Đỗ Thị Bích	Ngọc	06/03/1996	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Đông Anh	Anh	**CĐCĐ**		
4333	9	Dương Thanh	Tâm	23/07/1994	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BVĐK QUỐC OAI															
4334	1	Nguyễn Văn	Tuyến	26/04/1993	Nam	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
		BV PHỤC HỒI CHỨC NĂNG															

10. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC SỸ (HẠNG III) - V.08.08.22

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4335	1	Nguyễn Thị	Mai	03/06/1989	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
4336	2	Nguyễn Quang	Trường	06/11/1990	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
		BV TÂM THẦN HÀ NỘI															
4337	1	Đỗ Thu	Hương	11/12/1991	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Tâm thần HN	Anh			
		BVĐK THANH TRÌ															
4338	1	Trần Thị	Hiện	12/11/1992	Nữ	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Thanh Trì	Anh			
4339	2	Nguyễn Phương	Lan	16/12/1990	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Thanh Trì	Anh			
		BVĐK SÓC SƠN															
4340	1	Nguyễn Hoàng	Đạt	14/7/1995	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4341	2	Nguyễn Bích	Huệ	01/5/1982	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
		BVĐK SƠN TÂY															
4342	1	Dương Thị Hồng	Anh	22/5/1996	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Sơn Tây	Anh			
4343	2	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	03/5/1995	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Sơn Tây	Anh	**CBB**		
4344	3	Bùi Thị Thu	Trang	25/6/1991	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Sơn Tây	Anh			
4345	4	Trần Thị Thu	Trang	23/5/1995	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Sơn Tây	Anh			
		BV THẬN HÀ NỘI															

10. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC SỸ (HẠNG III) - V.08.08.22

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4346	1	Lê Thị	Tâm	19/03/1994	Nữ	Thụy An, Thái Thụy, Thái Bình	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thận HN	Anh			
4347	2	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	01/10/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV Thận HN	Anh			
		BV YHCT HÀ ĐÔNG															
4348	1	Nguyễn Tuấn	Anh	02/08/1991	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV YHCT Hà Đông	Anh			
4349	2	Đỗ Thị Mai	Dung	02/12/1985	Nữ	Khương Hạ, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV YHCT Hà Đông	Anh			
4350	3	Trịnh Thị Thu	Hiên	19/10/1992	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BV YHCT Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
		BVĐK CHƯƠNG MỸ															
4351	1	Hoàng Thị	Huệ	24/02/1995	Nữ	Giao Tiến, Giao Thủy, Nam Định	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
4352	2	Nguyễn Thu	Huyền	07/12/1995	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
4353	3	Lương Thị Hải	Yến	11/07/1993	Nữ	Tử Đà, Phù Ninh, Phú Thọ	Ths	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Chương Mỹ			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
		BVĐK PHÚ XUYÊN															
4354	1	Hoàng Mạnh	Hùng	25/12/1983	Nam	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
4355	2	Lưu Vân	Phương	04/02/1996	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
4356	3	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/09/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Phú Xuyên	Anh			

10. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC SỸ (HẠNG III) - V.08.08.22

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK GIA LÂM															
4357	1	Nguyễn Minh	Quý	30/09/1993	Nam	TT Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	BVĐK Gia Lâm	Anh			
		TT CẤP CỨU 115 HÀ NỘI															
4358	1	Nguyễn Xuân	Thịnh	10/09/1986	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh	**HTNV**		
		TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI															
4359	2	Nguyễn Thị	Loan	23/10/1988	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
		TT KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM HÀ NỘI															
4360	1	Đỗ Đình	Long	15/11/1995	Nam	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Anh			
4361	2	Nguyễn Thị Lý	Phương	30/11/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Anh			
4362	3	Nguyễn Thị Thu	Thủy	13/01/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Anh			
		TT PHÁP Y HÀ NỘI															
4363	1	Nguyễn Thị Việt	Anh	03/04/1991	Nữ	Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh			
4364	2	Nguyễn Thúy	Quỳnh	16/10/1990	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh			
		TTYT ĐỐNG ĐA															
4365	1	Phạm Việt	Anh	19/5/1989	Nam	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Đống Đa	Anh			
4366	2	Mai Thị Thanh	Bình	11/5/1975	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Đống Đa	Anh			

10. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC SỸ (HẠNG III) - V.08.08.22

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4367	3	Hoàng Hạnh	Tâm	15/10/1996	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Đống Đa	Anh			
		TTYT TÂY HỒ															
4368	1	Nguyễn Trọng	Đồng	18/03/1974	Nam	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	ĐH	CT	Dược (chuyên khoa cấp I tổ chức quản lý dược)	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Tây Hồ	Anh			
		TTYT HOÀNG MAI															
4369	1	Lưu Thị	Hương	27/10/1983	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Hoàng Mai	Anh			
		TTYT LONG BIÊN															
4370	1	Nguyễn Vũ	Duy	02/10/1986	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Long Biên	Anh			
4371	2	Lê Thu	Thủy	09/081988	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Long Biên	Anh			
		TTYT GIA LÂM															
4372	1	Chu Bá	Sơn	30/03/1980	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Gia Lâm	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
4373	1	Trịnh Thị	Quỳnh	28/01/1987	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT BA VÌ															
4374	1	Đinh Thị Thùy	Dung	01/08/1989	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Ba Vì	Anh	**DTTS**		
4375	2	Trần Thị	Nga	14/12/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Ba Vì	Anh			

10. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC SỸ (HẠNG III) - V.08.08.22

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4376	3	Trần Nguyên	Ngọc	06/09/1993	Nam	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Ba Vì	Anh			
4377	4	Nguyễn Thị	Nguyệt	22/05/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Ba Vì	Anh			
4378	5	Ngô Thị	Phượng	06/04/1988	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT THẠCH THẤT															
4379	1	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	10/01/1993	Nữ	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Thạch Thất	Anh	**CBB**		
		TTYT QUỐC OAI															
4380	1	Bùi Quốc	Kiên	23/12/1978	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Quốc Oai	Anh			
4381	2	Nguyễn Kim	Ngân	29/09/1992	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Quốc Oai	Anh			
		TTYT ĐAN PHƯỢNG															
4382	1	Nguyễn Thị Kim	Hiếu	24/08/1996	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Đan Phượng	Anh			
4383	2	Nguyễn Thị	Lan	01/04/1991	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Đan Phượng	Anh			
4384	3	Hoàng Thị	Minh	17/08/1996	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Đan Phượng	Anh			
4385	4	Nguyễn Thị	Tuyết	15/05/1987	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Đan Phượng	Anh			
		TTYT PHÚ XUYÊN															
4386	1	Vũ Hồng	Loan	02/12/1992	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4387	2	Nguyễn Thị	Mai	28/02/1995	Nữ	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược sỹ (hạng III)	V.08.08.22	TTYT Phú Xuyên	Anh	**CBB**		

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI															
4388	1	Nguyễn Hoàng	Đức	09/04/1986	Nam	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4389	2	Cao Thị	Giang	02/02/1995	Nữ	Hoằng Phong, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4390	3	Nguyễn Thị	Hằng	13/08/1983	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4391	4	Đào Thị	Hòa	20/12/1990	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4392	5	Phạm Thị Thu	Hương	30/01/1986	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4393	6	Phạm Thu	Huyền	22/07/1996	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4394	7	Nguyễn Thị	Thêu	28/08/1990	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4395	8	Trần Thị	Thoan	17/11/1995	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4396	9	Trần Hồng	Vân	14/03/1990	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
		BV MẮT HÀ NỘI															
4397	1	Cao Hoài	Anh	16/04/1978	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	Bệnh viện Mắt Hà Nội	Anh			
4398	2	Lê Thị Huyền	Trang	03/11/1991	Nữ	Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	Bệnh viện Mắt Hà Nội	Anh			
		BV DA LIỄU HÀ NỘI															
4399	1	Nguyễn Trung	Kiên	07/07/1988	Nam	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV HỮU NGHỊ VIỆT NAM - CU BA															
4400	1	Bùi Thị Lệ	Hằng	23/02/1985	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
4401	2	Nguyễn Thị Hồng	Mai	10/01/1972	Nữ	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
		BVĐK XANH PÔN															
4402	1	Lê Hương	Giang	06/02/1995	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4403	2	Đoàn Nguyễn Thị	Hà	04/04/1994	Nữ	Giao Tân, Giao Thủy, Nam Định	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4404	3	Hà Thị	Hằng	27/10/1984	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4405	4	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/03/1983	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4406	5	Trần Hồng	Hạnh	20/10/1983	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4407	6	Đỗ Thị	Hiền	01/07/1984	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh	**CBB**		
4408	7	Phạm Thị	Hoàn	21/09/1985	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4409	8	Nguyễn Thị	Liên	10/12/1984	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4410	9	Đoàn Như	Lữ	11/03/1987	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4411	10	Lê Thị Thanh	Nga	07/12/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4412	11	Trần Thị Bích	Ngọc	27/12/1984	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4413	12	Lê Thị	Nguyệt	23/07/1986	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4414	13	Lã Thanh	Phương	13/11/1980	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4415	14	Phạm Thị	Thảo	12/01/1995	Nữ	Bình Nguyên, Kiến Xương, Thái Bình	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4416	15	Nguyễn Huyền	Trang	05/09/1990	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
		BV THANH NHÀN															
4417	1	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	17/08/1998	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4418	2	Giang Nguyên	Dung	02/09/1984	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4419	3	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/01/1984	Nữ	Yên Quang, Ý Yên, Nam Định	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4420	4	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/08/1982	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4421	5	Nguyễn Hồng	Hà	08/03/1970	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4422	6	Nguyễn Minh	Hiền	27/09/1987	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4423	7	Dương Thị	Hiền	04/10/1997	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4424	8	Đỗ Thị Quỳnh	Hoa	16/10/1983	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4425	9	Nguyễn Thị	Hồng	22/08/1979	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4426	10	Lương Thị	Huế	12/11/1993	Nữ	Cao Thắng, Thanh Miện, Hải Dương	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4427	11	Nguyễn Ngọc	Oanh	27/07/1970	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4428	12	Nguyễn Thị	Phương	03/11/1993	Nữ	Quang Minh, Kiến Xương, Thái Bình	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4429	13	Nguyễn Hà	Thanh	23/11/1995	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4430	14	Đỗ Thị	Thêu	18/06/1988	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4431	15	Trần Thị	Tho	06/11/1986	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4432	16	Bùi Thị	Thơm	14/09/1998	Nữ	Độc Lập, Hưng Hà, Thái Bình	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4433	17	Hoàng Thị Thanh	Thủy	21/10/1988	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4434	18	Lê Thị	Tuyết	24/12/1997	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
4435	19	Trương Thị	Vân	07/01/1990	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thanh Nhàn	Anh			
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
4436	1	Lê Cẩm	Linh	16/12/1987	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đống Đa	Anh			
4437	2	Lê Thị	Phương	27/6/1990	Nữ	Hạ Đình,Thanh Xuân,Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đống Đa	Anh			
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
4438	1	Nguyễn Thị	Cúc	30/09/1996	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Hà Đông	Anh			
4439	2	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/1991	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Hà Đông	Anh			
4440	3	Ngô Thị	Hòa	26/11/1990	Nữ	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Hà Đông	Anh			
4441	4	Lê Khánh	Linh	22/10/1986	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Hà Đông	Anh			
4442	5	Phạm Thị Hồng	Sơn	13/01/1980	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Hà Đông	Anh			
4443	6	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	09/06/1989	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Hà Đông	Anh			
4444	7	Nguyễn Hải	Yến	05/08/1996	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Hà Đông	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
4445	1	Vương Quốc	Dũng	08/08/1989	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Vân Đình	Anh			
4446	2	Trịnh Thị	Hà	10/12/1993	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Vân Đình	Anh			
4447	3	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	29/01/1992	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Vân Đình	Anh			
4448	4	Lê Thị	Huê	06/08/1990	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Vân Đình	Anh			
4449	5	Cao Thùy	Linh	29/06/1988	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Vân Đình	Anh			
4450	6	Nguyễn Thị Thanh	Loan	12/06/1994	Nữ	Hoà Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Vân Đình	Anh			
4451	7	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	18/12/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Vân Đình	Anh			
4452	8	Lê Anh	Tuấn	19/11/1987	Nam	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Vân Đình	Anh			
4453	9	Đỗ Thị Thanh	Xuân	04/02/1997	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Vân Đình	Anh			
		BVĐK ĐỨC GIANG															
4454	1	Nguyễn Thị	Huyền	06/03/1995	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đức Giang	Anh			
4455	2	Trương Thị	Vân	02/08/1990	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đức Giang	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															
4456	1	Nguyễn Tiến	Dũng	21/10/1995	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4457	2	Nguyễn Thị Phương	Hồng	15/01/1972	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4458	3	Nguyễn Thị	Huệ	20/03/1993	Nữ	Minh Trí, Sóc, Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4459	4	Nguyễn Thị	Hường	06/01/1986	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4460	5	Cù Thị	Nhỏ	26/10/1990	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4461	6	Nguyễn Phương	Oanh	29/09/1992	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4462	7	Phạm Thị Bích	Trà	09/10/1982	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4463	8	Võ Thị Thanh	Tú	22/10/1982	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
		BVĐK ĐÔNG ANH															
4464	1	Trương Thanh	Bình	26/08/1992	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đông Anh	Anh	**CBB**		
4465	2	Nguyễn Thị	Hoa	29/07/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	LTVL VH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đông Anh	Anh			
4466	3	Hoàng Thị	Huyền	16/10/1986	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đông Anh	Anh			
4467	4	Lê Thị Hồng	Nhung	29/10/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đông Anh	Anh			
4468	5	Nguyễn Thị Kim	Thu	01/03/1993	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BVĐK QUỐC OAI															
4469	1	Hoàng Thị Minh	Trang	13/7/1987	Nữ	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK H Quốc Oai	Anh	**DTTS**		
		BVĐK BA VÌ															
4470	1	Lê Ngọc	Hà	24/06/1986	Nam	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Ba Vì	Anh			
4471	2	Đặng Thị	Hảo	24/08/1992	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Ba Vì	Anh			
4472	3	Trần Thị Mỹ	Huyền	08/04/1994	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Ba Vì	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4473	4	Đỗ Thị	Lý	05/02/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Ba Vì	Anh			
4474	5	Vũ Thị Hồng	Nhung	11/11/1997	Nữ	Lâm Thao, Lâm Thao, Phú Thọ	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Ba Vì	Anh			
4475	6	Hoàng Minh	Phương	09/07/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Ba Vì	Anh			
4476	7	Nguyễn Thị	Thủy	18/04/1988	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Ba Vì	Anh			
4477	8	Hoàng Thị Mai	Trang	15/02/1997	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Ba Vì	Anh			
4478	9	Chu Thị Hải	Yến	23/10/1992	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Ba Vì	Anh			
		BV PHỔI HÀ NỘI															
4479	1	Ngô Thùy	Quyên	16/08/1984	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	TC	TC	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phổi Hà Nội	Anh			
4480	2	Trần Thị Thu	Thủy	18/10/1993	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phổi Hà Nội	Anh			
4481	3	Phạm Thu	Trang	12/09/1991	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Phổi Hà Nội	Anh			
		BV TÂM THẦN HÀ NỘI															
4482	1	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/12/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Tâm thần HN	Anh			
4483	2	Nguyễn Thị	Năm	22/04/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Tâm thần HN	Anh			
		BV TÂM THẦN BAN NGÀY MAI HƯƠNG															
4484	1	Nguyễn Thị	Hân	02/12/1993	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Anh			
		BVĐK THANH TRÌ															
4485	1	Nguyễn Đăng	Dũng	30/01/1993	Nam	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Thanh Trì	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK SÓC SƠN															
4486	1	Đào Thị Thùy	Dung	26/7/1990	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4487	2	Lã Thanh	Hải	06/7/1986	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4488	3	Nguyễn Thị Mai	Hương	22/9/1986	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4489	4	Nguyễn Ánh	Huyền	27/4/1990	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4490	5	Trần Thị Tú	Lệ	16/6/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4491	6	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/5/1997	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4492	7	Nguyễn Thị Mỹ	Ninh	04/11/1997	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4493	8	Nguyễn Văn	Phán	05/02/1984	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4494	9	Nguyễn Thị	Tâm	08/3/1993	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4495	10	Nguyễn Thị	Thu	06/7/1994	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4496	11	Nguyễn Thị	Thức	12/12/1990	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4497	12	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	04/02/1988	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
		BVĐK SƠN TÂY															
4498	1	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/4/1987	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sơn Tây	Anh			
4499	2	Lê Thị	Bình	18/12/1991	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sơn Tây	Anh			
4500	3	Nguyễn Văn	Hiệp	30/6/1995	Nam	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sơn Tây	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4501	4	Hà Ngọc	Tin	09/9/1981	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Sơn Tây	Anh			
		BV THẬN HÀ NỘI															
4502	1	Hoàng Thị Kim	Anh	02/03/1985	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thận HN	Anh			
4503	2	Phạm Thúy	Hà	29/03/1989	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	LT	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV Thận HN	Anh			
		BV YHCT HÀ ĐÔNG															
4504	1	Nguyễn Quỳnh	Như	06/09/1994	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV YHCT Hà Đông	Anh			
4505	2	Đặng Thanh	Nhàn	10/06/1995	Nam	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	LT	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV YHCT Hà Đông	Anh			
4506	3	Nguyễn Trang	Nhung	15/4/1989	Nữ	Mường Thanh, Điện Biên Phủ, Điện Biên	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BV YHCT Hà Đông	Anh			
		BVĐK ĐAN PHƯỢNG															
4507	1	Bùi Thị Thủy	Anh	13/11/1991	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4508	2	Nguyễn Xuân	Bảo	27/08/1986	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	TC	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh	**CTB**		
4509	3	Nguyễn Thị	Đào	20/11/1989	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4510	4	Phạm Thị	Hoa	15/06/1989	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh	**CTB**		
4511	5	Thiều Thị	Hồng	01/11/1985	Nữ	Trung Châu, Huyện Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4512	6	Nguyễn Thị	Huệ	19/08/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4513	7	Vương Thị	Hường	27/10/1993	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4514	8	Nguyễn Thị	Miền	05/08/1996	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4515	9	Phan Thị	Nhung	17/11/1987	Nữ	Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4516	10	Nguyễn Thị	Thắm	07/10/1986	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4517	11	Nguyễn Thị	Thơm	03/07/1983	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh	**CTB**		
4518	12	Tạ Thị	Thủy	25/10/1997	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4519	13	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/08/1996	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4520	14	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/1983	Nam	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh	**HTNV**		
4521	15	Thạc Thị Kim	Tuyến	14/09/1984	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Đan Phượng	Anh			
		BVĐK CHƯƠNG MỸ															
4522	1	Nguyễn Thị Phương	Anh	10/09/1987	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
4523	2	Trần Thị Thanh	Dung	10/12/1985	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
4524	3	Lương Thị Song	Loan	09/09/1995	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
4525	4	Trịnh Thị	Thảo	23/12/1994	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
4526	5	Lê Thị	Thu	12/09/1993	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
		BVĐK THƯỜNG TÍN															
4527	1	Lê Thị Hồng	Sơn	28/12/1991	Nữ	Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Thường Tín	Anh			
4528	2	Uông Thị	Ly	14/02/1987	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	TC	TC	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Thường Tín	Anh			
		BVĐK PHÚ XUYÊN															

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4529	1	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/05/1987	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
4530	2	Trần Thị	Bình	27/10/1990	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
4531	3	Nguyễn Thị	Dịu	18/02/1988	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
4532	4	Nguyễn Thị Hương	Giang	19/06/1988	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
4533	5	Nguyễn Thị	Nhung	06/04/1995	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
4534	6	Phạm Thị	Phương	08/12/1996	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
4535	7	Lê Thanh	Thư	09/12/1996	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
4536	8	Lê Thị	Thúy	09/08/1986	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
4537	9	Vũ Thị Thanh	Thủy	21/12/1993	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
4538	10	Trương Thị	Vi	10/04/1991	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
		BVĐK MÊ LINH															
4539	1	Đặng Thị	Cúc	12/03/1994	Nữ	Minh Bảo, Yên Bái, Yên Bái	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Mê Linh	Anh			
4540	2	Tạ Thị	Hảo	02/11/1988	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Mê Linh	Anh			
4541	3	Nguyễn Thị Thúy	Hiếu	12/03/1989	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Mê Linh	Anh			
4542	4	Nguyễn Thị	Hương	16/11/1983	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Mê Linh	Anh	CĐCĐ		
4543	5	Phùng Thị	Phương	08/12/1996	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Mê Linh	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4544	6	Đoàn Thị Bích	Phượng	07/05/1988	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Mê Linh	Anh			
4545	7	Hoàng Thị	Phượng	06/09/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	BVĐK Mê Linh	Anh			
4546	8	Trần Thị	Xuân	13/01/1991	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08 08.23	BVĐK Mê Linh	Anh			
		TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI															
4547	1	Nguyễn Thị	Thủy	12/05/1986	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4548	2	Nguyễn Thị	Tuyết	14/03/1991	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
		TT KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM HÀ NỘI															
4549	1	Nguyễn Trường	Giang	12/12/1996	Nam	Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm HN	Anh			
4550	2	Trần Thị Thu	Hà	16/02/1987	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm HN	Anh			
4551	3	Nguyễn Thị	Nhung	09/12/1982	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LT VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm HN	Anh			
4552	4	Lê Tuấn	Việt	10/10/1990	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	LT CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm HN	Anh			
		TT PHÁP Y HÀ NỘI															
4553	1	Nguyễn Tiến	Mừng	20/07/1981	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	TC	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh			
		TTYT HOÀN KIẾM															
4554	1	Trần Thị	Hương	23/6/1981	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4555	2	Ngô Minh	Phương	12/01/1995	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
4556	3	Cao Thanh	Tâm	27/8/1984	Nữ	Kim Liên,Đống Đa , Hà Nội	TC	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
4557	4	Chu Ngọc	Thủy	30/10/1981	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
		TTYT BA ĐÌNH															
4558	1	Lê Hồng	Hải	16/10/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Đình	Anh			
4559	2	Nguyễn Thị Minh	Huệ	07/01/1998	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Đình	Anh			
4560	3	Phạm Thị Minh	Phượng	13/09/1987	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Đình	Anh			
4561	4	Tuấn Anh	Quân	22/04/1977	Nam	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Đình	Anh			
		TTYT ĐỐNG ĐA															
4562	1	Lê Minh	Châu	20/12/1991	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đống Đa	Anh			
4563	2	Trần Thị	Lập	21/11/1978	Nữ	Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	TC	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đống Đa	Anh			
4564	3	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	01/6/1998	Nữ	Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đống Đa	Anh			
4565	4	Tạ Ánh	Tuyết	08/01/1992	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đống Đa	Anh			
		TTYT CẦU GIẤY															
4566	1	Nguyễn Hữu	Lộc	11/12/1990	Nam	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Cầu Giấy	Anh	**HTNV**		
4567	2	Nguyễn Thanh	Tùng	12/10/1990	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Cầu Giấy	Anh			
4568	3	Nguyễn Thành	Trung	16/02/1980	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Cầu Giấy	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT TÂY HỒ															
4569	1	Cao Như	Hoa	28/02/1994	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Tây Hồ	Anh			
		TTYT HOÀNG MAI															
4570	1	Trần Thị	Hằng	29/09/1993	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoàng Mai	Anh			
4571	2	Hà Thị Bích	Hồng	09/05/1985	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoàng Mai	Anh	**CTB**		
4572	3	Phạm Thị Thanh	Huệ	06/11/1985	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoàng Mai	Anh			
4573	4	Nguyễn Thanh	Huyền	24/12/1988	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoàng Mai	Anh			
4574	5	Kiều Thị Quỳnh	Nga	04/12/1998	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoàng Mai	Anh			
4575	6	Nguyễn Thị	Thắm	30/03/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoàng Mai	Anh	**CBB**		
		TTYT LONG BIÊN															
4576	1	Nguyễn Hương	Giang	11/06/1993	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Long Biên	Anh			
4577	2	Nguyễn Xuân	Thắng	30/10/1978	Nam	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	TC	TC	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Long Biên	Anh			
		TTYT GIA LÂM															
4578	1	Lương Thị Quế	Hoa	27/10/1973	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Gia Lâm	Anh			
4579	2	Nguyễn Thị	Hương	25/04/1978	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Gia Lâm	Anh			
4580	3	Dương Thị	Thuật	26/01/1986	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	TC	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Gia Lâm	Anh			
		TTYT ĐÔNG ANH															
4581	1	Nguyễn Ngọc	Anh	07/06/1987	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	CĐ	TC	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4582	2	Nguyễn Trung	Dũng	17/04/1986	Nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			
4583	3	Lê Thị	Hiệp	10/07/1992	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			
4584	4	Đỗ Thị Mai	Hương	02/11/1992	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			
4585	5	Lê Thị	Lan	22/12/1985	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			
4586	6	Lê Thị	Ninh	21/08/1995	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			
4587	7	Nguyễn Đức	Quí	16/10/1989	Nam	Nam hồng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			
4588	8	Nguyễn Văn	Tân	18/12/1984	Nam	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			
4589	9	Lại Quang	Thắng	02/08/1994	Nam	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			
4590	10	Vũ Thị Phương	Thảo	22/09/1995	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			
4591	11	Nguyễn Thị Bích	Thảo	08/03/1983	Nữ	Thị Trấn Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			
4592	12	Dương Kim	Tiến	04/09/1993	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đông Anh	Anh			
		TTYT BẮC TỪ LIÊM															
4593	1	Phạm Thị	Hiền	29/06/1985	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
4594	2	Nguyễn Thị	Phượng	03/12/1980	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TC	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh	**CTB**		
4595	3	Nguyễn Phương	Thảo	30/03/1991	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
		TTYT NAM TỪ LIÊM															
4596	1	Hoàng Châm	Anh	20/10/1990	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4597	2	Bùi Minh	Dương	20/09/1993	Nam	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
4598	3	Vũ Thị	Mai	08/07/1998	Nữ	Kim Sơn, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
		TTYT THANH TRÌ															
4599	1	Nguyễn Thị	Loan	15/01/1994	Nữ	Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	LT VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thanh Trì	Anh			
4600	2	Đỗ Đình	Long	15/11/1995	Nam	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thanh Trì	Anh			
4601	3	Nguyễn Huyền	Trang	01/09/1994	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thanh Trì	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
4602	1	Lê Thị	Bích	10/04/1990	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	TC	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4603	2	Nguyễn Thị	Dưỡng	19/10/1988	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4604	3	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	15/02/1990	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4605	4	Lê Thu	Hằng	14/01/1993	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4606	5	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	01/06/1979	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4607	6	Nguyễn Thị	Hiền	30/01/1985	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	LT VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4608	7	Trần Thị	Hương	15/12/1991	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4609	8	Nguyễn Thị	Hường	20/04/1981	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4610	9	Nguyễn Thị	Lan	10/08/1996	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4611	10	Lê Thị Diệu	Linh	24/04/1997	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4612	11	Chu Thị	Loan	08/03/1995	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4613	12	Nguyễn Thị Trà	My	28/12/1990	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4614	13	Nguyễn Thị	Nguyệt	29/01/1995	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4615	14	Nguyễn Thị	Phương	24/04/1988	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh	**CBB**		
4616	15	Trần Thị	Phương	10/02/1998	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4617	16	Nguyễn Thị Mai	Trang	10/09/1991	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4618	17	Hồ Thị Hồng	Trinh	08/06/1998	Nữ	Xuân Phú, Eakar, ĐăkLăk	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4619	18	Trần Thị	Tuyết	26/10/1990	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT BA VÌ															
4620	1	Lê Thành	Chung	29/11/1977	Nam	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			
4621	2	Khất Minh	Hải	27/05/1989	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			
4622	3	Nguyễn Thị	Hoa	09/08/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			
4623	4	Hoàng Thị Thanh	Huệ	13/11/1983	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			
4624	5	Nguyễn Hoàng	Hưng	23/10/1994	Nam	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			
4625	6	Lý Thị Thanh	Huyền	11/08/1993	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh	**DTTS**		
4626	7	Phạm Phong	Lan	02/06/1988	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4627	8	Nguyễn Thị	Mai	24/04/1991	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			
4628	9	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	18/01/1990	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh	**CTB**		
4629	10	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	24/02/1991	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			
4630	11	Nguyễn Thị Thu	Phương	11/10/1994	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			
4631	12	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	19/02/1997	Nữ	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			
4632	13	Lê Thị	Sen	22/10/1995	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			
4633	14	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	14/04/1989	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh	**CBB**		
4634	15	Mai Thị	Thùy	18/03/1988	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT PHÚC THỌ															
4635	1	Hoàng Thị	Dung	30/08/1994	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phúc Thọ	Anh			
4636	2	Đặng Thị	Liên	29/05/1992	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phúc Thọ	Anh			
4637	3	Nguyễn Thị	Thúy	11/03/1992	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phúc Thọ	Anh			
		TTYT THẠCH THẤT															
4638	1	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	02/11/1990	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	Anh			
4639	2	Trần Thị	Hằng	15/02/1984	Nữ	Tân Xã, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	Anh			
4640	3	Đỗ Thị	Hồng	11/03/1988	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	Anh			
4641	4	Lê Thị	Mến	14/01/1989	Nữ	Tân Xã, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	TC	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4642	5	Nguyễn Thị	Nga	29/12/1991	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	TC	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	Anh			
4643	6	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	31/12/1998	Nữ	Yên Trung, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	Anh	**DTTS**		
4644	7	Phi Thị	Phương	01/12/1995	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	Anh			
4645	8	Nguyễn Thị Hà	Trang	03/03/1996	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	Anh			
4646	9	Nguyễn Thị	Tuyết	09/02/1992	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thạch Thất	Anh	**DTTS**		
		TTYT QUỐC OAI															
4647	1	Nguyễn Thị Hồng	Anh	09/11/1988	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4648	2	Hoàng Thị Quế	Anh	29/09/1989	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4649	3	Dương Thị	Ánh	16/09/1990	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4650	4	Ngô Thị Kim	Dung	04/12/1992	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4651	5	Nguyễn Thị	Hà	16/02/1992	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4652	6	Bùi Thị Thu	Hà	28/12/1994	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4653	7	Lê Thị	Hiền	28/12/1993	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4654	8	Nguyễn Thị	Hiền	26/12/1990	Nữ	Đại Thành, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4655	9	Trần Thị	Hòa	19/10/1980	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TC	TT	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh	**CĐCĐ**		
4656	10	Nguyễn Thị	Hồng	24/09/1990	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4657	11	Nguyễn Văn	Hùng	17/09/1988	Nam	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4658	12	Lương Thị Mỹ	Hương	18/11/1987	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	LTCQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4659	13	Hoàng Thị	Hương	01/03/1998	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4660	14	Dương Thị	Khánh	22/08/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4661	15	Lê Thị	Loan	15/06/1994	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4662	16	Trương Thị	Long	31/12/1990	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4663	17	Phùng Thị	Luân	28/05/1989	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4664	18	Vũ Thị	Nga	14/11/1993	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4665	19	Nguyễn Thị	Ngọc	01/08/1996	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4666	20	Nguyễn Thị	Nhung	16/12/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4667	21	Nguyễn Thị	Núi	20/06/1984	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4668	22	Đỗ Thị	Phương	22/02/1989	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4669	23	Lê Thị	Quỳnh	30/11/1991	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4670	24	Nguyễn Hữu	Quỳnh	18/01/1989	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4671	25	Nguyễn Thị	Thắm	27/08/1995	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4672	26	Kiều Thị	Thao	25/01/1989	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4673	27	Nguyễn Thị	Thảo	13/12/1994	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4674	28	Dương Thị	Trầm	28/06/1995	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4675	29	Vũ Thị	Trang	17/09/1987	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
4676	30	Đặng Thị	Yến	14/07/1992	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Quốc Oai	Anh			
		TTYT ĐAN PHƯỢNG															
4677	1	Nguyễn Thị Minh	Tâm	04/03/1996	Nữ	Trung Châu , Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Đan Phượng	Anh			
		TTYT HOÀI ĐỨC															
4678	1	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/01/1989	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	Anh			
4679	2	Nguyễn Viết Thị Thu	Dung	09/04/1982	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	Anh	**CTB**		
4680	3	Nguyễn Thị	Duyên	26/11/1976	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LT	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	Anh			
4681	4	Nguyễn Thị	Đoan	26/10/1996	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	Anh			
4682	5	Nguyễn Thị	Hằng	01/11/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	Anh			
4683	6	Trí Thị	Hiền	25/02/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	Anh			
4684	7	Nguyễn Thị Khánh	Ly	27/09/1985	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	LT VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	Anh			
4685	8	Nguyễn Thị	Tâm	26/09/1986	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	Anh	**CBB**		
4686	9	Nguyễn Thanh	Tú	16/05/1998	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hoài Đức	Anh			
		TTYT CHƯƠNG MỸ															

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4687	1	Nguyễn Thị	Cúc	11/12/1991	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4688	2	Đặng Thị	Hà	27/01/1990	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4689	3	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/08/1996	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4690	4	Đỗ Thị	Hay	26/09/1984	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4691	5	Nguyễn Thị	Hiền	13/12/1991	Nữ	Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4692	6	Đỗ Thị Nên	Hương	27/02/1991	Nữ	Trần Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4693	7	Đặng Thị	Huyền	24/08/1994	Nữ	Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4694	8	Cao Thị	Loan	13/01/1988	Nữ	Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4695	9	Đặng Quỳnh	Mai	10/03/1995	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	LT	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4696	10	Phạm Thị	Miền	12/09/1985	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4697	11	Bạch Thị	Nhài	28/09/1991	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4698	12	Lê Thị	Thanh	06/02/1995	Nữ	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4699	13	Nguyễn Thị	Thanh	21/10/1990	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4700	14	Nguyễn Phương	Thảo	15/07/1993	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh	**DTTS**		
4701	15	Dương Thị	Thu	12/09/1995	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4702	16	Lê Thị	Thu	01/12/1995	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4703	17	Mai Thị	Thúy	28/08/1990	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4704	18	Nguyễn Thị	Thúy	29/12/1991	Nữ	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4705	19	Đỗ Phương	Thúy	04/11/1995	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4706	20	Nguyễn Thị	Tiếp	28/05/1992	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4707	21	Nguyễn Thị	Tình	04/04/1990	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
4708	22	Nguyễn Văn	Trường	31/03/1986	Nam	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Chương Mỹ	Anh			
		TTYT THANH OAI															
4709	1	Nông Thị	Bích	16/10/1994	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thanh Oai	Anh			
4710	2	Nguyễn Tiến	Hải	27/07/1989	Nam	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thanh Oai	Anh			
4711	3	Lê Thị	Hạnh	10/06/1985	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thanh Oai	Anh			
4712	4	Nguyễn Hương	Ly	18/01/1995	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thanh Oai	Anh			
4713	5	Vũ Thị	Thúy	07/08/1996	Nữ	Xuân Dương, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thanh Oai	Anh			
4714	6	Phạm Thị Thu	Trang	17/01/1993	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thanh Oai	Anh			
		TTYT MỸ ĐỨC															
4715	1	Phùng Thị Minh	Anh	06/08/1998	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4716	2	Nguyễn Thị	Bảo	12/10/1985	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4717	3	Trần Thị	Bích	04/07/1987	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4718	4	Nguyễn Thị	Đào	21/10/1990	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4719	5	Trịnh Thu	Hiền	04/07/1979	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4720	6	Hoàng Thị	Huệ	13/09/1987	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4721	7	Nguyễn Thị	Hướng	20/08/1981	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4722	8	Nguyễn Thị	Huyên	16/01/1994	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4723	9	Lê Mỹ	Huyền	25/03/1987	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4724	10	Dương Thùy	Linh	18/06/1993	Nữ	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4725	11	Lê Thị Nhật	Linh	17/03/1994	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4726	12	Mai Thị	Luyến	15/05/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4727	13	Bùi Thị	Mai	04/03/1989	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4728	14	Trần Thị	Mái	27/04/1989	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh	**CTB**		
4729	15	Nguyễn Thị	Nga	05/03/1990	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4730	16	Bùi Thị	Ngân	05/06/1983	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4731	17	Trần Thị Châu	Nhi	23/02/1997	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh	**ĐTTS**		
4732	18	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/10/1984	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4733	19	Lương Văn	Tài	19/06/1991	Nam	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4734	20	Nguyễn Thị	Tâm	03/05/1990	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4735	21	Lê Thị	Thủy	08/02/1988	Nữ	Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4736	22	Đinh Thị	Tuyết	21/04/1996	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4737	23	Chu Thị	Vân	12/12/1991	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
4738	24	Bùi Thị Hải	Yến	15/07/1991	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mỹ Đức	Anh			
		TTYT THƯỜNG TÍN															
4739	1	Mai Văn	Đúng	01/01/1988	Nam	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	Anh			
4740	2	Đỗ Thị Thu	Hà	19/05/1985	Nữ	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	Anh			
4741	3	Ngô Thị	Huyền	13/05/1994	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	Anh			
4742	4	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch	11/09/1996	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Thường Tín	Anh			
		TTYT PHÚ XUYÊN															
4743	1	Nguyễn Thị	Châm	20/03/1985	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4744	2	Đào Thị Hồng	Hạnh	14/04/1994	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4745	3	Trần Thị	Hằng	03/02/1993	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh	**CTB**		
4746	4	Đào Thị	Hằng	01/08/1989	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4747	5	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	07/12/1984	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4748	6	Nguyễn Phương	Linh	17/09/1994	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4749	7	Lê Thu	Nga	05/12/1992	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	TC	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4750	8	Nguyễn Thị Hồng	Nhật	15/12/1989	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4751	9	Nguyễn Thị	Nhung	22/03/1990	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4752	10	Nguyễn Thị	Phương	09/01/1989	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4753	11	Đinh Thanh	Phương	24/08/1996	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4754	12	Đào Thị	Thương	17/04/1995	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4755	13	Đoàn Thị Thu	Trang	19/04/1995	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4756	14	Đinh Thị Kiều	Trang	15/06/1990	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4757	15	Đặng Thị Tường	Vi	08/08/1984	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Phú Xuyên	Anh			
		TTYT SƠN TÂY															
4758	1	Phùng Thị Thu	Huyền	11/02/1977	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
4759	2	Phan Thị Thu	Minh	26/03/1989	Nữ	Phúc Hoà, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
		TTYT ỨNG HÒA															
4760	1	Đào Thị	Cử	10/9/1992	Nữ	Hòa Xá,Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4761	2	Nguyễn Thị	Hậu	21/7/1987	Nữ	Kim Đường,Ứng Hòa, Hà Nội	TC	VLVH	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4762	3	Bùi Mạnh	Hùng	28/11/1994	Nam	Trầm Lộng,Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4763	4	Đỗ Thị Thu	Huyền	24/4/1990	Nữ	Vạn Thái,Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	Anh			

11. Chức danh nghề nghiệp: DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4764	5	Lưu Thanh	Lam	26/4/1994	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4765	6	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/6/1987	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4766	7	Nguyễn Thị	Ngọc	01/9/1998	Nữ	Liên Bạt,Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4767	8	Phạm Thị	Nhung	11/11/1992	Nữ	Viên An,Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4768	9	Hoàng Thị Thu	Trang	01/02/1998	Nữ	Hồng Quang,Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4769	10	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/10/1989	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Ứng Hòa	Anh			
		TTYT HÀ ĐÔNG															
4770	1	Lê Minh	Hiếu	16/08/1992	Nam	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hà Đông	Anh			
4771	2	Phạm Thị	Quế	14/06/1987	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	VHVL	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Hà Đông	Anh			
		TTYT MÊ LINH															
4772	1	Nguyễn Thị	Dung	16/11/1996	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	Anh			
4773	2	Đỗ Viết	Hải	03/05/1994	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	Anh			
4774	3	Vũ Nhật Hồng	Hoa	06/11/1994	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	Anh			
4775	4	Đỗ Thị	Hòa	02/05/1992	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	Anh			
4776	5	Trương Thị	Hồng	07/03/1986	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	Anh			
4777	6	Lê Ánh	Ngọc	08/11/1992	Nữ	Trưng Trắc, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	CĐ	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	Anh			
4778	7	Đỗ Thị	Vân	30/07/1997	Nữ	Tiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Dược	**Dược**	Dược hạng IV	V.08.08.23	TTYT Mê Linh	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-SYT, ngày 09/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

12. Chức danh nghề nghiệp: DINH DƯỠNG (HẠNG III) - V.08.09.25

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỔI HÀ NỘI															
4779	1	Lê Thị Ngọc	Anh	02/10/1994	Nữ	Hương Sơn, Mĩ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng (hạng III)	V.08.09.25	BV Phổi Hà Nội	Anh			
4780	2	Nguyễn Thị	Yến	19/11/1995	Nữ	Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định	ĐH	CQ	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng (hạng III)	V.08.09.25	BV Phổi Hà Nội	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 211 /QĐ-SYT, ngày 09/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

13. Chức danh nghề nghiệp: DINH DƯỠNG (HẠNG IV) - V.08.09.26

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK XANH PÔN															
4781	1	Lê Hoài	Thương	13/08/1989	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	CQ	Dinh dưỡng tiết chế	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng (hạng IV)	V.08.09.26	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

14. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG III) - V.08.10.28

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT HOÀN KIẾM															
4782	1	Nghiêm Thu	Huyền	06/09/1974	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	TC	Tài chính (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Tài chính (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
4783	2	Phạm Thị Tố	Nga	16/02/1989	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Bác sỹ Y học cổ truyền (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Bác sỹ Y học cổ truyền (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
4784	3	Đoàn Thị	Xuân	12/02/1985	Nữ	Ô chợ dừa, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	TC	Quản trị kinh doanh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Quản trị kinh doanh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
		TTYT BA ĐÌNH															
4785	1	Nguyễn Thùy	Dương	18/10/1991	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	VHVL	Quản lý nhà nước (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Quản lý nhà nước (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Ba Đình	Anh			
4786	2	Lý Thị Minh	Phương	27/07/1987	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Ba Đình	Anh			
4787	3	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	14/01/1989	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	VHVL	Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Ba Đình	Anh			
		TTYT ĐỐNG ĐA															
4788	1	Đỗ Thúy	Hà	03/01/1982	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Đống Đa	Anh			

14. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG III) - V.08.10.28

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4789	2	Hoàng Thị	Hảo	10/8/1992	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Văn hóa học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Văn hóa học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Đống Đa	Anh			
4790	3	Đinh Thị	Lý	16/6/1981	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Tài chính ngân hàng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Tài chính ngân hàng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Đống Đa	Anh			
4791	4	Đỗ Bích	Ngọc	25/9/1985	Nữ	Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Đống Đa	Anh			
4792	5	Đặng Thị	Phượng	01/12/1984	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Đống Đa			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
		TTYT HAI BÀ TRƯNG															
4793	1	Đoàn Phương	Hà	18/12/1995	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
4794	2	Nguyễn Ánh	Ngọc	02/10/1984	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	TX	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
		TTYT CẦU GIẤY															
4795	1	Trần Thị Hải	Yến	21/02/1980	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	Trung tâm Y tế quận Cầu Giấy		**CTB**	MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
		TTYT NAM TỪ LIÊM															
4796	1	Nguyễn Mạnh	Cường	05/01/1987	Nam	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị doanh nghiệp (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Quản trị doanh nghiệp (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Nam Từ Liêm	Anh	**CTB**		

14. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG III) - V.08.10.28

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4797	2	Trần Thanh	Hằng	01/09/1994	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Tâm lý giáo dục (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Tâm lý giáo dục (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
		TTYT BA VÌ															
4798	1	Lưu Thị Thanh	Huyền	29/11/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Chính trị học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Chính trị học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT MỸ ĐỨC															
4799	1	Nguyễn Thị	Vượng	10/10/1983	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	VLVH	Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Mỹ Đức	Anh			
		TTYT ỨNG HÒA															
4800	1	Đinh Thị	Lộc	04/7/1994	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Kỹ sư hạ tầng và phát triển nông thôn (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Ứng Hòa	Anh			
		TTYT HÀ ĐÔNG															
4801	1	Lê Thị Kim	Huệ	20/05/1985	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Hà Đông	Anh			
4802	2	Đặng Thúy	Ngần	10/08/1989	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	VHVL	Y tế công cộng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y tế công cộng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	TTYT Hà Đông	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

15. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG IV) - V.08.10.29

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT HOÀN KIẾM															
4803	1	Vũ Thị Hương	Chi	17/05/1978	Nữ	Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
4804	2	Phạm Thu	Hương	02/06/1992	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm,Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
4805	3	Đào Thu	Hà	09/04/1982	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TC	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
4806	4	Vũ Nhật	Phương	27/04/1991	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
		TTYT BA ĐÌNH															
4807	1	Vũ Thị	Định	06/10/1982	Nữ	Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TC	CQ	Hộ sinh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Hộ sinh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ba Đình	Anh			
4808	2	Mai Thu	Hà	22/10/1995	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ba Đình	Anh			
4809	3	Nguyễn Lệ	Thương	17/12/1990	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ba Đình	Anh			
		TTYT ĐỐNG ĐA															
4810	1	Nguyễn Thị Huyền	My	02/02/1995	Nữ	Nhân Chính,Thanh Xuân, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Đống Đa	Anh			

15. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG IV) - V.08.10.29

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT HAI BÀ TRƯNG															
4811	1	Vũ Thị Thanh	Huyền	30/07/1990	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dân số, y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
4812	2	Nguyễn Thanh	Vân	16/01/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dân số, y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
		TTYT HOÀNG MAI															
4813	1	Lê Thị Thu	Hường	29/06/1979	Nữ	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hoàng Mai	Anh			
4814	2	Nguyễn Thị	Phấn	20/10/1972	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hoàng Mai	Anh			
4815	3	Phạm Thị Ánh	Nhung	29/06/1990	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hoàng Mai	Anh			
		TTYT LONG BIÊN															
4816	1	Nguyễn Ngọc	Mai	03/02/1993	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Xã hội học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y tế - Dân số (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Long Biên	Anh			
		TTYT GIA LÂM															
4817	1	Đặng Thị Phương	Ngân	14/12/1989	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Sư phạm mầm non (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Sư phạm mầm non (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Gia Lâm	Anh			

15. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG IV) - V.08.10.29

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4818	2	Nguyễn Thu	Hồng	27/10/1992	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Giáo dục tiểu học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Giáo dục tiểu học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Gia Lâm	Anh			
4819	3	Phạm Thị Thùy	Linh	29/08/1996	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Gia Lâm	Anh			
4820	4	Phùng Thị	Huyên	17/02/1982	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	TC	Trồng trọt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệ vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Trồng trọt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Gia Lâm	Anh	**CBB**		
4821	5	Nguyễn Thị	Phương	24/10/1988	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Gia Lâm	Anh			
4822	6	Nguyễn Thanh	Nga	21/04/1995	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản lý kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Quản lý kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Gia Lâm	Anh	**CTB**		
		TTYT ĐÔNG ANH															
4823	1	Quách Thị	Ánh	06/08/1989	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Đông Anh	Anh			
4824	2	Bùi Thanh	Hằng	28/10/1981	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	TX	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Đông Anh	Anh			
4825	3	Đặng Thị Thùy	Linh	24/03/1995	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Đông Anh	Anh			

15. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG IV) - V.08.10.29

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4826	4	Phạm Thị	Nga	20/02/1970	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	TX	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Đông Anh	Anh			
4827	5	Nguyễn Thị	Hạnh	21/05/1970	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Tin học văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Tin học văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Đông Anh	Anh			
4828	6	Giang Thị Phương	Hoa	03/10/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Đông Anh	Anh			
4829	7	Đỗ Thị Thu	Hương	09/12/1991	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Đông Anh	Anh			
4830	8	Nguyễn Thị	Khuyên	24/08/1991	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Đông Anh	Anh			
4831	9	Đinh Thị	Ngà	04/02/1986	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Đông Anh	Anh			
		TTYT BẮC TỪ LIÊM															
4832	1	Phan Kiều	Anh	10/10/1974	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
4833	2	Hoàng Thu	Hà	23/05/1997	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			

15. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG IV) - V.08.10.29

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4834	3	Phí Thị	Phương	12/07/1986	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
4835	4	Đỗ Thị Thu	Vân	25/05/1988	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
4836	5	Đoàn Thị Cẩm	Tú	17/02/1991	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
		TTYT NAM TỪ LIÊM															
4837	1	Nguyễn Thị Lan	Anh	26/11/1984	Nữ	Phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
4838	2	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18/04/1978	Nữ	Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
4839	3	Nguyễn Thanh	Phương	01/10/1989	Nữ	Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
4840	4	Nguyễn Tài	Trí	11/10/1978	Nam	Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Nam Từ Liêm	Anh	CBB		
4841	5	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	15/11/1993	Nữ	Xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			

15. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG IV) - V.08.10.29

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4842	6	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	06/10/1993	Nữ	Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
4843	7	Đỗ Thị Thanh	Thủy	26/08/1993	Nữ	Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	VLVH	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
4844	8	Nguyễn Thị	Hiên	29/03/1992	Nữ	Xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
4845	9	Nguyễn Thị	Thắm	10/04/1988	Nữ	Xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
4846	1	Đàm Hữu	Chung	06/06/1975	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Khai thác vận tải sắt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Khai thác vận tải sắt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4847	2	Đoàn Thị	Oanh	24/01/1986	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4848	3	Nguyễn Thị	Oanh	30/11/1989	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Sóc Sơn	Anh			
4849	4	Đỗ Thị	Thảo	27/05/1985	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQLT	Công nghệ thông tin (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Sóc Sơn	Anh			

15. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG IV) - V.08.10.29

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4850	5	Dương Thị Thu	Trang	24/03/1976	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT PHÚC THỌ															
4851	1	Đặng Thị Bích	Huệ	26/05/1979	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phúc Thọ	Anh			
4852	2	Hoàng Thị Thanh	Huyền	07/08/1993	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phúc Thọ	Anh			
4853	3	Đỗ Thị Kim	Loan	24/07/1986	Nữ	Phương Độ, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phúc Thọ	Anh			
4854	4	Kiều Thị	Thùy	05/07/1979	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phúc Thọ	Anh			
4855	5	Nguyễn Thị	Thúy	10/10/1993	Nữ	Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phúc Thọ	Anh			
4856	6	Nguyễn Thị	Tuyết	10/06/1990	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phúc Thọ	Anh	**CTB**		
4857	7	Nguyễn Đình	Môn	27/03/1990	Nam	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phúc Thọ	Anh			

15. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG IV) - V.08.10.29

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4858	8	Đinh Thị Thanh	Nhường	29/03/1996	Nữ	Thị Trấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Hành chính văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Hành chính văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phúc Thọ	Anh			
		TTYT THẠCH THẤT															
4859	1	Bùi Lan	Anh	02/12/1997	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Thạch Thất	Anh			
4860	2	Nguyễn Thị	Quyên	11/03/1986	Nữ	Yên Bình, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Thạch Thất	Anh	**DTTS**		
4861	3	Lê Thị	Mến	15/01/1989	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Thạch Thất	Anh			
4862	4	Nguyễn Thị	Nga	15/07/1984	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Thạch Thất	Anh	**CBB**		
		TTYT QUỐC OAI															
4863	1	Nguyễn Thị Xuân	Ngọc	16/02/1997	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ		Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Quốc Oai	Anh			
		TTYT ĐAN PHƯỢNG															
4864	1	Trần Quang	Hoàn	15/02/1991	Nam	Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	VLVH	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYTH Đan Phượng	Anh			
4865	2	Nguyễn Thị	Huế	25/01/1994	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYTH Đan Phượng	Anh			

15. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG IV) - V.08.10.29

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT CHƯƠNG MỸ															
4866	1	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/05/1987	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Chương Mỹ	Anh			
		TTYT THƯỜNG TÍN															
4867	1	Bạch Thị Phương	Thảo	17/05/1993	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Thường Tín	Anh			
		TTYT PHÚ XUYÊN															
4868	1	Bùi Thị Thanh	Hoa	04/06/1993	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4869	2	Nguyễn Thị	Lụa	30/09/1985	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4870	3	Phạm Văn	Việt	13/02/1991	Nam	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4871	4	Phạm Thị Mỹ	Hương	09/08/1991	Nữ	Quang Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phú Xuyên	Anh			
4872	5	Lê Đăng	Sang	05/10/1993	Nam	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Phú Xuyên	Anh			
		TTYT SƠN TÂY															

15. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG IV) - V.08.10.29

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4873	1	Đặng Thị Minh	Tuyết	28/04/1991	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
		TTYT ỨNG HÒA															
4874	1	Nguyễn Trà	Giang	19/5/1993	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	LTVH VL	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ứng Hòa	Anh	**CBB**		
4875	2	Nguyễn Thị	Hoa	18/7/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4876	3	Nguyễn Thị	Hường	10/02/1995	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4877	4	Lê Thị Hải	Yến	07/8/1989	Nữ	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4878	5	Ngô Minh	Hải	21/8/1994	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4879	6	Đặng Thị	Hiên	28/6/1993	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4880	7	Nguyễn Phương	Lâm	04/9/1994	Nam	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ứng Hòa	Anh			

15. Chức danh nghề nghiệp: DÂN SỐ VIÊN (HẠNG IV) - V.08.10.29

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4881	8	Nguyễn Viết Ánh	Nguyệt	29/01/1991	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ứng Hòa	Anh			
4882	9	Nguyễn Thị	Phương	12/01/1987	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Ứng Hòa	Anh			
		TTYT HÀ ĐÔNG															
4883	1	Bùi Thị	Mai	04/11/1989	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Quản trị kinh doanh- Tài chính- Kế toán du lịch (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Quản trị kinh doanh- Tài chính- Kế toán du lịch (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hà Đông	Anh			
4884	2	Lưu Thị Trà	My	30/12/1992	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Dân số (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dân số - Y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hà Đông	Anh			
4885	3	Nguyễn Phú	Nam	09/11/1996	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hà Đông	Anh			
4886	4	Nguyễn Thị	Toàn	09/08/1984	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	TC	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Hà Đông	Anh			
		TTYT MÊ LINH															
4887	1	Lê Thị Hồng	Gấm	05/05/1987	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Mê Linh	Anh			
4888	2	Nguyễn Thị Ly	Giang	25/09/1983	Nữ	Trang Việt, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Pháp luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Mê Linh	Anh			
4889	3	Nguyễn Thị	Thiết	10/01/1993	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TC	CQ	Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	TTYT Mê Linh	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 211/QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

16. Chức danh nghề nghiệp: CÔNG TÁC XÃ HỘI VIÊN (HẠNG III), V.09.04.02

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV MẮT HÀ ĐÔNG															
4890	4	Nguyễn Thị Thùy	Dung	23/07/1993	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BV Mắt Hà Đông	Anh			
		BV DA LIỄU HÀ NỘI															
4891	1	Phạm Khánh	Linh	02/09/1996	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BV Da liễu Hà Nội	Anh			
		BVĐK XANH PÔN															
4892	1	Nguyễn Quốc	Hưng	25/04/1994	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4893	2	Nguyễn Diệu	Linh	24/10/1993	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	Ths	CQ	Công tác xã hội (thạc sĩ công tác xã hội)	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4894	3	Nguyễn Minh	Ngọc	14/11/1996	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4895	4	Nguyễn Thị Kim	Oanh	19/12/1977	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Ngân hàng (chứng chỉ nghiệp vụ Công tác xã hội trong bệnh viện)	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4896	5	Trần Thị	Thành	21/02/1990	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4897	6	Lê Phương	Thúy	16/02/1985	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Ths	CQ	Khoa học xã hội và nhân văn (thạc sĩ công tác xã hội)	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4898	7	Lê Thị Quỳnh	Trang	15/10/1991	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	Ths	CQ	Công tác xã hội (thạc sĩ công tác xã hội)	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Xanh Pôn	Anh	**DTTS**		

16. Chức danh nghề nghiệp: CÔNG TÁC XÃ HỘI VIÊN (HẠNG III), V.09.04.02

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
4899	1	Trần Thị Kim	Anh	10/07/1994	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Hà Đông	Anh			
4900	2	Bùi Thị Thanh	Mai	27/07/1994	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Hà Đông	Anh			
4901	3	Đậu Thị	Tình	04/02/1988	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Hà Đông	Anh			
		BVĐK ĐỨC GIANG															
4902	1	Nguyễn Ngọc	Diệp	05/10/1988	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Tâm lý học xã hội	**Tâm lý xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Đức Giang	Anh			
4903	2	Lê Trần	Anh	08/02/1991	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Quan hệ công chúng	**Quan hệ công chúng**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Đức Giang	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															
4904	1	Nguyễn Thảo	Anh	05/05/1993	Nữ	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
4905	2	Đinh Thuỷ	Quỳnh	05/07/1995	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
		BVĐK BA VÌ															
4906	1	Phương Thị Thanh	An	17/02/1996	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Ba Vì	Anh			
4907	2	Bùi Thu	Hằng	19/09/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Ba Vì	Anh			
4908	3	Phùng Thị Thanh	Huyền	06/03/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Ba Vì	Anh			
4909	4	Phùng Thị	Ngà	13/07/1992	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Ba Vì	Anh			
4910	5	Đặng Thị Kim	Tuyến	03/09/1993	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Ba Vì	Anh			
		BV PHỤC HỒI CHỨC NĂNG															

16. Chức danh nghề nghiệp: CÔNG TÁC XÃ HỘI VIÊN (HẠNG III), V.09.04.02

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
4911	1	Cù Thị Thu	Hà	14/05/1995	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BV Phục hồi chức năng	Anh			
4912	2	Dương Thị Oanh	Thanh	16/07/1987	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BV Phục hồi chức năng	Anh			
4913	3	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19/12/1974	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	TC	Giáo dục chính trị (chứng chỉ công tác xã hội)	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BV Phục hồi chức năng	Anh			
		BV TÂM THẦN HÀ NỘI															
4914	1	Lê Thị	Hà	10/05/1980	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Tâm lý học	**Tâm lý học**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BV Tâm thần HN	Anh			
4915	2	Hoàng Thị Thu	Hiền	26/05/1992	Nữ	Yên Lộc, Kim Sơn, Ninh Bình	Ths		Tâm lý học (thạc sỹ tâm lý học)	**Tâm lý học**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BV Tâm thần HN	Anh			
4916	3	Nguyễn Thị	Khanh	08/11/1992	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Tâm lý học	**Tâm lý học**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BV Tâm thần HN	Anh			
4917	4	Nguyễn Mậu	Thái	23/10/1994	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Tâm lý giáo dục	**Tâm lý giáo dục**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BV Tâm thần HN	Anh			
4918	5	Tô Thị	Thanh	15/07/1985	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	Ths	CQ	SP tâm lý giáo dục (thạc sỹ Tâm lý học)	**Tâm lý giáo dục**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BV Tâm thần HN			MNN	
		BVĐK SƠN TÂY															
4919	1	Nguyễn Thị Thùy	Liên	15/11/1996	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Sơn Tây	Anh			
4920	2	Phùng Thị Lan	Thương	17/12/1994	Nữ	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Sơn Tây	Anh			
4921	3	Lý Thị Phương	Thảo	11/12/1994	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Sơn Tây	Anh	DTTS		
4922	4	Nguyễn Thị	Thúy	12/6/1993	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Sơn Tây	Anh			

16. Chức danh nghề nghiệp: CÔNG TÁC XÃ HỘI VIÊN (HẠNG III), V.09.04.02

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK ĐAN PHƯỢNG															
4923	1	Nguyễn Minh	Châu	17/03/1985	Nam	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4924	2	Đào Thu	Hiền	30/11/1997	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4925	3	Nguyễn Hương	Ly	08/04/1994	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	BVĐK Đan Phượng	Anh			
		TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI															
4926	1	Tống Quang	Mạnh	10/08/1985	Nam	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Công tác xã hội viên (hạng III)	V.09.04.02	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

17. Chức danh nghề nghiệp: NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI (HẠNG IV) - V.09.04.03

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK ĐAN PHƯỢNG															
4927	1	Nguyễn Thị Phương	Châm	08/10/1991	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Nhân viên công tác xã hội (hạng IV)	V.09.04.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4928	2	Nguyễn Thị	Hồng	29/05/1983	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	TC	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Nhân viên công tác xã hội (hạng IV)	V.09.04.03	BVĐK Đan Phượng	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271/QĐ-SYT, ngày 09/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

18. Chức danh nghề nghiệp: KỸ SƯ (HẠNG III), V.05.02.07

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI															
4929	1	Trần Anh	Đức	31/08/1988	Nam	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4930	2	Mai Trọng	Thiên	24/11/1988	Nam	Nga Nhân, Nga Sơn, Thanh Hóa	ĐH	CQ	Điện tử viễn thông	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4931	3	Nguyễn Thị	Vững	20/10/1979	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Điện tử viễn thông	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4932	4	Nguyễn Tiến	Đông	04/10/1987	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4933	5	Nguyễn Quang	Hưng	24/01/1994	Nam	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4934	6	Lê Đào Mai	Trang	13/10/1985	Nữ	Hàm Tử Quan, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	VHVL	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4935	7	Nguyễn Sơn	Lâm	24/04/1979	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kỹ thuật y sinh	**Kỹ thuật y sinh**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
4936	8	Nguyễn Chí	Đức	01/09/1992	Nam	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Điện công nghiệp và dân dụng	**Kỹ sư điện công nghiệp và dân dụng**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
		BV UNG BƯỚU HÀ NỘI															
4937	1	Hoàng Anh	Đức	06/03/1984	Nam	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Ung Bướu HN	Anh			
		BV HỮU NGHỊ VIỆT NAM, CU BA															
4938	1	Đặng Duy	Vũ	21/04/1991	Nam	Ngọc Lâm Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
		BVĐK XANH PÔN															

18. Chức danh nghề nghiệp: KỸ SƯ (HẠNG III), V.05.02.07

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4939	1	Trần Nhật	Tân	25/07/1983	Nam	Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Ths	CQ	Điện (bằng thạc sĩ chuyên ngành sư phạm kỹ thuật)	**Kỹ thuật điện**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4940	2	Lê Hà	Thêm	29/12/1982	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kỹ thuật điện	**Kỹ thuật điện**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4941	3	Đặng Văn	Kiên	15/04/1985	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4942	4	Nguyễn Ngọc	Linh	14/06/1985	Nam	Hàng Mã, Hoàn Kiếm, HN	ĐH	TX	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4943	5	Dương Anh	Nam	23/03/1990	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQLT	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4944	6	Nguyễn Thị	Thủy	03/09/1987	Nữ	Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình	Ths	CQ	Tin học (có bằng thạc sỹ Khoa học máy tính)	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
4945	7	Trần Minh	Việt	16/04/1968	Nam	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	TX	Điện tử viễn thông	**Điện tử viễn thông**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
		BV THANH NHÀN															
4946	1	Phí Kim	Bảo	19/12/1990	Nam	Trần Quốc Toản, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Sư phạm kỹ thuật điện tử	**Sư phạm kỹ thuật điện tử**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Thanh Nhàn	Anh			
4947	2	Nguyễn Đình	Nhất	25/12/1987	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Thanh Nhàn	Anh	**HTNV**		
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
4948	1	Hồng Ngọc	Giang	14/12/1991	Nam	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Tin học ứng dụng	**Tin học ứng dụng**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Bệnh viện ĐK Đống Đa	Anh			
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
4949	1	Lê Thị Tố	Uyên	25/11/1996	Nữ	Nam Thành, TP Ninh Bình, Ninh Bình	ĐH	CQ	Công nghệ sinh học	**Công nghệ sinh học**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Hà Đông	Anh			
4950	2	Hoàng Thanh	Tú	13/09/1986	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ sinh học	**Công nghệ sinh học**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Hà Đông	Anh			

18. Chức danh nghề nghiệp: KỸ SƯ (HẠNG III), V.05.02.07

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4951	3	Nguyễn Minh	Tiến	19/04/1988	Nam	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ sinh học	**Công nghệ sinh học**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Hà Đông	Anh	**CTB, CĐCĐ**		
4952	4	Bùi Đăng	Quân	01/08/1984	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	TX	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Hà Đông	Anh	**CBB**		
4953	5	Bùi Hưng	Nam	15/08/1981	Nam	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	VLVH	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Hà Đông	Anh			
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
4954	1	Lê Thị	Hường	12/02/1995	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Vân Đình	Anh			
4955	2	Lê Thị Đích	Thạo	05/03/1987	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Vân Đình	Anh			
		BVĐK ĐỨC GIANG															
4956	1	Lưu Quang	Trung	25/05/1991	Nam	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Đức Giang	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															
4957	1	Võ Văn	Hùng	29/03/1984	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kỹ thuật y sinh	**Kỹ thuật y sinh**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
		BVĐK ĐÔNG ANH															
4958	1	Bùi Quang	Toàn	01/08/1992	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ thuật y sinh	**Kỹ thuật y sinh**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BVĐK BA VÌ															
4959	1	Lưu	Quang	18/12/1990	Nam	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	LT	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Ba Vì	Anh			
		BV PHỔI HÀ NỘI															
4960	1	Trần Thị	Thêu	15/08/1979	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Phổi Hà Nội	Anh			
4961	2	Đào Đức	Tùng	09/11/1987	Nam	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	VL VH	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Phổi Hà Nội	Anh			
		BV TÂM THẦN HÀ NỘI															

18. Chức danh nghề nghiệp: KỸ SƯ (HẠNG III), V.05.02.07

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
4962	1	Nguyễn Sơn	Lâm	08/05/1986	Nam	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	TX	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Tâm thần HN	Anh			
4963	2	Quách Giang	Nam	07/03/1993	Nam	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	TXQM	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Tâm thần HN	Anh	CTB		
		BV TÂM THẦN MỸ ĐỨC															
4964	1	Khuất Tiến	Quân	27/5/1982	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	TC	Tin học	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVTT Mỹ Đức	Anh			
		BV 09															
4965	1	Đinh Xuân	Hải	20/03/1986	Nam	Thị Trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	TX	Tin học ứng dụng	**Tin học ứng dụng**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Bệnh viện 09	Anh			
		BVĐK THANH TRÌ															
4966	1	Vũ Minh	Châu	29/08/1997	Nữ	Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Thanh Trì	Anh			
4967	2	Phạm Bùi	Hải	19/09/1995	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Thanh Trì	Anh			
		BVĐK SÓC SƠN															
4968	1	Nguyễn Đăng	Khoa	31/12/1987	Nam	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Tin học ứng dụng	**Tin học ứng dụng**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
4969	2	Nguyễn Văn	Công	07/02/1990	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQLT	Điện tử viễn thông	**Điện tử viễn thông**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
		BVĐK SƠN TÂY															
4970	1	Đỗ Tuấn	Long	27/5/1985	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Sơn Tây	Anh			
4971	2	Nguyễn Lan	Hương	03/10/1991	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Sơn Tây	Anh			
4972	3	Hứa Minh	Tùng	22/11/1987	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Sơn Tây	Anh			
		BV THẬN HÀ NỘI															
4973	1	Đỗ Thanh	Hải	23/02/1985	Nam	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV Thận HN	Anh			
		BV YHCT HÀ ĐÔNG															

18. Chức danh nghề nghiệp: KỸ SƯ (HẠNG III), V.05.02.07

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4974	1	Tống Thị	Hương	05/12/1995	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	**Công nghệ thông tin**	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BV YHCT Hà Đông	Anh			
		BVĐK THẠCH THẤT															
4975	1	Trần Thị Thanh	Hồng	25/09/1989	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Khoa học máy tính	**Khoa học máy tính**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK huyện Thạch Thất	Anh			
4976	2	Nguyễn Sơn	Hà	28/02/1986	Nam	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Khoa học máy tính	**Khoa học máy tính**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK huyện Thạch Thất	Anh			
4977	3	Nguyễn Thanh	Tuấn	07/10/1982	Nam	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	TC	Khoa học máy tính	**Khoa học máy tính**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK huyện Thạch Thất	Anh	**CTB**		
4978	4	Phí Văn	Mạnh	30/09/1990	Nam	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kỹ thuật y sinh	**Kỹ thuật y sinh**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK huyện Thạch Thất	Anh			
		BVĐK ĐAN PHƯỢNG															
4979	1	Trần Huy	Long	03/01/1989	Nam	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4980	2	Đỗ Hữu	Minh	04/08/1984	Nam	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	TX	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Đan Phượng	Anh			
4981	3	Nguyễn Thị	Yến	30/05/1994	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Đan Phượng	Anh			
		BVĐK HOÀI ĐỨC															
4982	1	Nguyễn Thị Thu	Hằng	23/07/1988	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐKH Hoài Đức	Anh			
		BVĐK CHƯƠNG MỸ															
4983	1	Đặng	Hữu	25/10/1980	Nam	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	TX	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK huyện Chương Mỹ	Anh			
		BVĐK THƯỜNG TÍN															
4984	1	Nguyễn Việt	Dũng	10/02/1993	Nam	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	**Công nghệ kỹ thuật điện điện tử**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK huyện Thường Tín	Anh			

18. Chức danh nghề nghiệp: KỸ SƯ (HẠNG III), V.05.02.07

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK MÊ LINH															
4985	1	Lỗ Thị Thanh	Xuân	30/03/1989	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK Huyện Mê Linh	Anh			
		BVĐK GIA LÂM															
4986	1	Lê Huy	Cường	02/04/1990	Nam	Phù Thị, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	TXQM	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	BVĐK huyện Gia Lâm	Anh			
		TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI															
4987	1	Nguyễn Đức	Nam	09/10/1989	Nam	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4988	2	Nguyễn Phương	Anh	26/12/1993	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	Ths	CQ	Công nghệ kỹ thuật môi trường (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4989	3	Trần Như	Hiếu	03/10/1994	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thực phẩm	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4990	4	Nguyễn Thị Hồng	Lê	06/08/1982	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	TC	Công nghệ thực phẩm	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4991	5	Trần Thị Trang	Liên	08/10/1993	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thực phẩm	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4992	6	Phạm Thị Thanh	Lịch	02/07/1987	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Ths	CQ	Công nghệ thực phẩm (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4993	7	Nguyễn Thị	Tuyết	05/07/1992	Nữ	Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên	Ths	CQ	Công nghệ thực phẩm (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội			MNN	Có bằng tốt nghiệp sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam

18. Chức danh nghề nghiệp: KỸ SƯ (HẠNG III), V.05.02.07

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4994	8	Đỗ Thị Thạch	Thảo	02/04/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thực phẩm	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4995	9	Phạm Thị	Trang	21/04/1989	Nữ	Vũ Lạc, Thái Bình, Thái Bình	ĐH	CQ	Công nghệ thực phẩm	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4996	10	Nguyễn Trường	Giang	19/07/1980	Nam	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ môi trường	**Khoa học môi trường**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4997	11	Hoàng Thị Trung	Hiếu	16/06/1980	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Ths	CQ	Khoa học môi trường (có bằng thạc sỹ khoa học môi trường)	**Khoa học môi trường**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4998	12	Mai Thị Thu	Huyền	15/03/1987	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	Ths	CQ	Môi trường (có bằng thạc sỹ Khoa học môi trường)	**Khoa học môi trường**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
4999	13	Vũ Quỳnh	Hương	13/11/1993	Nữ	Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	Ths	CQ	Địa lý (thạc sỹ Khoa học môi trường)	**Khoa học môi trường**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh	**CBB**		
5000	14	Nguyễn Tiến	Đạt	15/11/1990	Nam	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	Ths	CQ	Sư phạm sinh học (có bằng thạc sỹ Sinh học)	**Sinh học**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
5001	15	Nguyễn Thị Thu	Hiền	07/05/1990	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ sinh học	**Sinh học**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
		TT KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM HÀ NỘI															
5002	1	Lại Thị	Phượng	08/12/1989	Nữ	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ sinh học	**Công nghệ sinh học**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Anh			

18. Chức danh nghề nghiệp: KỸ SƯ (HẠNG III), V.05.02.07

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TT PHÁP Y HÀ NỘI															
5003	1	Hoàng Thị Thu	Hà	24/04/1995	Nữ	Đức Ninh Đông, Đồng Hới, Quảng Bình	ĐH	CQ	Công nghệ sinh học	**Sinh học**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Trung tâm Pháp y Hà Nội	Anh			
		TTYT HAI BÀ TRƯNG															
5004	1	Đỗ Thị Hồng	Yến	03/01/1991	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ sinh học	**Công nghệ sinh học**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
		TTYT TÂY HỒ															
5005	1	Nguyễn Thị	Loan	02/09/1987	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	**Công nghệ thông tin và công nghệ máy tính**	**Công nghệ thông tin và công nghệ máy tính**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TTYT Tây Hồ			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam
		TTYT LONG BIÊN															
5006	1	Tạ Thị	Thắm	09/01/1986	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thực phẩm	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TTYT Long Biên	Anh	**CLS**		
5007	2	Nguyễn Thị	Thủy	01/06/1991	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thực phẩm	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TTYT Long Biên	Anh			
5008	3	Đào Đình	Quyết	23/03/1984	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	Ths	CQ	Công nghệ sinh học (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TTYT Long Biên	Anh			
		TTYT BẮC TỪ LIÊM															
5009	1	Trần Thị	Hà	02/7/1981	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
		TTYT NAM TỪ LIÊM															
5010	1	Lê Thị Minh	Châu	24/12/1991	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thực phẩm	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			
5011	2	Nguyễn Thùy	Linh	04/03/1995	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thực phẩm	**Công nghệ thực phẩm**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TTYT Nam Từ Liêm	Anh			

18. Chức danh nghề nghiệp: KỸ SƯ (HẠNG III), V.05.02.07

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*		*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TTYT BA VÌ															
5012	1	Nguyễn Ngọc	Anh	15/08/1992	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ sinh học	**Công nghệ sinh học**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TTYT Ba Vì	Anh			
5013	2	Phan Thanh	Phương	10/09/1990	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ sinh học	**Công nghệ sinh học**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT THANH OAI															
5014	1	Mai Trọng	Nghĩa	23/02/1989	Nam	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	TTYT Thanh Oai	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-SYT, ngày 29 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

19. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT VIÊN (HẠNG IV) - V.05.02.08

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	
		BV HỮU NGHỊ VIỆT NAM - CU BA															
5015	1	Lê Cao	Quý	11/09/1982	Nam	Thái Hòa, Triệu Sơn, Thanh Hóa	TC	CQ	Điện công nghiệp	**Điện công nghiệp**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
5016	1	Ngô Thị	Nhung	19/05/1991	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	CĐ	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Đống Đa	Anh			
5017	2	Vũ Mạnh	Cường	28/08/1993	Nam	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế	**Kỹ thuật viên thiết bị điện tử y tế**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Đống Đa	Anh			
5018	3	Trương Đức	Lợi	10/07/1997	Nam	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Điện tử y tế	**Kỹ thuật viên thiết bị điện tử y tế**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Đống Đa	Anh			
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
5019	1	Đỗ Thúy	Lệ	17/02/1996	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Vân Đình	Anh			
		BVĐK ĐỨC GIANG															
5020	1	Nguyễn Xuân	Quý	03/04/1985	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Điện lạnh	**Điện lạnh**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Đức Giang	Anh			
		BVĐK ĐÔNG ANH															
5021	1	Lê Văn	Bình	21/08/1982	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Cơ điện	**Cơ điện**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Đông Anh	Anh			
5022	2	Nguyễn Duy	Quý	13/11/1983	Nam	Phú Thọ	CĐ	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Đông Anh	Anh			
5023	3	Lại Duy	Tiến	24/06/1987	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Sư phạm tin học	**Công nghệ thông tin**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BV PHỤC HỒI CHỨC NĂNG															

19. Chức danh nghề nghiệp: KỸ THUẬT VIÊN (HẠNG IV) - V.05.02.08

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5024	1	Vũ Ngọc	Ánh	29/10/1987	Nam	Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TC	CQ	Điện tử viễn thông	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BV Phục hồi chức năng	Anh			
		BVĐK MỸ ĐỨC															
5025	1	Đỗ Phương	Trường	08/10/1991	Nam	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Kĩ thuật thiết bị điện tử y tế	**Kĩ thuật thiết bị điện tử y tế**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Mỹ Đức	Anh			
		BV TÂM THẦN HÀ NỘI															
5026	1	Bùi Thị Thanh	Giang	21/11/1991	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Bảo quản và chế biến nông sản	**Bảo quản và chế biến nông sản**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02 08	BV Tâm thần HN	Anh	**CTB**		
		BVĐK SÓC SƠN															
5027	1	Chu Thị Minh	Hằng	27/5/1991	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kỹ thuật môi trường	**Kỹ thuật môi trường**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
		BVĐK PHÚ XUYÊN															
5028	1	Nguyễn Văn	Tú	12/12/1989	Nam	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	CĐ	CQ	Lập trình máy tính	**Lập trình máy tính**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
		BVĐK MÊ LINH															
5029	1	Trần Thị Kim	Dung	15/08/1988	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Tin học	**Công nghệ thông tin**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Mê Linh	Anh			
		BVĐK GIA LÂM															
5030	1	Nguyễn Thành	Long	06/08/1988	Nam	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Gia Lâm	Anh			
5031	2	Nguyễn Anh	Tuấn	29/06/1993	Nam	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TC	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	BVĐK Gia Lâm	Anh			
		TTYT HOÀI ĐỨC															
5032	1	Nguyễn Bá	Bình	26/02/1969	Nam	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Công nghệ thông tin	**Công nghệ thông tin**	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	TTYT Hoài Đức	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

20. Chức danh nghề nghiệp: PHÓNG VIÊN (HẠNG III) - V.11.02.06

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI															
5033	1	Ngô Thùy	An	10/08/1993	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	Ths	CQ	Báo chí (có bằng thạc sỹ Báo chí)	**Báo chí**	Phóng viên (hạng III)	V.11.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
5034	2	Đặng Văn	Diện	27/06/1983	Nam	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	VHVL	Báo chí	**Báo chí**	Phóng viên (hạng III)	V.11.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			
5035	3	Tạ Duy	Tuân	13/12/1989	Nam	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VLVH	Báo chí	**Báo chí**	Phóng viên (hạng III)	V.11.02.06	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 241/QĐ-SYT, ngày 09/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

21. Chức danh nghề nghiệp: LƯU TRỮ VIÊN (HẠNG III) - V.01.02

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK XANH PÔN															
5036	1	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/09/1991	Nữ	Trưng Vương, Thành phố Uông Bí, Quảng Ninh	ĐH	CQ	Lưu trữ học và quản trị văn phòng	**Lưu trữ học và quản trị văn phòng**	Lưu trữ viên (hạng III)	V.01.02.02	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 2741/QĐ-SYT, ngày 09/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI															
5037	1	Phạm Thanh	Duyên	04/11/1992	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản lý bệnh viện	**Quản lý bệnh viện**	Chuyên viên	01.003	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5038	2	Đỗ Thanh	Hải	17/09/1995	Nữ	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản lý bệnh viện	**Quản lý bệnh viện**	Chuyên viên	01.003	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5039	3	Nguyễn Phương	Nhung	05/01/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản lý bệnh viện	**Quản lý bệnh viện**	Chuyên viên	01.003	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5040	4	Lê Thanh	Ngân	01/11/1991	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	Ths	CQ	Quản trị nhân lực (thạc sỹ quản trị nhân lực)	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
		BV UNG BƯỚU HÀ NỘI															
5041	1	Bùi Thị Ngọc	Bích	27/06/1992	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Kinh tế đầu tư	**Kinh tế đầu tư**	Chuyên viên	01.003	BV Ung Bướu HN	Anh			
		BV MẮT HÀ ĐÔNG															
5042	1	Lê Thị	Đào	04/03/1984	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Mắt Hà Đông	Anh			
5043	2	Đỗ Nguyễn Thúy	Hằng	02/04/1986	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Mắt Hà Đông	Anh			
5044	3	Ngô Thị Thu	Hương	09/09/1993	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Mắt Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài
5045	4	Đặng Thị Thu	Thủy	18/09/1985	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Mắt Hà Đông	Anh	**CTB**		
5046	5	Bùi Đức	Tín	08/09/1993	Nam	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BV Mắt Hà Đông	Anh			
		BV DA LIỄU HÀ NỘI															
5047	1	Nguyễn Ngọc	Linh	14/08/1996	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Da liễu Hà Nội	Anh			
5048	2	Vũ Thị	Thảo	02/08/1986	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BV Da liễu Hà Nội	Anh			

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5049	3	Trần Văn	Thuận	16/10/1980	Nam	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Đồ họa quảng cáo	**Đồ họa quảng cáo**	Chuyên viên	01.003	BV Da liễu Hà Nội	Anh	**CĐCĐ**		
		BV HỮU NGHỊ VIỆT NAM - CU BA															
5050	1	Nguyễn Thị	Hương	13/08/1992	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Y tế công cộng	**Y tế công cộng**	Chuyên viên	01.003	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
5051	2	Trần Kim	Thanh	09/03/1976	Nữ	Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
5052	3	Nguyễn Thị	Yên	27/09/1988	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
		BVĐK HÒE NHAI															
5053	1	Hà Ngọc	Thành	20/12/1987	Nam	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Ths	CQ	Kế toán (thạc sỹ Kinh tế)	**Kinh tế**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Hòe Nhai	Anh			
		BVĐK XANH PÔN															
5054	1	Trần Thị Mai	An	15/12/1974	Nữ	Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	ĐH	TC	Tài chính	**Tài chính**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5055	2	Nguyễn Thị Minh	Châu	13/11/1991	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	Ths	CQ	Tiếng Pháp (thạc sỹ Quản lý công và doanh nghiệp)	**Quản lý công và doanh nghiệp**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Xanh Pôn			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5056	3	Vương Hoài	Anh	02/10/1991	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Xanh Pôn			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam
5057	3	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	19/07/1972	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Xanh Pôn	Anh	**CTB**		
		BV THANH NHÀN															
5058	1	Dương Hải	Yến	25/05/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5059	2	Ngô Quý	Dương	11/11/1983	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	**Kỹ sư Kinh tế xây dựng**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh	**CTB**		

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5060	3	Hoàng Thị Diệu	Thúy	05/01/1983	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	**Kỹ sư Kinh tế xây dựng**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh	**CTB**		
5061	4	Nguyễn Chí	Hiếu	02/12/1973	Nam	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	TC	Quản lý kinh tế	**Quản lý kinh tế**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5062	5	Vũ Thị	Xuân	14/06/1988	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5063	6	Đặng Thị Hương	Giang	06/05/1979	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5064	7	Trần Thị Thu	Hà	18/11/1985	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5065	8	Vương Thị	Hậu	07/02/1980	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản lý kinh doanh	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5066	9	Trần Thu	Hiền	07/12/1991	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản lý kinh doanh	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5067	10	Nguyễn Thị	Hoa	26/02/1988	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5068	11	Nguyễn Văn	Thanh	28/06/1987	Nam	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5069	12	Phạm Thị	Thương	15/10/1993	Nữ	Hoành Sơn, Giao Thủy, Nam Định	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh	**CTB**		
5070	13	Phạm Minh	Tuấn	30/08/1991	Nam	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5071	14	Nguyễn Đức	Tùng	21/08/1989	Nam	Phù Lãm, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5072	15	Nguyễn Mỹ	Hạnh	16/08/1996	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5073	16	Nguyễn Thu	Trang	16/01/1995	Nữ	Hữu Nghị, Hòa Bình, Hòa Bình	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5074	17	Lê Thị Thúy	Hải	18/03/1972	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	VLVH	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5075	18	Lê Việt	Hưng	28/03/1991	Nam	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5076	19	Đỗ Minh	Phượng	19/02/1993	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5077	20	Nguyễn Thị	Phượng	12/12/1988	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5078	21	Nguyễn Kim	Phượng	13/08/1993	Nữ	Thị trấn Chũ, Lục Ngạn, Bắc Giang	Ths	CQ	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ tài chính ngân hàng)	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5079	22	Nguyễn Thanh	Thiệp	03/02/1993	Nam	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5080	23	Võ Thị Cẩm	Vân	28/02/1991	Nữ	Kim Lũ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn	Anh			
5081	24	Trương Thị Hà	Thu	18/09/1986	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Thông tin thư viện	**Thông tin thư viện**	Chuyên viên	01.003	BV Thanh Nhàn			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
5082	1	Nguyễn Quỳnh	Thu	27/07/1993	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BV ĐK Đống Đa	Anh			
5083	2	Vũ Thị Kim	Anh	20/09/1980	Nữ	hành Công, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BV ĐK Đống Đa	Anh			
5084	3	Nguyễn Đắc Tuấn	Cường	24/04/1994	Nam	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	VHVL	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BV ĐK Đống Đa	Anh			
5085	4	Nguyễn Thị	Duyên	14/04/1994	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BV ĐK Đống Đa	Anh			
5086	5	Bùi Thị Hồng	Hạnh	21/07/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BV ĐK Đống Đa	Anh			
5087	6	La Thị	Lý	27/08/1988	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	VHVL	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BV ĐK Đống Đa	Anh	DTTS		

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5088	7	Phạm Nguyễn Bạch	Mai	11/11/1998	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BV ĐK Đống Đa	Anh			
5089	8	Lê Thị	Nhớ	21/07/1984	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BV ĐK Đống Đa	Anh			
5090	9	Trần Toàn	Trung	08/10/1988	Nam	Phan Thiết, Tuyên Quang, Tuyên Quang	ĐH	CQ	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BV ĐK Đống Đa			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
5091	1	Đào Thị Thu	Hiền	02/09/1982	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	TC	Hành chính học	**Hành chính học**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Hà Đông	Anh			
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
5092	1	Lê Thị	Thảo	04/12/1978	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản lý kinh doanh	**Quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Vân Đình	Anh			
		BVĐK ĐỨC GIANG															
5093	1	Hoàng Thị Thu	Ngân	10/02/1991	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Bảo hiểm	**Bảo hiểm**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Đức Giang	Anh			
5094	2	Đoàn Công	Hoan	02/10/1975	Nam	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Đức Giang	Anh			
5095	3	Đào Mai Anh	Huy	26/05/1981	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	TX	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Đức Giang	Anh	HTNV		
5096	4	Lê Anh	Đức	25/01/1992	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính và kế toán	**Tài chính kế toán**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Đức Giang			MNN	Có bằng tốt nghiệp ĐH tại cơ sở bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam
5097	5	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/07/1991	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Khoa học thư viện	**Khoa học thư viện**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Đức Giang	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															
5098	1	Phạm Chí	Hùng	04/03/1980	Nam	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Quan hệ quốc tế	**Quan hệ quốc tế**	Chuyên viên	01.003	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
5099	2	Trần Khôi	Nguyên	30/06/1989	Nam	Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ Thông tin	**Công nghệ thông tin**	Chuyên viên	01.003	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5100	3	Trần Hồng	Quân	10/03/1995	Nam	Hoàng Tân, Quảng Yên, Quảng Ninh	ĐH	CQ	Quản lý nhà nước	**Hành chính công**	Chuyên viên	01.003	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
5101	4	Đoàn Hải	Yến	25/07/1996	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản lý nhà nước	**Hành chính công**	Chuyên viên	01.003	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
		BVĐK ĐÔNG ANH															
5102	1	Nguyễn Thị	Ánh	29/07/1992	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Đông Anh	Anh			
5103	2	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	01/10/1992	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Đông Anh	Anh			
5104	3	Nguyễn Thị Thu	Phương	16/04/1992	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	Ths	CQ	Hành chính học (thạc sỹ quản lý công)	**Hành chính học**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Đông Anh	Anh			
5105	4	Hoàng Thị Ngọc	Thương	20/10/1991	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Hành chính học	**Hành chính học**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BVĐK QUỐC OAI															
5106	1	Tô Thị Ngọc	Hà	09/12/1993	Nữ	Thị Trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
5107	2	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	31/12/1995	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
5108	3	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/11/1990	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
5109	4	Dương Tiến	Tùng	21/12/1991	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
5110	5	Bùi Thùy	Linh	29/12/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
5111	6	Dương Thị	Thái	28/01/1993	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản Trị Kinh Doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
5112	7	Nguyễn Hoàng	Tú	05/12/1993	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản Trị Kinh Doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK H Quốc Oai	Anh			
5113	8	Nguyễn Thị Quế	Vân	04/05/1987	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản Trị Kinh Doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK H Quốc Oai	Anh			

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được [illegible])	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK BA VÌ															
5114	1	Phùng Thị Quỳnh	Anh	18/03/1996	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Ba Vì	Anh			
5115	2	Nguyễn Bá	Chiến	27/02/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Hành chính học	**Hành chính học**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Ba Vì	Anh			
5116	3	Nguyễn Thị Minh	Hòa	23/07/1985	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Ba Vì	Anh			
5117	4	Nguyễn Thị Hồng	Sen	05/02/1985	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Ba Vì	Anh			
		BV PHỤC HỒI CHỨC NĂNG															
5118	1	Nguyễn Ngọc	Anh	26/12/1993	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
5119	2	Trần Thu	Huyền	26/10/1975	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	MR	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
5120	3	Bùi Thị Thùy	Linh	13/11/1989	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
5121	4	Trần Thị	Nga	27/02/1985	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ môi trường	**Công nghệ môi trường**	Chuyên viên	01.003	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
5122	5	Nguyễn Minh	Phước	08/04/1992	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Công nghệ môi trường	**Công nghệ môi trường**	Chuyên viên	01.003	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Anh			
		BV PHỔI HÀ NỘI															
5123	1	Vũ Thị	Lịch	07/07/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Phổi Hà Nội	Anh			
5124	2	Nguyễn Ngọc	Hoa	27/02/1991	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Ths, ĐH	CQ	Quản lý bệnh viện (thạc sỹ quản lý bệnh viện)	**Quản lý bệnh viện**	Chuyên viên	01.003	BV Phổi Hà Nội	Anh			
		BV TÂM THẦN HÀ NỘI															
5125	1	Nguyễn Văn	Hiếu	19/08/1995	Nam	Phù Thị, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Tâm thần HN	Anh			

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5126	2	Đinh Thị Hằng	Nga	10/09/1989	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	ĐH		Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Tâm thần HN			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài
5127	3	Vũ Nguyễn Nhật	Minh	21/02/1997	Nữ	Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật quốc tế	**Luật quốc tế**	Chuyên viên	01.003	BV Tâm thần HN	Anh			
5128	4	Nguyễn Thị	Nhung	01/12/1991	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BV Tâm thần HN	Anh			
5129	5	Nguyễn Thị Xuân	Phương	09/08/1995	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BV Tâm thần HN	Anh			
		BV TÂM THẦN BAN NGÀY MAI HƯƠNG															
5130	1	Nguyễn Thị Diệu	Hương	15/10/1991	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Anh			
		BV 09															
5131	1	Dương Thị	Lợi	16/06/1983	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BV 09	Anh			
5132	2	Phạm Thị	Thảo	28/02/1988	Nữ	Thanh Xuân Nam,Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BV 09	Anh	**CTB**		
		BV BẮC THĂNG LONG															
5133	1	Hồ Đại Quỳnh	Nga	18/04/1993	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	**Hệ thống thông tin quản lý**	Chuyên viên	01.003	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5134	2	Tạ Viết	Cường	24/06/1985	Nam	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5135	3	Mai Xuân	Tùng	12/09/1996	Nam	Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5136	4	Ngọ Hồng	Ngọc	09/11/1993	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5137	5	Dương Đức	Long	08/08/1988	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BV Bắc Thăng Long	Anh			
		BVĐK SÓC SƠN															

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5138	1	Mai Văn	Cương	30/06/1983	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	Ths	CQ	Kế toán (thạc sỹ Quản trị kinh doanh)	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
5139	2	Nguyễn Thị	Hương	10/10/1991	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Sóc Sơn	Anh	**CBB**		
5140	3	Quách Thị Thùy	Linh	07/11/1993	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
		BVĐK SƠN TÂY															
5141	1	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	26/10/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Sơn Tây	Anh			
5142	2	Đỗ Thị	Hòa	17/9/1994	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Sơn Tây	Anh			
5143	3	Kiều Thị Thanh	Tâm	09/8/1993	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Sơn Tây	Anh			
		BV THẬN HÀ NỘI															
5144	1	Ngô Thị Thanh	Thảo	13/09/1988	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Thương mại và kinh tế quốc tế	**Thương mại và kinh tế quốc tế**	Chuyên viên	01.003	BV Thận HN			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài
5145	2	Lâm Minh	Thư	10/04/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BV Thận HN	Anh			
		BV YHCT HÀ ĐÔNG															
5146	1	Bùi Đức	Trọng	02/01/1990	Nam	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BV YHCT Hà Đông	Anh			
		BVĐK PHÚC THỌ															
5147	1	Nguyễn Thị	Loan	21/10/1992	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	VHVL	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5148	2	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	01/11/1989	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	VHVL	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5149	3	Lê Văn	Viên	20/03/1989	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
		BVĐK THẠCH THẤT															
5150	1	Chẩu Thị Vân	Anh	19/01/1986	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VLVH	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Thạch Thất	Anh			

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5151	2	Chu Thị Thu	Hà	22/05/1980	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Thạch Thất	Anh	CĐCĐ		
5152	3	Từ Đức	Thiện	02/11/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Thạch Thất	Anh			
5153	4	Bùi Thị	Dung	28/12/1990	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Thạch Thất	Anh	CBB		
5154	5	Nguyễn Thị	Thanh	12/04/1986	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VLVH	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Thạch Thất	Anh			
		BVĐK HOÀI ĐỨC															
5155	1	Nguyễn Phan	Dương	21/10/1996	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Hoài Đức	Anh			
		BVĐK CHƯƠNG MỸ															
5156	1	Đinh Thị Quỳnh	Nga	16/01/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
5157	2	Bạch Anh	Thuận	06/04/1993	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
		BVĐK THƯỜNG TÍN															
5158	1	Lương Minh	Ngọc	05/11/1990	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Thường Tín	Anh			
		BVĐK PHÚ XUYÊN															
5159	1	Đào Thị	Nga	24/04/1985	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
		BVĐK GIA LÂM															
5160	1	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	05/12/1991	Nữ	Khu ĐT Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Gia Lâm			MNN	Có bằng tốt nghiệp ĐH tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở VN
5161	2	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/04/1991	Nữ	Đông Dư. Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Gia Lâm	Anh			
5162	3	Nguyễn Thị	Luyến	26/09/1989	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	TX	Luật kinh tế	**Luật kinh tế**	Chuyên viên	01.003	BVĐK Gia Lâm			MNN	Có bằng tốt nghiệp ĐH tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở VN

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		TT CẤP CỨU 115 HÀ NỘI															
5163	1	Nguyễn Hạnh	Hương	10/08/1990	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội	Anh			
		TT KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM HÀ NỘI															
5164	1	Nguyễn Lê Phương	Thảo	13/08/1994	Nữ	Lương Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Anh			
		TTYT HOÀN KIẾM															
5165	1	Vũ Thị Tuyết	Hương	01/11/1994	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
5166	2	Trịnh Thị Thúy	Lan	09/09/1985	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
5167	3	Trịnh Phương	Linh	10/05/1991	Nữ	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TTYT Hoàn Kiếm			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5168	4	Hoàng Thị Như	Quỳnh	18/03/1984	Nữ	Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Đống Đa	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
		TTYT BA ĐÌNH															
5169	1	Ngô Thị Phương	Chi	22/02/1992	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TTYT Ba Đình	Anh			
		TTYT ĐỐNG ĐA															
5170	1	Trần Thi	Kiều	01/10/1990	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Đống Đa	Anh			
5171	2	Nguyễn Thị Khánh	Linh	18/12/1995	Nữ	Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Đống Đa	Anh			
5172	3	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	12/4/1995	Nữ	Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Đống Đa	Anh			
5173	4	Phạm Đức	Tâm	14/7/1987	Nam	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TTYT Đống Đa	Anh			
		TTYT HAI BÀ TRƯNG															
5174	1	Vũ Phương	Anh	19/05/1983	Nữ	Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5175	2	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/09/1989	Nữ	Trụng Phụng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
		TTYT THANH XUÂN															
5176	1	Nguyễn Hà	Hải	30/11/1984	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thanh Xuân	Anh			
5177	2	Nguyễn Thị	Hiền	25/01/1988	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thanh Xuân	Anh			
5178	3	Phạm Tuấn	Thắng	23/11/1992	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kinh tế Quốc tế	**Kinh tế Quốc tế**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thanh Xuân	Anh			
		TTYT CẦU GIẤY															
5179	1	Nguyễn Việt	Hà	04/12/1992	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	VHVL	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	TTYT Cầu Giấy			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam
5180	2	Nguyễn Thị	Hương	12/9/1986	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	TTYT Cầu Giấy			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5181	3	Lưu Thùy	Linh	18/9/1996	Nữ	Chợ Mới, Chợ Mới, Bắc Kạn	ĐH	CQ	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	TTYT Cầu Giấy	Anh	**DTTS**		
		TTYT TÂY HỒ															
5182	1	Trần Thu	Huyền	22/08/1993	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Tây Hồ	Anh			
		TTYT BẮC TỪ LIÊM															
5183	1	Nguyễn Thị	Hạnh	07/07/1989	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
		TTYT THANH TRÌ															
5184	1	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/10/1991	Nữ	Mỹ Đình 2- Nam Từ Liêm-Hà Nội	ĐH	LT	Kế toán	**Kế toán**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thanh Trì	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
5185	1	Tạ Thị Kim	Dung	30/10/1994	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	**Hệ thống thông tin quản lý**	Chuyên viên	01.003	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT BA VÌ															

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5186	1	Lê Văn	Chuyển	02/06/1988	Nam	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kinh tế	**Kinh tế**	Chuyên viên	01.003	TTYT Ba Vì	Anh			
5187	2	Ngô Thị Bích	Hằng	07/11/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kinh tế	**Kinh tế**	Chuyên viên	01.003	TTYT Ba Vì	Anh			
5188	3	Ngô Thừa	Hạo	24/03/1980	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kinh tế	**Kinh tế**	Chuyên viên	01.003	TTYT Ba Vì	Anh			
5189	4	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/1997	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Chuyên viên	01.003	TTYT Ba Vì	Anh			
5190	5	Nguyễn Thị Hoa	Phượng	03/11/1996	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Công tác xã hội	**Công tác xã hội**	Chuyên viên	01.003	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT THẠCH THẤT															
5191	1	Cao Thị	Thúy	31/12/1989	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thạch Thất	Anh			
5192	2	Nguyễn Thị Thu	Trang	28/09/1993	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thạch Thất	Anh			
		TTYT QUỐC OAI															
5193	1	Nguyễn Mai	Anh	27/04/1993	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	Ths		Quản trị nhân lực (thạc sỹ quản trị nhân lực)	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	TTYT Quốc Oai	Anh			
5194	2	Phạm Thị	Loan	11/02/1993	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực	**Quản trị nhân lực**	Chuyên viên	01.003	TTYT Quốc Oai	Anh			
		TTYT HOÀI ĐỨC															
5195	1	Nguyễn Phan Anh	Tú	08/05/1991	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	TTYT Hoài Đức	Anh			
		TTYT CHƯƠNG MỸ															
5196	1	Vũ Thị	Chuyên	09/04/1991	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	TTYT Chương Mỹ	Anh			
5197	2	Phạm Thị Thanh	Hương	04/10/1996	Nữ	Kim Thư, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Luật	**Luật**	Chuyên viên	01.003	TTYT Chương Mỹ	Anh			
		TTYT THANH OAI															

22. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CHUYÊN VIÊN - 01.003

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5198	1	Phạm Thanh	Huyền	28/09/1991	Nữ	Vân Đình, Ứng Hoa, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thanh Oai	Anh			
5199	2	Nguyễn Thu	Hà	03/10/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thanh Oai	Anh			
5200	3	Dư Thị Hồng	Hảo	18/10/1991	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	Ths	CQ	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ tài chính ngân hàng)	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thanh Oai	Anh			
5201	4	Nguyễn Thị Hồng	Linh	19/10/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thanh Oai			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam
5202	5	Nguyễn Thị	Thúy	22/06/1991	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thanh Oai	Anh			
5203	6	Phạm Thu	Trang	19/07/1997	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thanh Oai	Anh			
5204	7	Mai Thu	Trang	22/05/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính ngân hàng tiếng anh	**Tài chính ngân hàng**	Chuyên viên	01.003	TTYT Thanh Oai			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam
		TTYT MỸ ĐỨC															
5205	1	Nguyễn Bảo	Lâm	15/08/1995	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản lý nhà nước	**Quản lý nhà nước**	Chuyên viên	01.003	TTYT Mỹ Đức	Anh			
5206	2	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	08/04/1997	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản lý nhà nước	**Quản lý nhà nước**	Chuyên viên	01.003	TTYT Mỹ Đức	Anh			
5207	3	Nguyễn Thế	Duẩn	22/05/1982	Nam	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh	**Quản trị kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	TTYT Mỹ Đức	Anh			
		TTYT HÀ ĐÔNG															
5208	1	Triệu Hương	Giang	03/08/1981	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Quản lý kinh doanh	**Quản lý kinh doanh**	Chuyên viên	01.003	TTYT Hà Đông	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

23. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: CÁN SỰ - 01.004

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV HỮU NGHỊ VIỆT NAM - CU BA															
5209	1	Phạm Thị Mai	Hoa	20/07/1979	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Cán sự	01.004	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Anh			
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
5210	1	Phạm Thu	Hằng	15/10/1979	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Thống kê	**Thống kê**	Cán sự	01.004	BVĐK Hà Đông			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
5211	1	Nguyễn Thị	Phương	05/11/1993	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Cán sự	01.004	BVĐK Vân Đình	Anh			
5212	2	Nguyễn Thị	Thương	16/04/1988	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Cán sự	01.004	BVĐK Vân Đình	Anh			
		TTYT THANH XUÂN															
5213	1	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	08/11/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Cán sự	01.004	TTYT Thanh Xuân	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
5214	1	Trần Đắc	Thành	02/09/1992	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Báo chí	**Báo chí**	Cán sự	01.004	TTYT Sóc Sơn	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

24. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: VĂN THƯ - 02.007

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK XANH PÔN															
5215	1	Nguyễn Thị Thu	Hương	11/04/1979	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Tiếng Nhật (Trung cấp Văn thư lưu trữ)	**Văn thư lưu trữ**	Văn thư	02.007	BVĐK Xanh Pôn		**CTB**	**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại
		BV BẮC THĂNG LONG															
5216	1	Lại Thị Thu	Cúc	09/08/1991	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Thông tin thư viện (Chứng chỉ nghiệp vụ hành chính văn phòng, Văn thư lưu trữ)	**Văn thư lưu trữ**	Văn thư	02.007	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5217	2	Lê Thu	Hà	02/02/1996	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Lưu trữ học (có bằng tốt nghiệp trung cấp văn thư)	**Văn thư lưu trữ**	Văn thư	02.007	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5218	3	Nguyễn Thị	Loan	07/07/1995	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Lưu trữ học (chứng chỉ văn thư lưu trữ - Hành chính văn phòng)	**Văn thư lưu trữ**	Văn thư	02.007	BV Bắc Thăng Long	Anh	**DTTS**		
5219	4	Lê Thị Thanh	Nga	08/11/1994	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Lưu trữ học (chứng chỉ văn thư lưu trữ - Hành chính văn phòng)	**Văn thư lưu trữ**	Văn thư	02.007	BV Bắc Thăng Long	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-SYT, ngày 09/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

25. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: VĂN THƯ TRUNG CẤP - 02.008

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
5220	1	Doãn Thị Phương	Thảo	27/12/1994	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Lưu trữ học (chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ)	**Văn thư - Lưu trữ**	Văn thư trung cấp	02.008	BVĐK Đống Đa	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-SYT, ngày 19/03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV PHỤ SẢN HÀ NỘI															
5221	1	Dương Thị Phương	Anh	07/01/1992	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5222	2	Nguyễn Ngân	Anh	07/11/1994	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5223	3	Phạm Thị Ngọc	Ánh	10/10/1988	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội		**CTB**	**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5224	4	Nguyễn Thùy	Dương	19/05/1995	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5225	5	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/02/1991	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5226	6	Hồ Vĩnh	Long	28/10/1997	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5227	7	Nguyễn Thị	Minh	18/04/1984	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	LTCQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5228	8	Đào Thị	Mỹ	24/11/1984	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5229	9	Đỗ Thị Bích	Ngọc	22/09/1988	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh	**CTB**		
5230	10	Nguyễn Bích	Ngọc	13/10/1983	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5231	11	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/04/1980	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5232	12	Nguyễn Huyền	Trang	07/10/1989	Nữ	Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
5233	13	Nguyễn Thị	Trinh	20/11/1995	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phụ Sản Hà Nội	Anh			
		BV UNG BƯỚU HÀ NỘI															

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5234	1	Nguyễn Thị Hiền	Anh	15/04/1994	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Ung Bướu HN	Anh			
5235	2	Ngô Thị	Oanh	02/08/1985	Nữ	Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán, phân tích và kiểm toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Ung Bướu HN	Anh			
5236	3	Nguyễn Thị Thu	Phương	26/10/1975	Nữ	Đình Công, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Ung Bướu HN	Anh			
		BV MẮT HÀ NỘI															
5237	1	Nguyễn Phương	Linh	29/09/1989	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Mắt Hà Nội	Anh			
5238	2	Phạm Thị	Vân	13/02/1982	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Mắt Hà Nội	Anh			
		BV MẮT HÀ ĐÔNG															
5239	1	Vương Đặng Khánh	Linh	07/09/1996	Nam	Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Mắt Hà Đông	Anh			
5240	2	Lê Phương	Ly	22/09/1989	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Mắt Hà Đông	Anh			
5241	3	Đỗ Thị Thu	Ngân	24/08/1993	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Mắt Hà Đông	Anh			
5242	4	Lê Tuấn	Ngọc	27/07/1989	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Mắt Hà Đông	Anh			
5243	5	Kiều Thị Minh	Tâm	22/12/1989	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Mắt Hà Đông	Anh			
5244	6	Vũ Thị Thu	Thanh	14/07/1982	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Tài chính kế toán	**Tài chính kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Mắt Hà Đông	Anh			
		BV DA LIỄU HÀ NỘI															
5245	1	Hoàng Đức	Công	15/11/1993	Nam	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Da liễu Hà Nội	Anh			
5246	2	Đặng Thị Phương	Nhiên	15/09/1987	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Da liễu Hà Nội	Anh			
		BVĐK HÒE NHAI															
5247	1	Nguyễn Thị	Lan	15/02/1977	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hòe Nhai	Anh			
		BVĐK XANH PÔN															

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5248	1	Lưu Danh	Bút	08/02/1984	Nam	Mỹ Đình I, Nam Từ Liêm	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5249	2	Trần Thị	Định	18/11/1976	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5250	3	Nguyễn Thị	Hải	05/02/1976	Nữ	Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5251	4	Lê Thị Thu	Hằng	26/08/1978	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CT	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5252	5	Phan Thị Mỹ	Hạnh	27/11/1986	Nữ	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán, phân tích và kiểm toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5253	6	Nguyễn Ánh	Hồng	03/11/1985	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh	**CBB**		
5254	7	Dương Thị Thu	Hương	15/06/1986	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh	**CTB**		
5255	8	Bùi Thị Thanh	Hương	01/10/1983	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	Ths	CQ	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5256	9	Đặng Thị	Hường	10/05/1992	Nữ	Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5257	10	Đỗ Thị Phương	Liên	11/07/1971	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5258	11	Nguyễn Thế Phương	Liên	28/06/1989	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	Ths	CQ	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5259	12	Trần Ngọc	Linh	26/10/1993	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5260	13	Lê Yến	Nga	19/01/1992	Nữ	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5261	14	Hà Thị	Ngân	05/11/1975	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5262	15	Bùi Quang	Nghĩa	18/09/1993	Nam	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt
5263	16	Lê Minh	Nguyệt	09/02/1997	Nữ	Tân Bình, Hải Dương, Hải Dương	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5264	17	Nguyễn Thị	Nhã	15/05/1981	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5265	18	Tạ Thị	Ninh	11/07/1991	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5266	19	Nguyễn Minh	Phương	30/09/1988	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5267	20	Vũ Tuyết	Thanh	25/07/1972	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5268	21	Dương Thị	Thanh	19/09/1991	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5269	22	Phùng Thị Sáu	Thư	28/11/1996	Nữ	Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5270	23	Nguyễn Thị Ba	Thúy	04/10/1990	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5271	24	Nguyễn Thu	Thủy	26/02/1996	Nữ	Phan Đình Phùng, Nam Định, Nam Định	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5272	25	Võ Việt	Trang	10/01/1997	Nữ	Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5273	26	Đỗ Thị	Tuyết	13/02/1988	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
		BV THANH NHÀN															
5274	1	Nguyễn Ngọc	Anh	24/01/1991	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5275	2	Đỗ Thùy	Dương	30/07/1993	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5276	3	Đồng Thị Hương	Giang	03/10/1989	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5277	4	Trần Thị Thu	Hà	08/08/1991	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5278	5	Nguyễn Thị	Hằng	17/01/1990	Nữ	Bích Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5279	6	Phạm Thu	Hiền	16/08/1991	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5280	7	Nguyễn Thị	Hoa	01/05/1977	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5281	8	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	13/07/1971	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5282	9	Đỗ Thị	Huệ	20/06/1979	Nữ	Hà Trì, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5283	10	Ngô Lan	Hương	25/12/1980	Nữ	Bùi Xương Trạch, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5284	11	Phạm Thu	Hương	13/11/1986	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5285	12	Nguyễn Thanh	Huyền	26/08/1995	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5286	13	Phạm Thị Kiều	Khánh	02/09/1978	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5287	14	Phan Hải	Lâm	20/02/1980	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5288	15	Lưu Khánh	Linh	04/10/1994	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5289	16	Lê Diệu	Linh	02/11/1996	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5290	17	Nguyễn Phương	Loan	16/01/1988	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5291	18	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	08/09/1997	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5292	19	Huỳnh Thị Kim	Nga	16/09/1974	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5293	20	Vũ Hải	Ngân	04/09/1976	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán tổng hợp	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5294	21	Lưu Tuấn	Ngọc	17/08/1994	Nam	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5295	22	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	05/11/1985	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5296	23	Hoàng Thị	Nhung	07/12/1990	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5297	24	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	12/12/1989	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5298	25	Đỗ Thị	Quy	10/07/1975	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5299	26	Nguyễn Thanh	Quỳnh	30/11/1989	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5300	27	Nguyễn Thị	Tân	10/11/1981	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5301	28	Cao Thị	Thắm	23/10/1990	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5302	29	Hà Thị Huyền	Thanh	19/06/1983	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5303	30	Nguyễn Mai	Thanh	25/12/1978	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5304	31	Vũ Phương	Thảo	30/12/1990	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5305	32	Phạm Thị	Thu	30/08/1987	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5306	33	Phạm Thị	Thu	04/04/1986	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5307	34	Đoàn Minh	Thủy	06/10/1977	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh	**CTB**		
5308	35	Phạm Thị Bích	Thủy	12/10/1987	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5309	36	Chu Huyền	Trang	27/06/1987	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5310	37	Nguyễn Văn	Trung	18/12/1989	Nam	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5311	38	Bùi Thị Hồng	Vân	12/03/1994	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5312	39	Vũ Thị	Vân	10/11/1989	Nữ	Hoàng Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5313	40	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/09/1980	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
5314	41	Dương Thị	Yến	14/04/1991	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thanh Nhàn	Anh			
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
5315	1	Trần Thị Minh	Hà	08/09/1988	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đống Đa	Anh			
5316	2	Nguyễn Thị	Hồng	18/10/1988	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đống Đa	Anh			
5317	3	Trần Lê	Minh	16/11/1990	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đống Đa	Anh			
5318	4	Đào Bá	Quân	26/01/1987	Nam	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đống Đa	Anh			
5319	5	Trần Thanh	Tú	23/12/1992	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	CQ	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ chuyên ngành Kế toán)	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đống Đa	Anh			
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
5320	1	Trần Thị Lan	Anh	24/08/1985	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5321	2	Nguyễn Thị	Bích	04/01/1991	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5322	3	Đỗ Thị	Cần	12/11/1990	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5323	4	Đức Thị	Chuyên	27/04/1990	Nữ	Hoa Sơn. Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5324	5	Nguyễn Thị	Dư	09/10/1976	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh	CLS		
5325	6	Nguyễn Thị	Dung	08/09/1980	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5326	7	Đỗ Thị Việt	Hà	28/06/1993	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5327	8	Phạm Thị	Hằng	02/12/1988	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5328	9	Hồ Thị	Hoài	04/06/1992	Nữ	Hưng Lĩnh, Hưng Nguyễn, Nghệ An	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5329	10	Trần Thị	Hồng	24/06/1991	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh	CTB		
5330	11	Nguyễn Thị	Hồng	07/01/1991	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5331	12	Nguyễn Thị Thu	Hường	29/10/1996	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5332	13	Đỗ Thị	Tuyền	22/08/1991	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5333	14	Nguyễn Thùy	Linh	23/10/1989	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5334	15	Kiều	Linh	09/10/1983	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5335	16	Nguyễn Mỹ	Linh	23/04/1997	Nữ	Nguyễn Trãi, hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5336	17	Lê Thùy	Linh	22/12/1992	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5337	18	Cấn Thị Thùy	Linh	21/09/1997	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5338	19	Đỗ Hoàng	Minh	25/07/1993	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5339	20	Nguyễn Thị	Minh	22/11/1988	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5340	21	Nguyễn Thị	Mừng	15/04/1985	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5341	22	Trương Thị Lê	Ngân	02/01/1996	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh	CBB		
5342	23	Đào Thị	Nhiên	06/09/1990	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5343	24	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/04/1992	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5344	25	Đinh Thị	Nụ	24/12/1981	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5345	26	Lê Thị	Oanh	20/02/1987	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5346	27	Nguyễn Thị Kim	Oanh	25/10/1988	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ - LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh	CTB-CĐCĐ		
5347	28	Phạm Thị Minh	Tâm	05/10/1990	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5348	29	Nguyễn Đình	Thắng	24/08/1989	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5349	30	Kiều Thị	Thơm	12/02/1992	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5350	31	Nguyễn Thị Kim	Thương	27/01/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5351	32	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	12/07/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5352	33	Nguyễn Như	Trang	03/02/1988	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5353	34	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	05/08/1990	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5354	35	Lê Thị	Trang	15/10/1986	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5355	36	Lê Phương	Tú	08/06/1975	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5356	37	Tống Thị	Vân	09/07/1985	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQLT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hà Đông	Anh	CBB		
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
5357	1	Nguyễn Thị	Bốn	22/02/1984	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh	CBB		
5358	2	Nguyễn Thị Minh	Hằng	02/09/1987	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5359	3	Nguyễn Thị	Hiên	19/10/1990	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5360	4	Đặng Thị	Hiền	05/09/1991	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ-LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5361	5	Lê Thị	Hồng	03/06/1987	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
5362	6	Trần Thị Thu	Hương	08/08/1991	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5363	7	Đặng Thanh	Hương	30/07/1990	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5364	8	Lưu Thanh	Huyền	02/01/1993	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5365	9	Nguyễn Thị	Liên	16/08/1990	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5366	10	Nguyễn Thị	Linh	10/02/1989	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5367	11	Đỗ Thị Hương	Nga	01/08/1991	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5368	12	Phạm Thị	Ngà	29/09/1988	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5369	13	Nguyễn Thị	Nguyệt	18/11/1990	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5370	14	Nguyễn Thị	Nhàn	05/11/1990	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5371	15	Nguyễn Việt	Phương	22/03/1997	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5372	16	Vũ Thị Kim	Thành	10/12/1991	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQLT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5373	17	Nguyễn Thị	Thơm	25/03/1993	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
5374	18	Trịnh Thu	Trang	18/12/1993	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Vân Đình	Anh			
		BVĐK ĐỨC GIANG															
5375	1	Nguyễn Tuấn	Anh	28/03/1990	Nam	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đức Giang	Anh			
5376	2	Phạm Thị Kim	Bảng	07/11/1984	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đức Giang	Anh			
5377	3	Đặng Hồng	Hà	20/10/1988	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đức Giang	Anh			
5378	4	Lê Thị	Hiền	18/12/1979	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đức Giang	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5379	5	Lê Thị	Phượng	09/06/1991	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đức Giang	Anh			
5380	6	Phạm Mến	Thương	12/09/1984	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đức Giang	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															
5381	1	Nguyễn Duyên	Hà	01/01/1982	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
5382	2	Phạm Thu	Hằng	29/12/1984	Nữ	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQLT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
5383	3	Bạch Minh	Hằng	02/08/1991	Nữ	Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
5384	4	Vũ Thị	Lâm	27/10/1989	Nữ	Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
5385	5	Trịnh Trà	My	01/12/1992	Nữ	Thọ Trường, Thọ Xuân, Thanh Hoá	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
		BVĐK ĐÔNG ANH															
5386	1	Đinh Thị Thanh	Mai	14/09/1984	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đông Anh	Anh			
5387	2	Ngô Thị Ánh	Mai	18/11/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đông Anh	Anh			
5388	3	Phạm Thị	Mến	23/09/1985	Nữ	Thái Bình	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đông Anh	Anh			
5389	4	Trần Thị	Thúy	06/06/1985	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đông Anh	Anh			
5390	5	Vương Thanh	Thúy	25/11/1997	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đông Anh	Anh			
5391	6	Ngô Thị Thúy	Vân	26/07/1989	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đông Anh	Anh			
5392	7	Nguyễn Hải	Yến	19/07/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BVĐK QUỐC OAI															

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5393	1	Tạ Thị Ngọc	Hân	17/06/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Quốc Oai	Anh			
5394	2	Nguyễn Thị	Huyền	20/9/1986	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Quốc Oai	Anh			
5395	3	Đỗ Thị	Lan	11/02/1992	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Quốc Oai	Anh			
5396	4	Nguyễn Thị	Nhung	10/03/1993	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Quốc Oai	Anh			
5397	5	Nguyễn Thị Huyền	Oanh	28/11/1982	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Quốc Oai	Anh			
5398	6	Trần Thị	Thu	03/02/1991	Nữ	Phú Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQLT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Quốc Oai	Anh	**DTTS**		
		BV PHỤC HỒI CHỨC NĂNG															
5399	1	Nguyễn Thị Linh	Chi	19/11/1989	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phục hồi chức năng	Anh			
		BV PHỔI HÀ NỘI															
5400	1	Vũ Thị Ngọc	Mai	08/09/1989	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Phổi Hà Nội	Anh			
		BV TÂM THẦN MỸ ĐỨC															
5401	1	Vũ Việt	Anh	22/12/1994	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVTT Mỹ Đức	Anh			
5402	2	Nguyễn Thị	Lụa	21/3/1983	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVTT Mỹ Đức	Anh			
		BV TÂM THẦN BAN NGÀY MAI HƯƠNG															
5403	1	Ngô Thùy	Dung	19/05/1991	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Anh			
		BV 09															
5404	1	Vũ Thị Mai	Anh	25/10/1993	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	Bệnh viện 09	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV BẮC THĂNG LONG															
5405	1	Nguyễn Thị	Hòe	06/05/1986	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5406	2	Nguyễn Thái	Hùng	19/04/1992	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5407	3	Phạm Thị	Lệ	25/09/1993	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5408	4	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10/08/1989	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5409	5	Ngô Thị Thanh	Nhu	19/02/1981	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5410	6	Nguyễn Thị	Yến	17/07/1988	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Bắc Thăng Long	Anh			
5411	7	Nguyễn Thị	Yến	10/02/1993	Nữ	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Bắc Thăng Long	Anh			
		BVĐK THANH TRÌ															
5412	1	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/10/1990	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Trì	Anh			
5413	2	Đỗ Thị Thu	Giang	08/06/1989	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Trì	Anh			
5414	3	Nguyễn Thị	Hà	01/06/1985	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Trì	Anh			
5415	4	Trần Thị	Lan	19/06/1989	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Trì	Anh			
5416	5	Nguyễn Phương	Thảo	12/04/1984	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Trì	Anh			
5417	6	Hoàng Thị Hoài	Thu	21/10/1982	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Trì	Anh			
5418	7	Đinh Thị	Thủy	20/10/1991	Nữ	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQLT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Trì	Anh			
5419	8	Vũ Thị Thanh	Thủy	12/08/1982	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Trì	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK SƠN TÂY															
5420	1	Nguyễn Thị	Bích	30/6/1987	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán tổng hợp	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Sơn Tây			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tiếng Anh Đại học Hà Nội
5421	2	Nguyễn Thị	Chanh	27/3/1988	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Sơn Tây	Anh			
5422	3	Khuất Sơn	Hà	04/11/1992	Nam	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Sơn Tây	Anh			
5423	4	Nguyễn Thị Thúy	Hà	18/3/1973	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Sơn Tây	Anh	DTTS		
5424	5	Ngô Thị Bích	Hiền	16/02/1989	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Sơn Tây	Anh			
5425	6	Khuất Thị	Hương	21/7/1989	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Sơn Tây	Anh			
5426	7	Nguyễn Thị Thu	Huyền	08/10/1990	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Sơn Tây	Anh			
5427	8	Đào Thị Bích	Nguyệt	27/11/1993	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Sơn Tây	Anh			
5428	9	Lê Thị	Thanh	26/9/1991	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Sơn Tây	Anh			
5429	10	Cát Thu	Trang	06/12/1990	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Sơn Tây	Anh			
		BV THẬN HÀ NỘI															
5430	1	Nguyễn Thúy	Hằng	12/05/1983	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thận HN	Anh			
5431	2	Trần Thị Thu	Hương	27/01/1976	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thận HN	Anh			
5432	3	Trịnh Thị	Nga	01/10/1987	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ-LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV Thận HN	Anh			
		BV YHCT HÀ ĐÔNG															

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5433	1	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/7/1992	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV YHCT Hà Đông	Anh			
5434	2	Nguyễn Thị Phương	Dung	22/11/1992	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV YHCT Hà Đông	Anh			
5435	3	Nguyễn Thị	Yến	20/08/1991	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BV YHCT Hà Đông	Anh			
		BVĐK PHÚC THỌ															
5436	1	Nguyễn Thị	Hằng	18/12/1994	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5437	2	Hoàng Thị	Hậu	29/09/1991	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5438	3	Nguyễn Thị	Hường	01/08/1987	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phúc Thọ	Anh	**CTB**		
5439	4	Đoàn Văn	Khoát	26/07/1983	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phúc Thọ	Anh	**CTB**		
5440	5	Nguyễn Thúy	Ngà	05/11/1994	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5441	6	Lê Thị Thanh	Tâm	24/08/1989	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phúc Thọ			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5442	7	Kim Thị	Thanh	05/08/1995	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5443	8	Tô Thị Lệ	Thủy	25/07/1997	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
		BVĐK THẠCH THẤT															
5444	2	Nguyễn Thị	Nhung	19/09/1991	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thạch Thất	Anh			
5445	1	Nguyễn Thị	Thúy	27/08/1989	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thạch Thất	Anh			
		BVĐK ĐAN PHƯỢNG															
5446	1	Bùi Thu	Hà	02/02/1995	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đan Phượng	Anh			
5447	2	Nguyễn Thị Thu	Hiền	17/12/1991	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đan Phượng	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5448	3	Nguyễn Thị Thu	Thủy	08/05/1991	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Đan Phượng			MNN	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
		BVĐK HOÀI ĐỨC															
5449	1	Đỗ Thị Kim	Anh	28/09/1992	Nữ	Liên Hà, Đan Phương, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5450	2	Nguyễn Thị Thùy	Dung	17/12/1989	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5451	3	Nguyễn Thị Thu	Hà	30/05/1993	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5452	4	Doãn Thị	Hạnh	20/03/1991	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5453	5	Dương Thị	Hiền	15/12/1984	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5454	6	Kiều Thị	Hoa	16/01/1990	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5455	7	Nguyễn Thị Thu	Hường	16/10/1976	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5456	8	Phạm Thị	Hương	24/09/1989	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5457	9	Nguyễn Thu	Hương	09/02/1982	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5458	10	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/02/1986	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5459	11	Lý Thị Hương	Lam	22/09/1982	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	Ths	CQ	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh	**CTB**		
5460	12	Nguyễn Thị Hương	Lan	18/11/1982	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	Ths	CQ	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh	**CTB**		
5461	13	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	16/12/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5462	14	Nguyễn Xuân Thùy	Linh	14/10/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5463	15	Vũ Thị Kiều	Loan	06/09/1997	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5464	16	Đỗ Thị Kim	Ngân	01/06/1997	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5465	17	Đặng Thị	Nhâm	22/03/1992	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ,Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5466	18	Lê Thị Quỳnh	Như	04/04/1996	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5467	19	Nguyễn Thị Bích	Phượng	16/02/1981	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5468	20	Nguyễn Thị	Phương	08/11/1991	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5469	21	Đức Thị	Phương	01/05/1990	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5470	22	Sỹ Thị	Thúy	09/02/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5471	23	Nguyễn Thị Trung	Thủy	06/04/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5472	24	Nguyễn Thị	Yến	22/10/1996	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Hoài Đức	Anh			
		BVĐK CHƯƠNG MỸ															
5473	1	Nguyễn Thị	Chinh	04/12/1984	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
5474	2	Nguyễn Thị Minh	Phương	17/04/1990	Nữ	Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
		BVĐK THANH OAI															
5475	1	Nguyễn Ngọc	Mơ	10/09/1993	Nam	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Oai	Anh			
5476	2	Đỗ Thị Hạnh	Hồng	17/08/1987	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	Ths	CQ	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Oai	Anh			
5477	3	Nguyễn Bá	Văn	10/05/1986	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thanh Oai	Anh			
		BVĐK THƯỜNG TÍN															

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5478	1	Nguyễn Hồng	Nhung	07/12/1994	Nữ	Thị Trấn, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Thường Tín	Anh			
		BVĐK PHÚ XUYÊN															
5479	1	Phan Thị	Giang	31/10/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
5480	2	Lê Thị Kim	Liên	20/11/1985	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
5481	3	Phạm Thanh	Thủy	28/11/1985	Nữ	Thị trấn Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
5482	4	Phạm Thị Thu	Uyên	24/01/1983	Nữ	Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	VLVH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
		BVĐK MÊ LINH															
5483	1	Phùng Thị Thùy	Linh	01/06/1988	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Mê Linh	Anh			
5484	2	Nguyễn Thúy	Quỳnh	25/07/1990	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Mê Linh	Anh			
5485	3	Phùng Thanh	Thủy	28/03/1994	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Mê Linh	Anh			
5486	4	Kiều Mạnh	Tùng	19/09/1992	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Mê Linh	Anh			
		BVĐK GIA LÂM															
5487	1	Mai Kiều	Anh	05/08/1996	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Gia Lâm	Anh			
5488	2	Nguyễn Thị Thu	Hòa	29/10/1988	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Gia Lâm	Anh			
5489	3	Nguyễn Thị Khánh	Linh	15/06/1994	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Gia Lâm	Anh			
5490	4	Nguyễn Thị Kim	Thoa	24/06/1988	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Gia Lâm	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5491	5	Nguyễn Thị Anh	Tân	12/02/1980	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Gia Lâm	Anh			
5492	6	Trần Minh	Thủy	02/03/1991	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	BVĐK Gia Lâm	Anh			
		TT KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM HÀ NỘI															
5493	1	Phạm Hồng	Ánh	02/11/1993	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Anh			
5494	2	Trần Thùy	Linh	20/4/1985	Nữ	Thụy Lương, Thái Thụy, Thái Bình	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Anh			
		TTYT HAI BÀ TRƯNG															
5495	1	Nguyễn Kim	Hoa	04/06/1972	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
5496	2	Cao Thị Thu	Phương	12/12/1982	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Hai Bà Trưng	Anh			
		TTYT THANH XUÂN															
5497	1	Lê Thị	Lan	20/04/1979	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Thanh Xuân	Anh			
5498	2	An Thùy	Linh	01/09/1992	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Thanh Xuân	Anh			
5499	3	Lục Anh	Tuấn	05/02/1986	Nam	Uy Lỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Thanh Xuân	Anh			
5500	4	Dương Thị Hà	Trang	05/09/1993	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Thanh Xuân	Anh			
		TTYT TÂY HỒ															
5501	1	Phạm Hồng	Hạnh	24/10/1990	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Tây Hồ	Anh			
		TTYT HOÀNG MAI															
5502	1	Phan Anh	Dũng	06/10/1987	Nam	Cầm Hội, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Hoàng Mai	Anh			
5503	2	Trịnh Kim	Hường	19/05/1988	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Hoàng Mai	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT DV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5504	3	Phùng Thị Phương	Nga	26/11/1988	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Hoàng Mai	Anh			
5505	4	Nguyễn Quỳnh	Nga	01/04/1997	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Hoàng Mai	Anh			
		TTYT LONG BIÊN															
5506	1	Đặng Thị Phương	Anh	18/07/1978	Nữ	Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Long Biên			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5507	2	Phạm Tùng	Long	19/09/1992	Nam	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Long Biên	Anh			
5508	3	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	01/08/1988	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Long Biên	Anh			
		TTYT GIA LÂM															
5509	1	Nguyễn Đức	Kiên	10/10/1983	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Gia Lâm	Anh			
		TTYT ĐÔNG ANH															
5510	1	Nguyễn Thị Hải	Yến	09/09/1990	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh , Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Đông Anh	Anh			
		TTYT THANH TRÌ															
5511	1	Vũ Thị Thúy	Linh	02/01/1989	Nữ	Dương Nội- Hà Đông- Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Thanh Trì	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
5512	1	Nguyễn Thị Mai	Hương	29/08/1987	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Sóc Sơn	Anh			
5513	2	Ngọ Thị	Khải	20/01/1987	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Sóc Sơn	Anh			
5514	3	Trần Ngọc Anh	Thư	11/11/1991	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT BA VÌ															
5515	1	Hoàng Ngọc	Châm	25/06/1991	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ba Vì	Anh	**DTTS**		
5516	2	Phùng Thị	Diệu	21/04/1993	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ba Vì	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5517	3	Nguyễn Thị Thanh	Hợp	22/07/1991	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ba Vì	Anh			
5518	4	Lương Thị	Huyền	05/10/1990	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ba Vì	Anh			
5519	5	Nguyễn Thanh	Loan	23/09/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ba Vì	Anh			
5520	6	Nguyễn Thị Bích	Thảo	23/09/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ba Vì	Anh			
5521	7	Ninh Thị	Thủy	26/10/1990	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ba Vì	Anh			
5522	8	Phùng Thùy	Trang	29/08/1995	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ba Vì	Anh			
		TTYT HOÀI ĐỨC															
5523	1	Hà Thanh	Nga	14/01/1988	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Hoài Đức	Anh			
		TTYT THANH OAI															
5524	1	Đào Thị	Hạnh	13/11/1993	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Thanh Oai	Anh			
5525	2	Lê Thị	Thúy	07/09/1987	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Thanh Oai	Anh			
		TTYT MỸ ĐỨC															
5526	1	Nguyễn Thị Bích	Lợi	03/04/1981	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Mỹ Đức	Anh			
5527	2	Trần Thị	Luyến	07/01/1990	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Mỹ Đức	Anh			
5528	3	Nguyễn Thị Bích	Nụ	22/11/1989	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Mỹ Đức	Anh	**CBB**		
5529	4	Trịnh Thị Phương	Thảo	16/05/1995	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Mỹ Đức	Anh			
		TTYT PHÚ XUYÊN															
5530	1	Vũ Thị Thu	Hoài	10/12/1994	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Phú Xuyên	Anh			
5531	2	Nguyễn Thị Bích	Hồng	15/11/1988	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Phú Xuyên	Anh			

26. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN, 06.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5532	3	Ngô Thị	Liên	18/12/1982	Nữ	TT Phú Xuyên,Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Phú Xuyên	Anh			
5533	4	Phạm Phương	Thoan	19/04/1986	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Phú Xuyên	Anh			
		TTYT SƠN TÂY															
5534	1	Kiều Thị	Hường	15/10/1987	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
5535	2	Phạm Nguyễn	Thành	08/08/1981	Nam	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
		TTYT ỨNG HÒA															
5536	1	Đỗ Thị Vân	Anh	30/10/1992	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ-LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ứng Hòa	Anh			
5537	2	Đỗ Thị Thu	Hiền	04/5/1990	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ứng Hòa	Anh			
5538	3	Cao Thị Khánh	Huyền	27/01/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ứng Hòa	Anh			
5539	4	Nguyễn Thị	Trang	21/7/1986	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ứng Hòa	Anh			
5540	5	Đào Thùy	Trang	03/12/1993	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ứng Hòa	Anh			
5541	5	Nguyễn Thị	Vân	03/9/1986	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên	06.031	TTYT Ứng Hòa	Anh			

Mẫu 2

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

27. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN CAO ĐẲNG, 06A.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
5542	1	Nguyễn Ngọc	Ánh	20/11/1991	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5543	2	Nguyễn Thị	Hiền	05/05/1983	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
5544	3	Nguyễn Mai	Lam	30/05/1990	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Hà Đông	Anh			
		BVĐK ĐỨC GIANG															
5545	1	Nguyễn Dương	Anh	27/05/1993	Nam	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Đức Giang	Anh			
5546	2	Hà Quốc	Hưng	26/12/1992	Nam	Quang Hưng, Phù Cừ, Hưng Yên	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Đức Giang	Anh			
5547	3	Đàm Thị	Nga	04/10/1991	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Đức Giang	Anh			
5548	4	Nguyễn Thị	Phương	24/12/1993	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Đức Giang	Anh			
5549	5	Nguyễn Thị Minh	Trâm	22/10/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Đức Giang	Anh			
		BVĐK ĐÔNG ANH															
5550	1	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	23/08/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Đông Anh	Anh			
5551	2	Lê Thị	Phượng	26/09/1996	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Đông Anh	Anh			
		BVĐK BA VÌ															
5552	1	Phùng Thị Ngọc	Ánh	24/10/1992	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Ba Vì	Anh			

27. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN CAO ĐẲNG, 06A.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
5553	2	Phan Thị Hương	Giang	24/03/1990	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Ba Vì	Anh			
5554	3	Lê Thị	Hạnh	10/03/1991	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Ba Vì	Anh			
5555	4	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	04/07/1982	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Ba Vì	Anh			
5556	5	Trần Thị Xuân	Lành	02/09/1987	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Ba Vì	Anh			
5557	6	Nguyễn Thị Trang	Nhung	26/09/1990	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Ba Vì	Anh			
5558	7	Lê Thị	Phương	21/10/1994	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Ba Vì	Anh			
5559	8	Nguyễn Văn	Thanh	14/06/1991	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Ba Vì	Anh			
5560	9	Nguyễn Thanh	Tú	06/04/1979	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Ba Vì	Anh			
5561	10	Lê Thị Thanh	Yến	27/01/1984	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Ba Vì	Anh			
		BV PHỔI HÀ NỘI															
5562	1	Nguyễn Thị Thu	Hương	19/01/1988	Nữ	Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	CĐ	LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BV Phổi Hà Nội	Anh			
		BVĐK SÓC SƠN															
5563	1	Đặng Xuân	Dung	27/9/1990	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
5564	2	Tạ Thị	Gấm	19/02/1988	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	VL VH	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
5565	3	Lê Thị Mỹ	Hạnh	26/4/1983	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
5566	4	Nguyễn Thị Bích	Lê	18/8/1979	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Sóc Sơn	Anh			

27. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN CAO ĐẲNG, 06A.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5567	5	Trần Thị	Liên	07/11/1986	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	TX	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
5568	6	Nguyễn Thị Thu	Luyến	05/12/1983	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
5569	7	Trần Ánh	Nhi	01/06/1995	Nữ	Thanh Xuân. Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Sóc Sơn	Anh	CBB		
5570	8	Vương Thị	Tuyến	21/8/1993	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Sóc Sơn	Anh			
		BVĐK PHÚC THỌ															
5571	1	Tô Thị	Dịu	22/06/1987	Nữ	Cẩm Đình, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5572	2	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/06/1993	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5573	3	Kiều Thị	Tâm	12/03/1993	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5574	4	Dương Thị	Thơm	14/11/1985	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
		BVĐK MÊ LINH															
5575	1	Tạ Thị Hoa	Mai	12/03/1992	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Mê Linh	Anh			
5576	2	Phùng Thị	Tuyến	27/01/1992	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Mê Linh	Anh			
		BVĐK GIA LÂM															
5577	1	Bùi Thị Thu	Dung	29/08/1989	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Gia Lâm	Anh			
5578	2	Nguyễn Thị Thu	Thủy	09/10/1989	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Gia Lâm	Anh			
5579	3	Âu Hồng	Vân	16/04/1993	Nữ	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	BVĐK Gia Lâm	Anh			
		TTYT BẮC TỪ LIÊM															

27. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN CAO ĐẲNG, 06A.031

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5580	1	Trần Thị	Dung	13/12/1989	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
5581	2	Phan Thị Kim	Dung	21/03/1985	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			
5582	3	Nguyễn Thanh	Huyền	21/07/1989	Nữ	Mỹ đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên cao đẳng	06a.031	TTYT Bắc Từ Liêm	Anh			

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ HÀ NỘI

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-SYT, ngày 09 /03/2020 của Sở Y tế Hà Nội)

28. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP - 06.032

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
		BV MẮT HÀ NỘI															
5583	1	Đặng Thị Thúy	Hà	26/10/1978	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	Bệnh viện Mắt Hà Nội	Anh			
		BVĐK XANH PÔN															
5584	1	Vũ Thị	Cửi	10/04/1977	Nữ	Tư Đình, Long Biên, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5585	2	Nguyễn Thị	Duyên	25/08/1989	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5586	3	Trần Thu	Hiền	28/07/1978	Nữ	Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5587	4	Quách Thị Mai	Nga	29/12/1969	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5588	5	Nguyễn Thanh	Thủy	08/07/1973	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	TC	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5589	6	Nguyễn Huyền	Trang	04/10/1986	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
5590	7	Nguyễn Thị	Vượng	27/07/1989	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	CQLT	Kế toán	**Tài chính Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Xanh Pôn	Anh			
		BV THANH NHÀN															
5591	1	Nguyễn Thị Hiền	Mai	10/06/1970	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TC	TC	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BV Thanh Nhàn	Anh			
5592	2	Nguyễn Minh	Phượng	06/08/1988	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BV Thanh Nhàn	Anh			
5593	3	Đỗ Bích	Thủy	25/07/1988	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BV Thanh Nhàn	Anh			
		BVĐK ĐỐNG ĐA															
5594	1	Đặng Ngọc	Lan	16/03/1986	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Đống Đa	Anh			

28. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP - 06.032

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
5595	2	Phạm Thị Minh	Thu	07/09/1986	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Đống Đa	Anh			
		BVĐK HÀ ĐÔNG															
5596	1	Đoàn Vân	Anh	17/03/1990	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hà Đông	Anh			
5597	2	Đỗ Thị	Hà	18/10/1991	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hà Đông	Anh			
5598	3	Nghiêm Thị Tuyết	Hạnh	11/08/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hà Đông	Anh			
5599	4	Đinh Thị	Hồng	10/03/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hà Đông	Anh			
5600	5	Lê Tuyết	Mai	22/04/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hà Đông	Anh			
5601	6	Nguyễn Văn	Minh	06/01/1981	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hà Đông	Anh			
5602	7	Dương Thị Minh	Tâm	06/09/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	LT	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hà Đông	Anh			
		BVĐK VÂN ĐÌNH															
5603	1	Phùng Thị	Hải	15/09/1989	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Vân Đình	Anh			
5604	2	Nguyễn Thị	Hoa	07/04/1985	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Vân Đình	Anh			
5605	3	Nguyễn Thị Lan	Phương	26/12/1987	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Vân Đình	Anh			
		BVĐK YHCT HÀ NỘI															
5606	1	Ngô Văn	Hải	28/07/1988	Nam	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK YHCT Hà Nội	Anh			
		BVĐK THANH TRÌ															
5607	1	Đỗ Thị Thùy	Dương	12/11/1984	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	VH VL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Thanh Trì	Anh			

28. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP - 06.032

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18	19
5608	2	Đinh Minh	Đức	06/06/1991	Nam	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán tổng hợp	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Thanh Trì	Anh			
5609	3	Nguyễn Quỳnh	Hoa	18/12/1991	Nữ	Chi Thủy, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Thanh Trì	Anh			
5610	4	Vũ Thị Ánh	Nguyệt	24/10/1994	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Thanh Trì	Anh			
		BVĐK SƠN TÂY															
5611	1	Hoàng Thị	Ánh	12/3/1988	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Sơn Tây	Anh			
		BVĐK PHÚC THỌ															
5612	1	Nguyễn Thị Thu	Hằng	17/10/1992	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5613	2	Đào Thị Thu	Hoài	20/03/1982	Nữ	Cẩm Đình, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5614	3	Trần Thị	Hồng	09/06/1980	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Phúc Thọ			**MNN**	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ
5615	4	Vũ Thị	Thảo	04/03/1984	Nữ	Cẩm Đình, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5616	5	Kiều Thị	Thủy	05/01/1990	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
5617	6	Nguyễn Thị	Xuân	03/08/1988	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	VHVL	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Phúc Thọ	Anh			
		BVĐK ĐAN PHƯỢNG															
5618	1	Hoàng Thanh	Hằng	01/12/1995	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Đan Phượng	Anh			
5619	2	Đinh Thị	Quý	15/01/1989	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Đan Phượng	Anh	**CBB**		
		BVĐK HOÀI ĐỨC															
5620	1	Văn Thị Mai	Hoa	28/07/1986	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5621	2	Phan Thanh	Hương	24/12/1988	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hoài Đức	Anh			

28. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP - 06.032

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*16*	*17*	*18*	*19*
5622	3	Phí Thị	Khuyên	20/04/1989	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5623	4	Nguyễn Thị	Ngân	20/09/1992	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hoài Đức	Anh			
5624	5	Trần Thị	Thủy	08/05/1988	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Hoài Đức	Anh			
		BVĐK CHƯƠNG MỸ															
5625	1	Nguyễn Thị	Hà	07/09/1985	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
5626	2	Nguyễn Thị	Nga	10/08/1987	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
5627	3	Tống Thị	Thủy	29/10/1990	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Chương Mỹ	Anh			
		BVĐK PHÚ XUYÊN															
5628	1	Vũ Hà	Bắc	13/03/1984	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
5629	2	Nguyễn Thị	Ngọc	01/03/1986	Nữ	Thị trấn Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	BVĐK Phú Xuyên	Anh			
		TTYT HOÀN KIẾM															
5630	1	Lê Thùy	Dung	06/01/1982	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	TTYT Hoàn Kiếm	Anh			
		TTYT SÓC SƠN															
5631	1	Đỗ Thị Thụy	Anh	02/12/1976	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	TTYT Sóc Sơn	Anh			
5632	2	Nguyễn Thị	Dư	28/12/1992	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	TTYT Sóc Sơn	Anh			
5633	3	Trần Thị	Hằng	23/03/1991	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	TTYT Sóc Sơn	Anh			
5634	4	Ngô Thị Xuân	Thu	12/10/1990	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	TTYT Sóc Sơn	Anh			
5635	5	Tạ Thị	Tuyền	02/09/1988	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	Ths	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	TTYT Sóc Sơn	Anh	**CBB**		

28. Chức danh nghề nghiệp áp dụng ngạch: KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP - 06.032

Số TT	TT ĐV	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (nếu được MNN)	Ghi chú khác
											Tên CDNN	Mã số					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5636	6	Trần Thị	Vân	20/09/1990	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	TTYT Sóc Sơn	Anh			
		TTYT SƠN TÂY															
5637	1	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	18/07/1992	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	CĐ	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			
5638	2	Đoàn Thị Thanh	Tảo	25/09/1982	Nữ	Phúc Hoà, Phúc Thọ, Hà Nội	TC	CQ	Kế toán	**Kế toán**	Kế toán viên trung cấp	06.032	TTYT thị xã Sơn Tây	Anh			